

TRONG SỐ NÀY:

Phụ trương **NGOẠI - NGỮ**

**Anh - Pháp - Hoa**

— trang 254



**PHỔ THÔNG**

**SỐ TÂN NIÊN (97)**

sẽ ra ngày 15-2-1963

- 119876  
101
- \* Con Mèo trong thi ca Đông-phương và Tây-phương (Mình ơi!) . . . . . **DIỆU-HUYỀN**
  - \* Thư Paris . . . . . **NGUYỄN-VĂN-CÓN**
  - \* Năng-lượng Nguyên-tử . . . . . **HOÀNG-XUÂN-HÃN**
  - \* Hấn . . . . . **Cô MINH-ĐỨC (Paris)**
  - \* Bên lò sưởi . . . . . **HỒNG-ANH (Bruxelles)**
  - \* Phụ-nữ Ấn quyết bảo vệ biên thù . . . . . **CHETTUR**
  - \* Lạc lỏng . . . . . **BÙI-CẨM-THÚY**
- và những bài của Bác-Sỹ **NGÔ-QUANG-LÝ** • **NGUYỄN-TRIỆU** • **THU-NHI** • **THIẾU-SƠN** • **TỪ-TRÀM-LỆ** • **TRẦN-TƯỜNG-NIỆM** • **THÁI-BẠCH** • Bác-sĩ **THIỆN-Ý** • và nhiều Thi văn của các bạn trẻ tài hoa.

# PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.867

Ty quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Sài-gon

**NĂM THỨ VI \* số 96 \* 15 - 1 - 63**

1.— Không có lửa nào thiêu hủy được gia tài văn hóa của nhân loại. . . . .	Nguyễn Vỹ	7 — 9
2.— Tết và tôi . . . . .	Nguyễn văn Côn	10 — 20
3.— Năm mèo nói chuyện thỏ . . . . .	Ja-ra Panrang	21 — 30
4.— Thủ chơi ngày Tết của thanh niên ta . . . . .	Tôn Thất Cảnh	31 — 36
5.— Xuân ước mơ (thơ) . . . . .	Mạnh Trang	37
6.— Con mèo trong văn học Đông tây kim cổ . . . . .	Từ Trầm Lệ	38 — 48
7.— Phiếm luận về năm Quý Mão . . . . .	Thái văn Kiềm	49 — 54
8.— Một bức tranh đẹp . . . . .	Bà Tùng Long	55 — 58
9.— Lo xa (thơ) . . . . .	Giao Zduyên	59
10.— Ngày xuân nói chuyện Hòa Bình . . . . .	Thiếu Sơn	60 — 66
11.— Ý nghĩ về xuân (thơ) . . . . .	Liên Phượng	67
12.— Hững người đàn bà liêng danh . . . . .	Diệu Huyền	68 — 77
13.— Đời người sống được bao lâu? . . . . .	Nguyễn Triệu	78 — 81
14.— Xuân, Chán lắm rồi (thơ) . . . . .	Huỳnh Tấn	82
15.— Bầy nhạn trên sông, (thơ) Thư xuân . . . . .	Thái huy Long Hữu Phương Thành Tôn	83

16.— Nhân vật xuân thu : Sở Linh Vương	Thiếu Sơn	84 — 90
17.— Gửi người em tiền tuyến, . . . . .	Phượng Đài	
( Nước mắt (thơ) . . . . .	Phượng Tấn	91
18.— Hương xuân . . . . .	Võ quang Yên	92 — 97
19.— Lạnh đêm xuân (thơ) . . . . .	Trần Tuấn Kiệt	98
20.— Ngay xuân xem ảnh cũ (thơ) . . . . .	Tâm Tinh	99
21.— Vai trò con Mèo trong văn chương truyện tích . . . . .	Nguyễn Văn Hầu	100 — 109
22.— Người và chuột (truyện dịch) . . . . .	John Steinbeck	110 — 117
23.— Đẻ sỏi ấm lòng anh (kịch) . . . . .	G. D. Minh Đức	118 — 127
24.— Dưới giàn hoa tím (thơ) . . . . .	Phượng Duyên	128
25.— Thủy chung (truyện) . . . . .	Huỳnh Khắc Dụng	129 — 135
26.— Những chuyện cổ thật trong lịch sử về thần giao cách cảm . . . . .	Nguyễn Thu Minh	136 — 139
27.— Năng lượng nguyên tử . . . . .	Hoàng Xuân Hãn	140 — 148
28.— Cắt cổ không hẹn giờ (truyện ngắn) . . . . .	Trọng Tấn	149 — 155
29.— Xuân chiến địa (thơ) . . . . .	Thái Bạch	156
30.— Tuấn, chàng trai nước Việt . . . . .	Nguyễn Vỹ	157 — 161
31.— Xuân nhưt cảm hoài (thơ) . . . . .	Bà Song Thu	162
32.— Hòn xuân, Phá sấu, (thơ) Xuân . . . . .	Tương Phó Đông Xuyên	163
33.— Mèo anh dâu ? (truyện ngắn) . . . . .	Trần Việt Quang	164 — 167
34.— Chữ Tử . . . . .	Thân Văn	168 — 169
35.— Hồng mạch của tôi . . . . .	B.s. Trần Tuấn Phát	170 — 174
36.— Bê bàng . . . . .	Hoa Phượng	175 — 177
37.— Ngọc Diện Miêu . . . . .	Vương Hồng Sên	178 — 181
38.— Nhật Bản với hoa Anh đào . . . . .	Nông Bằng Giang	182 — 187
39.— Minh ơi ! . . . . .	Diệu Huyền	188 — 193
40.— Dã thú (thơ) . . . . .	Viên Linh	194
41.— Xuân kỳ vọng (thơ) . . . . .	Thanh Phượng	195
42.— 50 viên thuốc ngủ (truyện ngắn) . . . . .	Nguyễn Vỹ	196 — 200
43.— Lá thư xuân . . . . .	Minh Nguyệt	201 — 202
44.— Qua phút giao thừa . . . . .	Mỹ Khanh	203 — 212
45.— Một giấc mơ hoa . . . . .	Duyên Hồng	213 — 217
46.— Mừng Xuân (thơ) . . . . .	Hỷ Khương	218
47.— Lễ giao TẾT . . . . .	Tân Phong	219 — 223
48.— Hi cô gái « đợt sống mới » . . . . .	Hoàng Thắng	224 — 229
49.— Phê bình sách mới . . . . .	Thâm thế Hà	230 — 236
50.— Phúc trình của ông Táo Phò-Thông . . . . .	Diệu Huyền	237 — 239
51.— Lợi ngược . . . . .	Nguyễn Vỹ	240 — 244
52.— Thơ Hoang Vu . . . . .	Phò-Thông	245 — 248
53.— Chuyện lạ kim cổ . . . . .	Điền Sơn	249 — 250
54.— Thơ lên ruột . . . . .	Tú Be	251
55.— Đáp bạn bốn phương . . . . .	D. H	252 — 253

Khô  
Cổ  
Lửa  
nào



xã  
thiếu  
hủy được  
gia tài  
Văn hóa  
của  
nhân  
loại!

**M**Ù A Xuân năm nay, chúng ta phải suy-nghĩ rất nhiều về số-phận của nhân-loại ở trong tay vài ba người đang làm chúa-tể Địa-cầu. Mấy tháng cuối cùng trong năm vừa qua xuyt nữa thành ra những ngày cuối-cùng của Thế-giới. Lần đầu tiên trong lịch-sử vũ-trụ, đời sống của mấy ngàn triệu dân loại nhoi lút-nhút trên mặt Hành-tinh này đã bị hãm-dọa trực-tiếp, và



Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường  
có thể trong giây phút bị tiêu diệt tan-hoang trong bể lửa... Bất giác, người ta sực nhớ lại ảnh-tượng thiên xử-tội cuối cùng trong Kinh Apocalypse!.

Nhưng ác-mộng kinh-khủng của chiến-tranh nguyên-tử đã gần được chấm dứt đâu. Các sức-mạnh của Hung-thần đã tri-hoãn sự thực-hiện tàn-phá của chúng, chứ đâu đã đâu hàng thực-sự.

Mỗi ngày, mỗi nơi, chúng ta vẫn thấy quyết-liệt sự nỗ-lực chiến-tranh xâm-lấn đất-đai, và duy-trì viễn-ảnh máu lửa trong trí óc của loài người.

Chẳng thấy đâu đâu có hòa-bình thật sự. Chiến-tranh đang nỗ-bùng chỗ này chỗ nọ, đang tiếp-diễn nơi nọ nơi kia, đang ngấm-ngấm chuẩn-bị, tăng-cường khắp mặt địa-cầu. Con người đang chế biến khí-giới thêm mới, đề cho thêm nhiều hiệu-lực tàn-sát con người, đề cho thêm gấp trăm gấp nghìn những xác chết trong một giây, một phút.

Ai cũng nhìn-nhận có nhiều tiến-bộ trong sự phát-huy kỹ-nghệ và văn-hóa, nhưng đồng thời cũng có những tiến-bộ song-song trong các nỗ-lực tìm phương-pháp giết hại con người.

Nhìn toàn-diện trên mặt đất, thấy nếp sống ào-ạt, điên-cuồng của nhân-loại với mục-phiêu thi đua đến tận-cùng tự sát.



**N**HƯNG chúng ta có quyền hy-vọng nơi mùa Xuân bắt-diệt của loài người. Vì, chúng ta biết chắc rằng Lẽ-phải, Đạo-đức và Thiện-chí sẽ tồn-tại. Đó là sức mạnh xây-dựng, được dự-trữ đề thay-thế cho sức mạnh phá-hoại tự nó sẽ bị tiêu-diệt trong sự tiêu-diệt do chính nó gây ra.

Như chúng tôi đã dẫn chứng nhiều lần, Văn-hóa thuần-t túy không bao giờ bị tiêu-diệt được cả. Trí-óc tạo-tác trong hướng-thiện không bao giờ sai lầm. Lịch-sử loài người đã chứng minh rằng chính-trị đồ gậy mỗi lần có biến chuyển, và tình-thế do chính-trị tạo nên cũng sẽ bị đảo-lộn. Nhưng Văn-hóa vẫn giữ nguyên- vẹn vị-trí kiên-cố bất khả xâm-phạm. Song-song với lịch-sử các Vua chúa và các Dân-tộc, Văn-hóa có lúc thịnh, lúc suy, nhưng không bao giờ có biến.

Văn-hóa có thể bị chà đạp, có thể bị dày-xéo, nhưng không bao giờ bị diệt-vong.

Bao nhiêu trận giặc đã làm kinh-thiên động địa. Bao nhiêu những vì chúa tàn-bạo, đã thiết lập những chế-độ sắt và máu. Những hoàng-đế La-mã đã gây ra những cuộc chiến-tranh khiếp đởm cả Âu-châu, Egypte, Cận-động, và tất cả đều đã chiến thắng, vinh-quang, kiêu-hãnh. Rồi tất cả đều sụp-đổ, không còn gì tất cả! Nhưng văn-hóa La-mã vẫn tồn-tại đến nay. Vài ba câu Thơ Énéide vẫn được truyền tụng từ thời-đại này qua thời-đại khác.

Chiến-tranh nguyên-tử có thể xảy ra sau mùa xuân này, hoặc những xuân sau, do tham-vọng loạn-cuồng của một vài kẻ muốn làm chúa-tể cả Địa-cầu.

Một thế-hệ loài người sẽ bị tiêu-diệt. Tất cả những của-cải trên đời đều cũng sẽ tiêu tan trong ngục lửa của hung-thần Nguyên-tử.

Nhưng không có lửa nào thiêu-hủy được gia-tài văn-hóa của nhân-loại. Những bài Ca của Térence, của Virgile, những tiếng cười của Homère, những tiếng khóc của Ossian, sẽ còn văng-vẳng mãi sau, tiếng kèn vĩnh-biệt xác chết cuối cùng trong tử-địa!

N. V.





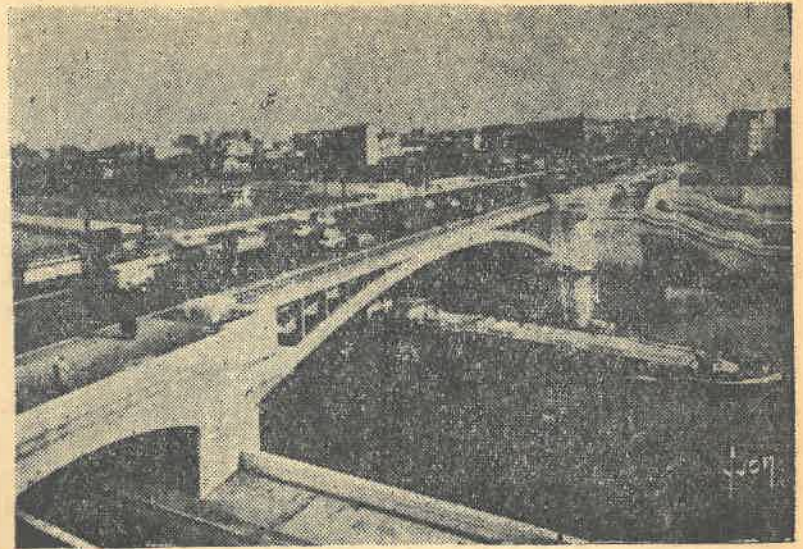
Ồ



Có lẽ trời đất không thay đổi mà chỉ có người ta thay đổi. Hôm nay lòng tôi triển miên tưởng nhớ. «Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình!» Nàng Kiều xa gia-đình mười lăm năm và đã gặp bao nhiêu biến-cổ trong đời mình và trong thiên hạ. Nếu chẳng vì gia biến, thì đâu đến nỗi: «son phần mấy năm lưu-lạc, đem tấm thân cho thiên hạ mua cười» mà chắc

rằng «biên thù một cõi nghìn ngang, ai xui được anh-hùng cõi giáp» (lời dịch của Đoàn Quỳ bài tựa truyện Kiều chữ Hán của Chu-mạnh-Trinh: «Yên hoa thương khách, hà lai mại tiểu chi Kim; thanh giáo ngoại thần, chung trở qui hàng chi giáp»

烟花商客，何來買笑之金  
聲教外臣，終阻歸降之甲



và **TÔI**

↑ Sông Seine và cầu Neuilly

Tôi đi lâu hơn nàng Kiều và đã chứng kiến biết bao nhiêu «đau bề»; nhưng trong đó, sự biến-cổ bất ngờ và đau thương hơn hết là vụ xử sở bị chia đôi. Nếu ta hình-dung-hóa Tờ-Quốc theo quan-niệm duy-vật của nghệ-sĩ Âu phương ta sẽ thấy «Một người mẹ đau khổ» nhìn các con bị chia lìa.

«Từ Nam-quan đến mũi Cà-mau», lòng tôi bị con sông Bến

Hải chặn lại. Tôi sẽ bị ngăn cản nếu tôi muốn trong một thời-gian ngắn ngủi nghe câu hát đời Lim, tiếng hò trên dòng sông Hương, tiếng hát gặt lúa nơi đồng ruộng Bạc-liêu.

Hôm nay, với những hình ảnh Ngày Tết lảng vảng trong trí nhớ, tôi chỉ là một kẻ thiếu thốn. Tôi sinh trưởng ở tỉnh Thanh-Hóa, với núi Hàm-Rồng, với dòng sông Mã; nhưng lòng tôi cũng tha thiết yêu mến đường Cờ-Ngư, Hồ Hoàn-Kiểm



với cây liễu đứng tư-lự, buồn rầu; và lòng tôi cũng tha thiết yêu mến những vườn măng, dặng cây dừa tại vùng Lái-Thiêu, Gò-vấp, và con sông Cửu-long đem lại no ấm cho người xứ-sở?

Tình yêu thương ấy, đâu có phải chỉ một mình tôi vương vấn?

Có lẽ nhiều người cũng cùng chung một tâm sự. Chiều Ba-mươi khi làm lễ rước « ông bà » nhiều người chắc đã khẩn vái cầu xin « ông bà » chịu khó « đi xa một chút » để cho con cháu được thừa tiếp và để khỏi kẻ Bắc người Nam. Chén rượu trắng rót đều cúng, chắc chảy theo bao nhiêu giọt nước mắt..

Tiếng pháo giao-thừa, cành đào tươi thắm, nén hương nghi ngút trên bàn thờ còn chẳng phong vị của thời xa xưa? Những lúc « canh tàn thức tỉnh », tôi tự hỏi có khi nào ngọn cờ chiến thắng oanh liệt bay theo tiếng hát khải hoàn mà lại gieo vào lòng người ta những niềm tủi hận chăng? Nhưng hôm nay, hồn theo dòng lịch-sử, tôi bỗng dựng nhớ lại « hồn sông Gianh » với bao nhiêu hậu quả đáng sợ.

Tôi còn nhớ, hồi còn niên ấu,

mỗi khi Tết gần đến, cha tôi lo đi cắt cành đào, lựa lọ lộc-bình cồ, mẹ tôi và anh chị tôi đánh bóng đỉnh đồng, thay bình hương, ép lá giông để gói bánh chưng. Những hình ảnh ấy, tuy làm cho kẻ lữ thứ tha hương như tôi buồn rầu, nhưng cũng không làm át được niềm sâu tủi của dòng sông ly hận. Vì quyến luyến với lịch-sử và dân-tộc, nên tôi ngần ngại như « con én lạc đàn ».

Hồi những kẻ sống xa quê-hương, ta hãy đau thương với thân thể nàng Kiều

« Tiếc thay chiếc lá bơ vơ,  
Kiếp trần biết đủ bao giờ mới  
thôi! »

Và khi nhìn dòng sông Seine lơ-dờ trong mùa lạnh như một thân hình yếu đuối và khi đưa tầm mắt qua những tháp nhà thờ Notre Dame de Paris, dưới bầu trời đục ngầu, ta sẽ nghiệm thấy Nguyễn-Du đã tả giùm nỗi lòng của ta :

« Bốn phương mây trắng một  
màu,  
Trông về cố quận biết đâu là  
nhà? »

Cố-quận yêu quý của những khách tha hương là hình ảnh của người mẹ hiền mà những tiếng

ru hồi khi ta còn nằm nôi đã đem lại cho chúng ta bao nhiêu tình thương nhớ, bao nhiêu nỗi hân hoan. Xa người mẹ hiền, lòng ta ngậm ngùi, thương xót nhưt là mẹ hiền ngày hôm nay chỉ là « Một Người Mẹ đau khổ », tôi xin phép gọi là « mater dolorosa ».

Làm sao mà không đau khổ cho được! Ta hãy nghe « Tiếng súng đêm xuân » của Nguyễn-Vỹ trong tập « Hoang-Vu » :

« Bỗng bên sông loạt súng bắn  
vang rền,  
Như những mảnh trời xuân tan  
tác đổ.

.....  
Ai có thấy muôn vạn mỡ vô  
chủ,

Đoàn thanh-niên đang tiến tới  
ngày mai,

Đang hân-hoan rên đúc chí  
anh-tài

Bỗng ngã gục không một lời  
vĩnh biệt!

Mỗi xác chết, một linh hồn  
nước Việt,

Mỗi năm mồ là một mảnh tim  
ta »...

Nhà thơ Nguyễn-Vỹ đã ghi lại những đau thương của thế-hệ và làm nao ruột bao nhiêu tâm

hồn yêu thơ và yêu nước. Năm mồ vô chủ của Đạm-Tiên tuy đã làm cho nàng Kiều động mỗi thương tâm nhưng không làm tan nát lòng ta vì rằng ở đây :

« Mỗi xác chết, một linh hồn  
nước Việt,  
Mỗi năm mồ là một mảnh tim  
ta. »

Ừ, cũng lạ nhỉ! Sao hôm nay tôi lại nhắc đến cô Kiều nhiều thế? Phải chăng :

« Âu đành quá kiếp nhân duyên  
Cũng người một hội một thuyền  
đâu xa! »

Tôi xin thú thật, trong những phút buồn nản, tôi rất thích đọc thơ Kiều. Những nỗi thắc mắc, sầu tủi của cõi lòng như được Nguyễn Du diễn tả một cách xác định và đầy thi-vị. Tôi đọc đi đọc lại, cần nhắc từng câu từng chữ, nhưng sau hết tôi nghiệm thấy thơ Kiều không cần giải-phẫu, cái hay ẩn sâu trong tâm hồn ta bởi nhạc điệu, thi tứ và thêm một chút gì linh-thiên triền miên trong óc và trong hồn người ta, một chút gì phải là người cùng chung dòng máu Việt-nam với Tổ-Như mới hiểu, mới hưởng được. Vì thế, khi còn ở quốc nội, những buổi



trưa hè, tôi thường nghe bác thợ mộc ở cạnh nhà ngâm Kiều với một giọng say sưa. Nhiều khi cả chị vú ru em ngủ, cũng ngâm Kiều với một giọng ngân nga thánh thót. Có lẽ lấy điển-tích ra thì chị không thể hiểu tất cả câu thơ được, nhưng trong « mạch máu và tâm hồn », hay nói theo các nhà tâm-lý-học, trong bản-năng (instinct), chị thông cảm với nhạc điệu và ý thơ.

« Đầu lòng hai ả Tố - nga,  
Thúy-Kiều là chị em là Thúy-Vân,

Mai cốt cách tuyết tinh-thần,  
Một người một vẻ mười phân  
vẹn mười. »

Có đôi khi chị hát lăm, nhưng vẫn cứ hay :

« Kể từ khi gặp chàng Kim,  
Khi ngày quạt nước, khi đêm  
chén chè. »

Rồi hôm nay, đến lượt những kẻ khừ quốc cảm động ngâm mấy câu :

« Xung quanh vẫn đất nước  
người,  
Đau lòng lưu lạc nên vài bốn  
câu. »

Người Việt-nam thích ngâm Kiều cũng như người Pháp khi

cao hứng đọc lại hay ca hát những câu thơ của Racine, hay của Eluard (nhà thơ cận đại).

Những vở kịch của Racine chắc phần đông các bạn đã học qua, nên tôi chỉ xin trích một đoạn ngắn trong một bài thơ của Eluard, nhà thi-sĩ tài-hoa của thời-dại mới bị quân Đức Quốc Xã bắn chết trong trận giặc vừa qua.

Thơ của Eluard có những câu thần diệu, tươi sáng và nét buồn kín đáo.

Ta hãy nghe Eluard trong bài « SANS TOI » (Vắng em).

*Le soleil des champs croupit  
Le soleil des bois s'endort  
Le ciel vivant disparaît  
Et le soir pèse partout*

*Les oiseaux n'ont qu'une route  
Toute d'immobilité  
Entre quelques branches nues  
Où vers la fin de la nuit  
Viendra la nuit de la fin  
L'inhumaine nuit des nuits.*

Tôi tạm dịch :

« Mặt trời, chênh - chênh trên  
đồng,  
Mặt trời dần ngủ sau rừng  
âm-u,  
Bầu trời linh-động lặn mờ,

*Bóng chiều dề nặng mịt-mù  
bốn phương.*

*Cánh chim chỉ có một đường  
Hoàn - toàn im lặng như  
đường hư-không*

*Giữa cành trơ-trọi lạnh-lùng  
Rời ra sẽ đến nơi cùng-tận  
đêm,*

*Lần lần đêm chót lặng chìm  
Đêm vô-nhân-sắc của đêm  
tận-thời. »*

Đêm hôm nay, ngoài trời tuyết lạnh, mấy câu thơ « Vắng em » của Eluard rất thích hợp với tâm hồn cô quạnh của tôi trong đêm Tết tại vùng ngoại-ô Paris.

Cành hoa mai đỏ (prunus), tôi mua mấy hôm trước để thay thế cành đào, là « bạn Tết » lặng lẽ trong phòng tôi. Tôi ước mong như trong truyện thần-thoại hoa mai hay hoa đào hiện - hình ra một người Tiên - nữ để đem lại chút linh-động trong cô-liêu :

« Chào mừng đón hỏi dò - la,  
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến  
đây ? »

Trong đời người ta, ai cũng có một người Tiên - nữ giấu kín trong đáy lòng, rồi trong những lúc cảm hứng hay trong những giờ hui-quạnh sẽ nhắc nhở đến nàng,

để có thể gặp nhau trong mộng  
hồn :

« Bên Bờ Sưởi ở miền Mộng-  
giới,  
Một Tiên - nga đứng đợi Yêu-  
Thương,

Tóc dài gió thổi vấn vương,  
Muôn hoa chào đón bên  
đường Thời-gian ;  
Rồi gót tiên nhẹ nhàng theo  
gió,

Qua Không - trung tới xứ  
Hồng-trần,

Hình Đào Tiên đã giấu thân,  
Cho tôi được buổi ngày xuân  
sống gần. »

Nhưng một khi nàng Tiên đã đến, thì ta lại sợ ngày nàng ra đi ; và ngày ra đi không thể nào tránh được.

« Lòng thôn-thức vì Sầu lặn tới,  
Nàng Thơ buồn chỉ bởi xa-xôi  
Đào là Xuân đối với tôi,  
Đào đi Xuân cũng rả rời ra đi  
Mấy lần khốc biệt-ly Đào hơi !  
Hay vì tôi chớ vội đời chận !  
Đào còn còn mãi ái-ân,  
Đào tàn giấc mộng ngày  
Xuân cũng tàn. »

Nhưng người « bạn Tết » của tôi vẫn lặng-lẽ và đáng điệu như muốn nhắc lại tôi một hình-ảnh mới vừa qua và không sao quên được !



Hồi các bạn thanh niên ở quốc nội, đây là hình ảnh của một người bạn đồng thời của các bạn !

Hồi cuối năm, tôi lên đường-đường Sana ở miền núi Mégève. Tôi lên thăm anh Ung-văn-Thiệp. Anh theo học nghề làm đồ hộp và các đồ bằng plastique. Nhưng sau hiệp-định Genève 1955, anh không nhận được tin tức gì của cha mẹ, anh chỉ ở vùng Hải dương. Lúc ấy anh 19 tuổi. Nhờ một người cô buôn bán ở Saigon giúp đỡ, năm 22 tuổi anh thi đậu vào trường kỹ sư. Nhưng hơn một năm sau, cô anh cũng qua đời ; anh đành phải vừa đi học, vừa đi làm. Anh làm đủ mọi nghề : khiêng các thùng rượu tại chợ Halles từ 12 giờ khuya cho đến 3 giờ sáng ; làm bồi dọn bàn ăn ở các quán cơm Trung-Hoa hay Việt-nam. Nhưng nghề anh làm cực hơn hết — theo anh kể lại tôi nghe — là nghề rửa xe ô-tô-buýt.

Thường thường xe ô-tô-buýt thành phố Paris chạy đến một giờ khuya. Lúc đó các người « lao-động không chuyên-môn », trong đó có một số sinh viên nghèo bắt đầu rửa xe, từ ngoài xe đến trong xe, chỗ ngồi, bực

lên xuống, đầu máy, chỗ nào cũng phải lau chùi thật sạch. Mỗi người phải rửa ba bốn chiếc ô-tô-buýt. Một bánh sà-phòng, một thùng nước, một giẻ lau, một bàn chải, anh « lao-động không chuyên-môn » này phải lom-khom, quì gối, tay chà, tay lau, rồi leo lên thêm xe và mui xe, cúi xuống, ghé lên hay bò rạp trên mui xe. Anh ta phải rửa xong số xe trước 5 giờ sáng, giờ xe ô-tô-buýt bắt đầu chạy lại. Tiền công 1500 quan cũ.

Anh Ung Văn Thiệp vừa rảnh học, vừa rảnh đi làm để đủ nuôi miệng, nhưng có những buổi đêm đông quá lạnh, sức vóc của con người không chịu nổi : dần dần anh mắc bệnh ho lao và phải lên « Sana » điều dưỡng. Tôi lên thăm anh vì anh là bạn và có lẽ ngoài tôi ra anh không còn ai là bà con thân thích. Mấy hôm đầu, bà phước chỉ cho phép tôi vào thăm mỗi ngày một giờ, nhưng ngày 29 tháng Novembre, bà phước nói với tôi : « Ông có thể ở bên cạnh anh ta bao nhiêu lâu cũng được, và nếu anh ta thèm thức gì, ông cứ đem cho anh ấy ăn ».

Tôi hiểu ngay đêm nay là đêm cuối cùng của anh Thiệp: « Đêm

của vạn đêm » (la nuit des nuits) như câu thơ của Eluard.

Tôi đi mua một ki-lô nho và một gói thuốc thơm. Anh Thiệp xem bộ mặt tôi, mặt tái ngắt, người anh chỉ còn da bọc xương, nhưng hai mắt vẫn sáng. Tôi đưa nho, anh ấy cố gượng mà không nuốt nổi. Tôi chăm giùm anh điều thuốc, anh kéo được một hơi, rồi vật đầu trên gối. Hai chúng tôi nhìn nhau, tôi gượng cười, anh cũng nhếch mép cười đáp lại. Đến 3 giờ sáng, anh ấy nấc lên mấy tiếng, tôi tưởng đầu anh ấy tắt thở. Nhưng không ! mắt anh xem vẫn tỉnh. Anh ra hiệu bảo tôi ghé gần xuống mặt anh. Tiếng anh hỏn-hẽn, phì phào nhẹ nói vào tai tôi : « Tôi chết .., tôi mong hỏn tôi sẽ trở về nước ta... (rồi trên môi anh nở nụ cười)... Khi nào anh về xứ, đừng quên tôi nhé ! » Rồi anh ngã gục trên gối, hơi thở khi lớn khi nhỏ, khi dồn-dập, khi chầm chậm, tay anh nắm tay tôi. Tôi ngồi im ; qua cửa sổ, ngoài trời tuyết rơi tằm tã như những mảnh áo tang.

5 giờ sáng, anh nấc mạnh, bàn tay xương của anh bám chặt vào bàn tay tôi, móng tay

ấn mạnh vào thịt tôi. Anh Thiệp đã là người thiên cổ !

« Đêm nay tuyết phủ ngoài  
hiên,  
Sự đời nghiêng-ngửa, sách đèn  
dở dang ! »

Bàn tay lạnh cứng của anh vẫn đặt trên tay tôi, bàn tay của một người bạn, một người đồng hương, trút linh hồn nơi đất khách. Anh Thiệp ơi ! tôi muốn bàn tay anh vẫn còn cầm bàn tay tôi để rồi chúng ta cùng cất tiếng ca :

« Cầm tay tôi,  
Tay giống nôi,  
Dù cho vật đời sao đời,  
Nước ta vẫn sống muôn đời  
hiên ngang.

Đêm nay tôi sực nhớ đến anh. Trên bàn, cành hoa mai đỏ như cũng ngậm ngùi thương tiếc. Nhưng hoa mai vẫn im lặng trong bình và Nàng Tiên mong đợi chưa hiện ra bên cạnh tôi. Tôi suy nghĩ : « nếu cha mẹ Thiệp còn sống và nếu Thiệp ăn mặc đầy đủ, có lẽ anh chưa chết và có lẽ đêm nay đang uống chén rượu thương xuân với mình ». Gió đập mạnh vào cửa sổ, ngoài trời đêm kéo tấm màn đen vô-tận « Anh Thiệp à ! Khi nào tôi về nước, tôi sẽ nhớ



đến anh ! Không biết hồn anh bây giờ ở đâu nhỉ ! Bên cạnh tôi, hay đã về quê-hương ! »

Tôi gương an ủi lòng tôi với quan-niệm « Sắc sắc không không » của Đức Phật Thích-Ca Vô Cùng Từ-Bi Bác-Ái.

« Đây là Chân Thiện Mỹ, người ơi !

Cành dương giọt nước vớt đời trầm luân »

Tôi thơ thần, hồn chơi vơi trong thế-giới huyền-ảo. Thân thế, gia-đình, Tờ-quốc, nhân loại, phải chăng tất cả chỉ là tướng-tượng, chỉ là hư vô ! Máy ai đã nhận rõ được định mạng, lý-do của đời người nơi cùng-tận của muôn vạn chúng sinh ; và nói như Paul Valéry « Đời tôi là do xác chết của ngày tôi cấu tạo » (ma vie est faite de cadavres de mes jours).

Khi ta gửi trả năm xương tàn lại thế-gian, ta sẽ còn hay không, ta sẽ đi đến đâu ?

« Nghĩ thân phù-thế mà đau !  
Bọt trong bề khổ, bèo đầu  
bên mê. »

Sáng hôm mồng một tôi phải đi xông đất nhà anh Phạm-Tâm-Hiền, vì anh tin rằng tôi năm nay tôi sẽ đem lại may mắn cho

anh. Thật ra, anh Hiền cần phải có nhiều may mắn và... nghị-lực ! Anh làm thợ ở hãng xe hơi Renault. Vợ anh là người Âu phương. Anh được bà đưa con : con Michèle bảy tuổi, thằng Jean Pierre năm tuổi và con Colette ba tuổi. Chúng nó rất xinh, tóc hơi đen đen, mắt nâu, sống mũi cao, gương mặt sáng sủa. Cách đây năm tháng, người vợ Âu của anh đã bỏ nhà, bỏ chồng, bỏ con đi theo một người đàn ông khác. Anh Hiền chỉ còn biết dẫn ba đứa con ra cơ ty cảnh-sát.

Anh làm thợ lương mỗi tháng 70.000 quan cũ, phụ cấp gia-đình và làm thêm ngoài mỗi tháng 30.000 quan cũ. Cha con xúm xít cùng nhau. Mỗi ngày hai đứa lớn đến trường cho tới chiều tối, còn con Colette nhờ bà « gác-dang » (concierge) xem sóc giùm. Mỗi tháng anh tốn mất 25.000 quan cũ về ba đứa con nhỏ. Kề ra anh cũng từng liện đủ ăn, nhưng nghĩ lại cảnh « gà trống nuôi con cũng tội nghiệp ». Có nhiều gia-đình người Việt muốn xin một hai đứa, chính tôi cũng muốn nuôi con Colette ba tuổi ; nhưng anh từ chối, vì anh nghĩ rằng chúng nó không mẹ, anh phải thương yêu chúng nó

thập phần. Chỉ khổ một nỗi là ngày giờ làm việc của anh rất bó buộc. Buổi sáng bảy giờ vào xưởng cho đến năm giờ chiều. (được nghỉ một giờ để ăn cơm trưa). Nhưng trong mỗi tháng, 15 ngày làm ban ngày, 15 ngày làm ban đêm, xưởng máy chạy luôn luôn ; hai tốp thợ thay phiên làm việc. Làm ban đêm, thì năm giờ chiều vào làm cho đến 5 giờ sáng (được nghỉ một giờ rưỡi để ăn cơm khuya). Năm giờ sáng ra về để đi ngủ. Thật là lấy ngày làm đêm, lấy đêm làm ngày. Lúc đầu anh không quen, sau dần dần cũng chịu nổi, như năm vạn người thợ làm xe hơi khác. Một số đông người Việt, hoặc là lính thợ trong hồi chiến-tranh, hoặc là học sinh bỏ học cũng làm ở hãng Renault như anh Hiền, phần đông anh em gần bình accu, đặt giầy điện trong xe hơi. Nhưng công việc cũng nặng nề, vì phần nhiều làm theo lối « nối giầy » (à la chaîne). Ngoài đồng lương, tiền phụ cấp gia-đình và xã-hội bảo kê, anh Hiền còn được ở nhà rẻ tiền H.L.M (tức là Habitation à loyer modéré) như thợ thuyền người Pháp, nên đời anh cũng gọi là dễ chịu. Riêng về mặt tinh-thần, thì anh rất khổ não.

Tuy anh không nói ra, nhưng ai cũng nghiệm thấy.

Tôi đến nhà anh ở vùng Nanterre được một lúc. thì đã nhiều anh chị em Việt-nam đến tụ-hợp, phần đông là bạn của anh Hiền cùng làm chung một hãng. Khói thuốc, men rượu, tiếng cười nói lẫn tiếng đĩa-hát Việt-nam làm vang cả xóm. Con Michèle, thằng Jean-Pierre, con Colette hôn-hít hết « tonton này đến tata khác ». Giữa anh em thợ thuyền, có một bầu không-khí hồn-nhiên, vui vẻ. Anh thì nói chữ *l* ra chữ *n*, anh thì nói toàn *giấu nặng*, anh thì chữ *v* nói ra chữ *d*. Anh em hoặc là sinh trưởng ở vùng « Kê-đen », Nghệ-an hay Biên-hòa.

Một anh cười lên và nói rất lớn « Ở đây chúng mình thật : Trung Nam Bắc một nhà » !

Tôi chợt nghĩ : trong lòng người Việt không khi nào có con sông Gianh hay con sông Bến Hải, và ai cũng mong một ngày kia :

« Con đò nhẹ lướt mặt gương  
Trên bờ hò hẹn còn vương  
giọng mừng ».

Năm giờ chiều, tôi từ-giã anh em ra về. Trên xe ô-tô-buýt hành khách chen chúc nhau, trong bộ

quần áo mùa lạnh : áo «manteau» dày, khăn « foulard » quanh cổ, nhiều cô thiếu-nữ rất diện và duyên dáng. Thật khéo khen phò-mã tốt áo ! Các Cô «Parisiennes» đã có tiếng là mặn mà, duyên dáng nhất thế-giới !

Tôi ngồi trong xe, nhưng óc vẫn mơ màng đầu đầu. Trong xe đông người, nào ai đã biết hôm nay là ngày Tết, nào ai thông cảm với tôi về ý tưởng và hình ảnh thân yêu : nào Tết ở quê hương, nào anh Thiệp an giặc nghìn thu ở miền núi Mègeve, nào anh Hiền và bao nhiêu « người em » đang lặn đạn trên đường hoang-vu.

Thật là trong thiên-hạ mỗi người là một thế-giới riêng biệt !

« Ai về đường ấy hỏi ai !  
Gió ngàn đưa hộ hồn tôi về cùng ! »

Chiều dần xuống kinh-thành ánh sáng, tôi nhìn dòng sông Seine long lanh như tấm lụa xanh lạt. Còn thuyền nhỏ nhỏ kia về đâu nhỉ ?

« Hoa trôi mặt nước hững-hờ,



*Rủ đầu cây liễu bên bờ khóc thương.*

Tôi muốn nghĩ đến những hình ảnh vui tươi, nhưng hôm nay, tuy ngày xuân đã đến với xứ sở, tôi xin lỗi là chỉ tha-thiết với sầu mong, buồn nhớ.

Ra đi « Chưa trọn lời nguyện », những kẻ lữ-thứ xin mượn nhà thơ Nguyễn Vỹ để tả nỗi lòng tha-hương :

« Hồn ta như chiếc phiêu  
thuyền !  
Buồm mơ xa bến, áo huyên  
buông trôi !  
Yêu rồi, khổ đã nhiều rồi !  
Thì, thôi, trôi dạt sóng đời  
phù-hư.

(HOANG VU)

Thân mến chúc bạn một năm đầy Hạnh-Phúc.

« Hẹn nhau trên báo Phò-  
Thông,  
Ba-lê gửi bức thư hồng chúc  
nhau »

NGUYỄN-VĂN-CỒN  
(Năm Quý-Mão)

N Ă M  
M È O  
NÓI CHUYỆN



★ JAYA PANRANG



Sau năm Cọp (Dán), kế tiếp là năm Mèo (Mão hay Mẹo) của Việt-nam, nhưng đôi với thập nhị chi của Chàm,

riêng năm Mão hay Mẹo không phải là năm Mèo mà là năm Thỏ. Còn mười một con giáp khác : Tý, Sửu, Dần, ... Dậu, Tuất và Hợi đều có nghĩa là những năm Chuột, Trâu, Cọp... Gà, Chó và Heo như bên Việt-nam vậy.

Những loài vật, không chỉ những con vật tượng-trưng cho địa chi, mà hầu hết những con vật khác nữa, người Chàm thường cho Thỏ là một sinh vật đầy khôn ngoan, đa mưu túc trí nhất. Cho nên những chuyện cổ-tích Chàm do các con vật

được nhân-cách-hóa trong cốt chuyện và nếu có Thỏ điển hình thì nhất thiết Thỏ phải đóng vai chủ-động.

Có nhiều chuyện cổ-tích Thỏ được mệnh danh là « quan tòa » thanh-liêm và công-bình, hay là vị « quân sư » sáng suốt; lý lẽ vững vàng, biện luận hùng-hồn, lúc nào cũng mang lại cho « thân chủ » sự thắng lợi về-vang. Ngoài ra, Thỏ cũng là một tay đại gian hùng, điều-ngoa, xảo-quyệt nữa. Cũng vì thế cho





# THỎ

nên người Chàm thường ví khôn ngoan như Thỏ, lanh lẹ như Thỏ, điều-xảo, trò-tráo, quý quyet như Thỏ.

Nhân dịp Xuân về giữa thời buổi mà nhân-loại đang dùng đủ mưu chước, từ khí-giới thô sơ cho đến khí-giới khoa-học tối-tân hoặc từ mảnh-khóc tầm thường cho đến sự ngoại-giao quốc-tê, để thắng và cô giành phần thắng về mình.

Chuyện Thỏ cũng có nhiều mưu lăm kè, nên chúng tôi xin đưa vài mẩu chuyện cổ-tích Chàm sau đây để công-hiễn bạn đọc giải-trí trong ba ngày Tết Quí-Mão.

## LÀ TỬ-VI CỦA TUỔI THỎ

Theo sách tử-vi của Chàm,

tuổi Thỏ thuộc về «Cung con người» Nưthak Tapai Danok Murnuis, và thuộc «Mạng Cây trồng trong chậu kiền dễ chơi», Bâng Kayâu biuh pala murin. Người có tuổi Thỏ dễ kiếm đôi bạn với người tuổi khác. Tuổi Thỏ thuộc phái Nữ (giống cái) và nên lấy vợ cưới chồng nên chọn

cho được người phối-ngẫu tuổi Dê và tuổi Heo rất tốt. Ba tuổi này thuộc Tam hợp, ăn ở với nhau trọn đời, gia-đình thuận hòa, làm ăn có bông lộc, sống ít con cái; vì tuổi Dê và Heo cũng thuộc về giống cái như tuổi Thỏ.

Chúng tôi không thạo về tử-vi cho lắm, nên không dám bàn nhiều, xin sang ngay câu chuyện cổ-tích Thỏ như dưới đây:

### I.— Thỏ và xương bánh chè

Tục truyền rằng ngày xưa loài người chạy rất giỏi, chạy nhanh hơn tất cả loài khác. Thỏ mà con người đang sống thô-sơ, chỉ chuyên về nghề du-mục để bắt thú ăn thịt và Thỏ là món ăn thường xuyên nhất của loài người.

## NĂM MÈO NÓI CHUYỆN THỎ!

Một hôm, vì giồng Thỏ thường bị loài người săn hại rất nhiều, bọn chúng họp lại và bầu một vị Thỏ niên cao nhất để kiến loài người trước Thiên-Thần. Thiên-Thần phán rằng: Sờ dĩ loài người hay bắt bầy Thỏ ăn thịt là vì Thỏ không có những sừng nhọn, nanh vuốt sắc bén, nọc độc giết người để chống lại với loài người nên bị người bức sách làm mồi ăn thường nhật, hơn nữa loài người chạy nhanh hơn loài Thỏ nên dễ rượt bắt Thỏ hơn. Vậy ta có cách này, ta cho người một năm xôi nếp này đem về, khi thấy loài người đuổi theo bắt các người thì các người vò viên năm xôi nếp này rồi ném cho trúng hai đầu gối của con người, về sau con người không còn đủ sức chạy nhanh để bắt các người ăn thịt nữa. Thỏ già vâng lệnh Thiên-Thần và mang năm xôi nếp cáo từ trở về và thực hành y như lời Thiên-Thần đã dạy.

Khi hai đầu gối của con người bị xôi nếp dính và tức thời trở thành hai miếng

xương bánh chè, hai miếng xương ấy hăm bớt lại sức chạy nhanh của con người và không thể chạy đuổi theo kịp Thỏ như trước nữa. Vì thế mà con người mới này ra sáng kiến dùng chó để đuổi cắn Thỏ, dùng lưới để ví bắt Thỏ hoặc dùng ná tên để bắn Thỏ, nhưng những vật-liệu ấy không thể giết Thỏ như hồi con người chưa có hai miếng xương bánh chè.

### II.— Quan tòa thỏ

Ngày xưa, có ba anh em nhà nọ đi chơi và bị lạc vào trong rừng sâu, không tìm được đường về nhà, đành phải ngủ lại một tối trong rừng. Nhưng cả ba không ai dám nằm bìa, ai cũng giành nằm giữa, sợ nằm bìa bị cọp vồ mang đi ăn thịt. Thỏ đang nằm trong lùm cây bên cạnh thấy thế liền ra phân chia chỗ nằm giúp cho ba anh em người đó. Thỏ bảo: Nếu các người cứ nằm xuôi theo một chiều dọc thì các người sẽ không sao tránh khỏi kẻ nằm giữa người nằm

bia, bây giờ các người nghe lời tôi, hãy nằm dùm đầu lại với nhau và đưa chân ra mỗi người một chiều hướng hợp thành một hình tròn như mâm bánh xe trâu, ắt người nào cũng được nằm giữa. Ba người thầy Thỏ phân xử công-bình, cảm ơn Thỏ và ai nấy yên-trí nằm ngủ ngon giấc.

### III.— Trạng sư thỏ

Ngày xưa, có hai anh em nhà kia, anh thì giàu có, em thì nghèo nàn. Cha mẹ mất sớm, người anh chia gia-tài, chỉ cho người em một con trâu cái. Người em không có ruộng đất cày bừa, nên cho người anh thuê lại con trâu cái ấy. Mùa màng xong, lúc ấy trâu cái có sinh được một con nghé, người em đem lấy huê-lợi thuê trâu và dắt trâu về. Người anh chỉ cho người em dắt trâu mẹ về còn trâu nghé thì người anh bắt giữ lại và bảo là nghé của trâu đực ông ta sinh mà thôi. Ưc lòng, người em mang nội vụ ra tố cáo người anh tại tòa. Người anh ý có tiền bạc

đem hối-lộ cho quan tòa. Tới phiên tòa xử rằng : Cha mới có công sinh, còn mẹ chỉ có công dưỡng, bây giờ nghé đã thôi bú không cần sữa mẹ nữa, nghé này là nghé của trâu đực, vì có trâu đực trâu cái mới có thể sinh con. Vậy tòa xử trâu nghé thuộc quyền sở hữu của trâu đực, tức là thuộc về người anh.

Người em biết bị tòa xử hiệp, nhưng không biết kêu vào đâu, đành lủi thủi ra về. Trên đường về, người em khóc nức nở. Thỏ thấy vậy đón đường hỏi người em vì hà có gì phải khóc lóc ? Người em tỏ bày đầu đuôi cơ sự cho Thỏ nghe. Thỏ khuyên người em trở lại pháp đình để Thỏ biện hộ. Đoạn rồi Thỏ lấy lọ nôi và mài nghệ thoa đầy mặt đầy mình rồi dẫn người em trở lại tòa. Thỏ đến ngồi dưới mái hiên trước văn-phòng ông chánh-án, còn người em núp sau cây cột gần đó. Đền giờ làm việc, ông chánh-án đi ngang qua thấy Thỏ ngồi khoanh tay vào hai đầu gối với vẻ buồn ngủ, còn mình mày mặt mày lơ lem

lơ lốc. Ông chánh-án hỏi Thỏ : Chú Thỏ không ngủ sao mà chừng này chú ngủ gục ? Kia ! mình mày mặt mày của chú sao mà dơ bẩn thế ? Thỏ đáp : Thưa ông chánh-án, tôi bận nuôi cha tôi lâm bồn, nên không có thì giờ tắm rửa và phải thức suốt đêm để ru em tôi ngủ, nên phải chịu bẩn-thỉu và buồn ngủ ! Ông chánh-án ngạc-nhiên, liền hỏi vặn trở lại : Ừ ! cha của anh là người đàn ông sao lại để được ? ! Thỏ đáp lại : Thưa ông chánh-án, dường như vừa rồi ông đã xử một vụ con trâu đực đã đẻ được con nghé, thì bây giờ cha tôi là đàn ông để con đâu còn là một chuyện lạ đối với ông chánh-án nữa ? Ông chánh-án sực nhớ lại chuyện ấy, ông lấy làm hồ thẹn và còn sợ Thỏ làm quân sư đưa người em đi tố-cáo nội vụ với tòa cấp trên nữa, vả lại cũng vì lương-tâm chức vụ, nên ông chánh-án bèn giao trả lại « tiền nước » cho người anh và truyền cho người anh trả con nghé lại cho trâu cái tức trả lại trâu nghé cho người em.

Câu chuyện này có dính líu

gi đến phong-tục mẫu-hệ-chê của Chàm chăng ?

### IV.— Thỏ lanh trí

Ngày xưa, có một cậu học trò đi học xa, nhân ngày nghỉ, cậu về thăm quê, đồng thời để lấy gạo và thức ăn mang về trường ăn học. Từ trường về nhà cậu phải băng qua một đám rừng rậm, dọc đường cậu thấy một con cọp bị mắc vào chàm bẫy. Cọp thấy cậu học trò đi đến, vội cầu cứu. Cọp hứa nếu được cứu thoát ra khỏi chàm bẫy, cọp sẽ đền ơn cậu học trò bằng cách ủng-hộ cậu trong khi cậu qua lại ngang khu rừng này, hầu khỏi các thú dữ khác hãm hại. Cậu học sinh vừa gỡ chàm bẫy cho cọp ra thì cọp lại quên lời hứa khi nãy và đòi ăn thịt cậu học sinh ngay. Biết là mình bị cọp lừa phỉnh và phụ bạc, cậu cô than van năn nỉ, nhưng một mực cọp cứ đòi ăn thịt cậu. Cậu không còn cách nào hơn, cậu đành hẹn cọp để cậu về cho gia đình hay rồi sẽ trở lại làm mối cho cọp. Cọp bằng lòng và chờ cậu học trò tại đó. Cậu học trò vừa đi vừa khóc,



gặp Thỏ ở dọc đường, Thỏ hỏi: Kia! cậu kia, có điều chi phải khóc? Cậu học trò bèn thuật lại chuyện cọp mắc cạm bẫy và cậu gỡ giùm cho, nhưng vừa gỡ xong, cọp không đến đáp công ơn tôi đã cái tử hoàn sanh thì chớ, trái lại cọp còn đòi ăn thịt tôi, nay tôi về cho gia đình hay rồi tôi sẽ trở lại cho cọp ăn thịt tôi. Thỏ nói: À! chỉ có thể thôi há? Để tôi giúp cậu khỏi cọp ăn thịt cho, bây giờ cậu đừng về nhà, cậu trở lại nơi cọp mà cậu đã hẹn để tôi xin giùm.

Khi vừa trông thấy cậu học trò tới gần, cọp phóng tới định vồ lên cậu học trò, thỏ ở đằng sau nhảy tới và can cọp lại Thỏ nói: khoan đã, dù sớm dù muộn cậu này vẫn là mối ngon của anh rồi. Bây giờ, trước khi nhậu thịt cậu này, anh cọp nên diễn lại cơ sự làm sao mà phải mắc cạm bẫy để cho tôi xem thử nào. Vậy cậu này gài cạm bẫy lại, gài xong, cọp nhảy qua nhảy lại như người tập võ, rồi cọp nhảy phăng đến chụp mồi, một con dê con bị nhốt phía trong cạm bẫy, bị cạm bẫy

sập đóng kín cọp lại như bị nhốt trong cũi sắt, cọp không thể nào vùng vẫy được nữa. Thỏ nói với cậu học trò: Cậu hãy la làng lên cho chủ cạm bẫy đến giết cọp vô ân bội nghĩa này. Người chủ cạm bẫy giết cọp chết. Cậu học trò được Thỏ cứu thoát và từ đó, cậu học trò lại vẫn trên con đường đó không hề bị cọp hãm dọa nữa.

#### V. — Thỏ mưu cao

Một hôm Thỏ đang dạo chơi, thấy voi từ đằng xa lù lù đến với gương mặt buồn rầu. Thỏ hỏi: hôm nay có điều chi mà anh voi có vẻ buồn rầu lo lắng thế? Voi đáp: Sáng nay cọp và tôi đua tài với nhau. Hai chúng tôi cam kết rằng nếu ai rông lên một tiếng, mà các loài chim muông và thú rừng đều giạt mình và kêu lên riu rít thì vị chi kẻ đó thắng, bằng không là kẻ chiến bại. Người thắng sẽ ăn thịt kẻ bại. đồng thời người thắng sẽ giữ ngôi chúa tể của sơn-lâm. Giao ước xong, tôi được quyền rông trước, tôi cố hét sức rông thật to tiếng, nhưng lạ thay, sau khi

rông xong, không hề có một tiếng động. Đền phiên cọp rông, uy quyền của cọp thế nào chẳng rõ, cọp thét lên một tiếng vừa dứt thì tất cả chim muông và thú rừng đều giạt mình kêu la ầm ĩ vang dậy khắp núi rừng. Theo lời ước hẹn, sáng sớm ngày mai tôi sẽ dâng xác tôi cho cọp ăn, vì thế mà hôm nay tôi buồn. Thỏ nói: Anh voi khỏi lo, tôi sẽ liểu thân cứu anh thoát khỏi nanh vuốt của cọp. Bây giờ anh tằm sẵn cho tôi một miếng trầu, ngày mai anh cứ đến nơi đã hẹn, nhưng khi anh thấy tôi nhảy lên lưng anh tôi đánh đá anh thì anh giả vờ ngã lăn xuống chết giặc, anh, cứ nghe tôi làm như vậy thì anh sẽ thoát chết.

Voi vâng lời thỏ. Sáng ngày mai đúng giờ hẹn, Voi đến nơi hẹn, còn cọp đã chờ sẵn ở đó từ hôm qua. Vừa thấy voi đến, cọp chưa kịp hành động gì, Thỏ từ trong bụi cây nhảy ra và phóng lên mình voi, tay đánh, chân đá vào mình voi túi bụi, voi ngã lăn ra chết giặc. Thỏ nhỏ cổ trầu lên đầy mình voi đỏ như máu. Cọp thấy vậy nghĩ rằng: Voi to

tướng và khỏe mạnh biết nhường nào, thế mà còn bị thỏ đánh lăn ra chết, máu chảy đỏ cả mình, huống chi sức mình cũng chẳng là bao, nếu mình ở đây lâu không chừng Thỏ sẽ đánh lây cả mình đa? Đoạn cọp dậm đầu chạy vào trốn mất dạng trong rừng.

Voi được thỏ cứu sống, voi chịu ơn thỏ, cho nên ngày nay mỗi khi voi đi qua lùm cây hay qua những bụi cỏ rậm hoặc trước khi rút cành cây ngọn cỏ ăn, voi thường lấy vòi đập nhẹ nhẹ vào chỗ nghi có Thỏ ở, e có Thỏ nằm trong đó, vô tình voi gây thương tích hay tử thương ân nhân của mình. Còn cọp, tuy không được ăn thịt voi, nhưng vẫn giữ ngôi chúa tể sơn lâm là do tích ấy.

#### VI. — Thỏ gian hùng, đợi bịp . . .

Ngày xưa, con cọp, con rái, con gà và con thỏ kết thân với nhau và muông cùng nhau ở chung một nhà. Một hôm bọn chúng rủ nhau đi cắt tranh về lợp nhà. Ngày đầu tiên cọp ở lại trại để giữ trại và

nấu ăn. Còn rái, gà và thỏ vào rừng cắt tranh. Cọp đi săn thịt bắt được nai và hươu mang về trại làm thịt. Sau khi nấu cơm chín, nấu nướng thịt nai thịt hươu xong, cọp kêu các bạn đang cắt tranh về ăn cơm. Thỏ chạy về trại trước để lên xem cọp dọn ăn với thức ăn gì. Xem xong thỏ chạy trở lại nơi cắt tranh dò gà và rái đoán xem hôm nay ăn cơm với món gì ? Nếu ai đáp đúng thì ăn thịt, đáp sai thì húp nước và gặm xương. Rái và gà không đáp đúng, còn thỏ thì đoán là cọp sẽ cho ăn giồng thịt có lông mao. Quả nhiên về thấy có thịt nai thịt hươu, thế thì thỏ được ăn thịt, còn mấy người kia húp nước và gặm xương.

Hôm sau, tới phiên rái làm bếp. Rái nhảy xuống sông lặn lội bắt rất nhiều cá. Cơm canh đã nấu chín, rái kêu đồng bạn về ăn. Thỏ cũng lên chạy về quan sát trước và đặt giải đồ. Cọp và gà không ai đáp đúng, còn thỏ thì đoán bữa cơm hôm nay sẽ có loại thịt có vẩy. Thỏ lại được ăn cái, gà và cọp húp nước, gặm xương.

Qua ngày hôm sau, lượt gà

làm bếp. Gà nấu cơm sôi cạn nước và nhắc nồi cơm xuống, bắt trả nước lên bếp đun sôi, chị gà nhảy qua bay lại, vừa cục tác, vừa để trứng lẩn lẩn đây trảo nước sôi. Xong xuôi, gà kêu mấy người kia đến ăn cơm. Thỏ cũng chạy về trước lên xem chị gà dọn cơm với những món gì. Đoạn thỏ chạy đến hỏi cọp và rái. Cọp và rái không đoán nổi, còn thỏ thì nói sẽ ăn thịt có vỏ cứng, thế thì thỏ được ăn trứng luộc dầm nước mắm, còn mấy người kia chỉ ăn mắm không.

Ngày chót, tới phiên Thỏ làm nội trợ. Vồn chỉ quen nói mà không hay làm. Thỏ lúng túng không biết làm thế nào kiếm cho ra món ăn. Thỏ nấu nổi cơm xong, bắt trả nước lên bếp, nước sôi, thỏ suy nghĩ một hồi, đi đi lại lại, thỏ có vẻ đắc ý, chàng ta mới kê mông tiêu đại vào đây trảo nước rồi lấy mắm muối nêm khuấy lên như nêm canh vẩy. Đến giờ ăn, thỏ kêu mọi người đến dùng cơm, còn thỏ thì lấy các thức ăn thừa hôm trước ăn rồi giả vờ bị cảm sốt đắp chiếu nằm rên hi.. hi..

Những người kia tưởng thỏ lâm bệnh thật, họ kêu thỏ ăn, thỏ lấy có bị bệnh từ chối không ăn. Cọp, gà và rái ngồi ăn, khi múc canh rau, họ thấy canh khác thường. rau chẳng ra rau, thịt cá chẳng ra thịt cá, họ bèn hỏi thỏ : Anh thỏ nấu món gì đây ? Thỏ đáp : Tôi nấu canh cá trê bỏ chua, nhưng vì để sôi lâu trên bếp lửa, thành thử thịt cá tiêu rục hết. Những người kia tưởng sự thật, ngồi ăn ngon lành, không biết là mình đang ăn phần thỏ.

Thỏ đang nằm, giả ngáp và nói nhảm : Hai eh tapuis ! Lập đi lập lại câu nói ấy nhiều lần, nhưng không ai hiểu được, họ cứ tưởng thỏ bị cảm sốt nói mê sản. Lần sau thỏ vừa ngáp vừa nói : Hai eh tapuis ! Huis eh tupai ! Tới đó, những người kia mới hiểu rằng bọn chúng đang « Húp cút thỏ » mà thỏ đã nói lóng từ nãy giờ ! Chứ không phải họ ăn canh cá trê nấu chua ! Nhưng sự việc trót lỡ rồi, họ bỏ qua luôn.

Dường như vì tích đó nên

có thành ngữ : Cham băng tapai, Raglai băng eh nu, Người Chăm ăn phần thỏ, người Rừng (Thượng) ăn phần nu, một giồng chuột núi ở hang đất.

Sau khi đã cắt tranh đủ số dự định, thỏ để nghị cọp làm xe, rái và gà làm trâu, còn thỏ thì làm người điều khiển chiếc xe. Thỏ lấy tranh chắt lên mình cọp, bắt rái và gà làm trâu kéo xe tranh về, xe đi được nửa đường, thỏ viện cớ đau nặng không đi bộ được nữa, thỏ xin được ngồi trên xe, thỏ kêu bị lạnh quá, xin gà cho thỏ một que củi lửa. Ngồi trên xe, thỏ thổi lửa đỏ lên và đốt cháy những bó tranh trên xe. Cọp, gà và rái thấy ngọn lửa phừng lên, mỗi người mạnh ai nấy kéo nhau chạy. Thỏ nhảy xuống xe và la lên rằng : Các người hãy chạy ngược chiều gió cho lửa tắt đi ! Nhưng cọp, gà và rái càng chạy ngược chiều gió chừng nào, lửa càng cháy dữ dội chừng ấy. Về sau, hai con trâu, gà và rái, vung vẩy đứt giây ông (sợi giây nai buộc cổ trâu bò vào cái ách). Rái nhảy



xuồng nước, cộp nhảy vào bụi rậm liềm mình, gà lùi vào một nơi có đất bụi để đập tắt ngọn lửa.

Người ta bảo, ngày nay con rái hay trảm mình dưới nước, con cộp hay liềm cho ướt lông và lông cộp có những vệt sọc vân đỏ đen, và gà thường ấp mình sâu xuồng những nơi có đồng tro tàn hay đồng cát bụi cũng là do tích bị lửa cháy hồi xưa, rồi tìm cách chữa tắt đi.

Người ta còn có quan niệm rằng: Thỏ là loài làm phúc đức thì ít, gây ra những điều độc ác cho kẻ khác thì nhiều, thỏ rất sợ bị trả thù, nên lúc còn sống, thỏ mở trao tráo để xem chừng thiên hạ, đến lúc chết đi rồi hai mắt vẫn không nhắm lại được, đó là một trong những hình phạt nặng nề những kẻ đắc tội.

Những chuyện cô-tích nói về thỏ còn rất nhiều, riêng những mẫu chuyện đã được kể trên đây cũng chỉ nói lên những nét đại cương, nghĩa là đã rút ngắn lại, nhất là phần VI, nói về sự gian hùng, hành vi lừa bịp của thỏ, còn lại một đoạn rất dài, chưa kể hết. Tuy ông bà có truyền: « Nếu người nào kể chuyện

cô-tích được nửa chừng mà cắt đứt đi, kẻ không hết sẽ bị nổ bụng chết ». Song, *Java Panrang* thấy phải chiều khuôn khổ tờ báo, hơn nữa sợ bạn đọc không có đủ thì giờ đọc hết được, rồi bị nổ bụng chết oan mạng, thà chịu hy-sinh cá nhân để giữ an-toàn tánh mạng cho đa số thì hơn.

Tuy nhiên, *Java Panrang* cũng mong rằng ông bà cũng như bạn đọc sẽ thông cảm phương-tiện và hoàn cảnh này và sẽ rộng lòng tha thứ cho.

### JAYA PANRANG



— Tại sao ông biết người chồng sắp cưới của tôi sẽ rất sợ tôi?

— Vì cô tuổi MÃO, chàng ta tuổi TÝ, chuột không sợ mèo thì còn sợ cái gì chứ!

# THÚ CHƠI NGÀY TẾT



của thanh niên  
ta

## NGÀY XƯA

## NHƯ THẾ NÀO

# ?

TRONG những thú chơi xuân ngày trước, các cô gái, các chàng trai không được « điếm phúc » đi xi-nê hay đi đó đi đây như các thanh-niên nam nữ bây giờ, sẵn máy bay, xe hỏa, xe hơi, xe vét-pa... và cả đến xe găn máy, rủ nhau đi hứng gió ở Long - Hải, Cap, Nha-trang, thường thức cảnh hoa đào nở, du ngoạn thác Prenn, Cam-ly ở Đà-lạt v.v... Họ từ đầu năm đến cuối năm lần lượt ở trong làng thì ngày Tết cũng không ra khỏi lũy tre xanh, họ tổ-chức những cuộc vui đề cùng nhau gặp gỡ... hay đề trao đổi những câu ân tình vì mùa xuân... mùa của trăm hoa đua nở thì những đóa hoa lòng của các cậu, các cô cũng nở đề đón lấy gió xuân...

Rất nhiều thú chơi xuân đề trai gái gặp gỡ nhau như: Họp chợ Tết, chơi Cờ người, Đánh đu, Bài chòi, v.v... nhưng có lẽ



★ Thiết-Mai  
TÔN THẤT CẢNH

thủ chơi ý vị và có tánh cách « quốc hồn quốc túy » nhứt là thú « nấu cơm thi » giữa trai gái trong làng.

Trò chơi hào hứng này có cả thầy là 12 đôi thí sinh, nghĩa là 12 chàng trai và 12 cô gái. Ngoài 12 đôi ấy, còn có bốn đôi dự khuyết.

Cuộc thi bày giữa gian chính tâm của đình làng. Ngoài sân, những cái « bếp ngòi » được bày ra hai hàng, mỗi hàng 6 cái. Bếp bắt bằng 3 cọc tre, chấu vào nhau như 3 ông táo. Bên mỗi bếp có đê 1 vò nước trong, đậy bằng khăn vải trắng, 1 cái chậu đất mới, 1 cái cối nhỏ, 1 cái chày, 1 cái nia, 1 cái dùi, 1 cái sàng, 1 cái rá vút gạo, 1 đôi đũa con và 1 đôi đũa bếp. Còn củi thì chỉ có 1 cây tre tươi, 1 ống tre khô và bụi nhùi đê nhen lửa.

Nhìn quang cảnh, thấy 12 cái bếp lạnh tanh.

Mười hai đôi trai gái, đôi nào theo đôi ấy, đi ra chỗ bếp mình để kiểm điểm lại các vật hạng. Bên trai có mang theo 1 con dao bầy, lắp vào vỏ, thắt đai ngang lưng. Khám xét và kiểm điểm xong, chàng trai cỡi dao

ra để một bên ống tre.

Xong rồi, đôi nào, đôi ấy lại đứng yên, vòng tay cúi đầu bên bếp mình, đợi giờ, chờ lệnh.

Lúc bấy giờ, trong đình làng, chiêng trống nổi lên, trầm hương nghi ngút. Một ông gia lễ xướng lên : « Chấp sự giả các tư kỳ sự ». Ai nấy đều đứng lặng nhìn nhau, lo giữ phận sự mình. Điện tế đã bắt đầu. Ông chủ bái vào quỳ lạy theo lời tán xướng, đủ lễ. Mười hai đôi trai gái dự thí từ ngoài sân đình thông thả, hàng hai, đi vào đình, đứng vào hàng chiếu thứ nhì. Theo lời xướng, trai sụp xuống lạy, gái sụp xuống quì. Chờ trai lạy xong mới đến lượt các cô gái ngồi xếp « tè he » cúng lạy. Làm lễ xong, ai nấy đều trở ra sân đình và đứng bên cạnh bếp mình.

Giữa sân đình nổ 3 phát lệnh : Đùng ! Đùng ! Đùng !

Ba tiếng lệnh ấy làm hiệu cho cuộc thi, đồng thời ban Giám-khảo cũng thắp một cây hương, để quy định thời gian. Trong suốt cuộc thi chỉ được thắp 2 cây hương. Lúc nào cây hương thứ nhì tàn là mãn cuộc (tính theo thời gian

thì 2 cây hương cháy tàn cũng được 20 phút).

Khi nghe tiếng lệnh nổ, 12 đôi trai gái kia đang đứng yên, bỗng như có một sức mạnh gì điều khiển. Trai và gái đều lảng xăng, cuống quít. Trai ra sức cạo hai thanh tre cho ra lửa (như các hướng đạo sinh bây giờ) gái ra sức chẻ ống tre khô làm củi mồi. Khi thấy lửa bắt cháy bụi nhùi, trai trao mồi lửa cho gái rồi dùng dao bầy chẻ cây tre tươi, vót ra từng lớp mỏng tanh, đem tiếp vào bếp lửa mới bén. Giao bếp cho gái giữ, trai lanh chân chạy vào đình lãnh 3 đầu lúa (đựng trong một cái bồ sơn thép đẹp để do một kỳ lão đứng giữ và một bà lão đứng phát phần) rồi chạy ra đổ vào cối, lấy chày giã lia giã lịa. Giã xong, giao cho gái sảy, sàng, dùi. Trai lo đun nước cho sôi kỹ và vót thêm tre để làm củi đun. Gái dùi xong gạo, cho vào rá, vút, vò rồi mới cho vào nồi. Cái nồi ấy đã được phát ra một lượt với lúa, làm đồ đựng.

Khi gạo đã vào nồi, cả đôi trai gái xúm xít bên bếp lửa, người lo đun củi, kẻ lo chẻ thêm tre... lảng xăng toát mồ hôi hột.

Bỗng nghe một tiếng « Đùng ! » Ai nấy biết là cây hương thứ nhứt đã tàn. Ban Giám-khảo lại đốt một cây hương thứ nhì, và chỉ còn một cây ấy thôi, ai nấu cơm chín trước khi cây hương ấy tàn, bưng vào sẽ chiếm được phần đặc-biệt.

Ai nấy đang thấp thỏm chờ nghe phát lệnh thứ hai để báo hiệu cây hương tàn thì đã có vài ba cặp trai gái nấu chín cơm, hối hả bưng nồi vào trình nạp Hội-đồng. Hội-đồng Giám-khảo gồm có 5 ông, 5 bà, toàn là bậc lão thành trong hương đảng. Sau khi Hội-đồng xem xét và ghi số thứ tự thì nồi cơm được đặt trên hương án trước bàn thờ, trong đình làng. Đôi trai gái đã nạp xong « nồi cơm thi » của mình, tươi cười vui vẻ, cùng nhau ngồi đợi.

Đến khi phát lệnh thứ hai nổ đùng một tiếng, báo hiệu mãn cuộc thi thì bếp nào bếp ấy phải dập tắt và các đôi trai gái phải đem nồi cơm của mình vào trình Hội-đồng, dầu còn sống hay chín giở dang cũng mặc, y như học-trò thi nộp quyển vậy.

Hội-đồng họp nhau để chấm bằng cách xem xét kỹ-lượng và nếm các hạt cơm của từng nồi.



Nồi nào mà cơm được trắng trẻo, không khê, không cháy, không khô, không nhão, không sượng, không « đờ lông » thì nồi ấy được nhứt hạng. Xếp hạng xong, một vị bô lão trong Hội đồng trịnh trọng đứng lên xướng danh. Người được thưởng cứ từng cặp trai gái nối tiếp nhau vào lĩnh thưởng, nào khăn điều, nào quạt ngà, nào khăn hàng, nào quạt giấy tùy theo thứ hạng. Chỉ có ba giải thưởng còn mấy phần sau đều có tượng lệ an ủi để khuyến-khích.

Lễ phát thưởng rất vui, vì đây là then chốt của cuộc thi. Dân chúng háo kỳ đứng chật vòng trong vòng ngoài, và mỗi lần một cặp trai gái vào lĩnh thưởng thì người xem vỗ tay vui cười và bàn tán về sắc diện dung mạo của đôi trai gái, rất xôn xao vui vẻ.

Khi cuộc phát phần thưởng xong, 12 đôi trai gái ra đứng song song trước đình làng, cung kính nghe một bà lão trong Hội đồng giám khảo trịnh trọng nói, đại khái như sau:

« — Hỡi các anh các chị. Các anh chị đã trở tài làm tất cả các công việc rất mau chóng để cho từ những hạt lúa đã thành ra những

hột cơm trắng trẻo ngon lành. Vậy các anh chị hãy nghe lời già này dặn đây. Trong việc bếp núc, vẫn biết muốn nấu sao thì nấu, nêm sao thì nêm, mặn nhạt tùy ý và đã đành rằng còn sống thì không sao ăn được mà quá chín thì cũng không hề gì. Nhưng riêng cho việc nấu cơm thì chín quá cũng không được, lâu quá, mà vội quá lại càng không được nữa. Nấu cơm khó ở chỗ phải cho ráo nước mà không khô, mềm dẻo mà không nhão, chín mà không khét, không khê, không « đờ lông » vì nấu dư quá lửa, không có bên ướt bên ráo vì vẫn lửa không đều. Chúng tôi rất khen các chú trai cán đáng công việc mau chóng, lệ làng, nhứt là khen các cô gái biết đủ các lễ lối, tay chân khéo léo gọn gàng, xúc vác đảm đương.

Bà mỉm cười duyên dáng tiếp thêm :

— Nè các cô, làm thân con gái, nấu cơm là một việc cần nhứt trong nghề nữ công. Các cô nhớ lấy nhé! Sau này các cô các cậu ra lấy vợ lấy chồng, già này dặn cho rằng, nếu mình không được là bạc sang cả, dư dề dư ăn, có người giúp việc, trong nhà chỉ có một vợ một chồng thì phải biết giúp đỡ lẫn nhau

trong khi tối bếp tắt đèn, phải cho có đủ nồi cơm trạch cá.

Rồi bà kết luận :

— Nhờ Trời các anh các chị sau này được thành đôi thành lứa.. xin chớ quên lời già này nhé! »

Ai nấy đều vỗ tay tán thưởng những lời nói khôn ngoan và duyên dáng ấy....

Giảng xong, 12 cặp trai gái lại song song bước vào điện trong của đình làng, đứng sấp hàng trên lẫm chiếu thứ hai, sau ông Chánh bái. Chiêng trống lại nổi lên. Ông Chánh bái và 12 cặp trai gái lại làm lễ bái tạ thần linh. Lễ xong, một mâm cỗ linh đình và thịnh soạn được bày ra để thưởng cho 12 đôi nam nữ dự thí, hai bên chia ra hai cánh, nam tả, nữ hữu ngồi quay quần ăn uống chuyện trò rất vui vẻ...

Thú chơi « nấu cơm thi » là một thú chơi vừa tao nhã, lành mạnh lại vừa hợp với phong tục, nhân tình và đời sống thiết thực của dân Việt-Nam lấy cơm làm món ăn căn bản.

« Nấu cơm » đúng như lời bà lão đã nói trên, tuy là một việc tầm thường diễn ra hằng ngày

nhưng lại là tất cả một nghệ thuật.

Người đàn bà, con gái Việt-Nam khéo hay vụng, giỏi hay dở đều được đánh giá qua công việc đầu tiên của nghề nữ công là việc nấu cơm. Câu mắng xấu hổ nhứt đối với người con gái Việt-Nam là câu : « Thứ con gái gì mà nấu cơm không chín ». Câu ấy bao hàm tất cả ý nghĩa hư hèn, vụng về, xấu nét của người con gái, vì con gái mà không biết nấu cơm thì không còn biết gì được nữa, tánh nết ươn hèn. Vì vậy cho nên ở Việt-Nam, từ kẻ nghèo cho đến



người giàu sang, ai cũng dạy con gái ít nhất là biết nấu cơm... chỉ trừ (than ôi!) một số các cô gái con nhà giàu sang, quyền quý cho việc bếp núc là « hạ tiện » không muốn tập tành nấu cơm... cho đó là việc của con sen, dứa ở.

Quan niệm ấy hết sức sai lầm. Các cô không biết rằng chính việc « nấu cơm » là một việc hết sức quan trọng và liên hệ mật thiết đến tương lai và hạnh phúc gia đình của các cô. Danh từ « cơm » thường phải được hiểu theo nghĩa rộng của nó, bao hàm nhiều ý nghĩa thấm thiết đậm đà do chữ « cơm » ghép thành.

Ví dụ như : một người chồng muốn giữ một người bạn ở lại chơi, nói với vợ :

— Em làm « cơm » để mời anh X... ở lại cho vui, có nghĩa là sắm sửa thức ăn, bày biện một bữa cơm thịnh soạn để đãi khách.

Hay là chồng đi làm việc về, âu yếm hỏi vợ : « Có cơm chưa » tức là tỏ ra chàng đang mệt mỏi, đói bụng, muốn ăn.

Hay là chồng đau, vợ đem chén cơm và thức ăn đến bên giường, dỗ dành tha thiết : Mình cố gắng ăn một tí, « cơm thương chứ ai thương » chứng tỏ lòng săn sóc ân cần của vợ.

Câu tục ngữ của ta : « Bán bát mồ hôi đổi lấy bát cơm » cũng bao hàm bao nhiêu ý nghĩa cần cù, lao nhọc để mưu sinh, chứ không bảo giờ ai nói « bán bát mồ hôi để đổi lấy nhà lầu, ô tô. »

Hay là câu « Bát cơm Phiếu Mẫu nhớ ơn ngàn ngày » cũng dùng để tỏ lòng tri ân đối với một người ân nhân đã giúp mình trong cơn hoạn nạn vân vân... và vân vân....

Danh từ « cơm » quen thuộc quá đối với người Việt-Nam phải ăn hàng ngày để sống. Nói đến « cơm » là nghĩ ngay đến người đàn bà Việt-Nam vì từ cổ chí kim, theo tục lệ của ta thì cơm phải do người đàn bà nấu, « cơm » là bao hàm ý nghĩa của bồn phận tề gia, nội trợ cao quý của người đàn bà Việt-Nam. Mâm cơm của người đàn bà Việt-Nam là tượng trưng hạnh phúc của gia đình, của sự sum họp chồng, con, thân quyến. Mâm cơm cũng tượng trưng cho tình giao hảo bạn bè, cho sự kết nguyên của đôi trai gái, cho sự yêu đương của đôi vợ chồng son trẻ... chẳng thế mà đêm tân hôn, hai vợ chồng mới cưới lại cùng nhau ăn « mâm cơm Tơ hồng » trước khi động phòng hoa chúc. . ?

**TÔN-THẤT-CẢNH**



*Xuân vạn vật lại về theo năm tháng  
Vòng chuỗi trắng tròn khuyết, nước vơi đầy,  
Hoa tung bùng khoe sắc gởi ngàn cây  
Gió xuân nhẹ ! hương xuân tràn bốn hướng.*

*Nhưng người Việt hương xuân nào trọn hưởng  
Khi Bắc Nam còn ngăn cách dòng sông!...  
Chia giang san, chia cắt cả muôn lòng !  
Hai quan-tái, tám lần xuân ly-hận.*

*Trông mai nở lòng càng thêm vương-vấn  
Bốn phương trời mờ-mịt khói tương-tranh  
Ruộng vàng hoe nhầy-nhựa máu dân lành !  
Thôn âm đạm hấp-nhô vành tang trắng.*

*Mơ áo Tết trẻ thơ ! Giã cay đắng !  
Bên vệ đường, góc chợ đón Xuân qua !  
Kiếp lênh-đênh Tết không cửa không nhà,  
Hương khói quện chén cơm thừa dưa hấu lạt...*

*Xuân ! Xuân hơi ! về chi thêm bi-đát ?!  
Xuân toàn dân chờ đợi đến bao giờ ?  
Xuân Thanh-bình dịu-dịu đẹp như mơ,  
Đoàn chim trắng, trời xanh thay khói súng*

*Lửa binh chìm, lũ tàn hung chìm lụng  
Lững non sông vang khúc hát yêu thương...  
Hoa tương thân đua nở lấp sa-trường,  
Cây tương-ái chung xây cầu vĩ-tuyến.*

*Xuân hạnh-phúc, Xuân toàn dân quuyến-luyến  
Hương lúa vàng, no ấm khắp Quê-hương,  
Đời yên vui thôn xóm đến phố-phường  
Xuân bắt diệt ! Xuân lòng người mong ước.*

**★ MẠNH-TRANG**  
(Hậu-Giang)





đồng áng như bò, trâu, thê nên ngoài sự dùng nó để bắt chuột, người ta nuôi mèo là để nuôi chơi, nuôi làm cảnh, như chơi một môn đồ mỹ-thuật. Mà khi loài người biết chơi đồ mỹ-thuật là đã văn-minh rồi vậy.

Các nhà khảo cứu đều nói rằng loài mèo đến sông với người kể đã có trên 4.000 năm. Còn loài mèo có mặt trên trái đất từ bao giờ thì khoa Địa-chất-học định cho ở thời kỳ Trung - tân thế đệ-tam kỷ (miocène), căn cứ sự tìm thấy ở lớp đất thuộc

thời.kỳ ấy những cô-sinh-vật có hình dạng giống như con mèo ta nuôi bây giờ, nhất là loại «felis zitteli» thì không khác con mèo chút nào.

Giáo sư Dechambre d'Alfort nghiên cứu nguồn gốc các loài thú, báo rằng tổ tiên của giống mèo là giống chồn và vượn ở rừng thẳm Đông-Nam. Đó là khoa học, còn về mặt thần thoại thì có một chuyện tích

**m**ột nhà khảo cứu người Trung-hoa, khi nói về con mèo, có báo rằng khi loài người biết nuôi mèo là loài người đã có một trình độ văn minh tiên bộ khá rồi. Mà thật vậy, vì rằng mèo là con vật không phải nuôi để ăn thịt như gà, heo, hay để làm việc

CON MÈO

của Ấn-độ kể rằng: nhờ Chúa Trời bảo trước cho, ông Ngã đóng một chiếc tàu to và cùng gia quyến thoát khỏi nạn lụt Hồng-thủy tràn ngập cả địa-cầu. Trên tàu ấy, có chở theo mỗi loài thú một kiểu-mẫu hầu sau lụt tạo lại thế giới. Trong lúc lênh đênh giữa trời và nước mênh mông ấy, một con khỉ đực buồn tình mới lò dò ve vãn một con sư tử cái. Sự

thủy và sau hết các loài thú khác.

Có một chuyện tích khác gốc ở tỉnh Quảng-Đông nói về sự tích con mèo như sau: xưa, có bảy ni-cô tu đã lâu đắc đạo nên bay lên trời để thành Phật. Khi đến nửa lừng, mây cô mới nhìn xuống lại hạ giới một lần chót để giã biệt hẳn từ đây. Thì thấy có người đang làm cá. Đã bao lâu rồi trai giới tu hành, nay thầy cá, mây cô sanh lòng thèm, mới bảo nhau trở xuống ăn một bữa cá cho đã mệnh rồi lên trời cũng vừa Vì ý đó, tỏ ra lòng trần chưa sạch, nên bảy ni-cô không thành Phật được, và phải ở trần tu lại. Một thời

trong văn học

ĐÔNG - TÂY  
KIM CỎ

★ TỪ-TRẦM-LỆ

phôi hợp giữa hai con thú ấy sanh ra hai con thú, một cái, một đực, không giống khỉ mà cũng chẳng giống sư tử: giống mèo sanh ra từ đó; như vậy là bắt đầu có mặt trên trái đất hồi lụt Hồng-



gian qua, đã nên công, bầy cô mới mở rương ra để lấy áo đạo bào mặc hầu về trời. Thì số áo đã bị chuột cắn nát hết cả từ hồi nào rồi. Không áo đạo bào, bầy cô không về trời được. Sau đó, chết đi, sanh làm con mèo. Bởi vậy, do căm thù giồng chuột đã hại mình ở kiếp trước, nên mèo chuyên bắt chuột ăn thịt để báo thù, lại có tính thích ăn cá.

Tra sách sử, thầy nói vào khoảng thế kỷ 22 trước Tây-lịch, người cổ Ai-Cập có nuôi mèo và xem mèo vào hàng những vật thiêng liêng. Dân Ai-Cập là dân-tộc cổ hơn hết và là dân-tộc văn minh hơn hết trên thế giới vào thời buổi ấy. Trước hơn tất cả các dân tộc khác, họ đã có một cách thức viết chữ, và nước Ai-Cập tổ hợp lại thành một đại Quốc-gia có tổ chức đàng hoàng. Tuy nhiên, vẫn là người cổ sơ, trước những « sức mạnh của trời đất », họ bắt lực và không hiểu được nguyên ủy, nên kinh sợ và khiếp phục, do đó họ thờ rất nhiều thần. Họ thờ Mặt-Trời, Mặt-Trăng, họ thờ sông Nile. Họ tượng hình một số thần với mình người đầu thì là đầu thú, hoặc mình thú đầu người. Họ cũng thờ thú vật, vì

những sinh vật này tuy không biết nói nhưng hiểu biết lắm điều, do đó, đối với họ, có vẻ thần bí và thiêng liêng. Con mèo được họ sùng bái và thờ như một vị thần. Nữ thần Bast của họ đầu mèo, mình người. Sử gia Hy-lạp Hérodote (khoảng 484 — khoảng 425 trước Chúa Giáng sinh), vẫn được mệnh danh « người Cha của lịch sử » (le Père de l'histoire) có viết : « Khi nhà bị hỏa hoạn, người Ai-Cập không lo chữa lửa cho nhà cửa, mà chỉ lo cho mấy con mèo của họ. Nếu có con nào nhào vô lửa chết, họ buồn rầu, đau xót lắm... » Sử gia Diodore de Sicile, đồng thời với Auguste César (63 trước C.G.S. — 14 sau C.G.S.) cũng có viết : « Ở xứ Ai cập, kẻ nào dù vô tình hay cố ý làm chết một con mèo thì phải đền bằng sinh mạng của mình. Dân chúng đồ xô đền giết kẻ ấy, dù nhà vua can ngăn cũng chẳng được ». Khi trong nhà có một con mèo chết, cả nhà lớn nhỏ đều gọt chân-mày để tỏ sự buồn đau, xác mèo thì được đem ướp thơm bó lại, đặt vào một « quan tài », và đưa đi chôn cất trọng thể trên một đỉnh núi.

Đền khi nước Ai-cập sụp đổ vì họa ngoại xâm, giồng

mèo không còn trọng vọng nữa, phải ra đi lưu lạc khắp nơi. Đã từng lên voi, đây là thời kỳ xuống chó của giồng mèo. Dân chúng Âu-châu, lúc bấy giờ, rất mê tin dị-đoan. Con mèo bị họ coi như là con vật của quỷ Satan và quỷ Satan sai nó đi cám dỗ người. Chỉ những bà thầy phù thủy mới có nuôi mèo, loại mèo mun. Do tin tưởng ấy giồng mèo bị truy nã và bị thẳng tay tàn sát, nhất là những khi mùa màng bị thất bát, hay có một tai họa gì xảy đến cho dân chúng thì giồng mèo bị đổ quyết là thủ-phạm. Ở Ba-Lê, mỗi năm, đền ngày lễ thánh Jean, dân chúng ráo riết săn mèo bỏ đầy bao, và treo từng con lên đập cho đền chết.

Cho đền thế kỷ thứ 15, các đạo Thập-tự quân (les Croisés) sang giải thoát Jérusalem, khi về, mang theo trong lòng tàu vô số chuột cống đen. Giồng này sanh sôi nảy nở rất mau chóng tràn lan cùng các hầm chứa vật thực, vựa lúa, nhà bếp, v v... Trước cái nạn chuột, người ta đành phải dùng dưỡng mèo. Khi chuột bớt đi, mèo lại bị xua bỏ như trước. Đền thế kỷ 18, mèo lại được tìm kiếm để trừ nạn chuột xù do những thuyền buôn Á-đông

« nhập cảng » vào Âu-châu. Từ đó, mèo được trọng dụng, nhưng cũng chỉ ở một địa vị khiêm nhường thôi. Đền đầu thế kỷ 19, một số nước Á-đông gọi sứ thần sang Âu-châu. Những người này đều mang theo những đồ vật bản xứ quý báu và lạ lùng. Sứ thần Ấn-độ đã bày ra cái « mốt » uống cà-phê. Sứ thần Xiêm có tặng cho hoàng-hậu Pháp một con mèo Xiêm tuyệt đẹp. Và, kể từ đó, từ địa vị con vật hữu ích ở xóm bèo, con mèo bước lên bậc con vật xa xỉ nằm bên chủ ở ghế bàn nơi phòng khách.

Ngày nay thì con mèo cùng con chó ở cái địa vị cao quý tốt bậc mà giồng người dành cho những loại thú nuôi trong nhà. Trên khắp thế giới, nhất là ở Âu Mỹ, có rất nhiều « hội Mèo ». Nói riêng ở Ba-Lê, có những hội như : La Fédération Féline Française, Le Club des Amis des Chats, Le Cat-Club de Paris, Le Cercle Félin de Paris, L'Association Féline de Paris... Ở những tỉnh lớn lại còn có những « hội mèo » địa phương. Mỗi năm đều có những cuộc đấu xảo mèo, thu hút rất đông đảo người đến nhìn ngắm, thưởng thức vẻ đẹp của những



con mèo xinh lịch từ khắp nơi đổ về dự cuộc. Những con được giải thưởng được người trả mua với một giá rất cao mà ta không ngờ được. Hội « Amis des Chats » có một cơ quan chánh thức là tờ « Le Chat Beauté », trong đó cũng có mục « Tìm bạn bốn phương » hẳn hoi để cho mèo tìm bạn. Giới văn-ngệ có nhiều người tiếng tăm gia nhập câu-lạc-bộ này như Jean Cocteau, Colette. Người Anh có tiếng rất thương giống mèo, tuy nhiên, nếu bạn có sang sống ở nước Anh, bạn nên nhớ rằng cần phải có một giấy phép của bộ Công-Chánh mới được dắt con mèo của bạn đi dạo nơi vườn hoa công cộng. Năm 1953, Tổ-chức Liên hiệp-quốc có lập một thỏa-ước với « Mèo Hội Mỹ » (Société féline américaine) để hội này cung cấp cho một con mèo « hiệu chiến » hầu đẹp bọn chuột quây phá tòa nhà mới của Liên-hiệp-quốc ở Nữ-Uớc.

Trên địa hạt quân sự, chắc các bạn cũng có biết về con mèo Simon của chiến-hạm Anh quốc Améthyst được gắn khuê

bài nhờ chiến công táo-thanh lũ chuột trong hầm tàu trong lúc chiếc chiến-hạm này bị pháo-kích khi vào sông Dương tử. Trong trận thê-chiến vừa qua, trên báo chí thường có nói đến con mèo một cách đặc biệt. Như một con mèo đã theo trên một phi cơ phóng pháo đi dội bom, và đã « bay » tất cả được 24 000 cây số. Như cô mèo tên Mai-zie trên một chiến hạm bị thù lồi đánh chìm phải lênh đênh trên biển cả trong 56 tiếng đồng



hồ trên một chiếc ca-nô cùng sáu thủy thủ và chính nhờ có nó mà nhóm người sống sót kia mới không ngã lòng, tuyệt vọng. Đó là chuyện mèo « đời nay ». Hồi « đời xưa », mèo cũng có ghi một thành tích quân sự rất oanh-liệt. Chắc các bạn không lạ chuyện nguyên-soái nước Tê là Điền-Đan, hồi thê-ký thứ V, đã dùng chiến thuật « giặc trâu » phá vỡ đại quân Yên đông gấp ba lần vây thành và sắp hạ được thành, mà ông bạn Tân-Phong có biên thuật lại trong số Phò - Thông Xuân Tân-Sửu ? Chiến tích ấy của trâu, mèo đâu có kém, nhất là khi được xử-dụng do một tướng lãnh danh lừng kim cổ đã từng làm bá chủ cả gần hết cựu thê giới : Thành-Cát Tư-Hãn. Số là, trên đường viễn chinh, đạo quân kỵ danh vang của Hãn, thê mạnh như chẻ tre, đến đâu thắng đó, nhưng khi đến vây thành Lệ-Chi ở miền Nam nước Tàu thì gặp phải sự chông giữ mạnh mẽ và nhất là dẻo dai của quân trong thành. Hãn mới bắn thư vào thành bảo hãy nạp một ngàn con mèo và mười ngàn con chim én thì

Hãn sẽ rút quân đi. Viên tướng giữ thành lấy làm kỳ lạ cái yêu sách ấy, nhưng lại nghĩ bọn rợ kia vốn mê tín, dị đoan hẳn đòi những thú vật ấy để chúng tế thần. Chúng đòi mèo và chim én, thì cứ đem mèo và chim én cho chúng, miễn điều cốt yếu là giải thoát được thành. Nên truyền bắt đủ số mèo và chim én bỏ vào sọt đồng xuống chân thành cho quân Hãn đến thu nhận. Trong thành yên tâm chờ đợi Hãn rút quân, thì bỗng thấy vô số những hòn lửa hoạt-động leo trèo lên mặt thành và trào vào trời, hằng hà cực lửa bay vun vút nhắm những mái nhà trong thành đổ xô đến. Chỉ trong giây phút, cả thành đã hóa thành một biển lửa. Thì ra Hãn đã dùng mưu : buộc vào đuôi mèo và đuôi chim én những bấc tẩm dầu, rồi châm lửa đốt bấc. Bị lửa cháy đuôi đau điên, 1.000 con mèo rùng lên kinh khủng chạy nhào tới leo tuốt lên mặt thành, còn 10.000 con chim én thì bay riết về ổ trên những mái nhà trong thành. Bị trận

hỏa công ấy, bên trong mở cửa thành chịu hàng.

Trong các bộ môn văn-nghệ, con mèo có được một địa vị rõ ràng. Nhiều nghệ sĩ đã dùng mèo làm kiểu đề nắn tượng hoặc vẽ tranh. Trước kia, hoàng hậu Eugenie, vợ Nã-Phá-Luân đệ tam, từng có với một họa sĩ nức tiếng đương thời vẽ hình con mèo của bà. Những bức họa con mèo của họa sĩ trứ danh Nhật-bản Foujita rất có tiếng. Hình con mèo được dùng làm nhãn hiệu cho nhiều môn vật-dụng toàn hạng đặc tiến như: rượu con mèo, thuốc lá con mèo... Ở sách báo ngoại quốc, thường có những hình quảng cáo vẽ một thiếu nữ đẹp mà trong tay thì có ôm một con mèo. Trên đĩa hát âm nhạc có thể nói được rằng con mèo là bạn của giới nhạc-sĩ. Mozart rất yêu thích mèo, và ngay từ hồi còn nhỏ, ông thường bỏ đàn ngay đang giữa bản để chơi với con mèo của ông. Scarlatti, Sacchini, Rimsky Korsakow, Stravinsky, Ravel, Tchaikowsky, mấy phổ-khúc gia lừng danh này đều có tác phẩm rất hay, lấy con mèo làm đề-tài. Những họa-sĩ ở hai thế kỷ 17

và 18, khi vẽ những ban nhạc thú vật, luôn luôn chọn con mèo là con thú duy nhất biết xử dụng nhạc khí. Trong chuyện thần tiên « Bạch Miêu nương » của Perrault, cũng có một « sen » hay ho và ngộ nghĩnh: những con mèo nhạc sĩ và những con mèo ca sĩ đàn và hát cho ông hoàng từ nghe. Trong văn-chương, hình ảnh con mèo càng có nhiều hơn nữa. Văn hào Charles Dickens có một con mèo bị bệnh điếc mà ông tụng tiu lắm, còn nó thì nó cũng rất « cứng » ông. Khi ông viết, luôn luôn nó nằm bên cạnh tay ông trên mặt bàn viết, và khi nó tỉnh cho ông làm việc bao nhiêu ấy là vừa rồi không nên làm thêm nữa, ấy thế là nó đứng lên bước đến tắt ngọn nến đi. Văn sĩ Samuel Johnson có con mèo tên gọi Bonhomme, ông thường bồng nó trên tay đi chợ cá mua hầu cho nó ăn. Ông bạn đồng nghiệp của ông, văn sĩ Boswel thì, trái lại, rất ghét mèo. Mấy văn sĩ Pierre Loti, André Theuriet, Anatole France đều có nói đến con mèo một cách yêu chuộng trong tác phẩm

của mình. Victor Hugo mỗi khi tả một cảnh gia đình âm cúng không quên lồng trong đó hình ảnh con mèo. Nữ văn hào Colette có quyển truyện dài « Con mèo cái » rất nổi tiếng. Chuyện ngắn « Có một chuyện mèo » của Jean Cocteau nhuộm một màu sắc Liêu-traï rất hấp dẫn. Văn hào Pouchkine đã dùng một con mèo triết-gia vai chánh trong đoạn mở đầu của quyển chuyện thần tiên của ông. Con mèo này bị buộc vào một cây cổ-thụ bởi một sợi xích bằng vàng. Ngày tiếp đêm, nó xoay vòng quanh cây cổ-thụ vừa hát những bài hát khi nó đi theo chiều cây kim đồng hồ, và kể chuyện tích khi đi chiều ngược lại. « Con mèo mang hia » trong chuyện thần tiên của Perrault, cũng biết nói và rất láu lỉnh làm mưu này, kẻ nọ, giúp cho chủ nó trở nên giàu có và được nhà vua gả công-chúa cho. Thi hào Paul Léautaud rất thương yêu thú vật, mà giống mèo chiếm địa vị cao hạng hơn hết. Trong khu vườn nghĩa địa của ông, « gia quyến của ông » nằm đây gồm có: 130 con mèo, 26

con chó, 1 con dê cái, 1 con khỉ và 1 con quạ. Và khi chêt đi vào tuổi 84, nhà thi hào ân dật ấy để lại một đừa con mèo côi: con mèo cái Betsy Một con mèo chêt đuôi trong một cái bồn nuôi cá vàng đã làm đề tài cho thi sĩ Thomas Gray viết nên một thiên bi ca đề tiếng. Trong phim « Chuyện một con cá vàng » đã từng được giải phim ngắn ở Hội Điện-ảnh Cannes, có một chú mèo giữ một vai chánh. Trong « Nhật ký của Anne Frank » có con mèo tên Mouschi giữ một địa vị quan trọng. Điện-ảnh gia Steven đem chuyện ấy lên màn ảnh, và con mèo Angora, của nhà họ Perkins, đóng vai con Mouschi. Văn sĩ danh tiếng Marcel Jouhandeau, khi làm việc, thì luôn luôn trên mặt bàn có con mèo yêu của ông tên Belle và mấy chú gà con. Văn-hào Hemingway khi rút về cái trại của ông ở bờ biển để rồi hai năm sau đó cho ra đời tác-phẩm « Lão ngư ông và biển cả », ông bề môn làm việc với 47 con mèo của ông. Không thích mèo có văn hào Buffon (thế kỷ 18) đã lên án con mèo nào là bất nghĩa,



vô ơn, ăn cắp, nịnh hót, giả trá lắm thủ đoạn. Văn sĩ Boileau có một bài biện hộ cho mèo đáp lại Buffon, Văn hào Edmond yaloux cho rằng con mèo có một linh giác thứ sáu, nhờ đó nó phân định được người tốt, kẻ xấu. Văn sĩ Việt có Tô-Hoài với một ngòi bút dí dỏm, sắc sảo độc đáo, vẽ lên hình dáng cùng điệu bộ rình bắt chuột của mèo một cách rất linh động trong chuyện « O chuột ». Văn hào Lỗ-Tàn của Trung-hoa có một thi tự thuật vì sao ông thù cay ghét đáng giống mèo. Về thơ mà có đề cập đến mèo thì trước hết phải kể nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine, vì « thơ mèo » của ông nhiều là nhiều. Con mắt của mèo đã mê hoặc lắm thi sĩ, trong số đó có Beaudelaire đã ca - tụng cái nhìn của nó « trộn lẫn kim khí và đá mã-nã », « cát và chẽ như một ngọn mác » (dard), và những « mảnh vàng » của « đôi đồng tử thần bí » của nó. Tú-Mỡ có bài thơ « Con Mèo »:

Mèo là một thứ hùm bé tí,  
Thân hình nhỏ nhen nhưng trí  
khí chẳng nhỏ nhen

Ta hãy nhìn : dáng nó đi ra chiều  
tu lự

Khinh khỉnh, trông đời bằng  
nửa con người.

Nó tìm nơi ấm cúng, cao ráo để  
nằm ngơi.

Bộ phê phỡn như một ngài  
trưởng giả.

.....  
Trông mặt mà bắt hình dung

Trong gia súc, nó xem chừng  
cao thượng nhất.

Phò nhà chủ, còm ăn chuột bắt  
Nó chẳng chui luồn, khuất tất  
một ai.

Ai vuốt ve nó cũng vuốt ve chơi.

Ai giở mặt, nó tức thì giở mặt,  
Dưới bàn - chân nhưng liền  
giương vuốt sắc

Quào kẻ xấu chơi rồi nhảy phắt  
lăng xa ngay...

Thơ cổ, có bài « Con Mèo »  
của Lê-quí-Đôn:

Cũng thì nanh vuốt kềm chi đầu  
Chữa biết mèo nào cắn mũi nào,  
Giống lịnh tỳ hưu tài nhảy nhót,  
Ra oai hùng hổ tiếng bào hao.  
Ngắm xem biết mẹo trèo từ thấp  
Khúm núm thu hình thoát nhảy  
cao

Chỉ quyết phen này vồ lấy cống  
Rồi lên đài các sẽ nghêu ngao.

Trong ca dao và đồng dao Việt, hình ảnh con mèo rất quen thuộc gần gũi :

— Con mèo con mèo con meo  
Muốn ăn thịt chuột thì leo xà  
nhà.

— Con mèo đập bẻ nời rang  
Con chó chạy lại phải mang lấy  
đòn.

— Con mèo con chuột có lông,  
Ông tre có mắt, nời đồng có  
quai

— Con mèo nằm bõ lúa vinh  
râu

Thấy con chuột chạy, góc đầu  
kêu ngao.

— Mèo lành ai nỡ cắt tai,  
Gái hư chồng dề, kêu nài ai  
thương.

— Con mèo con mèo con meo,  
Ai dạy mầy trèo, mầy chẳng  
dạy tao,

Mắt mi xanh sáng như sao,  
Móng mi bén ngọt, tiếng ngao  
dạy trời.

— Mèo mèo mèo meo

Mèo đừng ghẹo trã

Tao bẻ mèo ra

Tao tra vào dĩa

Tao quây mèo đi.

Sách « Miêu kinh » có nói về tướng con mèo :

Miêu nhi thân đoản tối vi  
lương,

Nhân dụng kim ngân, vĩ dụng  
trường

Diện tợ hồ oai, danh chấn  
hám

Vấn chi, lão thử lập thời vong

Có nghĩa là :

Mèo thân ngắn rất tốt,  
Mắt thì màu vàng hay bạc,  
đuôi thì dài,

Mặt như mặt cạp, tiếng kêu to  
Chuột già nghe thấy tức thì  
chết ngay.

Và :

Lộ trảo năng phiến ngỏa  
Yêu tràng hội tầu gia  
Diện trường kê chủng tuyệt  
Vĩ đại lân như xà.

Có nghĩa là :

Móng chân ra ngoài, hay nằm  
mái ngói,

Lưng dài, hay trèo xà nhà  
Mặt dài hay bắt gà

Đuôi to lười nhác như rắn

Mèo quý là mèo « tứ túc mai hoa, bạch xà quần cổ », nghĩa là bốn chân trắng, cổ có một khoan trắng Quý hơn hết là thứ mèo tam thể một con mắt trông vàng, một con mắt trông bạc. Có câu rằng :

« mèo đen rưng rức, cả nhà sức khỏe, mèo dôm tứ túc, hao tổn tiền tài. Và người mình thường tin tưởng « Mèo đen nhà thì khó, chó đen nhà thì giàu », do ở sự con mèo kêu « ngao », gần giống âm với tiếng « nghèo » còn con chó kêu « gâu » trái trại âm tiếng « giàu ». Có người đã bác cái ý niệm trên, dựa vào câu nầy « Miêu lai phú, cầu lai khai đường phở », có nghĩa là « Mèo đen nhà thì Có, chó đen nhà thì mờ hiệu cầm đồ. »

Vả lại, theo sự chúc ước lỗi tượng trưng giả tá của Trung-hoa, con mèo tượng trưng sự sống lâu, vì con mèo chữ Hán là *Miêu*, phát âm mường tương với tiếng *Mạo*, mà trong kinh Lễ có nói : « người già tám, chín mươi tuổi kêu là *Mạo* ». Cũng như con bướm, chữ Hán là *điệt*, phát âm gần giống với tiếng *điệt*, thì trong Khuyết văn có nói : « ông già tám mươi tuổi kêu là *điệt* ». Do đó, những bức tranh chúc thọ thường

vẽ con mèo và con bướm. Có bức « Phước Thọ đồ » vẽ hình một con mèo đứng trên một tảng đá, đang vờn một đóa hoa. Có những lọ sứ vẽ một người đàn bà ngồi, cạnh bên có một con mèo tam thể (thọ), với hai con bướm chập chờn bay (thọ), sau lưng có một người đàn bà hai tay bưng trái lựu (« đa tử », trái lựu tượng trưng sự đông con, vì nó có nhiều hạt, và chữ « tử » là hạt cũng có nghĩa là con); bức vẽ nầy ngụ ý chúc được đông con và thọ lâu dài. Như vậy, con mèo đâu phải mang cái nghĩa chẳng hên, đâu phải là con vật hèn, mà trái lại.

Chuyện về con mèo cũng còn nhiều, nhưng bài đã khá dài, còn phải để chỗ cho anh em, tôi xin kết thúc nơi đây, luôn tiện nhân dịp Năm Mới, mà lại là năm Mèo tôi gửi đây đến chúc Tân - Niên các bạn bằng hình-ảnh Con Mèo mang ý nghĩa nói trên.

TỪ-TRÂM-LỆ



NĂM QUÝ - MÃO



★ Thái Văn Kiểm

LẠI một năm qua với âm-lịch, cái lịch đã xuất hiện từ năm 2.637 trước Công-Nguyên, đứng vào năm 61 đời Hoàng-Đê bên Trung-Quốc. Như thế là kể cho đến năm 1963, người Á-Đông chúng ta đã ghi được 4.600 năm.



**I. - ÂM LỊCH VÀ DƯƠNG LỊCH**

Thời-gian Á-Đông chia ra từng thế-kỷ 60 năm, gọi là vận-niên lục giáp (cycle sexagésimal). Chúng ta hiện đang ở trong khoảng lục-giáp thứ 77 (1924 - 1984). Mỗi lục giáp kết hợp 10 thiên-can (trons célestes) và 12 địa-chi (branches terrestres), giáp vòng là

60 năm, tức là bội số chung nhỏ nhất (plus petit commun multiple) của 10 và 12. Nói một cách khác, cứ 60 năm qua thì lại có một năm QUÝ-MÃO (1903, 1963, 2023).

THẬP CAN gồm có : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Ý-nghĩa của Thập-can có ghi rõ trong bản đồi chiều sau đây :

THẬP CAN	Ý NGHĨA	NGŨ HÀNH
Giáp Ất	Gỗ động Gỗ tĩnh	Mộc ↓ sinh
Bính Đinh	Lửa động Lửa tĩnh	Hỏa ↓ sinh
Mậu Kỷ	Đất động Đất tĩnh	Thổ ↓ sinh
Canh Tân	Kim động Kim tĩnh	Kim ↓ sinh
Nhâm Quý	Nước động Nước tĩnh	Thủy ↓ sinh

THẬP NHỊ CHI gồm có : Tí (chuột), Sửu (trâu), Dần (cọp), Mão (mèo, thỏ), Thìn (rồng), Tỵ (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (heo). Những ý-nghĩa trên đây chỉ có tính cách ước-định (conventionnel) mà thôi.

Cứ mỗi năm, người ta lấy một chữ ở Thập-can ghép với một chữ ở Thập-nhi-chi, theo đúng thứ tự trên kia, thành một song-tự (binôme) để chỉ định năm đó, ví dụ như sau năm Nhâm - dần (1962) là năm Quý-mão (1963), sau năm Quý-mão là năm Giáp-Thìn (1964), v.v...

Như vậy, cứ trong vòng 60 năm thì bộ Thập-can luân chuyển 6 lần (10 x 6 = 60), còn bộ Thập-nhi-chi thì luân chuyển 5 lần (12 x 5 = 60).

Thật ra, cái âm lịch của ta là một thứ lịch nhật-nguyệt, một âm-dương-lịch (calendrier luni-solaire), là vì nó đóng theo sự chuyển-vận của mặt trăng chung quanh trái đất trong 12 tháng là 355 ngày, đồng thời nó cũng phải đóng theo sự chuyển vận của trái đất chung quanh mặt trời là 365 ngày. Vì lẽ đó, cứ ba

năm thì âm-lịch phải thêm một tháng nhuận (treizième mois intercalaire) vào giữa tháng 3 và tháng 4 của năm nhuận (année bissextile).

Mỗi tháng của âm-lịch chia ra làm 3 tuần : thượng tuần, trung tuần và hạ tuần. Mỗi tuần chia ra làm 10 hoặc 9 ngày, tùy tháng đủ tháng thiếu. Mỗi ngày chia ra làm 12 giờ. Mỗi giờ mang tên một trong 12 chi.

Mỗi năm bắt đầu là Nguyên-Đán, cũng có tên là Đoan - Nhật, Nguyên - Nhật, Chính - Đán, Tam - Nguyên, Tam-Triều, Tam-Thị, nghĩa là 3 lần đầu : đầu năm, đầu mùa và đầu tháng. Ngày lễ Nguyên-Đán ta thường gọi là TẾT, do chữ TIẾT trong thời-tiết, tiết-lễ mà ra. Cũng có người cho rằng chữ Tết do tên của TIẾT LIÊU dâng bánh chưng cho vua cha là Hùng Vương nhân ngày Nguyên-Đán. Sở dĩ Hùng Vương đã trao giải thưởng cho Tiết-Liêu là vì tuy chàng là con út con nhỏ bé mà đã biết dùng nếp và đậu là hai thứ ngũ-cốc đầu tiên và quý nhất của nhân-loại.

**II. — NGUYÊN-NGHĨA  
HAI CHỮ QUÍ MÃO**

Theo Tự-diễn Khang - Hy, chữ *Quý* 葵 là do chữ *Qui* 歸 (nghĩa là về), hay là do chữ *Quý* 揆 (nghĩa là đo đạc).

Theo bốn mùa : *Quý* thuộc mùa Đông

Theo bốn phương : *Quý* thuộc phương Bắc

Theo ngũ hành : *Quý* thuộc Thủy

Trong một lục-giáp (1924-1984) chỉ có 6 năm mang chữ *Quý* là :

- Quý* dậu 1933
- Quý* mùi 1943
- Quý* tị 1953
- Quý* mão 1963
- Quý* sửu 1973
- Quý* hợi 1983

Chữ *Mão* 卯, (có người đọc là *Mẹo*) theo Tự-Diễn Khang Hy giải nghĩa là *Mậu* 茂 (nghĩa là tươi tốt), hoặc là *Mạo* (nghĩa là trộm đội trên đầu) ; Theo âm-lịch lấy tháng hai làm tháng *Mão*, là vì tháng ấy khí dương phát sinh muôn vật, cỏ cây tươi tốt bao trùm khắp mặt đất.

Theo ngũ hành : *Mão* thuộc Mộc

Theo bốn phương : *Mão* thuộc phương Đông.

Trong một lục giáp (1924-1984), chỉ có 5 năm mang chữ *Mão* là :

- Đinh *Mão* 1927
- Kỷ *Mão* 1939
- Tân *Mão* 1951
- Quý *Mão* 1963
- Ất *Mão* 1975

**III. — NHỮNG ĐẶC  
TÍNH CỦA CON MÈO**

Nếu chúng ta mặc nhiên công nhận *Mão* là *Mèo*, thì chúng ta cũng nên biết những đặc tính kỳ lạ của nó. Theo sách *Bì Nhã* : Con chuột hay phá hại lúa, mà con *mèo* lại hay bắt *Chuột*, để trừ hại cho lúa, cho nên trong chữ *Miêu* 貓 là *Mèo*, chiết tự ra gồm có :

bộ *khuyến* 犭, là để chỉ giống vật có 4 chân, như chó, *mèo*, chồn, khỉ, v.v...

và chữ *miêu* 苗, là *lúa* *miêu* (lúa gieo vừa mới mọc lên).

Sách « *Bản Thảo* » gọi con *mèo* là *Gia ly* 家狸 (con chồn nhà). Con người (prunelle) của giống *mèo* có thể

biên hình, khi to khi nhỏ, tùy theo thời khắc, ví dụ :

*Tị* *Ngọ* *Mẹo* *Dậu* : con người thu nhỏ bằng sợi chỉ.

*Dần* *Thân* *Tị* *Hợi* : con người mở rộng tròn như mặt trăng.

*Thìn* *Tuất* *Sửu* *Mùi* : con người thu hẹp lại như hạt táo.

Tuy nhiên, nếu ta căn cứ vào *Tứ Nguyên*, thì *Mão* có nghĩa là *Thỏ*, ví dụ như :

*Mão* canh là canh thịt *thỏ*.

Theo sách « *Thập nhị tiêu* » trong *Lịch-Thư*, thì năm *Mão* là tuổi con *Thỏ* (*Thỏ*) ; vậy mà theo khẩu truyền, từ *Trung-Quốc* qua *Việt-Nam* lâu đời, con *thỏ* đã biến ra con *mèo*. Theo tôi, sự biến nghĩa này là vì chữ *Mão* cũng có người đọc *Mẹo*, rồi từ chữ *Mẹo* biến thành chữ *Mèo* !

**IV. — ĐUA CHEN THU  
CÚC XUÂN ĐÀO**

Mùa xuân đến với trăm hoa đua nở, đúng với luật thiên nhiên của *Tạo Hóa* là « *Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàn* » có

nghĩa là — mùa xuân sinh ra, mùa hạ làm cho lớn lên, mùa thu thu góp lại và mùa đông tàng trữ, rồi bốn mùa cứ tuần hoàn mãi mãi không thôi.

Tuy thế, mỗi mùa đều có một thứ hoa tượng trưng :

*Đưa chen Thu* <sup>cúc</sup>, *Xuân đào*, *Lựu phun lửa Hạ*, *mai chèo gió Đông*.

và mỗi mùa cũng có một khoái lạc riêng cho mỗi người :

*Xuân* du phương thác dĩa,  
*Hạ* thưởng lục hà tri,  
*Thu* âm hoàng hoa tửu,  
*Đông* ngâm bạch tuyết thi.

Có nghĩa là :

*Mùa Xuân* dạo chơi nơi cỏ thơm,  
*Mùa Hạ* ngắm ao sen xanh,  
*Mùa Thu* uống rượu cúc vàng,  
*Mùa Đông* ngâm thơ bạch tuyết

Ấy thế mà có người thầy *Xuân* đến đã vội lo *xuân* đi với bao niềm nhớ nhung *luyện* tiếc :

*Xuân* đương tới nghĩa là *xuân* đương qua,



## PHIẾM LUẬN VỀ NĂM QUÝ-MÃO

Xuân còn non nghĩa là xuân  
sẽ già,  
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng  
mất.  
Lòng tôi rộng nhưng lượng trời  
cứ chật  
Không cho dài thời trẻ của  
nhân gian,  
Nói làm chi rằng xuân vẫn  
tuần hoàn,  
Nếu tuổi trẻ không hai lần  
thăm lại ?  
Còn đất trời, nhưng chẳng còn  
tôi mãi,  
Nên buông khuông tôi tiếc cả  
đất trời.  
Mùi tháng năm đều rớm vị  
chia phôi,  
Khắp sông núi vẫn than thầm  
tiễn biệt.  
Cơn gió xinh thì thào trong lá  
biếc,



### ★ THƯA NGÀI... THỊT LỪA

— Này anh bồi, bí-tết này là thịt bò hay thịt ngựa mà dai thế này ?

— Thưa ngài, không phải thịt bò mà cũng không phải là thịt ngựa. Nó là thịt lừa. Như ngài đã biết, lừa nó rất khó bảo, nên ngài ăn nó, xin ngài kiên-nhẫn nhai lâu lâu một chút thì mới được.

Phải chăng vì nổi phải bay đi ?  
Chim rộn ràng bỗng dứt tiếng  
reo thì  
Phải chăng sợ độ phai tàn  
sắp sửa ?

XUÂN DIỆU (Vội vàng,

Lời thơ mặc dầu rất điều  
luyện đã chứa chắt những nỗi  
niềm cay đắng, làm như thi-sĩ  
đã đoán trước cuộc đời luân  
lạc nổi trôi của mình trong  
một xã-hội thiêu tình yêu  
thương chân thật.

Trái lại, mỗi độ Xuân về,  
chúng ta đồng thanh ca hát  
khúc nhạc Thanh Bình dưới  
ánh sáng huy hoàng của trời  
Nam bất diệt.

THÁI-VĂN-KIỆM

(Gia-định, Mạnh Xuân Quý Mao, 1963)



một bức  
tranh  
đẹp



**B**A N nhìn vầng thái  
dương nhỏ dần ở chân  
trời, trải trên mặt bề  
một rừng hào quang  
lóng-lánh rung-rinh đầy cả năm  
màu mười sắc, đôi mắt bạn như  
bị thôi miên bởi cảnh vĩ đại của  
vũ-trụ, bạn sẽ nghĩ :

Đó là một bức tranh thiên  
nhiên tuyệt đẹp mà con người  
không sao sáng tạo ra được.

Bạn ngắm một vườn hoa tươi  
thắm giữa cảnh trời xuân huy-  
hoàng. Những cành hoa chi  
ngọn với màu sắc óng ánh, với  
những mùi hương ngào ngạt và  
với bao vẻ ẻo lả xanh tươi, giữa  
đám lá xanh, dưới bóng mặt trời  
vàng rực, bạn cảm thấy lòng  
rộn lên một niềm vui khó tả và  
bạn sẽ trầm trồ khen ngợi :

Một bức tranh xuân tuyệt diệu !

Bạn đọc một quyển sách hay  
của một nhà văn lừng danh trên  
thế-giới. Một dòng chữ là một  
lời vàng ngọc, một đoạn văn  
là cả một kho tàng quý báu,

★ BÀ TÙNG LONG

một tư tưởng, là một sự đánh dấu của sức thông minh của nhân loại, bạn không sao khỏi thán phục và buột miệng thốt ra câu :

Một áng văn chương tuyệt tác !



Bạn đứng trước một đền đài cổ kính, một dinh thự huy hoàng, đó là những công trình kiến trúc của nghìn xưa để lại như Đền Thiên Đền Thích, Kim Tự Tháp, Vạn lý Trường Thành, bạn đứng sờ trước những cảnh vĩ đại do bàn tay và đầu óc con người tạo ra, những cảnh ấy như thi gan cùng tuệ nguyệt ghi lại cho nghìn đời sau những công trình của nhân loại.

Bạn sẽ sung sướng reo lên :  
 Óc thông minh của loài người thật không sao lường được.



Bạn chứng kiến những phát minh của y học, cải tử hồi sinh, phản lão hoàn đồng, chặn đứng các tật bệnh, đuổi xua cái già nua, làm cho đời người không còn rên siết vì sự ốm đau, chán nản vì sự tàn tạ, buồn tủi vì sự điều linh hoặc do thời gian gây ra, hoặc bởi tật bệnh đem lại.



Loài người sẽ lần đi vào cõi hạnh-phúc vô biên, có hưởng thụ mà không bị hành phạt.

Bạn sẽ vui mừng nói :

— Loài người sắp đi đến chỗ toàn thiện toàn mỹ !



Bạn nhìn một đoàn chiến-sĩ,

vai mang súng rập ràng cất bước theo tiếng kèn tiếng trống một cách oai hùng. Bạn sẽ hình dung đến những chiến sự đẫm máu ở sa trường, khói súng mờ, tiếng bom nổ, trời như long, đất như lở, thầy người này ngã xuống, bóng người khác tiến lên. Người ta tưới máu ra để giữ gìn tổ quốc, người ta tưới máu ra để gạt hái thanh bình, không một cái nhăn mày, không một tiếng rên se se.

Bạn sẽ hăng hái nói :

Một bức tranh hùng !



Bạn khâm phục trước những phát minh của khoa học : nào là hỏa tiễn liên lục địa, nào là hỏa tiễn vượt không gian mà rồi nào kim tinh, hỏa tinh, nguyệt cầu nay mai sẽ là một châu hay một quận của nhân loại. Câu chuyện « gõ mặt trăng cho thẳng bé chơi » không còn là câu chuyện của ảo ảnh, loài người sẽ chinh phục tất cả và loài người sẽ là chủ nhân ông của vũ trụ.

Bạn sẽ tắc lưỡi khen :

Hành diện thay cho con người !



Bạn nhìn một thiếu nữ đang ngồi thêu bên cửa sổ. Thiếu

nữ có một khuôn mặt đẹp như hoa tươi, một làn da nõn như trứng bóc, cặp mắt dịu hiền nhìn vào vuông lụa, đương theo dõi mười ngón tay ngồi viết dặt lặn mũi kim, đôi môi như hoa, sóng mũi dọc dừa chạy giữa đôi gò má mịn.

Bạn không khỏi chép miệng thốt ra câu :

Một bức tranh sống động tuyệt tác của Hóa-công !



Bạn nhìn một thiếu phụ mái tóc đã điểm hoa râm, nhưng nhan sắc vẫn còn kiều diễm, đang đứng trước bếp lửa, soạn những món ăn thơm ngát hoặc đi lại dọn dẹp trong nhà, bạn cho đó là một bức tranh linh động của một gia đình hạnh phúc và bạn sẽ nói :

— Một cảnh êm ấm !



Bạn nhìn một bà cụ đầu tóc bạc phơ, ngồi trên chiếc ghế đá trong một ngôi vườn mát mẻ, giữa cảnh hoàng hôn. Bên cụ năm ba đứa trẻ, đang xúm xít để nghe cụ kể chuyện cổ tích. Tỉnh thoảng lũ trẻ reo cười và đôi môi khô héo của bà cụ cũng



dường như tươi lên, đôi mắt bà cụ sáng lại những tia sáng yếu ớt trước cái vui của lũ trẻ.

Các bạn nghĩ :

— Một bức tranh sống đáng yêu !

✱

Bây giờ xin mời bạn xem bức tranh cuối cùng.

Một thiếu phụ nghiêng mình trên chiếc nôi. Người thiếu phụ không đẹp, phục sức thiếu phụ không sang, nhưng thiếu phụ có nét mặt dịu hiền, có đôi mắt trong sáng, trong tình yêu thương tha thiết, có đôi bàn tay mềm mại để thỉnh thoảng ban cho đứa bé những cái vuốt ve êm ái.

Thiếu phụ đang nhìn đứa bé, đứa bé mồm mỉm, tóc lơ thơ, đôi mắt đen lạnh lánh với những cái núm đồng tiền xinh xinh với hai cườm tay nó tròn. Đứa bé đang nhìn thiếu phụ cũng như thiếu phụ đang nhìn đứa bé. Vũ trụ như thu hẹp lại bên chiếc nôi, đôi mắt đứa bé

chưa nhận định được những gì xung quanh nó, nhưng nó đã nhận ra được nét mặt thân, yêu, quen thuộc lúc nào cũng nghiêng mình bên nó. Lúc nó khóc, lúc nó cười, lúc nó vùi vĩnh, nó chỉ thấy có thiếu phụ, thiếu phụ mẹ nó thôi.

Đó là một bức tranh tuyệt đẹp phải không bạn ? Đẹp hơn tất cả những kỳ quan của vũ trụ, đẹp hơn cả những sáng tạo của khoa-học. Không một bài hùng ca nào, không một lời triết lý nào và cũng không một vẻ kiêu-diêm của danh hoa, của quốc sắc nào có thể so sánh được bức tranh mẫu tử này của nhân loại phải không bạn ?

Bức tranh Quan Âm tứ tử.

Bức tranh đức mẹ Maria bằng con.

Loại người chỉ có những bức tranh ấy là đẹp, là đẹp thật thôi và bức tranh ấy còn là nhân-loại còn !

Bà TÙNG-LONG



## ✱ KHÔNG HỀ GÌ

Này, bé con, sao mày lại phi-phạm, lấy khăn của mày mà lau đĩa ăn cho tao thế ?

— Thưa ông, không hề gì, vì khăn của tôi lau mồ-hôi mấy hôm rày, nó đã bẩn lắm, nên bây giờ tôi lau luôn đĩa cho ông rồi đưa giặt luôn thề.

## ★ GIAO-ZDUYÊN (Đà-nẵng)

Con lo buồn vì đời  
Kiếp sống quá chơi-vơi  
Ngày tàn trong mai một  
Không một phút thành-thời.

Con lo buồn vì đời  
Quá đơn-côi giá lạnh  
Tựa như áng mây trôi  
Dưới trăng ngàn cô quạnh.

Con lo sợ ngày mai  
Đời đang vụt bỗng chốc  
Lầm-lạc trong đêm dài,  
Vội tình sầu vô-hạn

Con sợ họa chiến tranh  
Bám lấy mình nhân-loại  
Thieu cháy mảnh hồn con  
Đề thân con ngày đại.

Nguyện cầu xin nơi chúa  
Cứu vớt mảnh thân con  
Thoát ra ngoài nạn-loại  
Và cả mọi cảm-hờn.

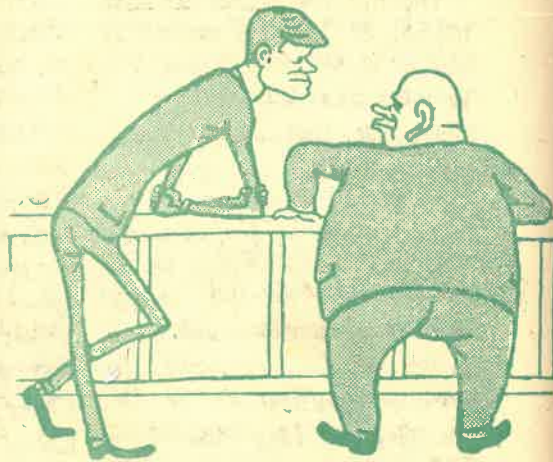
Con oán than trời đất  
Con nguyện rửa chiến-tranh  
Chúng hung - hăng tàn-bạo  
Chúng khát máu vô-tình.

Al ? người xâm - lãng  
Al ? người hiếu - chiến  
Hãy nhìn kia máu chảy  
Chảy lên vạn sinh-linh.

Con lo buồn vì đời  
Sống bơ-vơ vất-vưởng  
Khi là mẹ xa cha  
Khi quê-hương tan-rã

Tim con chừ rung động  
Trí con chừ mệt như  
Con vẫn mãi suy-tư  
Những phút giây vô-vọng..

nhân-loại  
vừa qua  
một cơn  
ác-mộng



★ THIẾU-SƠN

**N**HƯ mọi năm, Xuân năm nay cũng thướt tha, yêu-điệu, rộn-rịp, tung-bùng trở lại với chúng ta trong lương-thời, mỹ-cảnh.

Nhưng khác với mọi năm, Xuân năm nay đã trở lại sau một cơn ác-mộng hãi-hùng.

Chúng ta có cảm-tưởng như được sống lại đề mừng Xuân.

Ta thấy hoa thêm tươi, đời thêm đẹp, tình thêm đậm, nghĩa

Kennedy hỏi Krouchtchev :

— Bô thật muốn chiến không ?

Krouchtchev :

— Ở... ở... muốn... Còn bô ?

— Tôi sẵn-sàng rồi.

— Nói đùa đây Nếu chiến thì chắc tại mình chết trước nhì ! Thôi tớ muốn hòa. Còn bô ?

— Tôi cũng sẵn sàng rồi

— O. K !

— O. K !

thêm nồng, sự sống thêm giá-trị và thơm nức hương Xuân.

Thật-thế loài người đã sống hồi-hộp đề chờ ngày tận-thế khi xảy ra cuộc khủng-hoảng Cuba mới cách đây vài tháng !

Tổng-Tống Kennedy ra lệnh phong-tỏa Cuba, bắt buộc Nga phải gỡ giàn hỏa-tiến và rút máy bay phân-lực đem về nước. Nếu Nga không nhượng bộ thì đã xảy ra chiến-tranh và cố-nhiên là chiến-tranh nguyên-tử có thể tận diệt loài người. Ta chắc gì còn sống sót và đâu có sống sót thì cũng không lòng dạ nào mà thưởng xuân trong cảnh tang-tóc đau-thương của thế-giới.

Nhưng nay, hiềm-họa đã qua, mây mù đã hết, ta cũng nên tìm hiểu những gì đã xảy ra trong những ngày sóng gió bão-bùng đã gây nên ác-mộng.

Nhiều người lấy làm ngạc-nhiên sao ông Krouchtchev, nhượng-bộ một cách quá mau chóng và dễ-dàng, và sao ông Kennedy cũng có thái-độ rất hiền-hòa dễ-dãi, mặc dầu cương-quyết, khác hẳn với thái-độ của một ông tướng sau khi đặc-

thắng thì phải ca khúc khải-hoàn với vẻ mặt hân-hoan tự-mãn.

Lý-do là cả hai bên đều không ai muốn sanh giặc và cả hai bên đều cần phải giữ thề-diện cho nhau.

Thật ra chưa phải là một thắng-lợi của Mỹ mà là một thắng-lợi của Tổng-Thống Kennedy thì đúng hơn.

Nga rút về những loại vũ-khí tấn-công thì Mỹ cũng phải hứa không tấn-công Cuba. Và khi một cường-quốc đã hứa trước thế-giới, trước L.H.Q. thì lời hứa đó không thể coi thường được.

Từ Thế-kỷ XIX, Tổng-Thống Monroe đã xướng ra thuyết « Châu Mỹ của người Mỹ-Châu ». Thuyết đó đã ăn sâu vào tâm-hồn của người dân Mỹ. Họ cương-quyết chống lại sự bành-trướng ảnh-hưởng của người Âu-châu qua đất Mỹ. Riêng đối với Cuba thì họ coi như một khúc ruột của Hoa-kỳ vì hòn đảo này ở sát nách họ, nó nằm trong biển Caraïbes mà biển này vẫn được gọi là « Hò Mỹ » (lac américain).

Vậy mà Fidel Castro lại dám



tách khỏi ảnh-hưởng của Mỹ mà ngã về phe Nga. Đó là một điều dư-luận Mỹ không thể nào tha-thứ được.

Khi ông Kennedy ra tranh-cử Tổng-Thống ông đã hứa với nhân-dân Mỹ sẽ tiêu-diệt chế-độ Castro ở Cuba và ông đã được hoan-nghinh và ông đã được trúng-cử.

Đặc-cử rồi ông không quên lời hứa đó và tăng cường sự giúp-đỡ bọn lưu-vong chống Castro ở Mỹ.

Năm 1961 bọn này chuẩn-bị đồ-bộ lên Cuba và hứa chắc với Tổng-Thống Mỹ rằng một khi họ đề chận lên đất nước của họ thì đồng-chí họ sẽ nổi dậy và nhân-dân Cuba sẽ hưởng-ứng cấp-kỳ.

Tổng-Thống Mỹ cung-cấp cho họ phương-tiện để đồ-bộ và tấn-công. Hơn nữa, ông còn hứa cho không-quân Hoa-kỳ trợ-lực.

Ngày 18 tháng 4 năm 1961 1.500 người đồ-bộ lên Bãi Heo (Baie des Cochons) trên bờ biển Cuba. Họ bị chận đứng, bị bao vây và bị tiêu-diệt.

Tổng-Thống Kennedy bải lệnh cho không-quân trợ-chiến vì không nên trợ-chiến cho một

cuộc đồ-bộ thất bại và cũng vì Krouchtchev có thái-độ hàm-hừ.

Sau vụ này uy-tín của Tổng-Thống Kennedy bị thương-tồn rất nhiều.

Những bí-mật của Tòa Bạch-Cung không hoàn-toàn giữ được bí-mật. Phe Cộng-Hòa chỉ chờ cơ-hội để khai ra.

Cơ-hội đó là cuộc tranh-cử dân-biểu vào Thượng và Hạ nghị viện ngày 6-11-62.

Khủng-hoảng Cuba xảy ra ngay trong mùa tranh-cử và giải nguy cho Tổng-Thống và đảng Dân-Chủ của ông.

Báo « Economist » của Anh đã dự-đoán rằng Đảng Dân-Chủ có thể mất hàng chục ghế ở Thượng Nghị-Viện và lối 40 ghế ở Hạ Nghị-Viện.

Hồ-sơ vụ Cuba năm trước khai ra thì đảng Dân-Chủ làm sao không thảm-bại?

Nhưng phe Cộng-Hòa vừa tung bửu bối thì Tổng-Thống Kennedy cũng có bửu bối tung ra là lệnh phong tỏa Cuba và đòi Nga rút về những vũ khí tấn-công. Dân Mỹ thấy Tổng-Thống của họ không nhu nhược như họ tưởng. Hơn nữa, họ thấy Nga nhượng-bộ, họ lại càng tin-tưởng

vào người lãnh-đạo của họ. Họ thỏa-mãn tình-cảm. Họ dồn thắm cho đảng Dân-Chủ và đảng này đã thắng thắm và thắng ghế ở lưỡng-viện.

★

Ký-giả Michèle Manceaux có mặt ở Tòa Bạch-Ốc trong ngày thứ Hai lịch-sử, ngày mà Tổng-Thống Kennedy sắp có một quyết-định lịch-sử về vấn-đề Cuba.

Trưa hôm đó ông đã tham khảo ý-kiến các ông Dean Rusk, Mac Namara, em ông là Tổng-Trưởng Tư-Pháp, Tướng Maxwell Taylor mới lên làm Tổng-Tham Muu-trưởng. Ông còn hỏi ý-kiến một số lãnh-tụ của 2 đảng Dân-chủ và Cộng-Hòa ở lưỡng-viện. Nhưng sau đó ông vẫn chưa viết bài diễn-văn. Ký-giả Michèle Manceaux viết trên báo *L'Express* ra ngày 25-10:

« Sau 23 tháng chấp-chánh Kennedy đương đánh cá với sự-nghiệp của ông. Ông không thể tái phạm điều sai lầm hồi tháng 4-1961 và ngưng bước ở giữa đường. Nay nếu ông đưa ra một tối-hậu thư thì ông phải đi cho tới cùng... »

Ký-giả thuật-tiếp : nào là các

phái-viên báo-chí, các nhiếp-ảnh-viên, điện-ảnh-viên, phái-viên của Vô-Tuyến Truyền-Hình, hết thầy đều hồi-hộp trông đợi một biến-cổ xảy ra.

Trong lúc đó thì Tổng-Thống tiếp Thủ-Tướng xứ Ouganda. Ông đưa khách ra cửa. Ông tươi cười lịch-sự, da mặt hơi xạm. Ký-giả viết : « Ông giống như một Ông chủ trẻ tuổi, có tác-phong thề-tháo mà công-việc điều-hòa trôi chảy theo ý muốn. »

Tổng-Thống đợi cho xe hơi của ông khách rồi máy là quay lưng đi vào. Ông bỏ ngang cuộc vận-động tranh-cử. Đáng lẽ ông phải đi California để ủng-hộ một ứng-cử-viên Dân-chủ giành chức Thống-Đốc tiểu-bang này với ứng-cử-viên Cộng-hòa Nixon. Nhưng ông không đi.

6 giờ 1/2 chiều ông viết xong bài diễn-văn. Nửa giờ sau ông sẽ đọc. Ông đã mất nụ cười, có dáng nghiêm-nghị và có vẻ xúc-động. Ký-giả Michèle Manceaux viết : « Ông vẫn giống một ông chủ trẻ tuổi nhưng dường như cha mới chết. »

Sau khi đọc bài diễn-văn rồi, ông ngồi thêm 2, 3 phút ở trên ghế rồi mới gắng gượng đứng dậy được.

Ký-giả báo *L'Express* kết-luận: « Ông không chống lại được lượng sống của nước ông. Ông phải can - thiệp hoặc những kẻ khác sẽ làm thế cho ông. »



Lượng sống nói trên là lượng sống dư-luận ở Hoa - Kỳ. Không một Tổng-Thống nào có thể lợi ngược dòng mà đứng vững được.

Tổng - Thống Kennedy thừa nghị - lực mà không thiếu thông - minh, biết rằng mình đương sống trong một thời - đại cực-kỳ khó-khăn không thể rút chút chiềuh theo dư-luận của nước mình, nhứt là dư - luận đó nhiều khi được tạo nên bằng những thành-kiến lỗi - thời, nghịch với trào-lưu thế-giới. Nhưng lần này ông không cưỡng nổi luồng sóng nên đã phải có quyết - định như đã nói ở trên. Ông thấy rõ trách nhiệm của ông đối với đất nước, đối với nhân dân, đối với hòa-bình thế-giới, nên đã tỏ ra ôn-hòa, mực-thước trong một hành-động có thể đưa tới chiến-tranh. Ông suy nghĩ, đắn-đo, lao-tâm, khờ-trí nên mới có « bản mặt đăm

ma » như ký-giả Michèle Mancaux đã ghi nhận.

Trong lúc đó, đối-thủ của ông, là Krouchtchev cũng đã thấu rõ tình - hình, và thấy rằng khiêu-kích nước Mỹ, thật là một sự liều-linh điên-rồ. Trước Krouchtchev cứ tưởng rằng Mỹ là « con Cọp giấy », nhưng bây giờ ông nhận thấy là « con Cọp giấy có răng nguyên-tử » (1). Nếu ông tiếp-tục ủng-hộ Cuba để chọi với Mỹ thì chắc chắn là sanh giặc. Mà sanh giặc thì không thể không dùng võ-khí nguyên-tử để tự-sát và sát-hại loài người. Và lại đại-chiến Thế-giới nổ bùng, thì chắc gì Krouchtchev sẽ còn giữ vững địa-vị, hay lại sẽ có cuộc đảo-lộn chính-trị bất-ngờ ở ngay trên đất Nga ? Ở ngay trong nội-bộ đảng Cộng-sản ?



Nhơn vụ phong-tỏa Cuba có xảy ra một cuộc bút-chiến hào-hung giữa hai tờ báo lớn : Tờ *New-York Times* của Mỹ và Tờ *The Observer* của Anh. Báo Anh chê người Mỹ hẹp-hòi, thiếu độ lượng, sao không chịu chung sống hòa-bình với Cuba mà lại

(1) Lời ông tuyên bố trước Hội nghị các đảng Cộng-sản ở Moscou.

cứ sanh giặc với một nước tí-hon không đủ sức tấn-công. một ông không-lờ như Mỹ-quốc ?

Bình-luận gia của báo *New York Times* là James Reston liền viết bài trả lời. Ông nhấn mạnh về câu nói của báo Anh: « Những tình-cảm hung-bạo của Mỹ đối với Cuba làm cho nước chúng tôi khó thể tưởng-tượng được. »

Nhà bình-luận Mỹ nhắc tới thuyết Monroe xướng-minh từ năm 1823 mà hồi đó chính ngoại-trưởng Anh là ông Canning cũng tán-thành trong một bản tuyên-ngôn chung. Riêng đối với Cuba vì cái địa-thế của nó, người Mỹ luôn luôn coi như máu thịt của mình và không thể chung sống hòa-bình với một nước cộng-sản.

Ông nói: « như thế cũng như hỏi nước Anh có chịu cho bọn quốc-xã Đức thống-trị nước Bỉ năm 1938 hay không ? »

Rồi ông nói tiếp: « Rất đúng, rất chắc là dư-luận Mỹ tin ở giá-trị tinh-thần của mình cao hơn thiên-hạ nên bằng lòng duy-trì những căn-cứ quân-sự ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ba-Tư, ở biên-giới Liên-xô mà không chấp-nhận cho bọn Nga có những ưu-thế tương

đương ở Cuba. Những quốc-gia là như vậy đó, người Anh phải hiểu rõ hơn mọi người. »

Phải nói thêm rằng ông James Reston là một trong những nhà báo cự-phách có những ý-kiến thường được coi là tiến-bộ.

Báo *The Observer* lại trả lời cho rằng Cuba chỉ là một hòn đảo nhỏ bé mặc dầu được trang bị tới đâu cũng không đủ sức ngăn-chặn một cuộc tấn-công của Mỹ. Căn-cứ cộng-sản ở Cuba không thêm gì cho lực-lượng quân-sự của Liên-Xô và không thể so-sánh với sự xâm-lăng của Đức quốc-xã ở những nước Bỉ và Hòa-Lan nó dồn lực lượng địch để uy-hiệp Anh-quốc.



Những nhận-xét của Báo *The Observer* và những lời nói ngay thẳng của báo *New York Times* cho ta thấy rằng người Mỹ có những quan - điểm rất đặc - biệt khác với nhiều dân-tộc và khác cả với người Âu - châu. Họ tin rằng họ là con của Thiên - Thần và họ có một giá-trị tinh - thần cao hơn thiên - hạ nên mới có những thái-độ khác thường mà ta cần phải hiểu biết trong nhiều vấn-đề quá tầm hiểu biết của chúng ta.



Ta cũng biết thêm rằng do đó mà có những luồng dư - luận rất kịch-liệt mà những người lãnh-đạo sáng-suốt và cương - quyết như Tổng-Thống Kennedy cũng nhiều khi không cương nổi.

Nhưng sau vụ khủng - hoảng Cuba ta có thể hy - vọng rằng Tổng-Thống Hoa-Kỳ đã tăng thêm uy-tín, có thêm khả-năng đề lợi ngược dòng và dòng đó cũng lần lần bớt kịch-liệt trong thời-đại nguyên - tử mà sự sống còn của nhân-loại bắt-buộc con người phải hòa-đồng với Thế-giới.

Nếu người Mỹ coi mình là con của Thiên-Thần thì người Việt-Nam cũng coi mình là con Rồng, cháu Tiên có 4000 năm văn-hiến! Những dân - tộc khác như Nhật-bồn, Trung-Hoa cũng tự-hào về nguồn cội và di-vãng của mình. Nhưng khoa - học đã đưa nhân-loại tiến tới thời-đại nguyên - tử và đương mở đường chinh-phục không - gian thì tất cả đều bắt-buộc phải hướng về Tương-Lai để chờ đón những ngày mai sáng-lạn.



### ★ XIN PHÉP Ở NHÀ LÀM GÌ?

Thầy: — Trò còn nhỏ, thì làm được việc gì giúp-đỡ cho cha trò được mà xin phép ở nhà?

Trò: — Thưa thầy... con phải ở nhà vì cha con bảo là... để đánh con một trận!

Chính Đức Giáo-Hoàng Jean XXIII trong dịp ăn thượng - thọ 81 tuổi đã nói với đại biểu của 60 nước những lời này:

« Các ông là những thừa-kế phong-phú của những bài học vĩ-đại của di-vãng trong một thế-giới cần có phép lành của Chúa. Nhưng thay vì nghĩ tới di-vãng chính tương-lai mới đáng kể trong nhiệm-vụ của các ông. »

Hôm nay chúng ta mừng xuân và trong những ngày xuân nhàn-hạ ta vẫn có thể đem những bài học vĩ-đại của di-vãng mà nói chuyện với nhau.

Nhưng qua những ngày nhàn-hạ mỗi chúng ta đều trở lại với nhiệm-vụ và ở đó ta sẽ thấy hướng đi của ta vẫn là hướng đi chung của thế-giới để xây-dựng Đoàn-kết, củng-cố Hòa - Bình và kiến-thiết Tương - Lai, một Tương - Lai đượm tình Xuân Nhân-loại.

THIẾU-SƠN

## ý-nghĩ về

### xuân

Xuân là đó, người ơi xuân là đó,  
Là xuân sang, với một ít nắng vàng.  
Sương buổi chiều t ắng trắng giải đời hoang.  
Mây tím nhẹ trôi .. xuôi về thành phố

Xuân là đó! là mùa xuân loang lổ,  
Giữa chợ đời tôi cảm thấy chợ - vơ .  
Nhân-loại hôm nay, mệt-mỏi bơ-phờ,  
Màu tang lạnh đang bao trùm cuộc sống.

Mà người vui giữa lòng đời cao rộng?  
Sau bức tường người có thấy gì không?  
Em bé thơ khát sữa, chẳng ai bằng,  
Tay quờ quạng tìm tình thương của mẹ.

Xuân là đó xuân những chàng trai trẻ,  
Đi lang thang nơi xó chợ đầu đường.  
Đêm ba mươi chợt thấy thiếu tình thương,  
Mắt nhòe lệ nằm vùi trên vỉa phố.

Mà người cười theo môi hồng rượu đỏ,  
Trong vàng son có thấy một bàn tay.  
Còn chút xương của một kẻ ăn mày  
Đang run-rẩy đợi người, hơi-hóp thở.

Xuân là đó, là mùa xuân nham-nhở,  
Xuân chờ trông trên mắt vợ hiền từ,  
Đan cho chồng chiếc áo tự đầu thu  
Mà xuân đến vẫn phương trời giá-lạnh.

Xuân là đó là mùa xuân khò hạnh,  
Đón chào xuân hai đứa trẻ mồ côi,  
Năm ôm nhau bỗng khóc thét từng hồi,  
Sáng mồng một mẹ bế nhà đi vắng.

Xuân là đó tôi cúi đầu im-lặng,  
Đi bơ-vơ về bên trái cuộc đời.  
Không hoa vàng, không một nụ son tươi,  
Xuân là đó! Người ơi xuân là đó!

★ LIÊN-PHƯỢNG

(Vĩnh-diện)



những  
người  
đàn bà  
lừng  
danh  
trong  
năm



1962



Diễn Huyền

**N**ĂM 1962 vừa qua, ở nhiều quốc-gia trên Thê-giới, phụ-nữ đã chiếm một địa-vị tối-cao, ảnh-hưởng rất lớn đối với đời sống chính-trị, văn-hóa, nghệ-thuật của nhân-loại, và có khi lấn-át hẳn phái râu-mày!

Xét cho kỹ từng trường-hợp cá-nhân, thì dấu trên bình-diện chính-trị, hay nghệ-thuật, động-cơ chính đã gây ra uy-thê lớn lao cho các bậc Giai-nhân lịch-sử ấy, vẫn không ngoài Tình Yêu: Từ xưa đến nay, trừ một đời trường-hợp vì quyền lợi quốc-gia hay tham vọng cá-nhân, còn hầu hết những người đàn-bà lừng danh trên Thê-giới vì những hành-động phi thường, đều là do tiếng gọi của Con Tim.

Nhìn khắp mặt địa-cầu, chúng ta có thể đếm được năm bảy Ngôi-sao bực nhất mà ánh sáng đã chói lòa trên Thê-giới trong năm 1962, và hiện còn đang rực-rỡ uy-nghi.

★ Ở Đông-nam-Á, đây là Bà Sirimavo Bandaranaike người đàn-bà đầu tiên làm Thủ-Tướng chính-phủ. Bà



Bà BANDARANAIKE  
Thủ-tướng Ceylan



năm nay mới có 46 tuổi, đã có 3 con, nhưng các bạn xem ảnh đây, gương mặt còn tươi trẻ và duyên-dáng yêu-kiểu như mới 25, 26 tuổi. Vài năm trước đây, bà Bandaranaike hãy còn là một bà nội-trợ, chỉ lo bệp-núc, nhà-cửa, trong lúc chồng bà, Salomon Bandaranaike làm Thủ-tướng chính-phủ xứ Ceylan, một đảo lớn ở phía Nam Ấn độ.

Ngày 25-9-1959, ông Thủ-tướng bị một người già làm nhà sư ám-sát bằng mảy viên đạn. Phu-nhân vì quá yêu chồng, quyết trả thù cho chồng. Tuy còn đang đề tang, bà vẫn bỏ công việc nội-trợ, và vận-động chính-trị. Nhân có cuộc tổng tuyển-cử, bà lên diễn đàn hô-hào dân chúng. Bằng những lời lẽ hùng-hôn, cảm động, bà đã bênh-vực lập-trường của chồng, đề-cao tài-năng của chồng, giải-thích quan-điểm của chồng và cương-quyết đeo đuổi sự-nghiệp của chồng vì Dân vì Nước. Lời kêu gọi tha-thiết và mãnh-liệt từ nơi miệng bà quả-phụ trẻ tuổi của vị Thủ-tướng bất hạnh đã làm xúc-động đại-đa-số nhân dân, gây được lòng cảm-phục và tin-tưởng hoàn toàn của

quần-chúng. Bà đặc-cử về-vang và được bầu lên làm Thủ-tướng chính-phủ.

Thật là một gương tình ái và can-dảm, hiềm có trong giới phụ-nữ, không những ở Đông-nam-Á, mà ở cả thế-giới từ xưa đến nay, một nữ lưu anh-kiệt không kém gì Trưng-Trắc của nước ta.

Bà Sirimavo Bandaranaike ngồi ghế thủ-tướng Ceylan đã hai năm nay, và đã thực-hiện một chương-trình xây-dựng dân-chủ tiên-bộ rất được dân-chúng hoan-hô, và cả thế-giới kính-phục.

Không ai ngờ ở một quốc-gia « chậm tiến » của Á-châu — cựu thuộc-địa của Anh-quốc — nơi mà phụ-nữ chưa được mở-mang bao nhiêu, đã có một quả-phụ vừa duyên-dáng, kiều-diễm, vừa cương-quyết, hăng-hái, được dân-chúng bầu lên làm Thủ-tướng! Và Bà đang thành công rực-rỡ với trọng trách một nữ lãnh-tụ được tôn-trọng, qui mền của toàn thể nhân-dân Ceylan!

★ Nước láng giềng của Ceylan, là India (Ấn-độ) có bà Vijaya Lakshmi Pandit, chị ruột của ông Pandit

Nehru, Thủ-tướng India. Bà cũng là vị phụ-nữ đầu-tiên đã mạnh dạn bước vào trường ngoại-giao quốc-tê. Năm 1937, trước khi India được thu-hồi độc-lập, (trước đệ nhị Thế-chiến) bà đã giữ chức Bộ-trưởng Chính-phủ Liên-hiệp-Anh ở India.

Từ khi India độc-lập, bà được chọn làm Đại-sứ ở Mos-cou (Nga-xô), rồi đại sứ ở Washington (Mỹ) Đại-sứ ở London. Bà đại-diện cho India tại Liên-Hiệp-Quốc và là người đàn-bà đầu tiên đã được cử ngồi ghế Chủ-tịch một phiên nhóm Liên-Hiệp-Quốc.

★ Đây, bà Tống-mỹ-Linh vợ của Tướng-giới-Thạch, tổng-thống Trung-hoa Dân-quốc. Suốt 35 năm đảng-dãng bà vẫn một lòng theo chồng để phụng-sự cho nước. Giỏi Anh-ngữ, bà thường sang Huê-kỳ để vận-động viện-trợ cho Đài-loan, và tuy là không chính-thức giữ một chức vụ nào cả nhưng bà vẫn là Đại-sứ lưu-động của chồng bà để đi ngoại-giao các nước Âu Mỹ



Bà LAKSHMI PANDIT (Ấn-độ)

trong những giờ phút nghiêm trọng nhất của lịch-sử Đài-loan. Chính bà là Cố-văn của Tướng-giới-Thạch.

★ Cũng ở Á-Đông, một





thiếu-nữ bình-dân của xứ I-ran, nữ-sinh-viên trường Đại-học kiến-trúc Paris, bỗng đứng trở thành Hoàng-hậu, đóng một vai trò chính-trị rất quan-trọng ở Cận-động, là Farah Diba.

Vai trò quan-trọng, mặc dầu nàng không làm chính-trị mà chỉ lo nuôi con trai đầu lòng, chính vì nàng đã sinh được đứa con trai ấy cho vua Pehlvi. Theo Hiến-pháp xứ Iran, địa-vị của hoàng-đế được vững bền là khi nào ông có thái-tử để chắc-chắn có thể nối ngôi vua. Đã hai lần lấy vợ đều không có con trai và lần-lượt hai bà Hoàng-hậu xâu sô đều bị truất phế. Farah Diba là Hoàng-hậu thứ ba, thua hoàng-đế những 50 tuổi, ấy thế mà vua cưới nàng được một năm thì nàng sinh được hoàng-nam. Đứa con trai ấy là đảm-bảo chắc-chắn cho ngai-vàng của triều-đại Pehlvi, và giữ được tình-thệ ổn-định cho xứ Iran. Trong hai năm nay, nếu không có đứa

← Bà TƯỞNG-GIỚI-THẠCH



Hoàng-hậu FARAH DIBA ↑

con trai ấy, thì địa-vị hoàng-đế của vua Raza Pehlvi sẽ bị phủ-nhận, và chắc-chắn sẽ có một cuộc đảo-chính do các phần-tử đòi-lập xưng lên. Tình-thệ chính-trị của toàn-thế miền Cận-động vì đó sẽ có sự xáo-trộn mà hậu-quả không ai tiên-đoán được. Chính vì quyền-lợi và địa-vị của nhà

Vua mà vị Chah của Iran đã phải bắt buộc ly-dị với hoàng hậu Soraya, đẹp, khôn-khéo, nhưng không có con. Từ ngày Farah Diba lên ngôi Hoàng-hậu chính-thức, Soraya bị truất-phê, đành ôm mối hận xót-xa ấy mà đi lang-thang khắp các chôn ăn chơi danh-tiếng của Tây-phương. Cả một năm 1962, bà cựu hoàng-hậu mà các nhà báo Âu-Mỹ thường gọi là « Nàng

SORAYA ↓





Công-Chúa Buôn» đã gây ra biết bao nhiêu tai tiếng vì nết sống quá bừa bãi, quá lãng mạn của nàng. Cặp tay đi chơi và đi tắm biển với hết người đàn ông này đến người đàn ông khác, để cho dư luận thế-giới xôn - xao đàm tiếu, Soraya hiện bấy giờ hình như đã thấy rằng chung qui nàng vẫn là cô-độc, và có tin vờ rối cho hay có lẽ nàng sắp trao thân gởi phận cho « người yêu » sau cùng, một nhà kinh-doanh triệu-phú còn trẻ tuổi.

Ngoài mấy nhân vật nữ-lưu vira kể, cũng còn một vài người nữa như Nữ - Hoàng Elisabeth II của Anh-quốc, bà Kennedy, vợ Tổng-thống Mỹ, Hoàng - hậu Sirikit của nước Thái lan, v.v... nhưng mấy bà này chỉ lo ăn chơi thỏa-thích, đi ngao-du đây đó phê-phớt bên cạnh chồng, không có ảnh - hưởng máy-may gì trên đời sống chính-trị quốc-tê. Chúng ta không cần nói đến họ nhiều.

Trên văn - đàn thế - giới, Françoise Sagan, Nữ-sĩ Pháp, vẫn còn chiếm địa-vị ưu-tiên và độc-đáo trong năm 1962.

Quyển tiểu-thuyết *Aimez-vous Brahms* ? (Cô có yêu nhạc-sĩ Brahms không?) xuất bản hồi năm trước, đã được quay phim trong năm 1962. Lôi văn nhẹ-nhàng và trẻ-trung, táo-bạo, của tác-giả *Bonjour Tristesse*, (Buôn ơi, chào mi!) không tiên-bộ mấy tý, nhưng vẫn còn hấp dẫn một công chúng quốc-tê đông-đảo. Nhưng, đọc *Aimez-vous Brahms* người ta có cảm-nghĩ rằng nếu Sagan không liệu thay đổi ngôi bút mà cứ theo mãi lối-lỗi cũ của nàng thì nàng sẽ trở nên một thứ Elisabeth Taylor đã làm cho người ta bắt đầu chán-nản.

Trên màn bạc 1962 đã nổi bật lên hai hình-ảnh gây ra tai-tiếng nhiều nhất: B.B. (Brigitte Bardot) của Pháp, và M.M. (Marilyn Monroe) của Mỹ.

Marilyn đã chết một cách đau-thương, để lại một bài học của thực-tê rất ảo-não lâm-ly, cho những cô gái « đọt sóng mới » Sự nàng lý-dị với người chồng thứ ba, không làm ai ngạc nhiên cả, vì một người chồng óm.o gầy còm như nhà văn Arthur Miller làm



FRANÇOISE SAGAN — 1962





MARILYN MONROE lúc còn yêu nhà văn A. Miller.

sao cung cấp nỗi những nhu cầu vô số của Marilyn, luôn luôn khát khao và không bao giờ thỏa mãn.

Nhưng rồi, nàng đã phải thấy rằng một người đàn ông

khỏe mạnh về thể, chất như Joe di Maggio, thanh cao về tinh thần như Arthur Miller, đều rốt cục không làm cho nàng thỏa thích đầy đủ, thì trên đời này còn người đàn ông nào thích hợp với nàng được nữa ! Nàng chết vì tuyệt vọng, bởi nàng chỉ là một sản phẩm của Hollywood, của điên-rồ diêm-dứa tột-bực. Marilyn Monroe là nạn-nhân đã được chỉ-định sẵn của một Hiroshima của xác-thịt, của xác-thịt đã chán ngày đèn tan - vỡ cùng một lúc với linh-hồn đồ gãy !

Người đàn-bà thứ hai cùng một loại đó, là Brigitte Bardot mà đa số người Pháp rất hãnh diện gọi là « B. B. của dân-tộc chúng ta » (Notre B. B. nationale) !

Cho đến thể-hệ trẻ của Việt-nam hiện nay cũng đậm

## NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BA

mê cô đào quá lãng lơ lơ trên ấy. Lại nhất là đa số nữ sinh lại « mê » nàng hơn là giới thanh-niên phái nam.

Cũng như M.M., B.B. quả là một hiện-tượng của thể-kỳ hậu-chiến, một thể-kỳ vừa tinoát khỏi tử thần của chiến-tranh, chỉ còn muốn nhảy vào « đợt sóng mới » cho say-sưa, cho tiêu-tan trong giây phút, cho điên cuồng, cho thác-loạn, giết chết cả di-vãng, cả hiện tại, giết luôn cả tương lai !

1962 đã đưa Marilyn Monroe về lòng đất, nhưng hơi thở cuối-cùng của nàng còn để lại tiếng vang âm-đạm trong lòng đôi-mươi của thể-hệ.

Diệu-Huyền

BRIGITTE BARDOT †



### ★ LÝ LUẬN NGƯỜI SAY

Một anh chàng say khướt, chệnh choạng bước từ quán rượu ra chiếc xe đậu ở lề đường. Một cảnh binh thấy vậy, vội vàng lại gần anh ta, vỗ vai bảo :

— Ê, ông say quá rồi, không thể lái được đâu.

Anh chàng cười khà khà, nặc nờng cả mùi rượu, nói lè-nhè :

— Ấy ! sao không được. Thấy ... thấy tôi ... đi không vững .. nhưng tôi ... ngồi thì ... vững vô cùng ... thầy biết không ?



# ĐỜI NGƯỜI SỐNG ĐƯỢC BAO LÂU?



— Cũng chẳng có lý nào sống lâu, mà cầu lấy sống lâu làm gì? Mạnh-tôn Dương lấy làm lạ:  
— Nếu thế thì con người ta cầu lấy mai chết còn hơn là sống lâu? Lăn mình ra trước gươm dao, hay là nhày quách

\* Nguyễn-Triệu

**M**ỘT hôm, Mạnh-tôn Dương hỏi Dương-Tử (tức Dương-Chu, học trò Lão-Tử, đồng-thời với Khổng-Tử):

— Thưa thầy, có người rất quý sự sống và yêu thân mình, đề cầu cho bất-tử có được không?

— Chẳng có lý nào không chết! Dương-Tử trả lời.

— Nhưng cầu cho sống lâu được không?

vào nước sôi, lửa nóng, hẳn được toại nguyện!

Dương-Tử lắc đầu:

— Ấy là nhà người chưa giác ngộ về lẽ sống-chết. Đời ta sống được tới đâu, ta cứ việc vui vẻ chịu đựng tới đó, tìm cách làm cho cuộc đời thỏa-mãn rồi thân nhiên đợi chết. Lúc chết đến nơi, bất cứ thế nào, ta cũng cứ bình-tĩnh chịu lấy cho tới nhắm mắt thì thôi. Cái sống không thể trường-tồn, cái chết không có gì đáng sợ, hà-tất cầu đằng nợ

## ĐỜI NGƯỜI SỐNG ĐƯỢC BAO LÂU

lâu hay chẳng này chóng mà làm gì!

Chúng ta ngắm-nghĩ cái quan-niệm sinh-tử của Dương-Chu thế là phải. Đời người lâu mau đã có giới-hạn, dù ai muốn kéo dài thêm hay cắt bớt đi cũng chẳng được. Bấy lâu khoa-học đã khám-phá và phát minh nhiều sự lạ lùng, nhưng vẫn phải chịu phục sinh tử là độc-quyền của ông Tạo-hóa. Như phép tiếp hạch của giáo-sư Voronoff hay trái tim nhân-tạo của bác-sĩ Carrel, bất quá như anh thợ máy tạm thay cái đinh ốc, cái bánh xe cho bộ máy thế thôi, đến lúc toàn-thân nó phải hư gãy, cũng đành chịu phép.

Thọ mệnh phổ-thông của loài người là 50 cho đến 80 tuổi. Nhưng thật ra số người được tám-chục lần vui Tết chào Xuân,

không phải là nhiều. Cờ-nhân đã than thở «Nhân sinh thất thập cổ lai hy!» Nói gì đi tới chẵn 100, người ta đã điều-tra trong số 10 vạn người họa lăm mới thấy có một.



Hình như người Tàu có cách lấy số tuổi của ông bà cha mẹ để phỏng đoán thọ mệnh con cháu.

Đại-khái thế này: lấy số tuổi cha mẹ cộng với số tuổi tổ-phụ,

tổ mẫu, và của ông cụ tăng, bà cụ tăng, được bao nhiêu đem trừ đi 6, lấy hai con số cuối làm tuổi phỏng đoán của con cháu. Ví dụ ông cụ tăng tổ thọ được 65 tuổi, bà cụ tăng mất năm 57; tổ-phụ quá-vãng năm 58 tuổi, tổ-mẫu 61; đến cha mất năm 59 tuổi, mẹ qua đời năm 62; tông-cộng 362, trừ đi 6, hai số cuối ở số thành là tuổi định-chừng của chúng ta, nghĩa là ta có thể sống ngót sáu chục...

Không hiểu người ta bằng cứ thế nào mà đặt ra cách đoán tuổi ấy, cố nhiên chỉ là định chừng vậy thôi, không thể đúng như hai với hai là bốn đâu! Giả như hai đời trước mình cụ ông hoặc cụ bà có một cố gì ý ngoại khiến phải tạ thế lúc hãy còn trẻ lắm; hay là chính đời mình tiên-thiên không tốt, nay đau, mai ốm, sức khỏe kém người, như thế thì cách kê trên không được mười phần chắc đúng. Bằng không thì nó chỉ tổ số tuổi của ta, theo lời những người đã thí-nghiệm dù chẳng đúng thật, cũng không sai mấy!

Quả vậy thì vấn-đề «tổ-tiên di-truyền» đối với con cháu thật là trọng yếu. Nếu số tuổi trung-bình của Tổ-tiên không quá vòng

trong ngoài 50 thì mình không thể mong thọ được bảy tám mươi... Một người có cụ kỵ ông bà sống đến thất, bát tuần, nếu bản thân chẳng có cố gì bất trắc, quyết nhiên không phải chết non.

Có nhà y-học bên Âu-tây đã làm số thống-kê số tuổi thọ yêu của loài người, tính ra 10 vạn người chỉ có 1 người được thọ đến 100 tuổi. Cái tuổi 64, 65, chỉ là mực trung của người ta, không phải khó khăn đi tới, cho nên trong số 10.000 thấy có 5.000 người rong ruổi trên đường đời đến khoảng ấy mới chịu dừng bước. Nói gì 50 tuổi có thể chiếm ba phần tư, nghĩa là trong số 1 vạn, có đến 7.500 người thọ nửa thế-kỷ. Trái lại, cái tuổi 75, 77 ngoài vòng «cờ hi» thì bốn phần chỉ có một, tức là trong số 10.000, may lắm mới được 2.500 người sống đến bực ấy.

Ở đời khoa-học mở mang này, vật-chất, dục-vọng đánh ngã con người ta ở giữa đường đời cũng lắm, nhưng phương-pháp bảo-sinh trừ bệnh tấn tới không vừa, cho nên thọ-mệnh phổ-thông có thể kéo đến 60 năm phần nhiều, chẳng phải sự

lạ. Duy có lẽ quan-hệ vì hoàn-cảnh, cùng các thứ biến-cổ bất ngờ, khiến nên lắm người không được đến 60 lần đón xuân vui tết, đã phải từ-giã thế-gian.

Sinh-mạng của các giống động-vật trên địa-cầu, kể cả loài người, trong đó, khởi từ sinh-dục, chót đến tử-vong. Mà sinh-dục tức thị tử-vong bắt đầu, chỉ là một hiện-tượng tự-nhiên trong vũ-trụ.

Mỗi loài, tuổi thọ đều có giới-hạn. Con gà sống được 3 năm tới 5 năm. Con chó lâu lắm là 20 năm. Con ngựa trung-bình độ 30 tuổi, sánh với ngựa, tuổi con rùa có thể 10 lần nhiều hơn. Thọ-mệnh giống chuột mỗi tuần-lễ của nó bằng một năm của ta. Con ruồi, con nhặng (lăn) sống 6 tháng, bắt quạ như ta trải qua 24 giờ đồng hồ. Lại có nhiều sinh-vật, đẻ ra chốc lát rồi chết cũng là một đời. Nhân-loại chúng ta, theo nhà y-học nghiên-cứu, thọ-mệnh quân-bình từ 50 đến 80 tuổi. trong đó còn có sự quan-hệ bởi di-truyền của tổ-phụ và hoàn-cảnh hậu-thiên xen vào nữa.. khiến ta có thể đi tới bát-tuần hay chỉ đến nửa thế kỷ là hết.

Nhiều người kinh-nghiệm nói rằng có một điều trọng yếu mà tự chúng ta không có cách gì mà làm chủ lấy mình được, ấy là vấn-đề tuổi thọ cha mẹ quan-hệ với ta.

Số tuổi cha mẹ đối với thọ-mệnh bản-thân ta có phần trọng yếu bức thiết hơn là tổ-phụ, tổ-mẫu. Mà trong hai người cha mẹ, số tuổi bà mẹ đối với thọ-mệnh ta lại quan-hệ hơn.

Lại có người nói các cụ sống lâu nhờ vì ăn uống thanh-đạm, kiêng cử hút thuốc, uống rượu. Nhưng người ta đã điều-tra thì phần nhiều các cụ tám, chín chục tuổi vẫn thích ăn thịt và uống rượu như nước, đủ biết hai khoản ấy không có ảnh-hưởng đến thọ-mệnh bao nhiêu. Duy có điều này thì quả thật: người sống lâu, có tính-tình ôn-hòa, rất ít lo nghĩ, đó là phương thuốc ích-thọ hay hơn cả!

Người ta, nếu cứ hơi một chút là giận-dữ, lo-lắng cho đến mất cả ăn ngủ, ấy là tự mình làm hại thọ-mệnh của mình vậy.

Cứ vui sống mà không sợ chết, Dương-Tử bảo người đời như thế mới là biết dưỡng-sinh.

● NGUYỄN TRIỆU



## xuân

★ HUỲNH-TẤN (Nhatrang)

Xuân đâu phải chỉ vẽ trên cánh thiệp,  
Trên cánh mai nhà nhà đợi mỗi năm  
Xuân vẫn cháv muôn đời không biết mệt  
Trên đồng xanh, trên rày, núi...xa xăm

Đang nắng khô giữa đồng trưa mùa hạ,  
Trời bỗng nhiên sầm lại kéo mây đen.  
Trong phút chốc mưa tràn tươi gốc mạ  
Là xuân về rung động vạn con tim.

Là xuân khi bác nhà nông hớn-hở  
Gánh nặng trên vai cà bí đầu mùa.  
Khi nhìn đám bắp rừng xanh hơn cỏ,  
Mắt bác bừng lên, mặt hết già nua

Xuân là sức hạ nghìn cây hoang dại  
Rừng âm-u bỗng gục dưới tay người.  
Cây bật gốc phơi mình trên đất lạ,  
Núi chuyền mình nghe rộn những mầm tươi.

Là xuân, là xuân đó chứ còn đâu!  
Cây trái xanh tươi, đất rừng màu-mỡ.  
Bắp sẽ đầy kho, lúa về tràn vựa.  
Xuân là đây, hạnh-phúc ngập lòng người.  
Xuân nghĩa là đói nghèo không còn nữa,  
Xuân không mùa, xuân vĩnh-viễn...xuân ơi!

## chán lắm rồi

★ THÁI-HUY-LONG (Hội-An)

Em ơi chớ dãi tình-si,  
Chớ cho anh hớp cạn ly rượu hồng.  
Chớ cho anh tắm mắt nồng.  
Nước làn môi ngọt chắt chùng dằm say.  
Lưới tình vương lấm đáng cay,  
Xin đừng chấp nối vá, may lắm lần!  
Sao em cứ mãi tần ngần?  
Khờ tâm anh đã lấm lần van em...

## bảy nhận trên sông

★ HỮU-PHƯƠNG



Đã xa trường cũ bao giờ  
Bao nhiêu cánh áo học trò gió bay.

Nhớ xuân nhìn lại phương này  
Bỗng đứng rợn-rã với hoài vọng xưa,

Hồn vui chút tuổi ấu thơ,  
Như sông đan-điếu đôi bờ hắt hiu.

Lòng dâng khói nhẹ lam chiều,  
Trông đàn nhận trắng đuôi theo chân tàu,

Rồi qua giờ khắc đi mau,  
Còn đây sông quanh dấu nào trường xưa.  
(1962)

## thư xuân

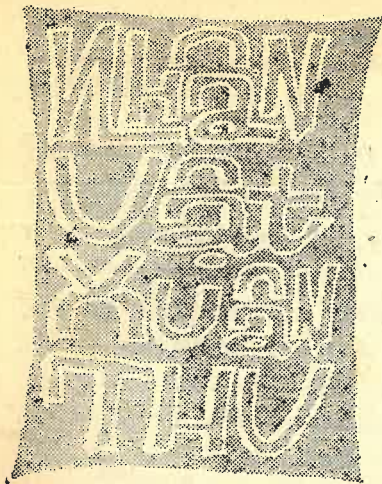
★ THÀNH-TÔN  
(Hội-an)

Nhân dịp đầu năm tôi gửi anh  
Hương tình quê mẹ buổi xuân lành  
Với câu hò hẹn ngày mai sẽ,  
Chiến-thắng anh về ươm tuổi xanh.

Chắc hẳn giờ này anh phải đi,  
Rừng sâu đón giặc, giữ biên-thùy  
Hay ôm súng gác mùa xuân thắm,  
Giữ trọn màu tươi lá quốc-kỳ.

Xuân đã về tô đẹp núi sông,  
Đón xuân, chắc máu giặc loang hồng.  
Tôi linh-cảm thấy anh ghi súng  
Giết giặc và đang lập chiến công

Đất đã dâng tình lên lá hoa  
Quê mình nắng sớm trải chan-hòa.  
Chờ anh: buổi giặc tan-tàn xác,  
Về thấp tình lên môi mắt ta.



Sở

## Linh Vương



**T**RONG một kỳ báo trước tới đã nói đến vụ Sở-Vương thôn-tính nước Trần và đuổi Tư-đồ Chiêu là tên gian-hùng phản-quốc.

Ông vua Sở đó là Sở Linh-Vương. Sau khi thôn tính nước Trần ông còn xâm-lãng nước Thái và cắt-cử hai vị đại-thần tới trấn thủ hai thuộc-địa nói trên. Họ có tước-hiệu là Trần-công và Thái-công.

Sở-Linh Vương nuôi mộng bá-chủ, hay chinh phạt lân-bang và hay hỏi tội những loạn-thần tặc-tử. Nhưng chính ông cũng là một tên nhân-loạn đã giết anh và giết cháu để chiếm đoạt ngôi vua.

Khi còn là Công-Tử Vi, em Sở-Khương-Vương, ông được phong làm lĩnh-doãn đã tỏ ra ngang-ngược, hiếu-chiến và hiếu-thắng.

Sở-Khương-Vương đau, ông vào thăm bệnh, giả nói có việc cơ-mặt xin đuổi thị-vệ ra ngoài rồi tháo giải mào thắt cõ vua tới chết. Hai con vua chạy vào cũng bị giết.

Công-Tử Vi đổi tên là Hùng-Kiên lên ngai vàng lấy hiệu là Sở Linh-Vương.

Linh-Vương bắt chước Tề.

★ THIẾU-SƠN

Hoàn-Công, hội chư-hầu đề tự-phong làm bá-chủ rồi đem quân đi hỏi tội nước Ngô. Nước Ngô có tội đã cho Khánh-Phong tị nạn mà Khánh-Phong lại là một loạn-thần của Tề-quốc. Bắt được Khánh-Phong đưa về, Linh-Vương bắt đi trước quân, cho người kè dao vào cổ, ép phải chịu tội giết chúa. Khánh-Phong bèn la lớn lên rằng : « Đại phu các nước nghe đây ! Xin chớ làm như Công-Tử Vi giết chúa rồi thay mặt hội-ước chư-hầu ». Những người có mặt đều che miệng cười. Linh-Vương hỏi người truyền giết Khánh-Phong lập-tức.

Chúa Ngô sợ uy-thể Linh-Vương sai em là Huệ-Dao thiết tiệc đãi quân Sở. Linh-Vương sai bắt giam Huệ-Dao rồi cho người hỏi : « Hỏi người tới đây có coi bói trước không ? » Huệ-Dao trả lời : « Có bói, ứng quẻ tốt lắm. » Quan giám-sát nói : « Chúa-Công biểu giết người, lấy máu để sơn trống, đi tới đây mà chịu chết lại tốt cái gì ? » Huệ-Dao trả lời : « Ở nước Ngô chúng tôi chỉ vì việc công mà bói, có phải bói vì việc riêng cho tôi đâu ? Chúa tôi khiến tôi đi đây là cốt để dò ý Sở-»

*Vương. Như Sở-Vương có lòng vui đại sứ-thần tử-tể thì tề-quốc sẽ bỏ quên sự phòng-bị, chắc có ngày nguy. Còn nếu ngược-dại sứ-thần, tề-quốc biết Sở-Vương giận tất phải tu binh, luyện tướng để đối-địch lại với Sở. Như thế thì còn gì tốt hơn nữa ? »*

Linh-Vương nghe nói phục là người giỏi nên thả cho Huệ-Dao về nước.

★

Sở Linh-Vương cho cất một cái cung rất lớn, rất đẹp dựng khoe với các nước lấy tên là cung Hoa-Chương. Ở giữa cung lại xây một cái đài rất cao đặt tên là đài Tam-Hưu, ngụ-ý rằng muốn leo lên đài phải nghĩ 3 lần mới leo tới từng chót. Chung quanh cho dân ở, hễ ai có tội đi trốn đều đòi về và cho ở đây.

Linh-Vương có tánh kỳ-cục là ghét người lưng lớn và ưa người lưng nhỏ. Bất-kỳ trai gái, hễ người nào lưng eo là đều được quân-vương sủng-ái. Linh-Vương tuyển những mỹ-nhơn lưng nhỏ cho đến ở cung Hoa-Chương. Nhơn đó mà cung này còn có tên là cung Tể-yêu, nghĩa là cung lưng nhỏ.



Người trong nước thấy Vua thích lưng nhỏ cũng cố tình làm cho lưng nhỏ lại, không dám ăn no và nhiều khi vì nhịn đói mà chết. Thậm chí các quan trong Triều cũng dùng đai nịt thiệt mềm mà thắt lưng lại cho eo để Linh-Vương khỏi ghét.

Linh-Vương ngày đêm ở Cung Hoa-chương rượu trà, yến ẩm, đờn địch say sưa. Một hôm cận-thần cho hay có Thân Vô-Võ ở ấp Du tới đòi bắt một tên quân hầu. Linh-Vương cho gọi Vô-Võ vào và được nghe Vô-Võ trình bày tự-sự như sau : « Tôi có một tên lính gát cửa ăn trộm đồ tửu-khí của tôi rồi trốn mất. Đã hơn một năm nay tôi tìm kiếm không được. Nay nghe nó trốn vào làm thủ-tốt ở đây nên tôi đến bắt ». Linh-Vương khuyên nên tha cho nó vì nay nó đã vào phục-vụ nhà vua. Vô-Võ không nghe vì cho rằng làm thế sẽ mất trật-tự và phạm luật công-băng.

Linh-Vương nghe phải liền truyền giao tên lính cho Vô-Võ và tha tội cho ông.

Linh-Vương mời các nước tới dự lễ lạc-thành. Vua Lỗ nề lòng tới dự và được tiếp đãi ân-cần. Trong lúc say sưa cao-hứng. Linh-Vương lấy cung Đại-khuất

là một cây cung quý tặng Lỗ-Hầu. Hôm sau tĩnh rượu, Linh-Vương lại tiếc rẽ cây cung. Một cận thần xung-phong ra công-quán đòi lại. Viên quan tới xưng hạ Lỗ-Hầu. Ông này ngạc-nhiên hỏi : « Một cây cung đáng giá bao nhiêu mà xưng hạ ». Viên quan nói : « *Cái bảo-cung này đã có tiếng đồn khắp thiên-hạ. Nước Tề, nước Tấn và nước Việt, ba nước đều cho người tới xin. Sợ cho nước này thì mất lòng nước khác nên chúa tôi chưa dám cho nước nào. Bây giờ chúa tôi đem tặng quân-hầu thì ba nước kia sắp qua xin nước Lỗ. Nước Lỗ thế tất phải chiến-đấu quyết-liệt để bảo vệ cây cung. Vì thế mà tôi tới đây xưng hạ* ».

Lỗ-hầu nghe nói cả sợ, lật đật đưa trả cây cung.

Ngũ-Cử là người thân-tín của Linh-Vương than rằng : « Chúa ta khó giữ trọn tiếng rồi ! Mời các nước tới dự lễ Lạc-thành đã không nước nào tới, chỉ có một mình Lỗ-Hầu tới. Nay có một cây cung, cho rồi lại lấy lại, thất-tín biết chừng nào ? Chưa thấy ơn đã thấy oán. Chắc cũng có ngày mất nước. »



Sau khi đã thôn-tính hai nước Trần, Thái, Linh-Công bổ-nhiệm Xuyên-Phong-Thú và Công-Tử Khí-Tật sang cai-trị hai xứ thuộc-địa lấy hiệu là Trần-Công và Thái-Công. Linh-Công còn lưu-dụng một số quan-lại của hai nước. Người được trọng-dụng nhất là Thái-Vị, một trung-thần của Thái-Quốc. Thái-Vị biết rõ nhược-diểm của Linh-Công nên đốc-xúi ông làm nhiều điều thất đức để hại ông. Nghe lời Thái-Vị, Linh-Công cho sửa hai thành Trần, Thái thêm kiên-cố và xây cất thêm hai thành Bất-Lang ở phía Đông và phía Tây dựng giữ những chỗ hiểm-yếu cho nước Sở. Linh-Vương còn đòi quan Thái-Bốc đem mu rùa tới bói coi ngày nào ông làm được Hoàng-Đế. Thái-Bốc gieo quẻ, nói không thành, Linh-Vương ném mu rùa xuống đất khoát tay mà la lớn lên rằng :

« *Trời ơi trời ! Sinh ta ra làm chi mà không cho ta cai-trị thiên-hạ !* » Các nước sợ nước Sở thế mạnh cho nên nước lớn tới sính, nước nhỏ tới triều, sứ-thần cống-hiến, qua lại luôn luôn.

Linh-Vương bắt 6 tiều-quốc là : Hứa, Hồ, Trầm, Đạo, Phòng,

Thán phải rời dân qua ở đất Kinh-Sơn. Trăm họ chịu cảnh lưu-ly lấy làm đau-khổ, bất-bình và thán-oán. Linh-Vương còn muốn sai người qua xin 9 cái vạc ở nhà Châu để trấn nước Sở. Ông tự-nghĩ rằng :

« *Thâu-phục cả thiên-hạ cũng dễ như nhỏ nước miếng giữa bàn tay.* »



Nhưng thâu-phục thiên-hạ mà làm mất nhân-tâm thì cái cơ nghiệp đó cũng đã có mầm rạn-nứt và cũng có thể sụp đổ một cách dễ-dàng.

Linh-Vương đề Thề-Tử Lộc ở giữ nước với sự giúp đỡ của Lịnh-doãn là Viên-Bái và Thái-Vị. Dích thân nhà vua đem quân qua phương Đông, đồn-trú ở Càn-Khê và chia quân cho quan Tư-Mã đi đánh nước Từ. Nhằm mùa Đông, tuyết lớn, Linh-Vương mặc áo hồ-cừu, đầu đội mao da, chun mang giày da, tay cầm cây roi vắn bằng tơ đỏ, ra trước cửa dinh xem tuyết. Quan hữu-doãn là Trịnh-Đơn tâu rằng :

« Chúa - công mặc áo lông, mang giày da, ở trong hồ trường mà còn than lạnh, huống chi là

đam quân tướng-sĩ mặc áo đơn, mình trường, gió tuyết xông-pha thì sự cực khổ kè sao cho xiết được, sao Chúa-công không tạm lui quân, chờ qua tiết xuân rồi sẽ đi đánh có tiện hơn không ? »  
Linh-Vương nói : « Người nói phải lắm, nhưng ta từ khi ra binh tới nay, đến đâu thắng đó. Và lại đánh trận này quan Tư-Mã không sớm thì tối chắc có tin thắng trận gửi về ».

Trình-Đơn tâu : « Nước Từ ở xa hơn Trần, Thái lại phụ-thuộc nước Ngô. Như chúa-công tham đánh nước Từ, để ba quân ở lâu ngoài này chịu lạnh, chịu khổ, chẳng may trong trào có nội-biến, ngoài này quân-sĩ trở lòng, tôi tưởng cũng nguy lắm ».

Linh-Vương cười rằng : « Ai mà lo, chớ ta không lo. Ở giữ nước thì có Thái-Tử và Ngũ-Cử, còn Khí-Tật ở Thái, Xuyên-Phong-Thú ở Trần, cũng như ba nước Sở, ai làm gì nời ? »

✱

Nhưng người ta vẫn làm nời và trong số những kẻ âm-mưu lật đổ ông lại có những người rất thân tín như Thái-Vị ở ngay tại trào Sở, như Thái-Công tức Công-tử Khí-Tật là người sẽ cướp-ngai vàng của ông.

Thật ra chủ-mưu không phải là Thái-Công mà chính là những vong - thần của hai nước Trần, Thái như Thái-Vị và Triều - Ngô. Họ muốn nước họ thoát vòng thống-trị của Sở. họ biết rõ họ có sức hậu-thuần của nhân-dân nước họ nên họ âm-mưu, họ lôi-kéo, họ tờ-chức, họ lừa gạt cả những tôi trung-thần của Sở để gây cuộc phản-loạn. Quân-đội của Trần, Thái thay vì chống giữ nước Sở lại kéo về uy-hiệp quân Sở. Trần Vị mở cửa thành cho họ vào. Linh-doãn Viễn-Bái trở tay không kịp tự-tử chết. Thế-Tử Lộc cũng chết. Chính Thái-công đem quân tàn-phá vương-cung, trước còn giả bộ phò người anh là Tử-Can tức-vị, nhưng sau khi đã nắm vững tình-thế liền hù cho người ta bỏ chạy rồi tự tôn mình lên làm vua.

Nhân - dân nước Sở vốn ghét Linh-Vương nên sẵn sàng ủng-hộ tân chánh-phủ.

Tân chánh-phủ ra lệnh cho bọn tướng - sĩ còn ở Càn - Khê với Linh - Vương : « *Hễ ai về trước thì tha cho về chốn điền-lý. Ai về sau thì bị cắt mũi. Ai còn theo chúa cũ thì trị tội ba họ. Ai tiếp-tế vật ăn, uống cho Linh Vương cũng sẽ bị nghiêm - trị.* »

Lịnh này thẩu tới Càn - Khê, quân đội Linh-Vương chạy trốn mất phân nửa. Khi Linh-Vương kéo về gần tới Trình-đô thì còn lại có trăm tên. Linh-Vương biết mình không đủ sức hỏi tội bọn phản-loạn mới cởi áo mao treo trên nhánh liễu ở bên đường, tính mò tới vùng hương thôn để xin ăn, nhưng không biết đường nên đành nhịn đói suốt 3 ngày nằm bên lộ, mở mắt chờ có người quen đi tới thì kêu cứu để xin ăn. Thành-linh có người đi tới, nhìn rõ là tên lại giữ cửa ngày xưa tên là Quyền Nhơn-Trù. Linh-Vương kêu tới và nói : « *Mày cứu ta, ta nhịn ăn đã ba ngày rồi. Làm sao kiếm cho ta một chén cơm hạp may mới sống được.* »

Quyền-Nhơn-Trù nói : « *Dân trăm họ đều sợ lịnh tân-vương, tôi biết đâu mà kiếm cơm được ?* » Linh-Vương thở dài một tiếng biểu tên Trù ngồi gần bên rồi lấy đầu gối trên bắp vế của nó mà ngủ. Tên Trù chờ Linh-Vương nhắm mắt liền lấy một khối đất làm gối cho Vua để thay - thế cho bắp vế của mình rồi rút lui có trật-tự. Khi Linh-Vương thức dậy kêu tên Trù không thấy đâu, rờ dưới

đầu thấy gối đất, đương chán-ngán tình đời thì có một người đi xe nhỏ dừng lại, xuống xe tới lạy Linh-Vương ôm nhà Vua mà khóc nức-nở. Người đó nói : « *Tôi là Thân-Hợi, con của Thân-Vô-Võ. Cha tôi thường nhắc : cha có tội mà được Vua tha, con phải thay cha đền báo-đáp ơn Vua. Trình-đô nay đã bị phá nát. Ở đâu đâu cũng có bè đảng của Thái-Công. Gần đây có Cúc-thôn là làng của tôi, xin Chúa-công tới đó rồi sẽ thương-nghị.* »

Thân-Hợi dâng cơm khô cho Vua ăn rồi phò vua lên xe về nhà. Thân-Hợi đãi Vua rất hậu, nhưng Vua chỉ khóc than mà quên cả ăn uống. Thân - Hợi biểu hai người con gái vào hầu vua nhưng vua cũng vẫn than khóc mà không xâm-phạm tới mỹ-nhân. Đến canh năm nghe vắng tiếng, hai người con gái mở cửa vào báo với cha :

« *Chúa-Công đã tự tử trong phòng rồi.* »

Thân-Hợi hậu-táng nhà vua rồi giết luôn hai người con gái để làm bạn với nhà vua ở bên kia thế-giới.

✱



Hai người con gái bị chết oan có xuống tuyền-đài cũng không gặp được Linh-Vương. Nếu bên kia thế-giới có thiên-đường và địa-ngục thì ông ắt phải xuống địa-ngục chứ đâu được lên Thiên-đàng. Hai người con gái, tuyệt-sạch giá trong bị hy-sinh vì chữ Hiếu đề cho cha giữ được chữ Trung, những người đó phải lên thiên-đàng chứ đâu chịu xuống địa-ngục. Ta đừng chê Thân-Hội dã-man. Chính bởi thời-đại của ông còn dã-man nên ông mới phạm tội giết con mà còn cho là nghĩa-cử.

Linh-Vương xuống địa-ngục sẽ phải gặp nhiều người, những người đã bị hy-sinh cho mệnh Vương-Bá của ông.

Chính ông đã nói: «*Thâu-phục cả thiên-hạ cũng dễ như nhỏ nước miếng giữa bàn tay.*»

Nhưng để cho ông mà không để cho những người bị ông lợi-dụng, sợ oai-quyền, ham bổng lộc mà phải hy-sinh xương máu để đem thiên-hạ về cho ông.

Nhưng tới khi mất oai-quyền, hết bổng-lộc thì cái bắp vế của tên lại nhỏ cũng hết muốn làm

gối đầu cho bậc quân-vương.

Khi rời tới cục đất ở dưới đầu ông mới thấu rõ tình đời mà phát ra những lời khóc-than nao-ruột. Ông đã vỡ mộng Vương-bá nên cũng hết ham nhung lụa, ham gái đẹp lưng eo, và đành đoạn cắt đứt cuộc đời trong cảnh tuyệt-vọng thê-lương.

Linh-Vương đặt tự-ái quá cao và có nhiều tham-vọng nên thỉnh-thoảng ông cũng có cử-chỉ ngoạn-mục như những cử-chỉ đối với Huệ-Dao, với Thái-Vĩ, với Thân Vô-Võ, v.v... Nhưng thật sự là ông muốn lấy tiếng cho ông, cho người đời xưng-tụng, cho thiên-hạ thấy rằng ở một người bạo ngược như ông lâu lâu cũng có những việc làm quân-tử. Người quân-tử không có thể giết anh em để đoạt lấy ngai vàng và nhứt là không có thể lên mặt đạo-đức mà trừng phạt những loạn-thần tặc-tử.

Nhưng lưới trời lồng lộng, tội-ác của ông cũng đã được trừng-phạt một cách xứng đáng và nghiêm-khắc vô cùng.

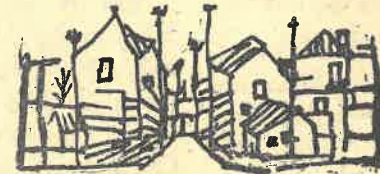
● THIẾU-SƠN

gởi người em  
tiền tuyền

★ PHƯƠNG-ĐÀI



*Xuân này em có về thăm?  
Chị nhìn chim én âm thầm nhớ em.  
Mưa to phớt phớt qua rèm,  
Ngỡ trong tiếng gió nhận đem tin về!  
Nắng hồng ấp-ủ tình quê  
Gió xuân đưa áng mây về nẻo xa.  
Chập-chùng gấm dệt ngàn hoa,  
Liều dong đưa bút tay ngà vẫn-vương  
Cổ hương vẫn nở trong hồn,  
Hoa đan sắc thắm, hương luồng song-sa.  
Nửa khuya trề tịch đêm tà,  
Vẳng nghe tiếng nhạc nhà nhà mừng xuân.  
Giờ em còn ở sa tràng,  
Cát hoa đầu súng ướp hương bên đời.  
Chị thương em lắm em ôi!  
Ngàn xuân xin chúc một trời vịnh-quang.*



nước mắt

★ PHƯƠNG-TẤN (Đà-nẵng)

*Thương đời ngựa trắng lưng giong,  
Vội cõn nước lũ bập-bùng bay cao.  
Một thân-thê ấy mòn-hao,  
Một khuôn mặt nọ rào-rào sương hoa.  
Đốt hồn lên đấy lời ca,  
Đèo-heo bản vắng sâu sa muối rừng.*



## hương x u â n

bướm tí hon trong cả bầu trời rộng lớn đã gặp được nhau rồi sinh con đẻ cháu nối dõi giống dòng?

### • BƯỚM CÁI THẢ HƯƠNG KÉN CHỒNG

**Q**UÂN đã lại. Hoa tươi, cỏ mọc tung bồng. khắp nơi chim chóc, ong bướm bay lượn không ngừng. Đây một cặp, kia lại một cặp: ái tình cùng với mùa xuân đã lại ôm ấp sinh vật! Lững thững trong vườn xuân, người du khách không khỏi kính phục Tạo Hóa đã khéo léo đặt bày. Chim chóc, sâu bọ đâu có phải khôn ngoan như người, vậy mà chúng vẫn tồn tại từ đời này qua đời khác. Lấy một ví dụ cộn con: làm sao hai con

Vấn đề này đã làm bận trí biết bao nhà sinh vật học và đủ thứ giả thuyết đã mọc ra để mong giải thích một hiện tượng tuy dễ thấy mà thật là khó giảng. Các nhà sưu tầm bướm có một phương pháp hiệu nghiệm để bắt một loại bướm tầm đực là đặt một con bướm cái cùng giống trong một cái lồng rồi ngồi chờ. Lần lượt các chú bướm đực kéo nhau lại muốn cùng cô bướm cái trao đổi thề nguyện. Ai đã chạy kêu các chú bướm đực? Thật ra, chẳng có

## HƯƠNG XUÂN

ai mất công đi làm việc ấy. Dưới bụng bướm cái có một cái tuyến phát ra một mùi hương đặc biệt mà chúng ta không ngửi thấy, chỉ có mấy chú bướm đực là bắt được mùi thơm. Khi nào bướm cái muốn kén trai thì chỉ việc lật tuyến ấy ra và mùi hương thoảng đi



★ *Võ-Quang-Yến*  
(Paris)

khắp nơi kêu gọi anh tài tứ xứ. Các anh chàng này muốn nhận được mùi hương từ xa cần phải có những sợi râu ăng-ten dài như ăng-ten các máy nhận vô tuyến điện của thời đại khoa học. Trong những sợi râu ăng-ten ấy có vô số tế bào khứu giác giúp các anh chàng biết ở đâu có các cô bướm kén chồng. Người sưu tầm bướm quen, chỉ xem qua là biết ngay bướm cái hay bướm đực nhờ những sợi râu ăng-ten ấy.

May thay, loài bướm không phải là loài người, vì nếu bướm đực vì mùi hương mà lại với bướm cái, các anh chàng không thiết tha gì với cơ thể của cô nàng. Một thí nghiệm đã được

thực nghiệm để chứng minh hiện tượng ấy: các nhà sinh vật học cắt mất tuyến phát hương của một bướm cái và đặt cạnh bướm; như vậy bướm cái hết cần phát hương nhưng về mặt hình thể không có gì đổi khác; các chú bướm đực khi bay lại thì bu vào tuyến,

muốn cùng tuyến trao đổi ái ân và bỏ quên không đếm xỉa gì tới cô nàng bên cạnh.

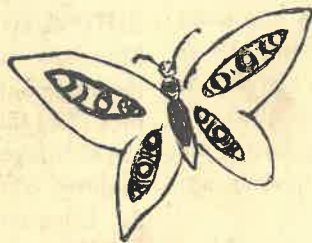
Từ lâu, nhiều nhà khảo cứu đã muốn biết cấu tạo hóa học của chất hương đặc biệt kia. Sau 20 năm kiên chí, giáo sư Adolf BUTENANDT ở viện đại học München (Đức quốc), được thưởng giải Nobel năm 1939, mà một cộng tác viên người Việt là tiến sĩ Nguyễn Đăng Tâm, đã tìm ra được công thức của hóa chất ấy. Công cuộc thật là vĩ đại, vì chỉ lấy một chi tiết: phải cần 500.000 bướm cái mới trích ra được 12 miligam hóa chất để làm mồi bắt bướm đực, là đã thấy tất cả những nỗi khó khăn của một cuộc khảo cứu lâu dài.



Bước đầu tiên là tìm hiểu cấu tạo: ong và các cộng tác viên đã tìm biết được là một chất rượu có nhiều dấu nổi đôi. Biết được công thức rồi là bước qua giai đoạn tìm cách tổng hợp. Hóa chất nhân tạo chế ra cũng có mùi hương kêu gọi bướm đực như chất trích từ bướm cái. Chỉ đề một ít ở đầu một chiếc gậy là đủ để các chú bướm đực xông lại, bắt chấp vật thể đã phát ra mùi hương. Thế là người ta chứng minh được chính mùi hương đã hấp dẫn các chú bướm đực.

● **ONG ĐỰC ĐÁNH DẤU TÌM DUYÊN**

Trong nhiều loại khác, hương ái tình lại do các chú đực phát ra. Trường hợp chú ong đất chẳng hạn từ lâu đã khéo giữ kín căn nguyên số đào hoa của mình. Người ta chỉ khám phá ra được bí mật của nó từ mấy năm nay. Người du khách trong vườn xuân, nếu để ý sẽ thấy một chú ong đất vờ vờ đây



đó, lúc dạo cành cây, khi vờn đám lá. Từ cành nọ sang lá kia, chú bay khắp một vòng quanh rồi lại trở về đường cũ, thanh-thơi tiếp tục, thỉnh-thoảng dừng cánh như để đặt lại một dấu tích bí mật gì. Thật ra, chú ong đất mỗi khi dừng lại trên cành cây, hay đám lá đã tiết lại mùi hương đặc biệt của loại mình. Nhiều nhà khảo cứu đã bắt một chú ong đất, cột vào mình một mảnh chỉ màu để tiện việc dò xét rồi thả ra. Theo dõi chú ong đất, họ nhận thấy chú bắt đầu bay quanh từ sáng sớm rồi quanh quần trên đường đã vạch suốt ngày. Có khi đói bụng, chú bỏ đi ăn ở vườn hoa bên cạnh nhưng vội vã trở về lại ngay, mong ước một cô ong đất nào đã bắt mùi hương mà đợi mình ở đây. Trong vườn, mỗi chú ong đất có một con đường riêng của mình. Nhưng mỗi loại ong đất lại có một mùi hương đặc biệt khác nhau nên các cô nàng không thể lầm lẫn

được. Hơn nữa, mỗi loại ong đất có chỗ riêng để tiết hương của mình: có loại đặt sát đất, trên thân cây, kẽ cành rêu, có loại trên chòm cây, trong đám lá có loại chọn thông cao, có loại lựa cỏ thấp... Thế mới biết Tạo Hóa thật tài tình!

Nếu không có các mùi hương kia thì làm sao các cô các cậu gặp nhau được. Tuy nhiên, nếu mùi hương của các loại bướm không xúc động nổi lỗ mũi ta thì cũng phải rành nghề mới ngửi thấy được mùi hương của các loại ong đất. Trong vườn hoa chỉ có hương hoa là thơm phức, không cần râu anten dài cũng hưởng được. Nhưng có lẽ sâu bọ hưởng hoa còn nhiều hơn ta vì mỗi khi được mùi hương kêu lại, chúng còn nhảy vào mình hoa hút nhụy. Minh mảy dầy phấn hoa, chúng bay từ hoa này qua hoa khác, vô tình đem phấn hoa vào các đầu nhụy và gây ra thụ trái. Đây cũng lại là công cuộc của Tạo Hóa. Riêng cho các loài ong, hút nhụy còn có một mục đích khác. Ong hút nhụy không những để ăn mà còn tích trữ cho mùa đông giá rét. Đặc biệt là các cô nàng rất thủy chung: mỗi một cô chuyên môn đi lại với một thứ hoa mà thôi, nên công cuộc thụ trái lại càng dễ thành. Các cô không lầm lẫn giữa các thứ hoa nhờ hương hoa mỗi thứ mỗi khác.

Hương hoa đối với nàng ong còn có một ý nghĩa nữa: khi một cô nàng tìm ra được một nguồn hoa thì vội về lại tổ nhảy múa một điệu đặc biệt. Bộ nhảy này chỉ rõ hướng và độ cách của vườn hoa. Nhiều nhà khảo cứu đã lấy phâm màu đánh dấu các nàng ong và học hỏi kỹ mỷ các bộ nhảy. Họ cũng còn thấy nhiều nàng ong khác lại cò mình với cô nàng đang nhảy, lấy anten rờ mó để xác định rõ ràng mùi hương đã đem lại. Thế là đủ để các nàng ong biết chỗ nguồn hoa và tức khắc bay lại hút nhụy. Hương hoa phải chăng là ngôn ngữ của loài ong?

Nhưng không phải hoa nào cũng có hương thơm. Nhiều thứ hoa hôi thúi không thể tả được.





Đấy là các thứ hoa hấp dẫn nhiều đám ruồi quen hơi với những nơi dơ bẩn. Khi ruồi đậu xuống hoa, hoa tự động kiểm cách giữ ruồi lại cho đến lúc phần hoa phủ khắp mình rồi mới thả ra. Loài ruồi đầu có thông minh, lại bị lừa một lần nữa, hạ xuống đậu một hoa thứi khác, vô tâm giúp cho cuộc thụ trái hoàn thành. Nhiều thứ hoa lan còn khôn ngoan quý quyết hơn: hoa biết nhiều loại ong bù vẽ cái tiết ra một mùi hương đặc biệt để kêu gọi các chàng trai thì cũng bắt chước tiết ra một mùi hương giống hệt. Các chú ong bù vẽ được đánh ra mùi hương, bay lại đậu vào. Biết là bị đánh lừa, các chú vội bay đi nhưng mình mảy đã đầy phấn hoa. Người ta để ý nhiều thứ hoa lan không có nhụy mà ong bù vẽ vẫn bay lại chỉ vì mùi hương.

● CÁ VAIRON DỪNG HƯƠNG TỰ VỆ

Trong vườn xuân, ong bướm phát hương, thường hương, đã đành, dưới nước cá cũng biết dùng hương định đoạt đời sống của mình. Người ta để ý loại cá hồi (saumon) khi nhỏ theo giòng nước ra đến biển, có khi đi thật xa cửa sông, nhưng khi lớn lên thì lại ngược giòng lên lại sông mình, và có khi đạt tới nhánh sông nơi mình sinh trưởng. Hiện tượng này đã được thực nghiệm chứng minh. Vì sao cá hồi biết được chỗ mình sinh mà trở lại? Đấy là một câu hỏi từ lâu còn nằm trong bí mật. Cho đến gần đây người ta biết được nước sông đổi mùi hương vì lòng sông, đất đai, rong rêu mỗi nơi một khác. Chẳng khác nếu lấy mắt khuru giác thì cá hồi hết còn tìm được sông mình. Người ta kết luận là hương vị giòng sông đã hấp dẫn cá hồi về lại quê hương đất tổ.

Mùi hương đối với loài cá còn quan trọng hơn nữa vì là một vấn đề sống còn. Nhà động vật học Karl von FRISCH có theo dõi trên bờ hồ Wolfgang một đàn cá vairon. Một hôm, muốn đánh dấu một con trong đàn, ông bắt nó lên và cắt một đường gân để cho đuôi nhuốm

thành xám rồi lại thả xuống nước. Con cá chạy nhập đàn mình nhưng bất thành linh cá đàn sợ hãi, con nào cũng xô xích lại gần nhau hoặc vội bơi khắp tứ phía, sau cùng cả đàn tản mát ra xa và ông phải cho ăn nhiều ngày liên tiếp mới kêu lại được. Ông tự hỏi: con cá bị cắt gân liệu có kể chuyện lại được cho các bạn cùng đàn không? Thật ra, khi lặp lại nhiều lần thí nghiệm, ông thấy dù con cá bị cắt đầu chết ngay hay bầm thối nhỏ và chỉ thả ra một mảnh nhỏ cũng đủ để cho cả đàn cá vairon tán loạn. Ông bỏ công tìm kiếm hóa chất đã gây ra hiện tượng trên nhưng chưa khám phá ra được. Dù sao ông cũng biết được hóa chất ấy nằm trong da cá do những tuyến độc tế bào trong biểu bì chế tạo ra. Hóa chất rất dễ tan hòa trong nước và có một mùi hương đặc biệt cho loại cá ấy. Một cách giảng đã được đề nghị ra: loại cá vairon thường hay bị cá lớn ăn thịt, đặc biệt là cá brochet rất thèm thịt cá vairon. Mỗi một khi cá brochet bắt được một con cá vairon, cắn vào da thịt, tất nhiên hóa chất xì ra và làm dấu cho cả đàn biết mà liệu cách chạy trốn. Phải chăng đấy là một hương pháp bảo tồn mà Tạo

Hóa đã tặng cho các sinh vật yếu nhỏ. Nhiều thí nghiệm đã được thực hiện để xem hiện tượng có phải ở khắp các loại cá không. Người ta nhận thấy cá biển không có hóa chất, trái lại có rất nhiều ở nước ngọt, ở những loại cá thuộc nhóm « ostariophysi » là những loại giống cá gáy. Một nhận xét nữa là tất cả các loại trong nhóm đều ngửi thấy mùi hương này, nhiều hay ít tùy theo trình độ bà con. Do đấy, một phương pháp kiểm tra những giả thuyết về quan hệ thân tộc giữa những loại cá trong nhóm « ostariophysi » có thể dựa trên mùi hương nói trên mà đặt ra.

Du khách thường xuân thành thời đi dạo giữa muôn mùi thơm ngát, đây hoa tươi kia vật sống, đâu có dè trong mỗi mùi hương, mỗi mảnh đất, mỗi sinh vật, mỗi cành cây là cả một đời sống, một đấu tranh, một tổ chức, một bí mật mà Tạo-Hóa đã khéo léo đặt bày.

VÕ. QUANG. YẾN  
(Paris)

(Tài liệu theo nhà động vật học Karl von FRISCH, cựu viện trưởng các viện động vật học Rostock, Breslau, München và Gratz.)



## lạnh đêm xuân

Lòng dang bảy giờ ngọt tím môi.  
Tình xuân liễu thắm với hoa cười  
Bỏ tương-tư mắt chìm về biển  
Sầu hận chưa đầy tim buồn rơi.  
Ta hừ! đã chán vòng com áo  
Đem mảnh thân không giỡn với đời,  
Ô nhục hình hài bao kiếp đọa  
Vị bằng ai biết xót thương ai!  
Đề ta hộp rượu đêm say khướt.  
Hoa mắt hồ buông xuôi hai tay  
Mộng đẹp trăng hồng đêm mất ngủ.  
Tà dương che mắt ngó phương trời,  
Ước vọng đầu môi khô nước mắt.



★ TRẦN-TUẤN-KIỆT

Ba ngàn thế giới lạnh trầm khơi.  
A ha! ta ghét thân ta nữa,  
Đừng nói mà yêu hết vạn người.  
Thế nhân mắt trắng tay vươn đờ  
Ta cười.. ta cười cười không thôi  
Ta lên dặm đường đêm trăng giải  
Màu sương pha xám áo điều tàn  
Tấm thân thì sĩ sao mà nặng  
Linh hồn không muốn hóa chim bằng,  
Linh hồn không muốn thành rêu nhạt.  
Cõi đời nước chảy giá băng tâm  
Viết dứt bài thơ trời chưa sáng.  
Nhìn quanh chiếc bóng đèn lu mờ,  
Ta biết mảnh trần-gian đã lạnh.  
Muôn người chân bước dáng bơ-ơ.  
Chiều ấy.. ta nghiêng bầu máu lệ,  
Trút cho tan xuống vũng bùn lầy.  
Phong-lưu.. ta chỉ tìm trăng biếc,

Gối đầu tay lụa trắng năm say.  
Vứt gì mà nói câu.. tâm sự,  
Mộng đời xin chấp cả hai tay.  
Quàng-xiêng ta hướng về muôn núi  
Gió bắc lùa chim én lạc bầu  
Đêm xuân.. một giấc nồng ân-ái,  
Tình mộng trông trời thiếu 'gió mây.  
Ai nở ghè chân ta mà khóc  
Lệ đã đầy trong biển rắng hồng  
Đêm có đèn soi ngày tắt nắng,  
Thuở buồn canh lụn nhớ mênh-mông.

## ngày xuân xem ảnh cũ

★ TÂM-TÌNH (Saigon)

Hộp khóa kín rồi, em mở ra,  
Em tìm tấm ảnh thuở mười ba.  
Em nghiêng mình ngắm me em bảo :  
— « Rõ thật, sao trông ngó ngần là !...  
Thuở ấy đầu em không uốn quăn,  
Tóc dài bỏ xóa chấm ngang lưng.  
Hai tai hai chiếc vòng hoa đỏ,  
Gương mặt ngây ngô, « lọ » quá chừng!  
Đôi mắt mở to không dám chớp  
Môi không dám nở nụ cười tình.  
Thế mà bác thợ còn hăm-dọa :  
« Im nhé! không thôi hồng tốm hình! ».  
Em đứng ngây người, làm mặt nghiêm.  
(E khi chụp lại, tốn thêm tiền!)  
Lúc đi nhớ mẹ còn căn dặn :  
« Chụp hồng đầu năm, việc rất kiêng. »  
Bây giờ nhớ lại thuở mười ba,  
Năm tháng trôi mau, ảnh cũng mờ,  
Em sẽ giữ hoài cho đến lúc...  
Răng long, đầu bạc óng như tơ!...



## VAI TRÒ CON

minh-mẫn như ngày nào trong  
vạn-cổ.



Cái bộ lông mèo tuyệt đẹp. Nếu là mèo mướp thì sắc « vừa trắng màu lụa, vừa xám tro, lại vừa đen xin. Khắp mình ba màu trộn lẫn với nhau, mà trộn rất nhỏ, hòa hợp lại thành một màu đặc-biệt như chần dạ của các chú linh tập. Màu mướp ấy trông bản, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm, nó xám như đất mà không phải là có đất bám. Ngắm thì không đẹp mắt nhưng nếu sờ tay vào, nó mượt như sờ tay trên tấm nhung tơ» (1).

Thật vậy, một nhà thơ đã tán-tụng :

*Vút nanh đã có vàng khoe sắc,  
Văn vận đành không bụi đóng  
meo (2).*

(1) T.H. — O-Chuột.

(2) PHAN-VĂN-TRÍ : Con mèo.

**X**UÂN này là xuân con mèo ! Không cần ai phải nhắc ai, nhưng ai cũng tự biết cái vai-vê, cái chu-tuần của nó phải vòng quanh tự nhiên như vậy.

Cọp đi mèo tới : Cọp sửa-soạn khăn gói lên đường thì cũng vừa đúng lúc mèo mang xách hành-lý tới nhiệm-sở để bàn giao.

Không biết bao nhiêu lần mèo đến để rồi đi, thề mà coi vóc dáng mèo vẫn trẻ măng, vẫn đứng-đắn nghiêm-trang,

Nếu không phải mèo mướp mà là mèo tam-thê, mèo vàng, mèo vá, mèo mun... thì tuy màu sắc có khác chứ sự mịn-màng ve-vuốt trên bộ lông nó cũng không khác gì. Ngồi ngắm những « con mèo sang trọng trong những gia-đình trường-già, nằm chuốt lông trên chiếc gôì bông êm ấm », ta sẽ thấy mình nó « bóng loáng như

cả gan đánh cặp hân trong hoàng-cung đem về giàu-giêm trong dinh để rồi ngày tối nâng-niu như nâng-niu người đẹp.

Mèo có tài sỏi nhanh trèo giỏi. Có khi « chúng đi nhẹ như sự rụt-rè », có hồi « chúng nhảy mau, chúng bỏ thập, chúng khinh luật thăng-bằng, chúng không sợ chiều dưới và không nề chiều trên », vậy mà « chúng không thể ngã, chúng không thể té » (5). Cho nên người ta đã không tiếc lời khen ngợi chúng :

## MÈO

hàng lụa bao  
ghè hay gạch hoa  
lót nhà » (3)

## TRONG VĂN CHƯƠNG TRUYỆN TÍCH

« Hai mắt mèo  
tròn và quắc như  
đôi hòn bi ve để dưới  
ánh mặt trời. Hân không có  
môi, song hân có cái mũi đo-  
đỏ đẹp như cặp môi son hồng  
của một cô con gái mười tám  
đương thì » (4). Hóa cho nên  
Trạng-Quỳnh đã mê hân, mê  
đền không sợ đứt đầu, dám

(3) X.D. — Phấn thông vàng.

(4) T.H. — O-Chuột.

(5) X.D. — Phấn thông vàng.



★ Nguyễn Văn Hân



Mấy từng dài-các sải chơn leo,  
Nhảy lẹ chi hơn bằng giống  
mèo (6).

Và có hơn một người đã  
phải ghen tị trước khả năng  
đặc-biệt ấy :

Con mèo con mèo con meo,  
Ai dạy mày tiều mày chẳng dạy  
tao ? (7)

Ban ngày mèo cứ ngủ, để  
đêm đến, « trong cái bóng tối  
mung-lung hần mới ra tay  
hoạt-động. Hần đi rả rả thâu  
canh như người trơng tuấn ». Có lẽ loài mèo thích « sống  
trong tối, lút trong đêm, trùm  
trong bí-mật ghê sợ của một  
cuộc đời vô-định » (8) hơn là  
sự sống tươi đẹp, sáng-sủa  
dưới bóng-nắng của mặt trời !

Bộ mặt hần thoảng xem có  
vẻ « hiền lành mà lại ang-ác,  
nghĩa là trông hần thì không  
tài nào đoán được trong óc  
hần nghĩ-ngợi gì » (9). Có lẽ  
chính thế mà chó thường ghét  
hần. Mà chó ghét mèo nghĩ  
cũng tội cho mèo, bởi vì mèo  
có cái lý-do chính-đáng, đáng  
được chó không nên ghét mà  
còn trái lại.

Cổ tích Việt cổ câu chuyện  
« Một anh chàng lười với ba

con vật » mà trong đó mèo đã  
thủ một vai cực kỳ quan-  
trọng :

Anh lười có một con chó,  
một con mèo và một con sáo,  
mà con vật nào cũng tinh  
khôn; chúng dễ dạy và đều  
biết được tiếng người như  
người.

Anh lười tuy lười biếng  
nhưng được rấn thân ban  
cho một cuộn sách ước, ước  
gì được nấy. Nhờ có bảo  
vật đó mà anh được vua  
phục tãi, gả công-chúa cho  
và cũng tại có nó mà sau đó  
một tên khách-trú động lòng  
tham, lập mưu cùng con sáo,  
ăn cắp sách ước rồi đem nhau  
chạy trốn về Tàu.

Một lần quân giặc rầm-rộ  
vây thành, quốc-vương cả  
sợ. Phò-mã cậy mình có sách  
ước, tuyên bố sẽ lui giặc tức  
khắc và khuyên vua đừng lo.  
Vua tin bằng lời nhưng sau  
đó Phò-mã chẳng làm gì được  
giặc, vì xem lại sách ước đã  
mất. Thế là ông bị tòng  
ngục.

(6) PHAN-VĂN-TRỊ : Con mèo.

(7) Ca-dao.

(8) X.D. Phần thông vàng.

(9) T.H.— O-Chiết

Nằm chèo-queo một mình  
với hai con vật, Phò-mã nghĩ  
được cách cậy mèo và chó  
đi tìm chú Khách để lấy lại  
của quý. Chó mèo vâng lệnh  
chủ-nhân; lên đường sau khi  
được công-chúa cấp cho cơm  
khô bánh tổ làm lương.

Hai con vật vượt trùng  
vây, lội sông, qua núi, khi  
chạy, lúc đi cả tháng trời  
mới tới nội-địa Tàu. Một  
buổi trưa hè nắng gắt, mèo  
và chó mệt thê lười, lang  
thang đi ngoài lộ, bỗng nghe  
có tiếng con sáo kêu to :

— Chú Khách ơi ! Con chó  
con mèo bên An-Nam qua  
đây, kia kia !

Tên Khách-trú lập tức đuổi  
bắt nhưng mèo chó chạy  
thoát. Tối đến, hai con vật  
dẫn nhau vào xóm. Chó than  
với mèo :

— Nhà chú Khách tìm ra  
rồi, nhưng biết cách nào mà  
lấy lại cho được sách ước !

Mèo bảo chó an lòng, cứ  
nằm ngoài mà đợi. Đoạn mèo  
leo vào nhà, nằm trên một  
dây xiăng, đợi chuột. Mèo  
bắt được một chuột cái và  
truyền cả họ nhà chuột  
phải khoét rương, cạy tủ để

tim bảo-vật. Kết quả, khuya  
hôm đó mèo lấy được sách  
ước đựng trong một ống nhỏ  
bằng vàng.

Trên đường về, khi đi qua  
một con sông to, mèo ôm cổ  
chó ngồi trên cho chó lội và xin  
được giữ lấy vật quý để phòng  
sự bất-trắc có thể xảy ra,  
nhưng chó muốn đoạt cổ g,  
giành ngậm lấy. Khi ra sông,  
sông to quá, chó đánh rơi mắt  
sách ước. Chó mèo buồn-bã  
thần-thờ, đi quanh quẩn ở bờ  
sông, không con nào dám về  
phục-mệnh.

Ngồi cạnh một cỏ-thụ, mèo  
thấy trên cây có nhiều ổ chim  
của những loài chim lội  
nước, nhân sanh được một  
kê, chú ta liền trèo lên, bắt  
buộc bọn chim mẹ phải lặn  
xuồng bắt sạch cá ở khúc  
sông nấy cho mèo khám tìm  
bảo vật. Nhờ kê ấy mà mèo  
lấy lại được sách ước trong  
bụng cá và hồi-hả chạy về  
giữa lúc thành-trị của quốc-  
vương còn đang bị ầm ầm  
công-hãm.

Tức thì thành được giải-  
tỏa theo nguyện-vọng của  
Phò-mã trước sách ước. Mèo  
được trọng thưởng ; riêng  
chó thì phải phạt đòn. Để

tường thường đại công của mèo, chủ-nhân cho mèo từ đó vào ở nhà trong, được ăn bát vàng, được ngồi chung vào chiếu bông gồi dựa với người; còn chó phải ăn cơm thừa canh cặn và ở nhà ngoài, không được bén-màng đến những chỗ cao sang. Chó lấy đó làm cay đắng với mèo, tình thân-hữu nồng-nàn tự thuở nào, nay vì chút tham công mà mất hẳn...



Vai trò của mèo trong câu chuyện trên đã làm nổi bật biệt chứng nào sự khôn-khéo của nó. Nhưng chưa hết, mèo còn đóng một vai khác, tuy không quan-trọng bằng nhưng có vẻ hài-hước vui vui. Đó là chuyện tích « Chó mèo cày ruộng ».

Chắc các bạn chưa quên câu chuyện hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm, để lại một

sự nghiệp to. Người anh giành hết về phần mình, chỉ chia cho em một con mèo và một con chó. Người em muốn tránh cảnh nổi da nâu thịt nên đành gạt nước mắt dẫn hai con vật ra đi. Trong lúc cơ-cùng, chàng đành bắt mèo chó vào một thâm-sơn cây ruộng.

Nhưng quái lạ! Hễ cứ mỗi lần chàng giơ roi giục chó bước nhanh, thì « chó kêu ăng thũng-thũng mà đi », và khi toan đánh mèo vì mèo đi sai luồng, thì « mèo kêu ngao thảy sao hay vậy ».



Tức vì hai con vật làm ăn không ra gì mà cứ ngăn trở mình không cho rảnh-he chúng, mình bảo đi mau thì nó bảo cứ để nó đi chậm; còn mình bảo nó đi cho đúng đường thì nó bảo cứ để nó đi sai, cho nên khi cày qua một luồng cày nửa mà đầu chẳng ra đâu, chàng thẳng tay quật túi-bụi vào mông vào mình hai con vật. Chúng không hốt-hoảng mà còn thần-nhiên lặp lại những câu đã nói và đi theo những lối đã đi, khiến đá núi thầy lạ cũng bật cười, trong đá vàng rơi chói lọi.. Chàng nhờ đó được giàu to và hai con vật dị-thường kia được nâng lên hàng tôn-quý...

Tuy có một « thành-tích lịch-sử » như vậy, nhưng khi nào chó đồ quạu, mèo cũng phải tìm trong ba mươi sáu chước để chọn lấy một chước hay, không từ những chỗ chông-chênh, gai-gốc :

*Tung thể rồi vông cũng bướng  
trèo,*

*Ngần - ngơ đứng dưới, chó  
trông theo..(10)*

Nhưng khi qua khỏi cơn nguy, mèo vẫn quen tính trêu đùa với chó :

*Con mèo trèo lên cây vông,  
Con chó đứng dưới ngó mong  
con mèo.*

*Mèo rằng : Sao chó chẳng theo ?  
Lên đây mèo sẽ dạy leo cho  
mà ! (11)*

Qua một vài cơn hực-hặc lớn, mèo có lúc cũng hòa với chó. Trừ « những trường hợp hãn - hữu, khi một miếng xương hay miếng thịt rơi đúng giữa vị-trí hai con. Lúc đó, buộc lòng Mực phải lay cả sức nặng của thân-thể lao lại để uy-hiệp mèo. Mèo cũng chỉ nhảy tránh lầy lệt, cách xa chỗ chó chừng vài bước, và quay lại phun phì phì, trong khi Mực nhai ngấu-nghiến miếng xương hoặc miếng thịt. Động-cơ của cuộc tranh-chấp vừa qua. Sau đó, đôi bên lại hòa » (12).

Với chó thì như vậy, còn đối với chuột, với cạp, với rắn thì lại khác. Rắn đôi khi là tình-nhân của mèo ; trong đêm tối, mèo hằng tìm dịp đi

(10) NGUYỄN-QUANG-DIÊU :  
Mèo trèo cây vông.

(11) Ca-dao.

(12) ĐOÀN-QUỐC-SĨ : Mèo trèo cây cau.



lại với rắn (13). Mèo cũng không ngán cạp vì tục truyền « *mèo đứng vào vai cậu của cạp* ». Cạp từ địa - vị chúa sơn lâm, phải hạ-bệ xuống hàng ngoại - thích làm đũa cháu ngoan - ngoan của mèo !

Riêng chuột thì kiêng oai chú mèo lắm lắm. Dù có việc tức-tối không thể giải được, phải cạ-nự dữ-dội giữa chuột và chuột với nhau, mà thoạt có mèo xuất - hiện thì sự cãi vã đó cũng ngưng ngay. Chúng phải cấp - thời tìm đường tẩu-thoát. Đây, một con chuột bạch và một con chuột cái đang gây-gỗ, bồng mèo tới :

*Con mèo thủng - thính góc thành,  
Đến xem tranh-đấu ra tình làm sao.*

*Hai bên hồn lạc phách xiêu,  
Trèo non nháy núi ra chiều lao đao,  
Lạ đường, chuột cái sa ao... (14)*

Mỗi khi mèo « *chợt ngảnh mắt hùm nhìn trực thị* » thì « *chi cho lũ chuột dám vang reo* » (15). Chính những kiêng oai, nép sợ đó mà những

ngày kỵ-giỗ ông cha mèo, chuột đều phải chăm lo như tự nó phải cúng-kiêng ông bà ông vải nó :

*Con mèo mà trèo cây cau,  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà ?*

*— Chú chuột đi chợ đường xa,  
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo (16).*

Đã « *cúc-cung tận-tụy* » với đồng-dối nhà mèo như vậy mà tội nghiệp, mèo có bao giờ biết thương hại cho lũ chuột khốn-nạn đâu ! Mèo vẫn coi chuột là đối-tượng căm thù truyền kiếp và cứ luôn luôn thẳng tay sát-hại. Hình như mỗi kính khùng của loài chuột mỗi lúc mỗi tăng, nó cứ theo ám-ảnh chuột hoại, cho dẫu giữa lúc không có bóng mèo thấp-thoảng. Trách sao được những cô chuột cái mỗi khi

(13) Rắn hồ-nghạ là một thứ rắn thích dang-dúi với mèo nhất. Nhiều đêm người ta thấy chúng quấn-quít với nhau thân canh.

(14) HỒ-QUYỀN-QUI : Chuyện trình thờ.

(15) PHAN-VĂN-TRỊ : Con mèo.

(16) Cao-đạo.

lọt lòng một bầy con, điều cần của các cô là rót nhẹ vào tai các con những lời dặn dò :

*— Chết con ạ ! chớ trông ngoài mã,  
Bộ hiền lành chính gã miêu nhi  
Xưa nay độc ác gian-phi,  
Cùng nòi nhà chuột nó thì hại luôn... (17)*

Không khi nào mèo chuột chịu ở chung chạ lẫn nhau, nhưng nêu vạ nhất mà có thì chắc chắn là có những mưu mô sâu-sắc ; các chú lân cận như chồn, sóc, thỏ... hãy liệu hồn ! Câu « *Miêu thờ đồng miên vị thượng hạ tương tử tác gian* » (18) đã dặn dò chu đáo việc ấy ! Các chú đừng thầy về nhu mì của mèo khi gặp mặt các chú mà tưởng là thật thà hiền lương đây nhé ! Hãy coi chừng nó « *ra tuồng mèo mã gà đồng* » (19) thì nguy đây ! Các chú có nhớ chăng câu chuyện « *thập bát niên tiền linh miêu hoá chúa* », mèo đã hy-sinh đền tận mạng cho một độc kê chẳng ai ngờ...

Cồ-nhân cũng ngán mèo, sợ « *mèo nháy ngang tử-thì thì yêu tình hiện* », đã lo « *mèo già hóa cáo* » đã dặn « *mèo lành không*

*ở mã, ở lành không ở hàng còm* » (20) và kết luận rằng « *tánh miêu hiểm độc ai mà chẳng hay* »... ! (21) Bác Lý-Nghĩa-Phủ đời Đường đã bị đặt tên lại là Lý-Miêu, cũng không ngoài cái việc mặt ngoài của bác trông phúc-hậu lắm mà trong lòng chứa toàn gươm dao, đòn xóc... Vậy « *chớ treo mèo đậy* » là chắc ăn hơn cả Không treo không đậy, đề chừng bị « *ăn vụng* » thì sự đã rồi, có tiếc cũng hoại mà còn thêm bị.. nghe lời mai-mia.



Nhưng nói gì thì nói chứ chú mèo của chúng ta vẫn có những đức-tính đặc-biệt đáng quý của chú.

Dù gặp cảnh « *không chớ*

(17) NGUYỄN-VĂN-VĨNH : dịch La Fontaine.

(18) Mèo chuột ngủ chung nhau, tức người trên và người dưới cùng nhau mưu tính điều gian ác.

(19) NGUYỄN-DU : Kiều.

(20) Tục-ngữ

(21) Cồ-thi

*bắt mèo ngồi ngửa mắt* » (22) « dù đói khát, dù phải tìm vỏ tôm hay xương cá ở nơi thúng rác, dù phải đánh cắp những bộ ruột gà người ta vứt đi, dù khổ-sở thế nào, những con mèo (...) vẫn giữ lấy vẻ quý phái — quý phái chứ không trường-già. Cách đi đứng, cách nhai nuốt, cách nâng nhẹ những vật thừa-thãi đều có cái duyên-dáng của những bà hoàng sây ngôi, hay những cung-nữ hết thời. Chúng bước dè-dặt, không muốn dính mình vào đất đỏ, chúng có cái đặc tài, giữ chân cẳng tron-tru, dù phải dẫm qua nhớp-nhúa. Và hễ thông-thả, chúng liền tìm chỗ tắm gội. Những cơn đói không bắt chúng lách tính sạch sẽ » (23).

Ngoài cái tác-phong thanh-lịch khá-ái đó, mèo lại giúp ích nhiều cho bọn học trò thời xưa và các ông Lang, ông Tài thời nay. Cái « *ngọn bút lông mèo* » thon thon, mềm-mại hấp-dẫn biết bao nhiêu khách « *văn chương chẳng phải bợn mèo quào* », (24) và lời cuồn đền say mê những ai

yêu-thích lời chơi-chữ-đẹp thời mực Tàu giấy bản... Nếu rui-ro mà mèo có phải « *trăm tuổi hồn đầu về chín tuổi* », thì, vẫn thế quyết « *năm lông để lại giúp trò nghèo* » (25) chứ không hề bao giờ mèo chịu buông ra nửa câu vụ-lợi...

Chú mèo còn ưa chuộng tự-do, không chịu sự ràng buộc tù-túng của bất cứ ai mang đến cho chú, cho đâu đặt chú ở trong lồng vàng cũng vậy. Chú sẽ cõ « *chui rút cái đầu tròn-trĩnh, xinh-xắn của chú qua các ô lỗ dây cạnh nan cứng và sắc của lồng đèn trầy-trụa xơ-xác cả lông* » (26), mãi cho đến bao giờ được « *xuất lao-lung* », chú mới chịu thôi.

Nội cái đức trừ-gian thảo-tật, không để lũ chuột nhắt

(22) NHIÊU TÂM : Cút trôi sông.

(23) X.D. — Phần thông vàng.

(24) HỌC LẠC : Vành mâm xôi đề thàng Lạc.

(25) CỬ-TRỊ : Con mèo.

(26) THU-TÂM : Tâm-sự.

khoét rương cần áo, lũ chuột công cấp vịt trộm gà, lũ chuột đồng tàn-hại mùa-màng... của cáu, chú cũng đủ mạnh miệng nói lên được cái kỳ-công bất-hủ của chú đối với nhân-loại.

Thảo nào người ta chẳng đã nhắc chú lên địa-vị khá cao, cao như người vậy ! Chú đã được mệnh danh là *Thiên tử-phi* (27), chú đã được lấy tên để gọi thay cho danh từ *tiên-nhân* (28), lấy tên để đặt cho một dân tộc *thieu số miền sơn cước* (29), và nhất là chú được người ta đặt ngổi bệ-vệ trên chiếc ghế *thứ tư* trong hàng *thập nhị chi* để chú thỉnh thoảng có dịp ngự trị trong một năm, để người ta phải mang tuổi bằng tên chú và để rồi chú được tiếp tục sống

mãi trong hạnh-phúc trẻ đẹp của những trường xuân bất tận...

Nào ! Sự có mặt của chú mèo trong năm Quý-Mão này phải là sự tốt lành như những « *thịnh đức* » đã kể trong mây dòng cuối bài này chứ, chú ?

● NGUYỄN-VĂN-HẦU

(27) Vợ vua Đời Đường, Võ-Hậu giết Tiêu Phi. Phi sắp chết có nói : « Ta nguyện đời đời sẽ sinh làm mèo và Võ-Hậu sinh làm chuột, để ta sẽ moi họng nó cho hả ».

(28) Mèo. Cô X là mèo của cậu Y.

(29) Người Mèo ở Hà-Giang, Lao Cai. Họ dai sức và nhanh nhẹn như mèo. Tùy theo sắc phục của họ, người ta chia dân Mèo ra nhiều nhóm như Mèo Đỏ, Mèo Xanh, Mèo Đen, Mèo Trắng, Mèo Hoa...



★ KHÔNG MỘT AI TRÔNG THẤY

Quan tòa. — Anh đã công nhận tội anh chưa ? Trong mười người ở đây, đều chứng rằng anh là kẻ đã phạm tội, chính họ đã trông thấy anh rõ ràng mà ! Còn ai là không trông thấy đâu ?

Bị cáo. — Thưa quan tòa, nếu quan tòa cho phép, tôi xin thú thật rằng việc tôi làm lúc đó không một ai có thể trông thấy cả, và nếu mười người này chứng rằng « đã thấy tôi » thì việc ấy dễ quá mà, tôi có thể chỉ hàng trăm người « không thấy tôi » để đối chứng với mười người này.





(Một cảnh trong phim  
Of Mice and Men)

**of  
Mice  
and  
Men**

**Người và Chuột**

\* John Steinbeck

JOHN STEINBECK, nhà Văn hào Mỹ vừa được giải Văn-chương Quốc-tế 1962, đã được cô Diệu-Huyền giới thiệu đầy đủ với Bạn đọc Phê-Thông. Đề quý bạn lãnh hội được phần nào nội tâm của văn nghiệp ông, chúng tôi xin dịch một đoạn cuốn tiểu thuyết ngắn **Of Mice and Men** (đã dịch ra tiếng Pháp với tiêu đề « Des Souris et des Hommes », đã được hầu hết những phê-bình gia cho là thành công hoàn toàn và được nhắc nhở nhiều nhất. Chỉ trong một vài trang, độc giả có thể theo dõi ngay ý hướng của những nhân vật đặc biệt của Steinbeck với ngôn ngữ cùng hoàn cảnh riêng của họ.

**X**UYÊN qua những chòm liêu giữa rừng sung, một con đường mòn được tạo thành bởi những bước chân dẫm lên lấu ngày của tụi trẻ nhỏ dấn đến những trang trại và cuối cùng tằm mình trong một vịnh nước sâu. Nơi đây, khi chiều xuống, những kẻ giang hồ mệt mỏi lần xuống từ đường cái quang để giăng lều bên bờ nước. Trước một nhánh cây nằm ngang, thấp tè tè của một cây sung không lồ, những đồng tro đã chứng thực những đám lửa của những đoàn binh đóng ngoài trời đã từng qua đây. Nhiều người đã ngồi lên nên cành cây đã trở nên mòn và nhẵn.

làm xao động cả khóm lá. Bóng đêm đã tràn lên trên những đỉnh đồi. Trên những bờ cát lún những bầy thỏ đã ngồi đó từ bao giờ với dáng hình bất động như những viên đá chạm màu xám. Rồi thì, từ phía đường cái quang, người ta đã nghe những bước chân



Vào buổi chiều một ngày oi nắng, gió nhẹ hiu hiu thổi qua

★ **NGUYỄN ĐỨC-SƠN**  
lược dịch

lào rào trên những lá sung khô. Bầy giờ bầy thỏ mới lén lút chui vào hang. Một con diệp với dáng điệu cầu kỳ cất cánh bay một cách nặng nề trên mặt sông. Sự sống như ngừng lại trong giây phút, rồi thì ở đầu cuối đường mòn, hai người đã lộ ra, tiến về phía rừng thưa, bên bờ nước xanh um.

Họ đã bám sát nhau đi xuống con đường mòn, và, ngay cả nơi những khoảng đất trống, họ cũng đi gần nhau, người này sau người kia. Cả hai đều mặc quần dài với áo cộc bằng len cột bằng những nút đồng. Tóc họ cúp một cách dị hình. Họ mang trên vai những trục lăn có quần mền ở ngoài. Người đi đầu có những nét nổi bật. Hắn nhỏ con, nhanh nhẹn. Da mặt ngăm ngăm với đôi mắt tinh nhanh lộ vẻ lo lắng. Tất cả những gì trên người hắn đều được định rõ: hai bàn tay nhỏ nhưng rắn rỏi, hai cánh tay mảnh khảnh và một cái mũi nhỏ mịn như chia xương ra. Người đi sau hắn thì hoàn toàn trái ngược. Đó là một người to lớn, đôi mắt bự sụ nhưng mờ tái và bờ vai trẻ xuống.

Người thứ nhất bắt chợt dừng hẳn lại và kẻ đồng hành cúi xuống trên lưng. Hắn giở nón lẹp, vuốt mồ hôi bằng ngón tay trở mà hắn làm kêu răng rắc. Kẻ đồng hành để mền xuống, khuyu chân nằm áp bụng xuống và bắt đầu uống cái lóp nước xanh rong kia. Hắn uống từng hớp mạnh và khịt mũi giống như ngựa vậy. Tên nhỏ con, tiền đèn gần hắn nói một cách nóng nảy: — Lennie, nói có Trời, đừng uống nhiều thế.

Lennie vẫn tiếp tục khịt khịt trong nước đọng. Tên nhỏ con cúi xuống lay vai hắn:

— Lennie, rồi mày sẽ bệnh như đêm rồi cho xem.

Lennie ngụp cả đầu xuống nước với cả cái nón. Xong, hắn lên ngồi trên bờ, để cho cái nón nhỏ giọt lên trên chiếc áo cộc xanh thẫm cả vào lưng. Hắn nói:

— Được lắm, uống một chút thôi, một ngụm đầy thôi mà. Hắn mỉm cười khoan khoái.

George giở ba-lô ra và đặt nhẹ xuống đất.

— Tao không thể tin là

nước này hiền được. Nó nhiều bọt quá.

Lennie nhúng cái cẳng mập bự của hắn xuống nước, rung rung mấy ngón chân cho chúng bắn bùn lên mặt nước. Những vòng tròn nổi lên lan rộng qua bên kia bờ và trở lại điềm khởi đầu. Lennie nhìn chăm chú.

— George ơi, lại xem tao đã làm cái này.

George quỳ trên bờ nước, bụm nước trong tay và uống từng hớp nhanh. Hắn nói, giọng thất vọng.

— Cũng được lắm, nước có vẻ ngon đó. Tuy nhiên nó không phải là nước chảy luân lưu, tao ngờ thế. Mày luôn luôn chỉ nên uống nước chảy. Nếu khát mày tìm uống nơi máng nước chảy.

Hắn vốc hai tay xuống nước lau sạch cả mặt mũi, thoa luôn cả cằm và gáy. Rồi hắn mặc áo lại, đi xa bờ nước, mở vòng tay đã bao quanh hai đầu gối ra. Lennie quan sát George và bắt chước y hết điệu bộ của George trong từng cử chỉ. Hắn cũng giở hai đầu gối lên, hai tay ôm vòng, rồi nhìn George thử xem mình có làm

đúng không. Hắn hạ thấp nón xuống đôi mắt một chút cho giống hệt như George. George buồn bã nhìn mặt nước. Nắng đã làm đỏ viền mắt của hắn. Hắn nói một cách giận dữ:

— Nếu cái thằng chân bò khôn kiếp kia biết rõ điều hắn nói thì bây giờ chúng ta đã đến trang trại rồi. Tên đó nói như vậy: « Các ông chỉ cần đi một chút nữa là đến đường cái quan, một chút nữa thôi! ». Trời ạ, đã gần bốn dặm rồi mà hắn bảo là một chút. Có điều sự thật là hắn không muốn dừng lại công trại, Hắn vờ vĩnh. Tao tự hỏi thật tâm hắn cũng không biết ở Soledad. Hắn đã đuổi chúng ta rồi nói: Chỉ còn một chút nữa thôi là tới con đường chính! Tao đánh cá rằng phải còn hơn bốn dặm nữa. Trời nóng thậm tệ.

Lennie nhìn George, rụt rè.

— George?

— Ừ, mày hỏi gì?

— Phải đi đến đâu?

George lắc đầu, kéo cái viền nón xuống rồi nhìn đăm đăm sang Lennie.

— Vậy mày đã quên sao.



hả? Tao cần phải lập lại với mày hay sao? Lạy trời, mày cứ hiểu như mày đã hiểu!

— Tao quên rồi, Lennie nói dịu giọng, Thật sự tao đã cố gắng không quên George ạ.

— Thôi được! Tao sẽ nói lại cho mày nghe. Tao không có việc gì để làm cả. Bao nhiêu điều tao đã nói với mày, mày đã quên hết và rồi tao lại phải nói lại.

— Tao đã cố-gắng, cố-gắng thử sức, có điều không có kết quả. Tao nhớ những con thỏ George ạ!

— Để tao yên, những con thỏ của mày! Mày chỉ độc có nhớ những con thỏ thôi! Bây giờ, nghe đây. Ráng nhớ lần này để đừng làm phiền người ta nữa. Mày còn nhớ khi mày ngồi ở lễ phở Howard, khi mày nhìn cái bảng đen chứ?

Một cái mím cười mê đắm nở sáng trên gương mặt Lennie.

— Nhớ chắc! George ạ, tao nhớ điều đó... lắm... nhưng... sau đó người ta đã làm gì? Tao nhớ có những mụ đàn bà mà người ta đã đi

qua mặt và nhớ mày đã nói.. đã nói.

— Đừng có bận trí về những gì tao đã nói. Mày có còn nhớ chúng ta đã đi đến Murray và Ready, và người ta đã cho mình những cái thẻ làm việc và những phiếu đi xe buýt không?

— Ô, nhớ lắm chứ George, bây giờ tao nhớ lắm.

Thình lình Lennie để hai tay vào hai túi áo cộc. Hắn nói dịu dàng:

— George... tao không có thẻ và vé của tao. Có lẽ tao đã đánh rơi rồi.

Thật vọng, Lennie nhìn xuống đất:

— Đồ ngu, mày thì bao giờ có. Tao thì đủ hai cái đây. Mày đã ngờ rằng tao đã để cho mày mang cái thẻ làm việc sao?

Lennie trợn mắt cảm thấy bối lo.

— Tao... tao tưởng tao đã nhét vào túi.

Lennie lại cho tay vào túi, George nhìn hắn gay gắt:

— Vậy chứ mày mới kéo cái gì ở túi ra đó?

— Chẳng có quái gì cả, Lennie nói xảo quyết.

— Tao biết rồi. Mày giấu nó trong tay. Cái gì trong tay mày đó, mày giấu cái gì đó?

— Tao có gì đâu, George! Thật mà.

— Thôi đưa đây cho tao. Lennie nắm chặt tay giang thật xa khỏi George.

— Không có gì hơn là một con chuột, George ạ.

— Một con chuột ư? Một con chuột còn sống?

— Ờ... ờ... chỉ là một con chết, George ạ. Tao không giết nó đâu. Thật mà! Tao thấy nó. Tao tìm thấy nó đã chết.

— Đưa cho tao! George nói!

— Ô! Để mặc tao, George ạ!

— Đưa cho tao!

— Bàn tay nắm chặt của Lennie từ từ thuận lời. George nắm con chuột rồi ném qua bên kia bờ sông, nơi một bụi rậm.

— Mày có thể làm gì với một con chuột chết?

— Tao có thể vượt ve nó khi đi đường. Lennie nói.

— Nay, đừng vượt ve những con chuột khi đi với tao. Mày nhớ bây giờ tụi mình sắp đi đến đâu chứ?

Lennie ngạc nhiên, bối rối. Hắn dẩu mắt giữa hai đầu gối:

— Tao chưa nhớ.  
— Trời ạ! George nói với vẻ nhịn nhục. Được, nghe đây, chúng ta sắp làm việc trong một trang trại như ở trang trại mà từ đó chúng ta đã đến đây, ở miền Bắc.

— Ở miền Bắc?  
— Phải, Tại Weed.  
— Ô! thôi tao nhớ rồi. Ở vùng Weed.

— Trang trại nơi chúng ta sắp đến ở đó, gần đó, khoảng một phần tư dặm nữa. Chúng ta sẽ vào ra mắt chủ. Bây giờ, nghe đây... Tao sẽ đưa cho chủ những cái thẻ làm việc của tụi mình nhưng mày không được nói lời nào. Mày cứ đứng yên đó, đừng nói gì hết. Nếu tên chủ nhân biết mày ngốc như thế nào, hắn sẽ không thuê chúng ta, nhưng nếu hắn thấy mày làm việc trước khi nghe mày nói, chúng ta sẽ thành công. Mày hiểu không?

— Hiểu lắm, George ạ, tao hiểu quá mà!

— Tốt lắm. Vậy bao giờ đến tìm chủ, mày sẽ làm gì?

— Tao... tao... » Lennie nghĩ ngợi. Sắc diện như căng thẳng dưới sức cố gắng của tư tưởng. « Tao... tao sẽ không nói gì hết. Tao đứng yên như vậy đây...! »

— Hoàn thành. Được lắm đó. Hãy lập lại điều đó hai

hay ba lần để chắc chắn không quên.

Lennie thăm thẳm làm nhâm trong miệng :

— Tao sẽ không nói gì hết... Tao sẽ không nói gì hết... Tao sẽ không nói gì hết.

— Được đó, George nói. Và rồi hãy cố gắng đừng làm những chuyện ngu ngốc như ở vùng Weed.

Lennie ngạc nhiên :

— Như tao đã làm những việc ngu ngốc ở Weed ?

— Ô ! chứ mày quên rồi hả ? Nay thôi, tao không nhắc lại đâu vì sợ mày sẽ tái phạm.

Một thoáng trí tuệ hiện lên mặt Lennie.

— Người ta đã đuổi chúng ta ra khỏi vùng Weed, hẳn nói trong một sự bộc phát của niềm vui.

— Người ta đã đuổi chúng ta, nhưng tao cóc cần ! George nói, chán ngán. Chính chúng ta chúng ta mới cứu chúng ta, Người ta đã tìm chúng ta nhưng người ta đã không thấy giá trị của chúng ta.

Lennie cười chề, vui vẻ :

— Điều đó tao không quên, tao quyết với mày như vậy.

George nằm dài trên cát, đặt hai tay xuống làm gối. Lennie bắt chước, ngẩng đầu lên xem thử mình đã làm y hệt không.

— Trời ơi, mày có thể nói mày đã làm rồi, George nói. Nếu tao không vướng mày, tao sẽ lo liệu dễ-dàng lắm. Tao sẽ sống thư thái và có vợ, có thể lắm.

Lennie yên lặng, rồi hẳn nói giọng tràn hy vọng :

— Rồi sẽ làm việc trong một trang trại mà, George ạ.

— Tốt lắm. Mày đã hiểu, nhưng chúng ta sắp ngủ đây vì tao có lý do.

Bóng ngày đã tàn đi nhanh. Chỉ có những ngọn những đỉnh Gabilan còn hừng sáng. Chúng phản chiếu ánh mặt trời đã rời bỏ thung lũng. Một con rắn đang uốn lưng trên mặt nước, đầu ngẩng lên như một tiểu tiêm vọng kính. Lau sậy rung lên bởi dòng nước động. Đàng xa, nơi đường cái quan, có người lạ lên điều gì và một người khác đáp lại. Những cành lá sung rung lên khi một cơn gió nhẹ lướt qua và tan biến.

— George, vì sao chúng ta không đến trại để ăn tối ? Ở đó người ta có cho ăn mà !

George quay đi :

— Không có lý do gì để nói với mày cả ! Tao, tao khoái ở lại đây. Ngày mai sẽ làm việc. Tao đã thấy những máy đập đang đèn. Điều đó chứng thực rằng cần phải chờ những cái túi giống...

Đêm nay, tao phải ngủ lại đây, nằm ngửa mà ngủ, tao khoái thế.

Lennie khuyu gối xuống nhìn George :

— Vậy không ăn sao ?

— Có, có chứ, dĩ nhiên, nếu mày chịu khó đi tìm củi. Tao có ba hộp đựng đậu trong ba-lô. Dọn bệp đi. Tao sẽ đưa điem cho khi mày đã quơ củi về. Rồi chúng ta sẽ nấu đậu và ăn.

Lennie nói :

— Ô, tao khoái đậu nấu với cà chua lắm.

— Ừ, nhưng cóc có cà chua. Đi tìm củi đi. Đừng nói nhảm mà thì giờ. Chẳng còn bao lâu nữa trời sẽ tối.

Lennie đứng dậy uể oải và khuat vào rừng rậm. George vẫn nằm dài huýt sáo nhẹ nhàng chơi một mình. Về hướng Lennie, tiếng của đất bùn rơi bắn trên nước nổi lên. George ngừng huýt sáo và lắng tai nghe :

— Thăng khôn kiếp, George nói dịu dàng, rồi hẳn lại bắt đầu huýt sáo.

Chẳng bao lâu Lennie lại trở về, băng qua những bụi rậm. Hẳn chỉ mang có một nhánh củi liểu ở trong tay. George tiến đến :

— Nào, hẳn nói cóc lờc, đưa con chuột cho tao !

Lennie cứ liểu mạng như

cám điếc.

— Chuột nào George ? Tao không có chuột.

George nắm lấy tay hẳn.

— Nào, đưa đây ! Không nên làm vậy đối với tao.

Lennie do dự, thụt lui, ném một cái nhìn cuồng quít về phía rừng rậm như thể hẳn nghĩ đến việc lấy lại tự do bằng cách trốn. George nói, giọng lãnh đạm :

— Mày hãy đưa con chuột cho tao hay mày muốn chính vì nó mà mày phải nhận một cú đâm vào mồm ?

— Đưa mày cái gì, George ?

— Tao muốn con chuột.

Bất đắc dĩ, Lennie phải tìm con chuột trong túi. Giọng hẳn run lật bật :

— Tao không hiểu vì sao tao có thể giữ nó. Nó không phải của ai hết. Tao cũng không đánh cắp. Tao thấy nó chết ở bờ đường rồi tao lượm thôi.

George giăng ngay tay ra. Lennie tiến, lui, tiến rồi lại lui. George làm giằn xương tay nghe rần rắc. Lennie bây giờ mới trao con chuột vào tay George.

— Tao không làm điều gì bậy với nó đâu, George ạ ! Tao chỉ vuột ve nó thôi.

NGUYỄN-ĐỨC-SƠN dịch



# đề sưởi ấm

## lông anh

(Kịch vui một hồi, một cảnh)

### NHÂN VẬT :

**HẠNH** : 21 tuổi, nữ sinh viên báo chí. Tinh quái, láu lỉnh.

**BẰNG** : Anh của Hạnh, sinh viên, vui tính như em.

**NGƯ HOÀNG** : bạn của Bằng ; trạc 25 tuổi, cao lớn, đứng đắn.

### NGƯỜI PHÁT THƯ

**THỜI GIAN** : Sáng Mừng một Tết, quảng mười giờ.

### MỞ MÀN

(Phòng của Hạnh đơn giản theo lối phòng trọ. Một chiếc đi-văng nhỏ, bên cạnh có máy vô tuyến điện, máy hát và đĩa hát. Bàn học sách xếp thứ tự, có bức ảnh mẹ già, trước mặt có nén hương đang cháy. Cửa sổ, bên cửa sổ còn có cái bàn con, trên bàn có cái lò cồn, một cái son và một



★ G. D. Minh-Đức (Paris)

cái lọ cà-phê. Trên tường cạnh đi văng có treo một cây đàn. Một chiếc áo dài vắt trên ghế.

## ĐỀ SƯỜI ẤM LÒNG ANH

Hạnh mặc quần áo Việt-Nam đan ngồi dựa ngửa ra ghế, hai tay để sau gáy nghe ngao hát).

HẠNH : (hát) Tiếng chuông hồi chuông vui mừng nối duyên đôi lứa duyên ương lập gia-đình...  
Đề mà dặt tay nhau đi ăn...  
(nói) ấy chết kiêng đầu năm, (nghe ngao tiếp). Đi ăn cơm hiệu Việt-Nam. (ngồi lại ngay ngắn đưa tay nhìn đồng hồ nói).

— Quái nhỉ, sao từ sáng đến giờ mà người phát thư chưa thấy đến, hay là đến rồi mà ta chẳng có gì cả chẳng. (Đứng lên giáng bàn-khoăn, mở máy vô tuyến điện định tìm âm-nhạc, cau mặt tắt máy vô tuyến điện trở lại bàn viết mở sách định đọc rồi lại gập sách đề xuống bàn nhìn vào trong gọi to) Bằng ơi.

BẰNG : (mặc quần áo xanh thẫm, nơ đen chỉnh tề đi sang).

Cái gì mà gọi ấm lên thế.

HẠNH : Hay là ở nhà quên chúng mình rồi anh Bằng nhỉ ?

BẰNG : Ừ, biết đâu đấy, ở nhà bảo cho tụi nó chết.

(Bằng đến ngồi xuống giường)

HẠNH : Nói thế chứ có lẽ nào...

BẰNG : (gật gù) Có lẽ nào cái gì. Hạnh thì bao giờ cũng lạc quan (lim dim mắt nhìn ảnh mẹ). Giờ này bên nhà người ta đang đến thăm nhau, chúc nhau năm mới Hạnh nhỉ. Liệu có ai còn nhắc đến chúng mình



không? Ngày xưa còn mẹ thì mẹ nhớ chứ bây giờ, chắc chẳng ma nào thèm nghĩ đến hai đứa chúng mình nữa...

HẠNH: Sao đầu năm mà anh Bằng bi quan thế, anh hay nghĩ xấu cho người ta biết đâu chỉ vì nhà bưu điện quên...

BẰNG: (cái) Quên thế nào được, Bưu điện Paris có tiếng là đứng đắn nhất, Hạnh không biết có người gàn viết thư cho tòa báo Canard enchaîné mà họ chỉ vẽ ở phong bì hình con vịt, cồ có mang sợi giây xích với cái tháp Eiffel mà cũng đến tay tòa báo đấy sao.

HẠNH: Em có nói bưu điện ở Paris đâu, em bảo bưu điện là bưu điện bên nhà cơ, biết đâu cái hôm anh Lâm đi gửi tiền lại đúng vào cái hôm ông nhân viên bưu điện ấy bị vợ «bố» chèo, rồi ông ta bức mình, rồi ông ta bỏ quên vào ngăn kéo...

BẰNG: Ừ nhỉ, Hạnh cũng có lý một phần nào, biết đâu mấy hôm nay nó lại chẳng nằm thui thui trong xó ngăn kéo bàn giấy của cái nhà ông ấy.

HẠNH: Rồi hôm nay ông ấy mới tìm thấy, mới gửi sang...

BẰNG: Nghĩ là một tuần

nữa mới có tiền, khổ thân già tôi chưa hờ trời; (đổi giọng hậm hực) Người đàn bà thời đại bây giờ thật quả là lợi hại, tôi mà về nước chuyển này thì việc trước nhất là lập ngay cái hội không sợ vợ, hay là hội độc thân cho mà xem.

HẠNH: (chế riều) Anh mà độc thân được, còn lâu (đứng giậy ra nhìn phía cửa sổ) Anh nói nhiều nhất, anh sẽ là người lấy vợ trước tất cả các hội viên khác, và anh sẽ là người sợ vợ hơn là... hơn là...

BẰNG: Hơn là sợ chó dại.

HẠNH: Nói bậy, anh hỗn với phụ nữ em kiện đấy, người ta đến dỡ nóc nhà anh ra, người ta kéo tai anh, người ta cho anh vào tù...

BẰNG: Mà khóa nhà tù là đôi tay nồn nà của người đẹp, Hạnh muốn nói thế chứ gì.

HẠNH: Tôi có ông anh tự phụ nhất nước...

BẰNG: Biết đâu đấy, xem nào, này nhé hội trưởng sẽ là anh hoặc là thằng Hoàng.

HẠNH: Hoàng nào, Hoàng phu gạo ấy à?

BẰNG: Sao lại phu gạo, người

ta cũng sinh niên sinh việc cần thận, lại đẹp giai nhà giàu, học giỏi vân vân.

HẠNH: Chỉ phải cái tội...

BẰNG: Thôi đi cô, nay mai nó đổ đạc ra về mở cái phát-ma-xi, lúc ấy cô lại không chạy đến mà nịnh nó để được nó trừ cho vài phần trăm ấy à.

HẠNH: Trừ có vài phần trăm thì em thèm vào. tướng nó giống phu gạo thì em phải gọi nó là phu gạo, vả lại phu gạo đâu có gì xấu hổ, em chế là chế cái bộ nó lù dù, thằng ấy mà hội trưởng hội sợ vợ mới đúng. (cất giọng hát theo điệu « Hòn vọng phu 1 » của Lê Thương)

« Bao nhiêu đêm cầm roi đứng đợi chông vè

Bao nhiêu đêm vòng tay đứng nghe chông thề »

BẰNG: (rím cườì) Ghét của nào trời trao của ấy, Hạnh rồi thế nào cũng mắc, mà anh đã bảo là Hạnh phải kính trọng bạn của anh cơ mà.

HẠNH: Trời trao được cho em cái của ấy còn lâu, em gọi trời em trả lại chứ, nhưng anh bảo em kính trọng là kính trọng thế nào cơ?

BẰNG: Kính trọng là phải

gọi bằng anh ấy, chứ không được nói thẳng Hoàng nó thế này, thẳng Kiên nó thế nọ.

HẠNH: (tiu nghỉu) Em quên mất rồi, vả lại mặt mày chúng nó thẳng nào cũng à quên. Mặt các anh ấy thẳng nào cũng à quên. Mặt chúng nó anh nào cũng bắm ra sữa, non choẹt đi, rồi bảo em...

BẰNG: Hạnh chỉ láo, chả trách người ta bảo nhà báo nói láo ăn tiền.

HẠNH: Ai bảo anh thế, (đổi giọng giả vờ nghiêm trang) Nghề làm báo là một cái nghề rất tốt đẹp, có thể đưa con người ta đến tất cả mọi ngõ trừ cái ngõ giàu sang.

BẰNG: Thế thì vào nghề ấy làm gì cho nó khổ, ai ra đời mà chẳng muốn tìm cái ngõ giàu sang...

HẠNH: Anh Bằng lắm, có phải ai cũng ham giàu như ai cả đâu.

BẰNG: Lúc nào cũng trèo lên mây mà ngồi, sau này đứa nào vô phúc mới vớ phải cô, mỗi tuần nhin đối năm bận là ít.

HẠNH: (cườì) Tại anh gần chùa kêu bụt bằng « chị » đấy chứ...



**BĂNG** : May mà thế-giới ít có người điên.

**HẠNH** : Anh Băng quên sao, 99 phần trăm ở thế-giới là người điên.

**BĂNG** : (*mĩa mai*) Phải đấy, chỉ trừ Hạnh không điên.

**HẠNH** : (*lắc đầu*) Em cũng ở trong số 99 phần trăm ấy chứ, còn cái số một phần trăm kia là những người không điên thì đang bị nhốt ở trong các nhà thương điên.

**BĂNG** : (*hét to*) Thôi không nói chuyện với cô nữa dứt cả đầu, mừng một Tết mà bắt người ta phải cãi những vấn-đề vớ vẩn.

**HẠNH** : (*Cười. Có tiếng gõ cửa*).

**BĂNG** : (*nhảy lên*) Người phát thư.

## LỚP II

(*thêm người bạn : Hoàng, quần áo chỉnh chặc, nơ đỏ ở cổ, tay cầm một bông hoa hồng đỏ*)

**HOÀNG** : Năm mới đến mừng tuổi các ngài. Nào tết nhất có gì không mang cả ra đây chén chơi. (*Đưa bông hoa cho Hạnh*)

**BĂNG** : Có rượu Rô-bi-nê

đấy, tha hồ (*quay lại nháy Hạnh*). Mới nghe nè, nè nó tởng Dubonnet, tươi hẳn ra. Nói thế chứ chẳng có quái gì cả, từ sáng đến giờ chỉ có uống rượu Rô-bi-nê « à la reine ».

**HOÀNG** : (*đến ngồi ở giường*) Cái gì mà có reine với roi vào ghê gớm thế.

**HẠNH** : Là uống nước lạnh mà anh Băng bảo phải vừa ôm cái cốc vừa nhảy theo nhịp âm-nhạc của bản ấy (*đến mở máy hát đề ngay kim vào đoạn II*) (2ème mouvement của bản Symphonie No 85 « La reine » của Haydn, rồi quay lại bảo Băng)

— Anh Băng nhảy đi.

**BĂNG** : Chịu thôi, anh Hoàng cười cho.

**HOÀNG** : Cô Hạnh nhảy đi.

**HẠNH** : (*Đứng dậy bước theo nhịp của âm nhạc, một tay nắm tà áo hơi nghiêng mình, điệu bộ rất duyên dáng*).

**BĂNG** : Đấy anh Hoàng thấy chưa, mình có cảm tưởng như đang dự một buổi dạ vũ của nữ hoàng Marie Antoinette, cố nhiên là khi tai nghe nhạc, chân bước theo nhịp đàn thì trí phải tưởng tượng đến rằng ở gian bên có một cái bàn dài trên bàn trải

khăn trắng và trên cái khăn trắng thì có nào gà quay, xăng-uyt v.v...

**HOÀNG** : Tưởng gì chứ các món ăn ấy thì tôi xin hàng, sang đây đã mấy năm rồi mà mỗi lần ăn cơm tây là y như trong lòng nó cứ vẫn vương, hình như thiếu-thiếu cái gì.

**HẠNH** : Thiếu nước mắt, con rồng cháu tiên nên ghét cái nòi khoai lang tây, có phải không? Tại các anh chưa hề biết khổ, các anh chỉ là những chàng trai chưa trắng bụi phong trần, những cậu quý tử con giai cung của mẹ, quen được nuông chiều rồi nên mới thế chứ có gì đâu.

**HOÀNG** : Cô Hạnh làm như mình là bà già, biết cả mùi đời.

**HẠNH** : Không phải bà già nhưng biết đặt mình trong hoàn cảnh những kẻ khổ chẳng hạn như mỗi khi tôi đặt mình vào hoàn cảnh ông thánh Gandhi lúc ở tù với vợ, ngày vợ chết được phép ra ngoài dự lễ hỏa táng vợ rồi trở về lại nhà tù một mình... bên ngoài chiều đang xuống... anh thử tưởng tượng...

**BĂNG** : Thôi Hạnh ơi, tết nhất tha cho anh Hoàng khỏi nghe những câu chuyện bi đát ấy.

**HOÀNG** : Không sao, nhưng hỏi thật các ngài cũng đợi tiền đấy ư?

**BĂNG** : Đợi từ mấy hôm nay, hôm qua làm rách hết các túi áo trong, áo ngoài chẳng còn đồng nào, phải lấy hai cái đồng năm quan vẫn đề xin què ra mua bánh, chỉ vừa đủ nửa cái ba-ghét.

**HOÀNG** : Tôi cũng đợi tiền từ mấy hôm nay, chắc bên nhà ông già bận việc hay ốm đau gì chẳng.

**BĂNG** : Ấy thế mà Hạnh chưa gì đã vội trách vợ chồng ông nhân viên bưu điện chẳng lẽ ngày nào hai ông bà ấy cũng giận nhau.

**HẠNH** : Thế còn anh Băng định lập hội lập hè đấy thì sao.

**HOÀNG** : Giận nhau gì kia, mà hội hè gì kia?

**HẠNH** : Có gì đâu, tụi này ngờ oan cho ông nhân viên bưu điện ở bên nhà bị vợ khùng bỏ nên bỏ quên tiền trong ngăn kéo và không gửi sang.

**HOÀNG** : Cô Hạnh tệ thật, ai lại có những ý nghĩ kỳ quặc như thế bao giờ, nhưng... (*ngập ngừng*) chỗ bạn bè xa quê hương; thầy Mạnh-Tử có gặp

câu: « Khả dĩ thủ, khả dĩ vô thủ » lúc nào nên nhận thì nhận, lúc nào không nên nhận thì không nên nhận, hoàn cảnh hôm nay đặc biệt, tôi cũng chỉ còn có hai nghìn quan chia đờ cho Hạnh và Bằng một nửa.

HẠNH: (dây này) Chịu thôi, chịu thôi, đầu năm mượn tiền đề quanh năm phải mượn tiền ấy à.

BẰNG: Hạnh nói vô lý, thế đầu năm nhịn đói rồi quanh năm nhịn đói không khổ hơn sao. (Bằng đưa tay với cây đàn rồi rẹt rẹt hát theo).

Em ơi hãy giúp cho anh vài đồng.

Cho anh ăn cháo cầm hơi vài giờ.

Đời mà thiếu em anh chết toi (âm nhạc điệu nhạc sĩ với cây đàn của Nguyễn Văn-Khánh)

HOÀNG: (vỗ tay) Mùi quá, mùi tận mạng, thế thì bảo em chẳng trút hầu bao ra cho anh sao được.

HẠNH: (phụng phịu) Nhịn đói thì buồn thật nhưng... trời sinh voi trời sinh cỏ, biết đâu tí nữa chẳng có măng-đa đến.

BẰNG: Hạnh nói dốt, trời sinh cỏ trước rồi mới sinh voi sau theo thánh kinh. Sách một,

chương hai nói rằng: « Dieu planta un jardin en Eden du côté de l'Orient... »

HẠNH: Thôi, thôi, em xin anh, biết rằng anh thuộc « bíp » hơn thuộc.

HOÀNG: Khi thấy cỏ mọc lút đầu lút cổ trời đâm hoảng mới nặn ra một chú voi phải không. Hẳn ý anh Bằng muốn nói thế. Nhưng đờ các người biết trời lấy gì ra đề nặn voi nào.

HẠNH: Lấy gì thì lấy, sinh trước sinh sau gì tôi chẳng cần biết, nhưng mượn tiền rồi thì giông cả năm đây.

HOÀNG: Hạnh có đi học đi hành, biết nghe nhạc cổ điển, biết nhảy « tuýt », nhảy « rốc » mà còn lạc hậu. Đãng nào cũng đã mười một giờ rồi nhè, tức là sắp sang ngọ, kè theo bên nhà thì gà đã lên chuồng sắp qua mùng hai rồi, Hạnh với Bằng cũng đã uống Rô-bi-nê.

BẰNG: À la reine...

HOÀNG: Vâng, thì rô-bi-nê à la reine, nếu giông thì hôm nay Hạnh cũng bị giông rồi. Tôi đã bảo thầy Mạnh-Tử có giầy câu Khả dĩ thủ...

HẠNH: Câu ấy thầy Mạnh-Tử nói một hôm thầy đi dạo trong

rừng Boulogne với bầy học trò vào độ trời đông, hai tay lạnh nên thầy bỏ thọc vào túi quần, học trò bắt chước về sau mùa hè trời nóng rất mà đi đâu cũng bỏ tay vào túi quần như thế, lắm khi đến nhiều nơi trông vô phép nên thầy Mạnh-Tử mới giầy ra câu ấy.

HOÀNG: Cô Hạnh chọn đúng nghề rồi đấy, nói nghe cứ như là sự thật.

HẠNH: Ở đời cái gì cũng có thể là thật và cũng có thể là không thật cả tùy người ta tin hay không đấy thôi.

HOÀNG: Phải đấy, cứ tưởng tượng ra thầy Mạnh-Tử đầu tóc lộng lẫy bởi, đi lang thang trong rừng, tay bỏ túi quần ngược mặt lên đón gió y như là mấy ông thi sĩ thất nghiệp.

HẠNH: (ngiêng mình) Rất đúng.

BẰNG: Thôi không đùa nữa, quanh năm rồi chỉ nghe nói đờ đây chứ chẳng chơi, thật ra thì vô lý Hạnh ạ, năm ngoái chúng ta giàu ra phết, ăn tết có bánh mứt, có rượu, có cả hoa nữa, thế mà quanh năm vẫn nghèo, nhất là từ độ mẹ mất...

HẠNH: (nghe nhắc đến mẹ

thì quay lại phía anh mẹ dờ nét mặt hơi buồn. Có tiếng gõ cửa. Bằng ra mở cửa, thấy người phát thư, mặt mọi người đều tươi hẳn lên.

(Thêm người phát thư).

NGƯỜI PHÁT THƯ: Ông Lý Bằng có một gói quà và phải trả 800 quan tiền tặc.

(Bằng và Hạnh cau mặt nhìn nhau, cắn môi, nhăn trán, Hẳn hết nhìn Hạnh đến nhìn Bằng).

BẰNG: (quay sang Hoàng) Mượn anh Hoàng vậy, giông tôi chịu chứ làm sao được. (Hoàng rút ví trao tiền cho người phát thư trong khi Bằng ký vào giấy nhận).

HẠNH: Còn tiền uống nước, (Hoàng móc túi đưa thêm cho người phát thư, người này chào và quay ra).

BẰNG: May quá không có anh Hoàng hôm nay thì chúng tôi thật chẳng biết làm cách nào. (Cầm gói quà ngẫm nghĩ rồi đề xuống giường).

HẠNH: Thôi thế cũng là cái an ủi đầu năm, tỏ ra mình chưa bị quê hương bỏ quên.

HOÀNG: (Cầm gói quà



*ngấm nghĩa*) Hôm nay tôi không đến thì các ngài treo nổi nhé, người ta lại không mang về đấy à.

**HẠNH** : Chẳng biết có gì trong ấy nhỉ, lạ trời có lạc-xưởng.

**BẰNG** : Hân đi chứ thế nào cũng có thịt chà bông, thịt bò khô, tôm khô, bánh phồng tôm...

**HOÀNG** : *(Nuốt nước miếng)* Bánh chưng, dưa hành, thịt kho, gỏi, kê nốt đi, làm như gói quà to bằng cái bồ ấy.

**HẠNH** : Thì cứ tưởng tượng cho nó sướng đã, chính-phủ chưa đánh thuế đến sự tưởng tượng đâu mà lo, tôi chắc thế nào cũng có táo tầu, hồng khô, Liễu nó biết tôi thích ăn hồng khô.

**HOÀNG** : May mà chính-phủ chưa đánh thuế sự tưởng tượng nếu không chắc là cô Hạnh phải cầm bán cửa nhà để đóng thuế.

**BẰNG** : *(Cầm lại gói quà lật qua lật lại tìm ngày trong dấu bưu-diện)* Tội nghiệp em tôi đi tàu bay mấy hôm nay phờ phạc cả nhan sắc.

**HẠNH** : *(giả vờ giọng Nam)* Anh Hai ơi, em đi xe đồ « một » ứ hơi anh Hai à.

**BẰNG** : *(Đưa gói quà lên môi)* Đây không phải là của nhà nhé, đây là của cô Liễu Hồ gửi riêng cho tôi.

**HOÀNG** : *(nóng ruột)* Cửa ai thì của, mở ngay cho người ta ném cái hương vị tết đã nào, khiếp, thật là không chịu nổi với các ngài.

*(mở gói quà, cả ba châu đầu vào, thấy một mảnh giấy viết ở trên, Hạnh lấy ra đọc to cho mọi người cùng nghe)*

**HẠNH** : *(đọc)* Em chúc anh một mùa xuân vui vẻ và xin gửi anh ít mức gừng đề sưởi ấm lòng anh trong lúc vắng quê hương.

**BẰNG** : Bỏ đời anh. *(mở gói thấy toàn mút gừng)*

**HOÀNG** : Phải bảo rằng đề đốt cháy dạ dày anh những buổi đầu xuân mới đúng *(đưa tay bốc một miếng mức gừng ăn)*

**BẰNG** : *(ngâm)* Em đốt lòng anh em biết không

**HẠNH** : *(neho mắt trêu Bằng)*  
Con cóc trong hang  
Con cóc nhảy ra  
Con cóc nhảy ra  
Con cóc ngồi đó *(lấy mức gừng ăn)*

**HOÀNG** : Ấy chết lại có cả

văn chương nữa kia.

**BẰNG** : Hạnh đấy, sáng nay khai bút nào là

Tri nhân tri diện bất tri tâm

**HOÀNG** : Ừ...

**BẰNG** : Tri cột tri kèo bất tri mành

**HOÀNG** : Ừ...

**BẰNG** : Tri chén tri đũa bất tri mâm

Tri kho tri nấu bất tri hầm

Tri chiêm tri xào bất tri hâm

Mà nói thế chứ mấy hôm nay cái gì cũng bất tri tuốt luốt.

**HOÀNG** : Văn chương đến thế thì cao siêu thật, nghe là đã đủ no rồi.

**HẠNH** : Chứ sao, chẳng biết tác giả là ai, tối hôm qua giao thừa ngồi nhai bánh mì nguội giạn quả, sáng nay khai bút như thế đề quanh năm sẽ có đủ các thứ chiêm, xào, nấu, hầm. Mà kè cũng ức thật năm ngoái Liễu nó gửi đủ các thứ mức me, lạc xưởng, mức hạt sen; lại có cả chè mạn năm nay cô à cao hứng thế nào mà chỉ gửi độc có một thứ mức gừng.

**BẰNG** : Thì đã bảo đề sưởi ấm lòng anh mà lại. Đã vậy anh còn phải giả 800 quan tiền tắc, hai chục quan tiền uống nước chè người đưa đến, 30 quan tiền gửi thư cảm ơn. Trời ơi.

**HẠNH** : *(giọng nghiêm trang)* Người ta đã có lòng, thì đề ăn

dần trong lúc ba ngày tết đợi tiền nhà còng hay chứ sao.

**HOÀNG** : Tết nhất có người nhớ đến mình, gửi mức gừng cho ăn, mà lại gửi bằng máy bay, đến đúng vào ngày mừng một, là một sự quý hóa lắm rồi *(đổi giọng nghiêm trang)* nhất là nếu chúng ta nghĩ rằng giờ này ở quê nhà mọi người đang quây quần...

**HẠNH** : Ừ nhỉ, người ta được đi thăm mẹ, người ta được đốt hương...

**BẰNG** : *(Muốn phá không khí buồn, giật tờ giấy trong tay Hạnh đọc theo giọng Nam)*

Em « xinh » chúc anh Hai một đầu xuân « vui vẻ » và « xinh » gửi anh Hai « ích » mút gừng đề sưởi ấm lòng anh Hai.

Hoàng và Hạnh cùng cười, quên hẳn những ý nghĩ buồn ban nãy.

**HẠNH** : *(vừa nhai mút gừng và lại nhai giọng Nam theo Bằng)*

Anh Hai ơi

Anh Hai à

Anh Hai ăn.. ừ.. ừ... gà

Anh Hai ừ.. ừ.. không ra

*(Cả ba cùng cười, tiếng Bằng mắng Hạnh trong tiếng cười và mành hạ)*

• G. D. MINH-ĐỨC  
(Paris 8-12-62)



## dưới giàn hoa tím

Có nàng con gái  
Những buổi chiều buồn  
Một mình nhớ thương,  
Dưới giàn hoa tím  
Trông vời quê hương.

Nơi đây phố-phường,  
Thoáng màu áo trắng  
Cô ngồi buồn lặng  
Nhớ thời yêu đương.

Đời như cơn mộng,  
Chỉ mới ngày nào.  
Nếp mình bên mẹ,  
Mơ nữa trâu cau.

Rồi có chàng trai  
Một lần qua ngõ  
Môi cô hồng-lai.  
Nguyện cầu tương đó,

Mùa thu mùa cưới,  
Tím cô rộn ràng.  
Khoác màu áo thắm  
Lên xe về chàng.

Xứ người xứ lạ,  
Cô s.u băng-khuâng  
Ngóng về quê mẹ,  
Xót-xa vô-ngần.

Bây giờ quê cũ  
Mẹ cha làm gì.  
Có còn sầu nhớ  
Đến ngày phân-ly ?

Từ đây vắng lặng  
Phòng cô đêm đêm,  
Còn ai ngồi học,  
Tiếng vang êm-dềm.

Và người chị gái,  
Còn hay mơ màng.  
Dưới giàn hoa tím,  
Nghe chiều băng-khuâng.



### ★ PHƯƠNG DUYÊN (Saigon)

Còn hay săn-sóc,  
Cho hoa tươi cánh  
Hái vào cảm lọ  
Không em tranh giành.

Và người anh trai,  
Còn mơ ngày mai  
Em vào đại-học,  
Huy-hoàng tương-lai.

Hay nơi phương trời  
Anh buồn ghen lời.  
Ngày về không hẹn,  
Em đi xa rồi !..

Có nàng con gái,  
Những buổi chiều buồn  
Một mình nhớ thương,  
Dưới giàn hoa tím  
Trông vời quê-hương.

Hoa tàn rồi nở,  
Cô thêm u-sầu.  
Ngày hoa con gái,  
Một thời trôi mau...



# THỦY CHUNG



**T**HĂM-thoắt đã 16 năm !  
Xuân Bính-Tuất 1946, mới  
năm nào đây... nay nhớ lại một  
câu chuyện, không khỏi bùi-ngùi.

Chúng tôi, hai ba gia-đình  
đồng hè-hội tản-cư, hấp-tấp  
chạy về làng An-phước, quê  
vợ tôi, một «phật-địa» thời  
bấy giờ, nằm giữa đường Mỹ-  
tho đi Bến-tre, núp dưới bóng  
mấy trăm mẫu vườn dừa, sum-  
sê lá mướt, như đuôi phượng  
soè dề hững hờ xuân lá-lơi  
trên tàu lá mà từng hồi gió  
nhẹ lung-lay. Thường thường  
hễ Tết đến thì trời khô, vậy mà  
Tết năm ấy lại có vài trận mưa  
đêm ri-rà... đủ làm trơn-trợt  
đường vườn.

Xuân Bính-Tuất, một mùa  
xuân nhựa sống chứa-chan,  
chùng như hện cùng thơ một  
trương-lai xán-lạn.

Lúc ấy, quân-đội viễn-chinh  
Pháp, sau khi quân Nhật bị  
tống ra khỏi đất này, mới  
hùng-hở tấn công lực-lượng  
kháng-chiến, chiếm lại Saigon,  
rồi Định-tường, rồi Bến-tre.  
Khói lửa chẳng bao xa ; dân,  
chúng trong các vùng cù-lao  
thuộc Mỹ-tho và Bến-tre, đáng



### ★ HUỖNH-KHẮC DỤNG

lẽ phải sợ-hãi phập-phồng,  
nhưng lạ thay ! đó lại là mùa  
xuân đầu tiên đượm hương  
độc-lập, không ai bảo ai mà  
mọi người đều rạo-rực, hớn-hở  
ngính xuân, pháo đốt không  
ngừng. Đầu thì không biết, chớ  
vùng tôi trú ẩn, người ta rộn-  
riếp vô cùng, họ ăn Tết đủ lễ,  
từ dụng nêu tới hạ nêu, như  
vào thời bình. Đồng-bào quê  
rích quê rang cũng hề-hà truyền  
tin... con vịt.

Nhà nhạc-gia tôi ở tận dưới  
vườn sâu, phải lội bộ vài ba

### THỦY CHUNG

cây số ngàn mới tới chợ An-  
hóa, là nơi tập-trung tin-tức  
chiến-sự Việt-Pháp mỗi ngày.

Sáng mùng 6, tôi cũng mò  
lên chợ như ai vậy, vào một  
quán-ăn hủ-tiểu, tình-cờ gặp  
Khả-Dĩ, một bạn cố-tri đã nhiều  
năm vắng bặt Chợ nhìn ra  
tôi, nó mừng quá, la ầm lên :

« Kia, Đặng ! Mày mà cũng  
tản-cư nữa sao ? ». Tôi cười, mời  
cậu ta ngồi, kêu cho nó 1 tô  
hủ-tiểu, 1 tách cà-phê. Sau vài  
câu ấm-lạnh, thằng quý của tôi  
kể lại một hơi cuộc tản-cư vất-  
vả lặn-lội từ miền Tây, bị rượt  
nà, quá-giang ghe thương-hở,  
đem đi ngày núp, cả hơn 10  
ngày mới tập tới đây hồi khuya.  
Thầy bạn không ai quen trong  
làng, tôi bèn đề-nghị với cậu ta  
về ở hãm-hút với chúng tôi. Nó  
nhận lời ngay.

Vừa thối vừa lua tô hủ-tiểu  
bộ ngon lành, nó hỏi :

— Mày còn nhớ thằng Định  
không ?

— Thằng Định cao nhòng, ốm  
nhách và hô hốc đó ? Hồi Mỹ-  
Tho, nó ngồi khít mây, mu  
Filippi kêu nó « numéro 8 » đó ?  
Quên rồi sao ?

— Tao nhớ tao là « numéro 5 »,  
kể đó, « numéro 6 » là thằng  
Đánh, « numéro 7 » là thằng Điệp,  
còn mấy đứa phía dưới, tao  
quên. Lâu quá, quê, tuốt hết !  
À, à ! Phải rồi ! Thằng Định-Lé  
hả ?

— Lé gì ! Nó mai-hơi thời,  
đâu có lé. Thằng Định đeo kiếng  
cận-thị, nói chuyện hay nháy  
mắt lia lịa, mà. Có lần tao giấu  
kiếng nó, nó lên thưa lão « Chà-  
và », khệnh tao 2 « công-xin ».  
Nhớ chưa ?

— Nhớ rồi, nhớ rồi ! Thằng  
cục cứng của ông Lương đó mà.  
Nó giỏi toán như thằng Th. Xạo  
phải không ? Nhớ rồi. Sao ? Bây  
giờ nó làm gì ?

Khả-Dĩ ngó sững trước mặt,  
rưng rưng nước mắt :

— Tội - nghiệp ! Nó chết rồi,  
mấy à !

— Chết hồi nào ? Sao vậy ?  
Sao tao nghe như nó làm thầy-  
kiện ở Cần-thơ mà ?

— Nó đâu có làm thầy-kiện !  
Hồi 26, nó cũng bị đuổi như  
tụi mình, xin thi đíp-lôm không  
được, sau nó trốn làm bồi tàu,  
đi tây. Học tú-tài nhấp-nháy,  
học luôn luật, trật-vượt mấy keo,  
sau cũng đậu cử-nhơn, rồi dự  
đám biểu-tình trước điện Elysée  
với đám sinh-viên, tài-xế và  
thợ-thuyền người Pháp. Bị tùm  
được, sống về một lượt với các  
cha-nội Lê-bá-C., Hồ-văn-Ng.,  
Trần-văn-L., với thằng quý thằng  
Đ.. vân vân...

— Nhớ rồi. Có mấy nữa mà,  
sao không nói luôn ?

— Ồ, thì có tao nữa...  
Nhưng tao sống nhọc-nhắn hơn  
tụi kia, vất nhiều trở-ngại, vì tụi  
nó đồ-đạt cao. Ít lâu sau, thằng

thì viết báo, thăng thì làm chánh trị. Mấy thăng Tây bỏ tù tội nó như... Bật cóc bỏ đĩa! Thăng Định-Lé thì dạy trường tư hai ba chỗ. Mấy thăng cha đốc-học hỏi đó, trả đồng lặn đồng mọc, đề tiền trả nợ chà, nuôi vợ bé... Chán phèo, nó nhào vô Đông-dương Ngân-hàng, ăn đầu 80\$ một tháng, còn sướng hơn ở ngoài dạy học la hét cuống họng. Tiếng trầm rười, hai trăm, mà các chả cuối tháng cười mình chi, đưa 20, 30... Trả tiền phở, nước đèn hết trội, lại phải viết giấy năn-nỉ ý-ôi, xin ông đốc thêm đặng sống tới cuối tháng! Thăng Định đã làm nhà Bạng một lúc rồi nhảy ra làm cam-nhông chờ hàng, coi mời khá - giả vì năm 1944 thấy ông chạy chiếc tắc-xông nhỏ, hút thuốc phi-phà. Gặp bạn cũ Mỹ - tho nó mừng lắm, chớ-không như nhiều đứa, làm còm-mi, còm-miết, thấy tao, lúc thất nghiệp ăn mặc lên-xèn, nó tránh xa, sợ mượn tiền! Có thăng nghinh mình không muốn «rua» nữa là khác!

— Hồi Nhựt đảo-chánh, thăng Định - lé ở đầu miệt Tân - Uyên hay Biên-hòa gì đó. Thanh - niên bầu nó giữ một chức khá quan-trọng, cũng lên diễn-dàn hô-hào... như hồi trường Mỹ. Kế binh Đồng-minh đổ bộ, Tây lại, nó đồng luôn vô bụng, vợ con thất-lạc. Cách nay hơn tháng, Tây ruộng vùng Phụng-hiệp, bắt được

3 người, có nó nữa. Bị tra-tấn thấy mờ mà nó không khai gì ráo. Tụi Tây nghe nó nói tiếng Tây giỏi cũng thương tình. Hỏi về quá-khứ, nó trả lời đăm-họng. Tây thấy nó thông - minh nên dụ nó về. Biều nó chỉ sào - huyết của Ủy-ban Kháng-chiến, nó gặt đầu. Viên quan hai chỉ-huy trưởng gọi cả ba người vào buồng giấy. Đây là nhà phong - tô của một ông hương - chức làng sở - tại, quân Pháp tạm dùng làm trụ-sở tham-mưu. Viên quan hai nói:

— Hôm qua lính bắt được có ba đứa bầy, bọn kia chạy vuột. Nay bầy chỉ chỗ của ủy-ban ẩn trú thì tao thả bầy về làm ăn lương-thiện. Bạng gặt bọn tao hay chạy trốn, sẽ bị bắn ngay. Nghe không?

Thăng Định đáp gọn lộn:  
« Nghe rồi! »

Tuy bị chạy trốn và uống nước mấy tiếng đặng-hồ, nhưng thăng Định hầy còn đi xà-lĩa được; còn hai người kia, yếu lắm, bọn thân binh phải khiêng ra khiêng vô nhà giam, như những xác chưa chôn.

Thăng Định hai tay bị trói thúc ké sau lưng, chơn cà - nhắc, đi kèm có bốn tên bạc-ti-dăng theo giữ chàng, sau chót lại có 1 viên đội tây đeo súng mi, sẵn-sàng cho nổ. Mạng nào mạng

nấy sát-khí dằng-dằng, coi như ngư-dầu mã-diện...

Thăng Định lằng-lặng bước dọc theo bờ ruộng, chông-chênh, trơn-trợt, sụp lên sụp xuống, hết xóm này đến xóm khác, tụi lính tây mệt hả họng, lâu lâu ngồi bẹp dưới đất nghỉ, thở hào-hển dưới bóng dừa, bẻ dừa nạo uống nước, hút thuốc rồi đi nữa. Đi tầm-ruồng như vậy tới xế chiều, rồi đi nữa, hỏi, nó cứ la gằn tới gằn tới, mà cứ dẫn hoài, tới canh hai, thăng đội tây đồ quạu-tống cho thăng Định một đập té nhủi, và văng tục ra..

Lồm-còm chỗi dậy, thăng Định không rên không la, tuy là đau lắm. Bốn thăng lính Miền mà có nhơn hơn: đã chẳng tiếp tay ông xếp, lại đỡ thăng tù. Rồi cả bọn lần-thần về chợ.

Khuya lại, Trời khi không xáng xuống một đám mưa quá cỡ, trong nhà giam tối thui, thăng Định, phần mệt mỏi, phần muỗi cắn, lại bị còng chơn, day trở không được, phải rọ-rạ sáng dêm.

Rạng ngày, trời vừa bửng-tưng, viên chỉ-huy trưởng truyền dẫn thăng Định ra khỏi phòng giam, biều nó ngồi ngay mặt, trước bàn giấy, mời nó hút thuốc thơm.

Nó lác đầu, cảm ơn và nói:

— Tôi chỉ thèm thuốc nặng thôi. Thuốc của ông lạt lắm.

Viên quan hai gọi một người lính Miền, bảo đưa cho Định một điếu Bách - tốt, tự tay bật lửa châm cho nó hút. Thăng Định hút một hơi dài, khoái ra mặt, nhưng hình như nó nhứt đầu hay sao mà tỉnh-thoảng giơ tay lên bóp màng-tang, vuốt lên trán...

Viên quan hai trầm lặng một phút rồi nghiêm-nghị nói:

— Các anh cầm súng chống lại nước Pháp, bị chúng tôi bắt. Đáng lẽ giết rồi, nhưng thấy anh là người có thể gọi là trí-thức nên chưa nổ. Mạng anh sống chết nơi tay tôi, anh có nhớ sáng hôm qua anh hứa gì với tôi không?

Định đáp:

— Thưa quan hai, có nhớ.

Viên sĩ-quan cười gằn:

— Thế, anh đã hứa và cam-kết làm sao?

— Tôi dẫn các ông đến nơi tụ-hợp của Ủy-ban Kháng-chiến.

— Rồi sao?

— Tôi có dắt lính của ông đi suốt ngày nhưng không kiểm được chỗ.



Viên sĩ-quan sừng sộ, đập tay lên bàn :

— Nói láo ! Anh biết chỗ mà anh cố tình dặt lính đi loanh-quanh, để bọn anh có thì giờ trốn cho xa !

Định phà khói lên trần rồi chậm-rãi đáp :

— Thưa quan hai, ông đối tốt với tôi, nhả-nhặt với tù binh.

Ông muốn nghe sự thật chứ ?

— Nếu không thì ai hỏi quanh quẩn làm gì ?

— À, muốn nghe sự thật, thì đây : thưa ông tôi biết chỗ ẩn-trú của Ủy-ban vì chính tôi đã chọn chỗ ấy cho họ kia mà. Nhưng tôi không chỉ. Ông nhìn kỹ tôi : tôi cũng còn là con người mà ? Hễ là con người thì phải trung-hậu, phải có một chí hướng, trong thời loạn, và hễ có chí-hướng thì phải theo cho tới cùng. Tôi như mọi người Việt yêu tổ-quốc, đã chọn con đường chống Pháp thực-dân, cũng như các ông kháng chiến đuổi người Đức vậy. Đó là một công-bình. Tôi không phản bội được.

— Sao anh ăn học mà ngu quá vậy ?

— Ông nói sao ?

— Anh có gia-đình, vợ con không ?

— Một vợ ba con.

— Họ ở đâu ?

— Ông hỏi chi ? Ông không cần biết mà tôi cũng không nói. Đã lâu rồi, tôi kể như chúng bị lạc đạn chết hết rồi.

— Anh không thương con sao ?

— Sao lại không ? Nhưng thương con là một chuyện ; phản-bội, nịnh nọt là chuyện khác, thưa ông.

Viên sĩ-quan cười gằn :

— À, té ra anh chịu chết ?

— Vâng. Tôi không xin sống, Tôi chết cũng như những người Việt yêu nước từng chết vô danh tử nhục trong khảm Cách-ti-na vậy. Tôi sung-sướng mà chết nơi tay một quân nhân như ông : đại lượng và có giáo-dục.

Tất cả quân trong đồn, Pháp có, Việt có, Miên có, ai hiểu tiếng Pháp cũng đều le lưỡi lắc đầu cho mấy câu khí-khái của thằng Định.

Nói xong, chõ tay đứng dậy, nhọc-nhắn, nhìn thẳng viên quan hai, thằng Định nói :

— Thưa ông, tôi chờ ông.

Viên sĩ-quan thở ra. Rồi truyền lệnh đem cả ba người tội ra phía sau vườn chuối, bắt đứng dựa lưng vào một gò mối to, thẳng Định mặt tái mét, đáng mệt nhọc nhưng cố bước chững chặc, yêu cầu miễn trối tay bị mất như hai người kia.

12 người lính đứng ngay hàng trước mặt ba người « phiến-loạn ». Ban hành-hình dựng súng chờ lệnh.

Viên quan hai đồng-dặc hô to :  
— *Nghiêm ! Súng lên vai, nhắm !*

Các họng súng dặt một cái rụp lên vai, chĩa vào ngực các tù binh.

— *Bắn !*

Một tiếng « đoành » chát-chúa, át cả tiếng « Việt - Nam » của thằng Định góp tàn lực kêu lên.

Ba xác người ngã gục. Máu trào ướt áo đen nhàu nát, phai màu. Một chú cai bước tới bắn bồi một phát súng sáu vào đầu mỗi người cho thật chết.

Viên quan hai mặt lạnh như tiền, trở vào buồng giấy.

Lúc đó, hơn 9 giờ. Trời nổi nắng nhưng không mấy gắt, nhờ trận mưa trái mùa hồi khuya. Y gọi viên quan một phụ-tá và nói, như qua một hơi thở :

— Thằng gan thật ! Tao chưa từng thấy bao giờ. Tao có cảm

giác như chúng mình bại trận, còn nó là kẻ thắng trận đó, Mạc-xên.

— Không gì lạ : người Á-đông coi cái chết như không. Chưa chết mà họ đã sấm quan-tài, sơn son để dành sẵn đó, rồi sấm-soi mỗi ngày !

Nói tới đây, Khả - Dī ực hết tách cà-phê, hút một hơi thuốc, phả khói và nói :

— Đó, đời thằng Định-Lé kết liễu như vậy đó. Nghe như tiêu thuyết. Tội nghiệp chị Định và mấy đứa nhỏ, không biết tiêu-lạc về đâu, có tìm xác được hay không !

Tôi đứng dậy trả tiền rồi hai đứa xuống đò qua kinh, về nhà. Đọc đường tôi nói : « Khâm ơi, (Khâm là tên thiệt của thằng Khả Dī) phải thằng Định đầu Tây, chắc nó sướng lắm há ?

— Tự-nhiên ! Nó đủ điều-kiện : học giỏi, nói hay, bằng-cấp bên Pháp, tánh ngay thẳng. Mà thôi, chết như vậy đáng phục. Tao như Tây, thả nó về còn hơn.

— Được vua, thua giặc, mà mậy ! Mà đều, cái thằng thiệt « ngon » : biết thuyết-phục quân thù rồi chết, về - vang cho đất nước.

— Ủ... Nó thủy-chung.

● *Tuần-Lý*  
**HUYỀN-KHẮC-DỤNG**

NGÀY XUÂN KỂ TẶNG BẠN  
NHỮNG CHUYỆN CÓ THẬT  
TRONG LỊCH SỬ VỀ

# THẦN GIAO

CÁCH CẢM (télépathie)

L. N. T. — Tuy là những cảm giác thụ động, nhưng có liên tục đến một sự thật xảy ra cùng một lúc tại một chốn xa-xôi, mù mịt nào, mà người thụ cảm không được mục kích tận mắt sự việc xảy ra... chỉ nhờ ở một sự hiện hình rấ' lạ lùng và tự-nhiên ở đâu đến, hoặc một điềm mộng đến báo cho biết mà thôi. Do đó, mà người ta thường gọi là « thần giao cách cảm » vậy.

Sau đây là câu chuyện về « thần giao cách cảm » hoàn-toàn có thật đã xảy ra ở bên kia trời Âu, mà trong cuốn « Dictionnaire des Sciences occultes » của Pháp có ghi chép rõ.



\* Nguyễn - Thu - Minh

THẦN GIAO CÁCH CẢM

## ○ NHỜ MỘT GIẤC MƠ MÀ KHÁM PHÁ RA MỘT VỤ ÁN MẠNG

Câu chuyện xảy ra trong một gia đình người Mỹ tại một tỉnh nhỏ của Mỹ-quốc, đại khái như sau: Vào một đêm, cô con gái của gia đình này đang say đắm trong giấc ngủ ngon-lành của tuổi thơ thì bỗng dưng cô nằm mơ thấy người anh ruột của cô, hiện đang là một trại chủ ở một nơi hẻo lánh, cách chỗ gia-đình cô hiện ở đến mấy trăm cây số. Trong giấc mơ, cô thấy anh của cô bị một kẻ lạ hạ sát bằng một con dao. Đám đày mình mẩy, máu-me lênh-lánh. Sau khi giết xong, kẻ lạ bèn kéo xác anh cô đem ra chôn tại một nơi...

Thầy cảnh tượng hãi-hùng như vậy, cô ta vội giật mình tỉnh dậy, và cũng từ giờ phút ấy, cô ta không tài nào chợp mắt ngủ lại được nữa. Cho đến sáng hôm sau khi trở dậy, cô gái vẫn còn lo sợ nhưng không dám kể lại cho cha mẹ hay, vì cô nghĩ rằng đây chỉ

là một giấc mơ mà thôi. Dù là giấc mơ ấy cho cô ta thấy rõ cảnh tượng anh cô bị giết từ đầu cho đến cuối.

Nhưng qua đêm sau, cũng đúng vào giờ hôm trước, cô ta lại nằm mơ thấy cảnh anh cô bị giết như hôm đầu tiên.. Rồi cứ thế mà tiếp tục xuất hiện giấc mơ kinh khủng trên đây đến với cô gái qua những đêm kế tiếp...

Cho mãi đến một hôm mà cô gái tự thấy không thể nào không cho cha mẹ cô hay giấc mơ lạ lùng của cô, nên cô bèn thuật lại rõ ràng cảnh tượng mà cô đã thấy trong giấc mơ. Nhưng, cha mẹ cô nghe xong chỉ mỉm cười bỏ qua, cho rằng việc con trẻ nằm mơ không đáng chú ý, khó mà tin là chuyện có thật được.

Thế rồi chỉ vài ngày sau, bỗng nhiên cha mẹ cô gái nhận được tin người con trai đi đâu mất tích, không ai hay biết. Bây giờ gia-đình cô gái mới bắt đầu lo lắng, ông thân cô ta vội vàng tìm đến nông trại thăm con, nhưng khi đến chẳng thấy bóng dáng con đâu, chỉ còn nhà cửa vắng tanh, không



một bóng người. Ông vội tức tốc đến trình Nhà-chức-trách sở tại và nhờ điều tra hộ, sau khi ông ta cũng đã kể rõ cả giấc mơ của cô con gái cho họ nghe.

Nơi đây, nhà chức trách liền cho vời cô gái đến để lấy lời khai, và căn cứ theo những điều thân lượm được của cô trong giấc mơ thì thủ phạm giết anh cô chẳng ai xa lạ, mà chính là người chủ một nông trại láng giềng.

Sau khi mở cuộc điều tra, nhà chức trách tìm đến nông trại của người nầy, thì không thấy ông ta đâu cả, nhà cửa vắng hoe, trại chủ đã bỏ trốn đi đâu mất biệt. Xét kỹ, người ta tìm được một bộ quần áo còn loang lổ những vết máu, và một vài nơi chứng tỏ vết máu đã được lau chùi không kỹ lưỡng đã còn sót lại.

Cũng theo lời cô gái đã khai, người ta đã tìm ra được nơi chôn vùi thi thể của anh cô. Và, có một điều đáng đề cho chúng ta chú ý nữa, là trong vài ngày sau đó nhà chức trách đã bắt được người nầy, họ liền dẫn anh ta đến đòi chứng với những lời mà cô gái đã kể theo như trong giấc mơ, khiến cho hắn ngạc nhiên, lấy làm lạ, và nhận tội chứ không hề chối cãi.

## ● MỘT CÁI BÓNG BIẾT VIẾT CHỮ

Vào một buổi chiều, viên Đại-úy Hạm-trưởng của một chiến hạm Anh-quốc đang đậu tại phía Bắc trong một eo biển Đại-dương, sau khi làm xong những con tính về kỹ-hà-học, trong phòng giày của ông dưới hầm tàu, lúc ngừng đầu lên bảng đen nhìn để chép nốt mấy số chốt vào sổ, thì bỗng nhiên, ông ta thấy một cái bóng người, lúc đầu chưa rõ lắm, cứ lơ-mờ, cảm mạnh giẽ lau hết những con số của ông ta vừa viết. Qua giây phút ngạc nhiên, ông ta lúc đầu còn ngỡ rằng mình mắt bị hoa, nhưng không, ông ta định thần nhìn kỹ, thì thấy rõ ràng, cái bóng người đang hiện rõ dần đứng trước bảng đen ngay trước mặt ông, ăn mặc một bộ binh-phục đang hoang. Chẳng ai xa lạ, mà chính là một sĩ-quan cùng khóa với ông, cách mấy năm nay chưa hề gặp lại.

Có điều là sắc diện của người bạn ông già hơn trước nhiều lắm, khắc khổ hẳn ra. Bóng ấy, thần nhiên cầm phấn viết lên bảng, với một lối chữ riêng hơi lạ rồi biến mất. Ông ta thấy vậy đâm ra

khấp sợ vô-cùng, liền xô ghế vùng dậy chạy ra khỏi phòng vắng, kêu gọi thủy thủ vội ngay những sĩ quan trực thuộc dưới quyền ông trên chiến hạm đến gấp, và khi mọi người đã tề tựu đông đủ, ông liền mời tất cả vào phòng kể cho họ nghe đầu đuôi câu chuyện, cùng chỉ cho họ những dòng chữ mà cái bóng đen—nom như bạn ông—đã viết trên bảng lúc nầy.

Tất cả ai nầy đều lắng nghe, chăm chú đọc, nhưng không hiểu gì cả vì những chữ ấy viết không theo một quy định nào. Duy có một đường gạch như hình một mũi tên chỉ là mọi người có thể tạm đoán ra một hướng đi thôi.

Sau khi bàn định, mọi người đều đồng ý ghi chép lại những gì đã hiểu được phần nào cùng ngày giờ cái bóng xuất hiện, rồi khởi sự cuộc hành trình theo hướng mũi tên đã vẽ lên bảng, dưới sự điều khiển của Đại-úy hạm trưởng. Cuộc hành trình kéo dài đến ba ngày mới đến được đích đã chỉ định, và ai nầy đều lấy làm lạ là chỗ nầy không phải đường đi thường của ngành hàng hải. Trước sự lạ-lùng của bề bề cả mênh mông—nơi họ chưa hề đến—ai nầy đều chăm chú tìm kiếm

nhưng chẳng thấy gì, cho mãi đến sáng ngày hôm sau, họ mới bắt gặp một vật lạ nổi bóng-bềnh trên mặt nước từ xa, trước mũi tàu. Viên đại-úy hạm trưởng cho lệnh tàu tiến đến, thì nhận ra đây là một tấm bìa bằng ván mỏng, ở trên có ba người đang bám chặt, thoi thóp thở.

Tức tốc, mọi người trên chiến hạm được huy động thả xuống xuống cứu. Sau một lúc cứu chữa, khi tỉnh lại, ba người mới kể lại chuyện xảy ra cho mọi người nghe. Ai nầy đều ngạc nhiên là câu chuyện y hệt như sự hiện hình của cái bóng đã chỉ, người hiện hình chính là viên sĩ quan, bạn đồng khóa của đại-úy hạm trưởng, đã chỉ huy chiếc tuần dương hạm bị nạn nầy. Tuy nhiên, điều đáng chú ý hơn hết là ngày, giờ, nơi xảy ra tai nạn kinh khủng, lại đúng vào lúc mà viên sĩ-quan nầy hiện đến báo tin, viết lên bảng, đem tin cho viên đại-úy chiến hạm nầy biết!

Câu chuyện nầy được vị Đại-úy hạm-trưởng chiến hạm trên chép vào cuốn sách hàng hải của ông cùng những chữ ký nhận của các sĩ quan có mặt hôm đó đã chứng kiến vụ trên đây.

NGUYỄN-THU-MINH

# NĂNG-LƯỢNG NGUYÊN-TỬ

(Tiếp theo P.T. 91)

## 6 - Lò NGUYÊN-TỬ

Ta đã thấy rằng hễ phá được nhân thì năng-lượng xuất-hiện, và khôi-phục được một số hòa-nhân-tử, nó sẽ tạo ra những phá-nhân mới và duy-trì sự phản-ứng chuyền. Ta cũng đã hiểu rằng nếu sự phá-nhân luy-tiến thì phản-ứng chuyền gây ra sự nở bùng phá-hoại.

Nếu ta kiểm-soát được phản-ứng chuyền, thì sự phá nhân sẽ tiếp-tục đều-đều, và nhiệt-lượng phát-sinh có thể lấy ra mà dùng được như nhiệt-lượng khác bởi sự đốt than, đốt dầu hỏa mà sinh ra. Một công-trình có thể phát nhiệt để dùng nhờ sự phản-ứng chuyền như thế sẽ gọi là **PHẢN-ỨNG KHÍ PHÁ-NHÂN** (tiếng Pháp là Réacteur nucléaire, tiếng Anh là Nuclear Reactor). Sau này ta sẽ gọi tắt nó là *Lò Nguyên-Tử*, bởi vì đó thật là một cái lò như lò than, lò củi, lò hơi. Nhưng sự phát nhiệt không phải bởi đốt nhiên-liệu, tức là bởi phản-ứng ngoài vỏ với dưỡng-khí, nhưng mà bởi phản-ứng trong nhân. Vì vậy muốn nói rõ-ràng hơn thì nên gọi là *Lò Phá-nhân*.



★ Hoàng Xuân Hãn  
(Paris)

Sau đây ta sẽ xét một vài quan-điểm về lò nguyên-tử.

### 6. 1. — Nhiên-liệu:

Nhiên-liệu là vật-liệu dùng để nhen nhen lửa. Đây là đơn-chất có nhân dễ phá. Như trên đã nói, chỉ một số nguyên-tử nặng-có nhân dễ phá mà thôi. Lượng nhiên-liệu phải có khá nhiều. Trong quả đất chỉ có chất *U-ran 235* đủ tính-cách ấy mà thôi. (Xin nhắc lại rằng số 235 theo sau tên nguyên-tử là số hạt nhân, dương và hòa, ở trong ruột nguyên-tử; số-dĩ dùng số ấy trong tên gọi là để phân-biệt những đồng vị gồm

## NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ

ùng một số dương-nhân-tử, nhưng khác số hòa-nhân-tử.) Nhưng khốn nỗi, chất ấy lại trộn lẫn với đồng-vị nó là *U-ran 238* theo tỉ-số một đối 139 mà thôi, nghĩa là trong một khối U-ran thiên-nhiên, chỉ có chừng 7 phần nghìn nguyên-tử dễ phá nhân. Sức hấp-thu hòa-nhân-tử của hai thứ U-ran khác nhau nhiều. Tuy rằng tính đồ-đồng thì U-ran 235 ăn mạnh hơn đồng-vị nó, nhưng vì nó ít, cho nên số hòa-nhân-tử nó nhả ra không trang-trái nổi cái số mà toàn khối U-ran đã ăn chung. Vì vậy mà trong quả-đất hiện nay không có sự phản-ứng chuyền, và cũng nhờ đó mà vật quý kia nay còn tồn-tại. Muốn cho phản-ứng tiếp chuyền, thì chỉ có hai đường: hoặc làm tăng tỉ-số Uran 235 bằng một cách lọc-lừa chất ấy, hoặc đề tỉ-số như vậy, nhưng tìm cách giảm bớt phần hòa-nhân-tử bị mất không. Sau này ta sẽ nói dài về các phương-pháp ấy.

Bây giờ ta hãy quay lại vấn-đề nhiên-liệu. Những hòa-nhân-tử bị U-ran 238 hấp-thu không phải đã mất «toi». Nó đã tăng số hòa-nhân-tử của nhân U-ran lên một nấc và biến nó ra một

chất mới. Chất mới ấy có 239 hạt nhân, vậy khối-số nó là 239. Số dương điện-tử của nó cũng y như của U-ran, vì nó chỉ thêm hòa-nhân-tử mà thôi. Vậy chất mới ấy là chất *U-ran 239*. Chất này thọ-mệnh rất ngắn-ngủi, vì nó hấp thu hai hạt vỏ. Đã thêm hai lần âm-điện ở ngoài thì cũng phải thêm hai lần dương-điện ở trong mới giữ được thăng-bằng. Vậy chất mới đã biến thành một chất khác: khối-số nó vẫn là 239, nhưng số dương-nhân-tử nó (cũng gọi là nguyên-tử-số) nay là 94, và số hòa-nhân-tử lại bớt đi hai.

Nó thuộc loại Po-lu-ton (Plu-tonium), và đây là chất *Po-lu-ton 239*. Chất này có đặc-tính là nhân rất dễ phá, dễ hơn cả U-ran 235. Vì vậy những bom nguyên-tử đầu tiên đều dùng chất ấy. Chất ấy rất có thể dùng làm nhiên liệu trong lò nguyên-tử; nhưng khốn nỗi, nó đã không còn trên quả đất từ lâu. Nó chỉ sinh từ U-ran 238 như đã nói trên, mà sinh ra cũng rất ít, cho nên cũng không thành một nhiên-liệu độc lập được, trừ khi lấy phương-pháp hóa-học phân-tách nó ra. Một chất như U-ran 238 có thể gọi là *nhiên-liệu-mẫu*, nghĩa là



mẹ sinh ra nhiên-liệu nguyên-tử. Chính chất Po-lu-ton 239 cũng có đời « cháu » thành nhiên-liệu. Nguyên là những nguyên-tử Po-lu-ton 239 đã ăn hòa - nhân - tử nhưng không vỡ thì biến ra Po-lu-ton 240; chất này hoàn-toàn không bị phá nhân, nhưng khi nó ăn thêm một hòa - nhân - tử nữa thì nó đẻ ra Po-lu-ton 241, là một chất rất dễ phá - nhân. Đời Po-lu-ton 239 đã hiếm, thì đời Po-lu-ton 241 lại càng hiếm; vì vậy ta không coi nó là một nhiên liệu độc-lập được.

Trong quả đất còn có một nhiên - liệu - mẫu nữa rất quan-trọng vì có nhiều: đó là chất Tho-ri (Thorium) 232, gồm 232 hạt nhân, trong đó có 90 dương-nhân-tử. Nhân chất này rất vững, nhưng sau khi nó nuốt một hòa-nhân-tử ở ruột và bắt hai điện-tử ở vỏ thì nó biến thành một nguyên - tử gồm 92 dương-nhân-tử, tức là thuộc loại U-ran. Khối số nó 232 cộng với 1 là 233: vậy chất mới là U-ran 233, một chất có nhân rất dễ phá, nghĩa là một nhiên-liệu nguyên-tử.

Nói tóm lại, chỉ có một nhiên liệu nguyên-tử thiên-nhiên là U-ran 235. Nhưng thiên-nhiên lại

có hai nhiên-liệu-mẫu là U-ran 238 và Tho-ri 232 sinh ra hai nhiên-liệu phụ là Po-lu-ton 239 và U-ran 233. Còn như Po-lu-ton 241, tuy cũng là nhiên-liệu, nhưng lượng rất ít không đáng kể. Trong quả đất có rất nhiều quặng U-ran, hóa-hợp với dương - khí thành nhiều thứ ox - yt màu sắc rất nhiều và rất tươi và thường xen vào trong những đá thuộc địa-tầng kì nhất. Khi nào trong quặng tỉ-số U-ran được một vài phần-trăm thì là quặng tốt. Ở nước ta, đá thuộc địa - tầng kì nhất rất nhiều, chắc quặng U-ran không hiếm. Từ lâu, người ta đã biết rằng vùng Cao-bằng Hà-giang có những quặng ấy.

### 6. 2. — Hòa-nhân-tử chậm và Giảm-tốc-liệu

Nay ta đã có nhiên-liệu rồi, cũng như ta đã có đồng than, đồng củi. Làm sao cho nó « cháy ». Cháy đây tức là hấp - thu hòa-nhân-tử rồi bị phá nhân. Muốn hấp-thu thì phải gặp nhau đã. Hòa-nhân-tử càng chạy chậm thì càng có cơ-hội gặp nguyên - tử trong một đám nguyên-tử đang vận-động lung-tung, cũng ví như trong cơn mưa đạn, người chiến sĩ càng chạy chậm càng dễ bị

thương. (1) Với nhiệt-độ chừng 20 độ, các nguyên - tử chuyển-động chừng 2 ki-lô-mét mỗi giây; thế mà khi nhận U-ran bị phá, các hòa-nhân-tử tung ra với tốc độ trung bình gần 2 vạn ki-lô-mét mỗi giây. Với tốc độ ấy, phần lớn hòa - nhân-tử sẽ thoát ngoài vòng và trở nên vô ích. Nhà lý - học Ý Fe - e - mi (Fermi) đã có sáng - kiến tìm cách hãm các hòa - nhân - tử lại. Ta hãy nhìn các em nhỏ chơi bi, với những hòn bi nhiều cỡ. Nếu hòn bi nhẹ đụng một hòn bi nặng, thì hòn này không nhúc-nhích mấy mà hòn kia thì bật ra với tốc-độ lớn gần như ban đầu. Nếu hòn bi bị đụng là nặng vừa thì nó bị đẩy đi khá nhiều, và hòn « chủ-đụng » lại chậm đi nhiều lắm. Khi nào hai hòn nặng ngang nhau, nếu em nào bắn khéo thì hòn đụng sẽ thay hòn bị đụng, đứng im, mà hòn kia lại lăn với tốc-độ của hòn trước. Hòn bi « chủ-đụng » là hình ảnh hòa-nhân-tử, mà các hòn bi bị đụng là hình ảnh những nguyên-tử. Nếu hòa-nhân-tử chạy qua một đám nguyên-tử nặng thì trừ phi nó bị hút, nó chỉ đổi hướng luôn mà chạy tung-tăng, chứ tốc-độ nó không giảm mấy. Trái lại, nếu nó vào trong đám nguyên-tử nhẹ, thì đụng đây và đó, nó từ-từ chậm lại cho đến khi cũng

chuyển-động theo chùng chùng chuyển-động của nguyên-tử dưới ảnh-hưởng của nhiệt. Những hòa-nhân-tử chậm đến mức ấy gọi là *nhiệt-tốc-hóa* (Pháp: thermique; Anh: thermal). Ta nói tắt rằng đó là *hòa-nhân-tử chậm*. Những chất dùng để giảm-tốc cho hòa-nhân-tử sẽ gọi là *giảm-tốc-liệu*.

Theo lý-luận trên, ta thấy rằng ta phải tìm giảm-tốc-liệu trong các chất mang nguyên-tử nhẹ. Mà nguyên-tử nhẹ nhất là khinh khí hay là Hyt-rô; trọng nó xấp-xỉ trọng của hòa-nhân-tử, thành-thử nhiều khi chỉ cần đụng một nguyên-tử Hyt-rô mà hòa-nhân-tử thành nhiệt-tốc-hóa liền, nghĩa là thành chậm. Nói đến khinh-khí, ta chớ tưởng rằng dùng thê khí được đâu. Thê khí lỏng-lẻo quá: trong một lít có rất ít nguyên-tử, hòa-nhân-tử bay qua đó như qua chỗ chân-không. Và cũng không thê dùng thê lỏng hay thê đặt của Hyt-rô, vì nó lạnh quá mà không thê duy-trì những thê ấy được. Người ta phải dùng một vài thứ hợp-chất mang Hyt-rô, nhất là nước lã.

Mỗi khi hòa-nhân-tử đụng một

(1) Đây chỉ ví cho dễ nhớ sự-kiện, chứ lý-do sâu-sắc là phiền hơn.

nguyên-tử nào đó, cũng có hòn bị dội ra và chậm lại, nhưng cũng có hòn bị hấp-thu. Sự *dội* và sự *hấp* là hai đặc-tính của mọi nguyên-tử đối với hòa-nhân-tử. Nếu dội và giảm-tốc nhiều thì đó là một giảm-tốc-liệu tốt, nhưng nếu nó giảm-tốc nhiều nhưng hấp cũng nhiều thì lại là một giảm-tốc-liệu xấu. Chất Hyt-rô vào hạng trung-bình, vì nó hấp khá nhiều. Nhưng hợp-chất của Hyt-rô dùng trong lò nguyên-tử như nước hoặc chất hữu-cơ, đều mang những nguyên-tử khác nhẹ mà không ăn hòa-nhân-tử : ví-dụ Oc-xy và Cac-bon.

Đồng-vị của Hyt-rô có Đơ-teu-ri, nặng gấp đôi Hyt-rô, lại là giảm-tốc-liệu tốt bậc vì nó dội nhiều, giảm-tốc nhiều, mà hấp rất ít. Người ta dùng « *Nước nặng* », tức hợp chất gồm hai nguyên-tử Đơ-tơ-ri và một nguyên-tử O-xy. Nước-nặng này quả thật nguyên-liệu rất quý dùng trong lò nguyên-tử. Khốn nỗi luật thừa trừ, « *bĩ sắc tư phong* », của tạo-hóa lại làm cho nước là thì nhiều mà nước nặng thì rất hiếm. Trong hồi Âu-chiến vừa qua, đã có cuộc cảm tử đồng-minh phá-hoại nhà máy làm nước nặng ở Noo-oay kéo

sợ Đức nhờ nó mà chế ra bom nguyên-tử trước.

Ở trung-độ nước-nặng nước-nhẹ thì có than là một chất vừa giảm-tốc khá (vì nguyên-tử nhẹ, chỉ nặng bằng 12 nguyên-tử Hyt-rô), dội nhiều và hấp ít. Than lại là một vật có nhiều. Nhưng muốn dùng nó thì phải lọc cho hết sạch những chất khác gián-tạp với nó. Mà sự ấy cũng rất khó. Trước hết phải dùng thứ than-chì (Graphite) chế bằng khối dầu hòa, rồi nung lên, kết lại, khử trừ những « *uế-vật* » nghĩa là những chất hút hòa-nhân-tử nhiều.

### 6. 3. — Cơ cấu và nguyên-tác những lò nguyên-tử chậm

Bây giờ chúng ta dễ hiểu lò nguyên-tử cơ-cấu và động-tác ra sao. Ngày nay có nhiều loại lò nguyên-tử khác nhau vì dùng hòa-nhân-tử chóng hay chậm, dùng nhiên-liệu giàu phần phá nhân hay ít, tháo nhiệt nhờ chất lỏng hay chất hơi. Muốn giải thích rõ ràng, trước hết tôi lấy một thí-dụ, mà thí-dụ ấy thuộc loại lò nguyên-tử đầu tiên mà

Fe-e-mi tạo nên ở Chicago trong hồi Đại thế-giới chiến-tranh.

Lò ấy chỉ là một đồng than-chì xếp thành từng lớp, ở trong đều xen đều một số then *U-ran thiên-nhiên*, nghĩa là U-ran luyện quặng mà thành, nó chứa chừng 7 phần nghìn U-ran 235 và 993 phần nghìn U-ran 238. Giả-sử có một cái nguồn phát một số hòa-nhân-tử, tuy ít nhưng đều đều, ở trong tâm đồng ấy, thì có một số nhân-tử ấy bị hút bởi một số nguyên-tử U-ran 235, rồi làm tung nguyên-tử ấy và bắn ra hơn hai hòa-nhân-tử với một tốc-độ rất cao. Đó là những *hòa-nhân-tử chóng*. Các hòa-nhân-tử này bắn tung ra, đụng chạm hoặc nguyên-tử U-ran, hoặc nguyên-tử than. Khi chạm U-ran nặng thì nó bị bật ra chứ không bị *hãm*. Trái lại khi đụng than, thì nó bị chậm lại. Nếu đụng chừng 114 lần thì tốc-độ từ 2 vạn kí-lô-mét tụt xuống chỉ còn 2 kí-lô-mét mỗi giây (với nước nặng thì chỉ cần chừng 35 cái đụng, và với nước nhẹ lại chỉ cần chừng 20 lần đụng mà thôi). Lúc ban đầu khi mới sinh ra, hạt Hòa chạy nhanh, cho nên ít bị hút, nhưng dần dần chậm lại thì trở thành một

mồi ngon cho mọi nguyên-tử. Than cũng ăn nó mà U-ran 238 cũng ăn. Đối với U-ran 238 này, sự hấp-thu lại càng lạ. Số là : đối với cả hòa-nhân-tử chóng lẫn nhiệt-tốc-hóa thì nó chỉ hút vừa vừa thôi ; nhưng mà khi nó gần chậm tới trong khoảng 35 tới 100 kí-lô-mét mỗi giây, thì thành-linh nó bị U-ran 238 hút ò-ạt. Đó là vì hiện-tượng cộng-hưởng mà tôi đã nói đến trên, cộng-hưởng giữa năng thúc-kết các nhân-tử U-ran 238 và năng chuyển động của hòa-nhân-tử chạy rông. Sự hút lớn lao ấy gọi là *hấp-thu cộng-hưởng*, hoặc là nói tắt là *trụt hãm*. Những hạt sống sót, sau khi vượt hãm ấy, tiếp tục chạy lảng quặng, lại đụng nguyên-tử than chừng 24 lần nữa rồi thành chậm. Lúc bấy giờ U-ran 235 mới có đặt tính hút nó rất mạnh để bị phá nhân. Một hòa-nhân-tử trong đồng than U-ran sống một đời rất ngắn ngủi : từ sinh đến mất chỉ chừng mấy li giây (phần nghìn giây) mà thôi.

Cái chết chung của hòa-nhân-tử trong lò là một cái chết đặc-biệt, vì chính lúc nó chết nó « *đẻ* » ra con, trung bình một mẹ chết, vì bị một nguyên-tử



Uran 235 ăn, lại sinh ra hai con rười. Thế là nòi giống họ Hòa từ đời này ra đời khác có lại một thân rười. Nhưng ta đã thấy rằng có phải mẹ nào cũng có con dâu. Đối với một mẹ được U-ran 235 ăn, thì biết bao chị em mẹ bị các chất khác ăn không (than, U-ran 238, và các chất khác dùng trong lò với mục đích tổng-nhiệt hoặc cơ-khí), và biết bao chị em khác thoát ra ngoài lò, vì lò chỉ có kích thước hữu hạn, rồi cũng bị ngoại vật ăn nốt. Chung qui lại, với U-ran thiên-nhiên, than-chì, nếu lò kia là một lập phương mỗi bề dưới chừng 3 mét, thì đời mẹ này sang đời mẹ khác, số hòa-nhân-tử sẽ hao mòn dần, khiến phản-ứng chuyển không thể duy-trì lâu được và lò phải tự tắt. Nhưng nếu ta tăng dần kích-thước lò, thì số thoát lò bớt dần một cách tương-đối. Lúc kích-thước đến mức *lâm-giới*, thì số hòa-nhân-tử cầm chừng và phản-ứng chuyển bắt đầu tiếp-tục, nhiệt bắt đầu phát ra một cách hiển-hiện. Người ta nói rằng lò bắt đầu *bén lên*.

Ngày mồng 2 tháng chạp năm 1942, lò nguyên-tử đầu tiên (của Fe-e-mi) đã bén ở Chicago, thực-

hiện cái mộng-tưởng của những nhà lý-học, và chứng tỏ rằng thuyết nguyên-tử đã đến thời-kỳ ứng-dụng. Người ta bắt đầu tin chắc-chắn sắp dùng năng-lượng tiềm-tàng trong nhân nguyên-tử để đốt, để phá, hoặc để biến ra điện, ra hơi. Muốn đạt những mục-dịch ấy, đều phải qua cái lò nguyên-tử.

Đại-khái lò nguyên-tử chậm (2) dùng than làm giảm-tốc-liệu gồm những khối than-chì xếp chồng nhau, nhưng có những lỗ tròn xuyên qua đều-đặn và song-song. (Xem hình 3). Giữa lỗ, có những then U-ran thiên-nhiên hình trụ, chung-quanh bọc bằng tấm « áo » *A-lu-min*, hoặc *Ma-nhê-si*. Khi lò đã bén, nhiệt hiện trong những then nhiên-liệu rồi chiếu ra ngoài vào trong than. Nếu không có cách gì tháo nhiệt ra, thì các then U-ran sẽ bị hư nát vì áo chảy, U-ran biến chất hoặc chảy, và than cháy. Những lỗ tròn trong than, khoảng hở chung-quanh nhiên-liệu chính là để người ta cho một chất lỏng như nước, hoặc một chất hơi như thán-khí chảy qua để làm nguội

(2) Đây là thứ lò dùng U-ran thiên-nhiên.

và tổng nhiệt ra ngoài cho tiện dùng nhiệt ấy. Chất tổng nhiệt có tên là *lạnh-liệu*. Lạnh-liệu nhờ có máy bơm mà chảy vòng quanh, qua trong lò rồi ra ngoài, trao nhiệt sang cho một nồi nước. Nước này nóng lên bốc hơi. Hơi ấy, cũng như mọi hơi nước, có thể làm máy chạy để làm công hay làm điện.

Nếu số hòa-nhân tử trong lò giữ một mực đều thì lò giữ mực nhiệt cũng đều-đều, nhưng nếu số ấy vì một cơ gì tăng lên tuy rất ít, thì thế cũng đủ làm cho số ấy lụy-tiến, (xem tiết 5). Hậu-quả là nhiệt cũng lụy-tiến, lạnh-liệu dầu có tăng lên nữa cũng không thể nào cản được sự lò hoặc cháy hoặc nổ tung. Xem vậy, ta cần có một bộ phận dùng để khống-chế sự « *phát cuồng* » của lò nguyên-tử. Phần ấy sẽ gọi là *phần khống-chế*. Khống-chế bằng cách nào? Chỉ có cách giết « *toi* » bớt hòa-nhân-tử. Quả thật như vậy, có một số đơn chất như Bo, Cat-mi (BORUM, CADMI-UM) ăn không hòa-nhân-tử rất mạnh, mạnh gấp mấy nghìn lần U-ran 235, hơn mười vạn lần U-ran 238, hơn trăm triệu lần than. Bộ-phận khống-chế thường là những thanh thép bọc chất

Cat-mi có máy trục thả vào trong lò khi thấy nhiệt tăng quá mức. Đó là những *thanh khống-chế*.

Nói tóm lại, đại-khái một lò nguyên-tử chậm gồm: 1 là *nhiên-liệu*, 2 là *phần giảm-tốc*, 3 là *phần tổng-nhiệt*, 4 là *phần khống-chế*. Đó là ý mà nhà lý-học Pháp Jo-li-ô Cuya-ri (Joliot-Curie) đã phát-biểu trước cuộc Đại-chiến 1939.

Ngoài ra, còn có một vài phần phụ đáng nói. Một là phần ngăn bớt hòa-nhân-tử thoát ra ngoài. Ý đầu tiên là bọc chung-quanh lò một lớp bằng chất hút rất nhiều hòa-nhân-tử. Nhưng nếu làm vậy, thì những hòa-nhân-tử ấy sẽ bị mất « *toi* ». Hay hơn là bọc chung quanh bằng một lớp giảm-tốc-liệu, vì nó không những làm cho những hòa-nhân-tử muốn thoát lạnh phải bay chậm lại, mà nó lại bắt hòa-nhân-tử đổi hướng bay, cho nên một số không ít quay trở vào lò. Phần ấy gọi là phần *phản xạ*. Ngoài phần phản-xạ, lò nguyên-tử còn có mấy tầng tường chung quanh, để chặn những tia Gam-ma và những hòa-nhân-tử chậm và chóng, kéo nó thoát ra ngoài, tác hại vô-cùng đối với sinh-mệnh. Ở trong cùng, thường có một cái cốt bằng thép để



chặn tia Gamma, rồi đến lần tường bằng thứ bê-tông pha chì rất dày, thường dày đến ba bốn mét. Ngoài hết, thường phải xếp những khối chì thành những bức tường nhỏ để che tia Gam-ma cho những người đứng gần-làm việc trong khoảng thời gian dài. Những phần này gọi là *phần bảo-vệ*. Phần bảo-vệ rất nặng-nề, chính vì nó mà người ta chưa tìm được cách dùng lò nguyên-tử để trên máy bay.

Trong ruột lò nguyên-tử, sự phá nhân sinh ra rất nhiều chất phóng-xạ, thọ-mệnh dài hay ngắn, nhưng đều phát ra những tia độc hại. Ta đã thấy rằng phần bảo-vệ ngăn những tia ấy bắn ra ngoài. Nhưng ta cũng biết rằng phần lạnh-liệu tổng nhiệt phải chảy qua trong ruột

lò rồi ra ngoài trao nhiệt lại cho «nồi» nước. Lạnh-liệu ấy chảy chung quanh những then nhiên-liệu, và nhờ nhiên-liệu có «áo», cho nên những chất phóng xạ sinh ra trong nhiên liệu không dính với lạnh-liệu kia. Nhờ đó mà lạnh liệu tuy từ trong lò chảy ra mà không mạng độc. Nhưng áo của nhiên liệu rất mỏng và không chắc, vì phải là chất nhẹ ít ăn hòa-nhân-tử. Nếu vì nóng quá hoặc vì có khác, áo kia bị rách, thì các chất độc trong nhiên-liệu thấm ra ngoài áo, rồi theo lạnh-liệu chạy ra ngoài, và tác hại chung quanh. Đó là một điều tối-kị của lò nguyên-tử. Vì vậy, trong lò nguyên-tử phải có những bộ phận *tìm áo rách* rồi báo cho ngoài biết rách ở chỗ nào. (còn tiếp)

★ HOÀNG XUÂN HÂN



**Tòa soạn đính chính.** — Trong mấy lời giới-thiệu ông Hoàng-xuân-Hân (P.T. số 89), chúng tôi có nói rằng ông Hân là Giáo-sư Đại-học ở Paris. Chúng tôi được thư của ông cho biết ông không có dạy học, mà hiện làm Kỹ-sư trong một hãng tư. Vậy xin đính-chính. — Nhân tiện, có một số đồng bạn đọc muốn biết địa-chỉ của ông Hoàng xuân-Hân để viết thư riêng, các bạn có thể gửi thư đến Tòa-soạn P.T., chúng tôi sẽ vui lòng chuyển giao đến ông.  
N. V.

cát cỏ  
không  
hẹn  
giờ



ĐỒI xưa, tại đất Trung-Hoa có một vị Hoàng Đê... Ông cai trị ra sau, đóng đô ở nơi nào, sống bao nhiêu tuổi, người ta không được biết vì thừa đó chưa có người chép sử. Nhưng, do lời truyền khẩu, người đời đã nhớ lại được câu chuyện la lòng hi hữu về cuộc sống của ông.



★  
Cứ nhìn cái bề ngoài sung dụ, không ai dám bảo Hoàng Đê Long-Vũ là một kẻ thiếu thôn. Tiền của, ngọc ngà, châu báu, vải lụa, thóc lúa đầy kho, dưới mắt mọi người, vị Hoàng Đê, nói trên quả đã sống một đời đáng sống.

Ở một thời mà vua chúa được thần dân tôn thờ như vị con trời, mà tất cả mọi người từ sang chí hèn, không ai dám ngược mắt nhìn thẳng vào mặt rồng, mà chỉ một

★ TRỌNG - TẤU



cái vẫy tay hay liếc mắt của mình, toàn thể chur hầu đều rầm rập tuân theo, thì làm vua còn gì sung sướng hơn nữa?

Nhưng ở đời, nhiều khi những cảnh nghịch thường lại đã gây ra làm chuyện oái oăm ít ai lường trước được. Chính vì cái uy quyền tối cao đòi thượng của mình, nhà vua đâm ra buồn chán cuộc đời. Đi tới đâu, ngài cũng chỉ thấy toàn cảnh bực mái xuôi chèo, chẳng ai dám mảy may phản đối hoặc đưa ra một vài ý kiến trái ngược.

Nhà vua không phải là kẻ đã lấy bòn chữ « *ngịch ngã giả thù* » (trái với ta, tức là kẻ thù của ta) làm phương châm chân dân. Đức độ của ngài bao la lắm, không một ai dám chửi cãi. Tuy nhiên, ngài vẫn thường tự nhủ: « *Ta cũng chỉ là một người* ». Ngài biết mình lắm, ngài biết mình, ngoài bao nhiêu đức tốt, vẫn rất có thể vấp vào những lỗi lầm khó tránh của con người trên cõi thế. Nhưng tai hại thay, những khuyết điểm ấy có bao giờ ngài có hy vọng nhìn thấy nổi. Nó đã bị bọn

cận thần đem một lớp màn quá đẹp, một lớp màn « *khen tặng, tung hô* » bao phủ xung quanh. Ngài muốn tìm hiểu xem dân chúng đang nghĩ gì về ngài, nhưng lớp màn ấy không cho ngài ngó thấy. Tất cả mọi hành động tốt hay xấu của ngài, lọc qua bức màn đó đều trở nên tuyệt hảo, tuyệt mỹ. Người ta vây lấy ngài, người ta nhất định không cho ngài thấy rõ nét sinh hoạt thật sự của trăm họ.

Đám cận thần quyết không để vua Long-Vũ bị thiếu thốn một thứ gì, nhưng nào họ có biết gì đâu, trong thâm tâm, nhà vua cảm thấy thiếu rất nhiều thứ. Nhà vua thêm thêm bớt bớt cái đối, cái khổ, những sự ẽ chế nhục nhã của đám cùng dân. Nhà vua khát hường những cảm giác — mà ngài đoán chắc là kỳ lạ lắm — của những người bị thiếu thốn về vật chất. Nói tóm lại, Long-Vũ thiếu rất nhiều, còn thiếu hơn cả những kẻ mà người ta gọi là ít thụ hưởng nữa.

Vua Long-Vũ cũng có từng nghe người ta nói đến cái « *đau khổ vì tình* ». Người ta đau

khô ra sao, nhà vua nào biết được, vì bên cạnh hoàng cung đã có hơn năm trăm cung tần mỹ nữ ngày đêm túc trực, sẵn sàng làm đẹp lòng dâng cửu trùng. Ở đâu cũng chỉ toàn giai nhân tuyệt sắc, đến một người con gái xấu, người ta cũng không cho ngài ngó thấy.

Nếu được sống ở thời buổi bây giờ, có lẽ Hoàng-Đề Long-Vũ đã bắt chước các đệ tử (gà mờ) của « *Dăng-Bôn-Xếch* » và nữ-sĩ « *So-Găng* » mà than rằng: « *Than ôi! cuộc đời buồn nôn, cuộc đời chán mửa, cuộc đời phi lý...* »

Ấy, cái tâm trạng của Hoàng-Đề Long-Vũ thuở xưa là thế. Ngài chán đời, nghĩa là ngài sợ sống quá rồi, ngài muốn chết đi cho rảnh nợ chứ sống mà bị thiếu thốn đủ điều thế này thì còn đâu là hạnh phúc?

Ý nghĩ từ bỏ cõi đời càng ngày càng ăn sâu vào trí óc ông vua ngày sống ấy. Nếu đặt mình xuống long sàng ngủ được thì thôi, nhưng khi giật mình thức dậy, ngài lại thấy sợ sống kinh khủng.



Sau bao ngày suy tính, Hoàng-Đề Long-Vũ đã nghĩ ra được một phương pháp kỳ diệu để từ giả cõi đời. Lần này ngài quyết ngậm ngậm thực hiện một mình những điều tính làm chứ không thêm bàn với đám quần thần nữa. Ngài cho vùi tên đao phủ thủ của triều đình tới và tiếp sức riêng với tên này.

Tên đao-phủ-thủ Thiệt-Thạch-Đầu có một thân hình quá khổ. Đôi cánh tay hằn rần chắc và to lớn như một cặp chày võ. Dòng họ hần, cha truyền con nối, chỉ chuyên có một nghề duy nhất là thi hành những án xử trăm của triều đình. Trái mấy chục năm qua, lưỡi gươm bén như nước của Thiệt-Thạch-Đầu đã vẩy máu không biết cơ man nào là tử tội. Hần chặt đầu người như chém chuối và chưa hề biết thế nào là xúc động. Ấy thế mà lạ thay, đứng trước mặt Hoàng-Đề Long-Vũ, đao phủ thủ họ Thiệt lại cảm thấy mình bé nhỏ và nhút nhát vô cùng. Khi được vùi đột ngột tới bệ rồng, Thiệt-Thạch-Đầu sợ run lên như cây sậy. Hần không

hiều nhà vua cho đòi hẳn đến có việc gì. Phải chăng sẽ có một điều bất hạnh xảy đến cho cuộc đời đao phủ thù của hắn?

Vừa bước tới chân thêm, đao-phủ họ Thiết đã vội phủ phục xuống, lo lắng chờ lệnh. Long Vũ Hoàng Đê ôn tồn:

— Thiết-Thạch-Đầu! Ta cho nhà ngươi được phép ngược mặt lên.

Không hiểu có nghe thấy gì không, nhưng hắn vẫn cứ mọp người xuống, chết cứng như tượng đá.

Nhà vua lại nói tiếp:

— Thiết-Thạch-Đầu! Ta có một việc muốn nhờ riêng nhà ngươi và nếu muốn khỏi mất đầu, nhà ngươi cần phải giữ kín không được hở môi cho ai biết.

Thiết-Thạch-Đầu vẫn cứng lưỡi không nói được thành tiếng. Hơi thở của hắn cũng như muốn tắc lại ở giữa cổ họng. Hắn không hiểu nhà vua muốn gì. Một tên đao-phủ hèn mọn, bắt tài bắt tướng thì làm gì nhà vua đến phải nhờ? Triều đình biết bao nhiêu các quan văn võ trí tài thao lược, tại sao hoàng đê không vội tới lại đi gọi y, một tên mạt hạng, vô giá trị, quanh năm chỉ biết

có mỗi một việc lây đầu người? Hoàng Đê Long Vũ rầu rầu bảo hắn:

— Ta biết lắm, việc này chỉ có nhà ngươi làm được! Ta cần phải phán ngay cho ngươi rõ: Sở là đã từ lâu, ta cảm thấy chán đời quá rồi. Ta thấy sợ sống quá! Tất cả mọi người, từ quan chí dân, ai cũng tưởng ta là kẻ hoàn toàn hạnh phúc. Thật ra, tất cả mọi người đều không hiểu ta, và chắc có lẽ cả nhà ngươi cũng vậy.

Thiết-Thạch-Đầu vẫn phủ phục dưới đất miệng cảm như hèn. Nhà vua lại tiếp:

— Nhà ngươi có biết đâu, chính ta mới là kẻ khổ nhất trên thế gian. Ta muốn sống tầm thường như những kẻ khác, nhưng nào có được. Người ta đã ngăn cản và trước luôn cả cái quyền sống của ta. Tại sao cũng là người, ta lại không được trọn hưởng « thật tình » của người trần tục? Người ta coi ta là thần thánh, người ta đã đem cuộc sống của ta lộng vào khung, cái khung sơn son thếp vàng chỉ gây cho ta toàn những cảnh chán ngán.

Vua nói gần như khóc:

— Những nỗi ray rứt khủng khiếp càng ngày càng tràn tới ám ảnh tâm hồn ta. Có ai ngờ đâu chỉ vì cao hương mỹ vị tràn đầy, ta đã không có dịp hưởng cái đói dề mà ăn biết ngon? Lầu vàng gác tía, đầy đủ tiện nghi quá, làm sao ta biết rét dề thầy âm? Cung tẩm mỹ nữ chán vạn, ta chỉ còn là cái máy thụ hưởng không hồn. Người ta chỉ biết khen mà không bao giờ dám chê ta, như vậy thử hỏi đến bao giờ ta mới được sống thật với lòng mình được? Tóm lại, ta đã bị mọi người cướp đi mất một phần lớn đời sống. Vì vậy, ta còn thiết sống làm gì nữa...

Thiết-Thạch-Đầu cố gắng nói trong hơi thở hào hển:

— Muốn tâu dâng cứu trùng, kẻ hèn mọn này ngu si dốt nát quá không sao hiểu nổi ý trời...

— Rồi nhà ngươi sẽ hiểu. Nói trắng ra là bây giờ ta muốn chết!

Thiết-Thạch-Đầu giật mình. Nhà vua lại nói:

— Ta đã tình dích thân chứng kiến tài đao phủ của nhà ngươi. Đường gươm của nhà ngươi bén nhọn lắm. Lưỡi kiếm của ngươi vung lên chưa đầy nửa giây, đầu tử tội đã rời cổ lăn đi lông lốc, thân còn đứng sững, máu vọt lên trời. Ta khá khen cho tài ngươi, và giờ đây, bản thân ta muốn nhờ tới tài hiểm có ấy.

Toàn thân Thiết-Thạch-Đầu rũ xuống như một đồng thít bầy nhảy không gân cốt. Hắn ta không còn hiểu nổi gì nữa. Nhà vua vẫn cứ tiếp tục, giọng đều đều:

— Ta đã tự tay ký một bản án xử tử ta... Theo chiều chỉ này, ngươi là kẻ duy nhất đứng ra thi hành bản án.

Với tay lên án thư, Hoàng Đê Long Vũ cầm bản chiếu chỉ cuộn tròn ném xuống đất.

— Nhà ngươi đọc đi!

Thiết Thạch Đầu vẫn không dám nhúc nhích. Hoàng Đê Long Vũ quát:

— Ngươi cãi lệnh vua? Đọc!

Thiết Thạch Đầu run rẩy bỏ lại cầm tờ chiếu chỉ dờ ra đọc.



« Ta, Hoàng Đê Long-Vũ, bấy lâu theo mệnh trời trị vì ngôi báu chễm chệ muôn dân, nhưng nay cảm thấy chân mùi tục lụy nên quyết rũ sạch bụi trần. Truyền cho đao phủ thủ Thiết Thạch Đầu cắt cỏ ta, nhưng cảm không được báo cho ta biết trước. Với chiếu chỉ này, Thiết Thạch Đầu có thể ra vào hoàng cung bất cứ giờ nào và có quyền đi lại bất cứ ở đâu. Kể nào cỡi lịnh, Thiết-Thạch-Đầu được phép tiến trảm hậu tấu. Ngoài ra nếu Thiết-Thạch-Đầu không thi hành đúng theo chiếu chỉ, y cũng sẽ bị chém đầu.

Chiếu chỉ này có một giá trị tuyệt đối, và không có bản văn thứ hai nào, dù là của ta, có thể hủy bỏ được đi.

### LONG-VŨ ĐỆ X NIÊN

Thiết-Thạch-Đầu chưa kịp mở lời thì nhà vua đã nói:

— Ngoài ra, ta còn ra lịnh cho quan coi kho cấp cho nhà ngươi khá đầy đủ bạc vàng để sống một đời sung túc. Với tiền bạc ấy, và với chiếu chỉ này, nhà ngươi đi tới đâu cũng được. Duy có một điều, ngươi phải cẩn thận là không được

tiết lộ cho ai hay, dù là vợ con. Nếu trái lịnh, tính mạng nhà ngươi khó được bảo toàn.

Vừa nói dứt lời, vua đã vội gọi cận-vệ đuổi Thiết-Thạch-Đầu ra khỏi hoàng cung. Hắn không kịp nói thêm gì nữa.

✱

Cắm tờ chỉ trong tay đi ra, Thiết-Thạch-Đầu như người vừa trải qua một cơn mê kỳ dị.

Nói về vua Long-Vũ sau khi giao cho Thiết-Thạch-Đầu chiếu chỉ lạ lùng nói trên, ông bắt đầu đâm ra băn khoăn lo ngại. Mọi đâu, nổi ám ảnh còn vừa vừa, nhưng càng về sau ông càng sợ hãi. Ông sống thấp thòm trong sự chờ đợi, chờ đợi lưỡi giao bén ngọt của tên giết người Không có giờ khắc nào ông không hình dung ra trước mắt một cảnh cắt cỏ thể thảm. Từ dạo ấy, chẳng có đêm nào ông không mơ. Ông mơ thấy mình được chứng kiến cả vạn cái xác không đầu, ông mơ thấy mình lạc vào thế giới đồ tể mà bàn tay họ là những cục máu đỏ hồng, ông mơ thấy mình bơi lội, lặn hụp trong một đại dương huyết mà ở dưới là những dao nhọn tua tủa đâm lên...

Tâm thần nhà vua bắt đầu bần loạn, cân não bị căng thẳng quá, ông đâm ra ngớ ngẩn như kẻ mất hồn. Những buổi chầu vì thế mà lắm khi bị bãi.

Mặc dầu sợ sệt, vua Long-Vũ vẫn khắc khoải chờ đợi ngày tàn của cuộc đời. Không biết giờ nào, phút nào, Thiết-Thạch-Đầu sẽ đem dao đến cứa cỏ ông. Ông bắt đầu mắc phải cái tật « tay hay rờ lên cỏ ».

Tình trạng sức khỏe của vua Long-Vũ càng ngày càng thêm sút kém. Các quan ngự y cố tìm hiểu bệnh căn nhưng kiếm không ra. Cả triều đình đều lo ngại.

Sau này, vì không chịu đựng nổi được tình trạng khủng khiếp ấy nữa, nhà vua đành thú nhận câu chuyện với triều thần. Quan Tể Tướng bàn:

— Thần sẽ huy động binh sĩ đi bắt nó về xử tử là yên chuyện.

Nhà vua rên rỉ xua tay:

— Đó là lỗi tại ta, ta không có quyền giết một kẻ vô tội.

Vẫn là một ông vua nhân từ, Hoàng Đê Long-Vũ không thích giết oan bất cứ một ai. Sau rốt, triều đình đã tìm ra được một giải pháp: « Đi tìm Thiết-Thạch-Đầu để đoạt lại chiếu chỉ và đốt đi là hết ».

Rủi thay, người ta đã cho đi tìm kiếm khắp nơi mà không gặp tên đao phủ thủ. Biết đâu hiện giờ hắn chẳng đang lẩn quẩn ngay cạnh hoàng cung và sẵn sàng thi hành đúng theo chiếu chỉ.

Vua Long-Vũ đã phải sống trong khắc khoải cho đến tận chiều xế bóng mà vẫn không thấy tên đao phủ thủ tới cắt cỏ ông. Thì ra, sau khi rời khỏi hoàng cung, Thiết-Thạch-Đầu đã dắt vợ con trốn khỏi đất Trung-Hoa qua một nước láng giềng sống cuộc đời yên ổn.

Hoàng-Đê Long-Vũ biết sợ thần chết vì ngài cũng chỉ là một người.

### TRỌNG-TẤU

(dựa theo một truyện Trung-Hoa)

## XUÂN CHIẾN - ĐIA



Tặng các anh em ngoài mặt trận

Giờ tổng cự, gần xa vang tiếng nổ ;  
Phút nghinh tân, đây đó máu quân thù.  
Hoa mai lên : nóng súng đạn vũ vũ,  
Nêu sát quỷ : ngọn cờ đề « quyết chiến »,  
Câu chúc tụng : lời hò reo « tiến tiến ».  
Cổ bản kia : chiến lợi phẩm: khuan mang.  
Pháo giao thừa : mồm đại bác khua vang,  
Hương nguyên đán : niệng cà-nông nhả  
khói,

### ★ THÁI - BẠCH

Của tặng giang sơn,  
Tiệc chào năm mới.

Đây, tinh thần chiến thắng của anh em ;  
Đây, chiến thắng mới đem về nóng hổi.  
Và đây nữa.

Một tờ hoa viết gửi

Về gia đình cho tất-cả đều hay

Rằng : người đi nơi gió cát hôm nay

Vẫn sống mạnh và hăng say giết giặc.

Chiến công nữa mới vừa xong lập được,

Hãy mừng lên cho vợi bớt nhớ thương.

Trước bàn thờ, hay thấp nữa thêm hương

Cho trầm ngát, để gia-tiên chứng giám.

Lòng con cháu vẫn bền gan quả cảm

Đi diệt thù là đề rạng tỏ tông.

Đề hòa bình đem lại cả núi sông,

Cho hạnh-phúc của gia-đình trường cửu.

Xa nhà đây, nhưng tết này cũng rượu,

Cũng thị thà bánh trái hã hê sơi.

Của đồng bào đem đến tối ba mươi,

Kèm theo đó, một bài thơ mến tặng,

Tình cá nước quả tình non biển nặng,

Trước xuân về lại sướì ấm lòng thêm.



# Tuần

DÂN CHÚNG

LỊCH SỬ

XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI  
NƯỚC VIỆT

1910-  
1960

(Tiếp theo P.T. 95)

### ★ NGUYỄN-VỸ

C UỐI năm 1924 cũng là gần hết năm Giáp-Tí đầu đầy đều bắt đầu sửa soạn » ăn Tết ». Học-trò các trường đều được nghỉ trước ngày 23 tháng chạp, năm ấy là ngày 17 tháng Janvier 1925 và nghỉ Tết được một tháng. Nửa tháng trước, hầu hết học-sinh quê-quán ở các tỉnh xa đều đã nhận được « mandat » của cha mẹ gửi vào cho để mua vé xe-hơi về « ăn Tết » ở tỉnh nhà. Trước khi tạm biệt thành-phố, học-trò mỗi lớp tự-động rủ nhau đi chúc Tết các vị Giáo-sư, Tuấn bây giờ thuộc về « lớp lớn » không như hồi năm trước còn đem quà bánh đến « Tết » Thầy, và đọc diễn-văn « mừng tuổi » Thầy, chỉ học-trò các lớp Tiều-

học, từ lớp Nhất xuống lớp Ba, vẫn còn giữ tục lệ ấy. Học trò lớp lớn, từ Đệ nhất-niên Trung-học trở lên, không đọc chúc-từ và cũng không dâng các lễ-vật nữa. Không phải vì không có lòng kính Thầy như xưa, nhưng vì một lý-do rất dễ hiểu là hồi ở lớp nhất chỉ có một hai Thầy giáo, mà bây giờ mỗi lớp có đến 4, 5 vị giáo-sư, học-trò làm gì có nhiều tiền mua sắm lễ-vật đầy đủ để đi « Tết » tất cả ngần ấy ông giáo ? Sau khi bàn tính kỹ lưỡng, trò nào cũng muốn để dành tiền mua quà và « chơi xuân », toàn thể đều đồng ý đi tay không đến « mừng tuổi » suông 5 vị Giáo-sư Việt. Đối với ông Đốc-học, (hiệu trưởng)



và các Giáo-sư Pháp thì đã có một số đại diện đi « Chúc Tết » hôm đầu « Năm Tây » rồi.

Riêng trò Tuấn được bốn cô ở lớp Nhất để dành cho một món quà không ngờ. Trước hôm xách va-li lên xe hơi về quê ăn Tết, Tuấn đến chơi một buổi tất niên tại nhà trọ của các cô. Ngồi uống trà và nói chuyện vui đùa với nhau một lúc, cô Anh mở rương lấy ra một gói thuốc *Mé-lia*. Nên nói rằng lúc bấy giờ ở Trung-Kỳ chỉ có bán mỗi một thứ thuốc gói *Mé-lia* đó thôi (*Bastos* cũng chưa có). Trong mỗi gói thuốc *Mé-lia* đều có một tấm hình chụp một cặp Tây Đăm hôn nhau rất tình tứ, — và nhiều kiểu Tây Đăm khác nhau, tất cả đều say mê âu-yếm, chụp ở Paris, in màu, tuyệt đẹp. Học trò thích gói *Mé-lia* lắm, nhưng không có tiền mua vì bán đến năm các bạc một gói, chỉ có các ông Giáo-sư và các Thầy Thông Thầy Phán có tiền xài bánh mới hút được thứ thuốc đó. Thịnh-thoảng trò nào xin của ai được một vài tấm hình *Mé-lia*, đem khoe, cả lớp xúm lại coi có vẻ thêm-thường lắm. Thuốc *Mé-lia* lúc bấy giờ hút đẳng nhét, còn tệ hơn loại thuốc bình-dân hiện nay, nhưng nó quý là vì có tấm hình in Tây đăm hôn nhau, kèm

trong bao thuốc bọc giấy bóng, và nó lại là loại thuốc gói đầu tiên « làm bằng máy » từ Sài-gòn gửi ra bán, mắc tiền, chỉ những người giàu sang mới mua nổi. Kề ra, nó còn quý hơn thuốc thơm Cravena hay 555 hiện nay.

Hôm Tuấn đến nhà trọ bốn cô Anh, Trâm, Thục, Lài, để thăm tất niên trước hôm về quê ăn Tết, cô Anh đưa ra cho Tuấn gói thuốc *Mé-lia*, và cười bảo: « Tụi tui biểu anh gói thuốc để Tết anh hút chơi », Tuấn cảm-động muốn khóc, ngồi làm thinh một lúc. Tuấn ngắm - nghĩa tấm hình một đôi trai-gái Tây Đăm hôn nhau say-mê, với một câu « thơ » Pháp in dưới bức hình:

*« Bonne Année, parfait Amour,  
À Toi seul, à Toi pour toujours. »*

Loại « Thơ » rẻ tiền, nhưng đối với tuổi trẻ thời bấy giờ, thật là đầy ý-nghĩa, thơ-mộng:

*Chúc mừng Năm mới, tình yêu hoàn-toàn.*

*Chỉ Tặng anh thôi, của anh mãi mãi.*

Tuấn nghẹn-ngào nói không ra lời, nhưng cố nghĩ ra được vài câu thơ, rồi mượn bút mực viết trên một mảnh giấy:

*Một món quà Xuân, cảm xiết bao!*

*Lấy chi đền đáp nghĩa thanh-cao!  
Vái trời phủ hộ cùng thi đậu  
Lài, Thục, Trâm Anh, thỏa ước  
ao!*

Thơ học-trò mới tập tễnh còn ngây ngô vụng về, nhưng Tuấn chỉ cố hết sức nặn-nọt được thế thôi, và không biết nói gì hơn nữa. Bốn cô Lài, Thục, Trâm, Anh, cũng vui sướng ngắm thơ, reo cười nhộn nhịp. Tuấn để dành gói thuốc *Mé-lia* để Tết hút lén, (học trò thời bấy giờ không dám hút thuốc), và nhất là để

**Tiếng Pháp**

Chers enfants...  
Vous êtes de jeunes gens,  
Travaillez  
Et rappelez-vous  
Que le temps qui passe.  
Marche vite . . . . .  
Et ne se retrouve jamais.  
Quand on veut qu'il se rattrape.  
Arbres qui poussent,  
Sources qui coulent,  
Pierres qui roulent,  
Marquent le temps qui s'écoule  
s'écoule  
Un jour fuit  
Une bourse pleine d'or  
De notre trésor  
Finira alors, alors,  
tout autre bien ira encor,  
nous ne devons pas  
Perdre ce riche trésor.

khoe với bạn bè tấm hình *Mé-lia* hiếm có.

1924, phong-trào « Hát cải-lương » ở Nam-Kỳ mới tràn lan ra các tỉnh miền Trung, được dân chúng hoan-hô niềm nở. Tất cả học-trò Trung-học và Tiểu học, tất cả các Giáo-sư, đều thuộc lòng một bài « hành vân » bằng « tiếng Pháp » trích trong một tuồng « cải lương » của một đoàn hát cải-lương Sài-gòn đem ra diễn tại rạp Qui-Nhơn hôm trước Tết, như sau đây:

**Phiên - âm ra tiếng Việt,  
thành điệu « Hành vân » trong  
một tuồng Cải-lương**

Là sẹ cái dân phần,  
Là sẹ cái dân phần,  
Vu-dét đờ jờ-nờ-jân,  
tờ-ra... mà... ra vây đẽ,  
Ê-ráp-cái-pờ-lê vu  
Cờ lơ tân ki phạt  
Mạc-sờ sờ vit.  
ê nờ xờ rờ-tờ-ru-vờ j'á-me  
Cần tông vờ kin xờ rất-tờ-ráp,  
Ạc-bờ-rờ-ki-pút,  
Xuộc-xờ ki cun  
Pì-ẹ...cái...ki-rùn  
mạc cờ lơ tăng ki sẹ-cun, sẹ cun,  
Ừn jua fuy,  
Uyn-buộc-xờ-p-len-dò,  
đờ-nốt-tờ-rê-dò,  
phi-nia-ra ạ-lô ạ-lo.  
tú tốt tờ-rờ-biên ía-ra ân co,  
nú nờ... mà đờ vông pá,  
Pẹc-đờ-rờ xờ-rít trề-do.

Cả mấy cô học-trò con gái cũng đều thuộc lòng bài ấy, và một buổi trưa thanh vắng Tuấn đã được nghe cô Lại ở lớp Nhứt năm võng hát ru em bài « Là sẹ

**Tiếng Pháp**

Depuis que je te connais,  
jusqu'ici six, sept années,

. . . . .  
. . . . .  
v.v. . . . .

Thế là cả mấy ngày Tết Tuấn và mấy bạn học ở Huế về cùng nhau đánh đờn và hát toàn những bài hò và bản cải-lương trên kia, coi bộ khoái-trá lắm. Bà con cô bác trong tỉnh, trong làng cũng nghe say mê.

Mấy ngày trước Tết, từ thành thị đến thôn quê, ai nấy đều rộn rịp lo Tết. Mấy ông xã ông Chánh - tổng bưng lễ vật đi « Tết » các quan - Huyện Quan Phủ. Lễ vật phần nhiều là trứng vịt, đậu xanh, đường, nếp và trà tàu rượu tàu. Đôi khi có cả gà vịt nữa, hoặc bún, bánh tráng, mật ong. Các quan Huyện quan Phủ thì lựa các món quà Tết của Hương-lý, những món nào đắt tiền hơn và quý giá hơn, đem đi « Tết » các quan Tuấn Vũ, quan Tổng-dốc trên tỉnh. Các

cái dân phần...! theo điệu Hành-vân...

Tết về tỉnh nhà, Tuấn lại được nghe một bạn đồng hương ở Quốc-học Huế về, hát bài « Hò sông Hương » như sau đây :

**Bài hò trên Sông Hương**

Đờ-puy cờ jờ tơ cò-nét,  
juyt-ki-xì xít xệt tan-nê,  
ờ chàng, chàng ơi !... ờ chàng,  
chàng ơi . . . . .

ông này lại đem lễ vật đi « Tết » các Quan Tây : Công-Sứ, Phó-Sứ, v.v.

Mấy Thầy Thông, Thầy Phán làm việc bên « Nhà nước Bảo-hộ » muốn « lấy lòng » các Quan Tây, cũng bày ra « Tết nhưt », nhưng riêng từng cá nhân mỗi Thầy đem lễ vật Tết đến dâng các *quan xếp* « chefs » tùy theo số lượng và địa vị mỗi người. Họ Tết như thế chỉ có một mục-đích là hy-vọng được Quan cho tăng lương và được mau « thăng quan tiến chức ». Duy có Phán Tuấn, anh của trò Tuấn, không đi « Tết nhưt » ai cả. Theo phép xã giao, ngày đầu năm Tuấn đến chúc Tết hai vợ chồng ông Sứ mà thôi. Thế mà ông chủ tỉnh Pháp lại bằng lòng hơn. Ông bắt tay niềm nở chào Tuấn

mời Tuấn một ly rượu và khen Tuấn : « Tôi thích anh đến thăm tôi ngày Năm mới với tấm lòng thành thật như thế này hơn là các kẻ khác, cả các quan Annam, đem đến cho tôi rượu trà và bánh mứt, hàng thùng hàng két, tôi và vợ tôi không biết để đâu, và không biết ăn đến bao giờ mới hết ! Tôi muốn cảm tạng lễ - vật, nhưng sợ mếch lòng các quan Annam ! ». Thường thường các ông Tây đem các lễ vật kia cho lại bồi - bấp, chỉ giữ một vài món quý.

Chiều 30 Tết, Tuấn - em bác cuốc theo cha đi « dầy mã » ông bà. Xong rồi về nhà giúp cha đào một lỗ sâu trước sân, và ngay trước cửa nhà giữa, để trồng một cây nêu. Đây là một cây tre cao đã được lựa chọn trong những cây tre suông được và ngay thẳng nhất, róc hết lá, trên đầu cây có cột một túp lông gà và treo một lồng đèn bằng giấy dầu, đem thắp bằng dầu lửa trong một cái đèn nhỏ, cháy leo lắt suốt đêm.

Độ 6 giờ chiều, ông Ba Thọ Mộc, cha trò Tuấn, và con trai trưởng là thầy Phán-Tuấn (Anh Tuấn) thắp đèn hương trên bàn thờ để cúng Ông Bà một lễ tất-niên. Mâm cơm cúng đã dọn lên trên bộ ngựa kê ngay trước bàn thờ. Anh-Tuấn đã dọn dẹp bàn thờ sạch - sẽ từ buổi sáng, và

chưng trên đó một bình bông, thường là hoa đuôi-phượng, hay hoa vạn-thọ, hoa cúc, hoa huệ, tất cả đều có ý nghĩa tinh-khiết thanh-cao hoặc trường-cửu. Ít có ai cắm hoa hồng hay các loại hoa khác. Đôi khi người ta cũng đặt một ngọn cây chuối con trên một cõ - bàn và cắm kín chung quanh ngọn chuối những bông trường - xuân màu tím, và bông vạn-thọ, màu vàng. Cây chuối tượng-trưng tình hiếu thảo của con cháu. Anh - Tuấn cũng đã đặt trên bàn thờ một hộp thau đựng sáu miếng trầu têm sẵn với sáu miếng cau tươi và một tách nước lạnh thật trong « đề ông bà súc miệng », hai ly để đựng rượu, và một bình trà với bốn năm cái tách. Lư trầm đặt ngay giữa bàn thờ, trước bức chân-dung của ông bà, hay một bài vị nếu không có hình ảnh.

Cúng tất-niên xong là đốt pháo. Đây là một việc mà Tuấn - em thích nhất. Nghĩa là không bao giờ Tuấn dám tự mình đến gần châm lửa đốt, mà chỉ ngồi xa xa, chờ xem người khác đốt, và bịt tai nghe văng-vẳng tiếng pháo nổ chát-chúa đờn-dập buổi cuối năm, và nhìn xác pháo đỏ bay rụng ngập đở thêm nhà.

Chiều Ba-Mươi-Tết tâm-hồn Tuấn cũng nôn-nao chờ đợi Tết như ai ai...

(còn nữa)  
N V.



癸  
亥  
年  
春  
日  
寫  
於  
家  
林

春日感懷  
雲杉徒勞夢寐頻  
寒梅忽報定江春  
曉眸宇宙烟烽散  
聯日河山景色新  
門外紫江爭用熱  
庭前玉竹播芳芬  
兒孫解聚未春喜  
故鄉心減幾分

### xuân nhứt cảm hoài

Vân thơ đờ lao mộng mị tần  
Hàn Mai hốt báo Định-giang Xuân (1)  
Ngưng mâu vũ trụ yên phong tán,  
Thuấn mục hà sơn cảnh sắc tân.

Môn ngoại pháo lân tranh não nhiệt,  
Đình tiền hoa thảo bá phương phân,  
Nhi tôn quần tụ tranh lai chúc,  
Cơ quận hương tâm dăm kỹ phần.

DỊCH :

Giấc mộng hương quan mẩn dăm lần,  
Bên thềm Mai nở, ủa kià xuân!  
Ngước lên vũ trụ trời mây rạng,  
Ngắm lại hà sơn cảnh sắc bừng!  
Hồng tía rộn-rạng vang trước ngõ,  
Cỏ hoa thơm-ngát tỏa đầu sân.  
Quây-quần con cháu mừng thêm tuổi  
Cảm thấy lòng quê nhẹ mấy phần

(1) Định-giang : sông Gia-định.



★ Bà SONG-THU  
(Gia-định)

### hờn xuân

Lại mùa xuân nữa khách ly hương  
Xuân biết chẳng ai khách đoạn trường  
Đăm-thấm lòng quê khôn gởi nhận  
Bơ-phờ mái tóc đã pha sương  
Một trời Nam Bắc cùng chung tỏ  
Đôi ngả non sông khéo rẽ đường  
Ngắm cụm mai vàng bên án sách  
Mơ bông mai trắng cách trùng dương



### phá sầu

★ TƯƠNG-PHỔ

(Nha-thành, xuân ly hương 1962)

Trùng dương sóng gió tấp về đâu?  
Hãy cuốn phăng đi vạn cỏ sầu!  
Chén rượu chưa khuấy người hội trước (1)  
Câu thơ còn vắng khách duyên sau;  
Cái ta đã có trong trời đất,  
Tắc dạ chỉ sờn cuộc bể dâu;  
Giữa cõi phù sinh ngày thắm-thoát  
Bút hoa riêng ước mãi tươi màu!

(1) Khuyến quán tu tận nhất bởi từ  
Dữ ngã đồng tiêu vạn cỏ sầu  
ĐƯƠNG-THI

Nghĩa đen :

Khuyến anh nên cạn một chén rượu  
Vớ ta cùng khuấy sầu vạn cỏ

### xuân

### ★ ĐÔNG-XUYÊN

Hoa cười, én liệng, nước-non xuân.  
Tựa gác nghênh-xuân, rượu một tuần  
Mơ-mẻ muốn chiêu hồn Tô-quốc,  
Chập-chờn như mấy bóng Đông-quân!  
Sử ghi thế-sự thêm bao đoạn...  
Thơ vịnh thiều-quang gọi mấy văn.  
Hỡi bạn đầu xanh, người tóc trắng,  
Vui xuân, xa sách lại cho gần!!

(1963)



VAO dịp cuối năm, Hùng Linh nhận được một món quà từ Thái-Lan gửi về.

Chàng vô cùng thích thú, vì lần này không phải là một chiếc « cà vạt » bằng lụa thượng hạng hay cái thắt lưng bằng bạc chạm trổ tinh vi, mà là một tặng phẩm bằng xương bằng thịt. Một con Mèo Xiêm tuyệt đẹp.

Đặc biệt nhất là con mèo này, theo lời người bạn anh ở Thái Lan cho biết, lại thuộc vào dòng dõi « danh miu ». Nó là con gái đầu lòng của Nàng Mèo Xiêm Lilac đã từng dự cuộc triển lãm Quốc tế về Mèo, kỷ thứ 35, vào những ngày 20, 21, 22 tháng 10 năm 1960 tại Pháp quốc.

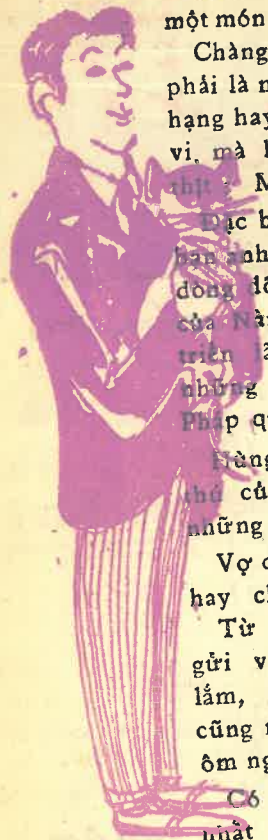
Hùng Linh tuy còn trẻ tuổi nhưng lại ra cái thú của các cụ già : nuôi các loại chim, cá lạ và những giống chó và Mèo quý.

Vợ của chàng, cũng còn trẻ và đẹp lắm, vốn hay chiều chồng nên cũng thích lây.

Từ ngày nhận được con Mèo từ đất Thái gửi về, cả hai vợ chồng có vẻ « cứng » nó lắm, thứ nhất là Hùng Linh, đi đâu chàng cũng nói về chuyện Mèo và về đến nhà là chàng ôm ngay nó vào lòng vuốt ve, âu yếm.

Có thể nói là trên đời này chàng đã « cứng » nhất vợ, nhì Mèo.

Trong một cuộc họp mặt, đông đủ các bạn



# MÈO ANH ĐÂU ?

## MÈO ANH ĐÂU ?

bè, tại nhà Hùng Linh, chủ nhân đã lấy làm vinh dự giới thiệu cô Mèo đất Thái. Mọi người cùng vỗ tay tán thưởng, rồi những câu hỏi thì thảm, ý nhị truyền từ cửa miệng người này qua cửa miệng người khác :

— «Mèo» anh đâu ?

— «Mèo» anh đâu ?

Bữa tiệc về Mèo đã sắp tàn thì một người bạn của Hùng Linh đã đứng lên, sau đôi lời cảm tạ, xin phép chủ nhân và toàn thể những người có mặt để đặt tên cho cô Mèo quý là «Thái-Lan phi».

Người ta không cần tìm hiểu những ý nghĩ thâm trầm, sâu-sắc người đã sáng tác ra cái tên đó, và dần dần « Thái-lan phi » đã trở thành cái tên khá quen thuộc đối với Hùng Linh.

Trên dòng thời gian luân-chuyển, Xuân mới đã về khắp nơi và Thái-Lan

Phi với bộ lông trắng mượt nõn nà, cái đuôi dài uyển-chuyển, đôi mắt trong xanh cũng được nhiều vẻ xuân sắc đáng yêu.

Ông bạn cũ, « tác-giả » cái tên « Thái-Lan phi » lại tới thăm vợ chồng Hùng-Linh, sau những lời chào mừng thường lệ, đã hỏi ngay :

— Mèo anh đâu !

Hùng-Linh lấy làm lạ, không hiểu vì sao tác-giả sáng tác ra cái tên « Thái Lan phi » lại không xử dụng cái « quyền » sáng tác của mình.

Chàng nhắc khéo tới cái tên đã quá quen thuộc với chàng :

— Tôi không có mèo, chỉ có Thái-Lan phi thôi !

★

Chàng lại càng lạ hơn nữa, là sau buổi gặp gỡ với ông bạn quý ấy, thì vợ chàng cũng hết xài cái danh hiệu mỹ - miếu «Thái-Lan phi» và thỉnh thoảng lại hỏi dồn chàng ít câu :

— Mèo anh đâu ?

— Mèo anh đâu ?



★ Anh-Vũ TRẦN-VIỆT-QUANG



Dù đây là một câu hỏi đùa, để chỉ Cô mèo Thái Lan chính công 100 phần trăm, nhưng đôi khi Hùng-Linh cũng không khỏi ớn xương sườn, lạnh tóc gáy vì nhớ ra « bà xã » lại hiểu lầm, suy rộng ra, dùng danh từ « Mèo » để ám chỉ một con « Mèo 2 chân » nào đó, thì thật là nguy hiểm chí nguy !

Chàng suy nghĩ, cố tìm hiểu những nguyên do mà loài người đã liên tưởng từ Con Mèo, một con vật đầy vẻ bí ẩn nuôi trong nhà, để khai sinh ra danh từ « Mèo 2 chân » sống lén lút khắp các phố phường.

Danh từ « Mèo » ngày nay đã trở thành thông dụng và nêu nó là « cục cưng » của quý ông có biệt tài đi săn lẻ, thì nó lại là « một mỗi hạn ngàn thu » đôi với các bà.

Thời thì tha hồ để các bà tặng cho nó đủ thứ xâu nhát trên đời, kể cả món « acít », cũng giống như nhà bác học Buffon đã gán cho con Mèo chính tông biết bao nhiêu nhận xét và bình phẩm toàn là những lời không tốt đẹp.

Người ta chưa rõ danh từ

« Mèo » đó đã xuất hiện từ bao giờ và ai đã khai sinh ra cái tên đã làm chần động cả làng sơn phần lẫn giới mày râu.

Chàng nhớ lại trong ca dao Việt-Nam có câu :

*« Gió đưa ông Đội về kinh  
Bà Đội thương tình cấp nón  
chạy theo*

*Ông Đội đòi cưới : ba heo  
Bà Đội đòi cưới : con mèo  
cụt đuôi ! »*

Con mèo đã trở thành một vật thách cưới, đã có liên quan đến việc duyên tình.

Nhưng trước đó thì mèo chỉ có một công dụng duy nhất là bắt chuột :

*« Con mèo mà treo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu  
vắng nhà... »*

Ở đâu có chuột là có mèo.

Cũng như trước đây hàng ngàn năm tại Ai-Cập, chuột là một tai họa cho dân chúng. Nó gặm hết áo quần lại phá hoại mùa màng, nên dân Ai Cập đã phải nuôi mèo để trừ chuột.

Mèo đã được người Ai-Cập coi ngang hàng với các vị thần tượng vì có công diệt chuột,

trừ một tai họa cho dân chúng thời bấy giờ.

Dân cư dọc theo bờ sông Nil đều được lệnh của các triều vua Pharaon cấm không cho một con mèo nào được « xuất ngoại ».

Người Hy-lạp tới buôn bán tại xứ này, thỉnh thoảng có dụng ý muốn đưa về nước một vài con vật nhỏ xinh xinh ấy, nhưng không làm sao lọt qua được sự canh gác cẩn mật và kiểm soát chặt chẽ của các cảnh sát viên tại các bến tàu.

Vì thế Ai-Cập vẫn giữ « độc quyền » về Mèo cho tới khi người Ả-Rập ó-ạt kéo tới.

Dưới danh hiệu một cuộc thánh chiến, kỵ binh của Allah đã chiếm miền Địa-Trung-Hải, cả Tây-ban-Nha và miền Nam nước Pháp nữa.

Allah có một con Mèo cái tên là Muezza. Ông ta xem như một « cục cưng » và luôn luôn đem theo bên mình.

Người ta kể lại rằng, một hôm Muezza nằm cuộn tròn đánh một giấc ngon lành trên vật áo của Allah.

Allah đã cưng nàng Muezza quá xá nên khi tới giờ đi dự họp với bà quân, liền truyền cho các thị vệ lấy kéo cắt ngay vật áo của mình, để khỏi động đến giấc ngủ ngon lành của « Mèo Cưng ».

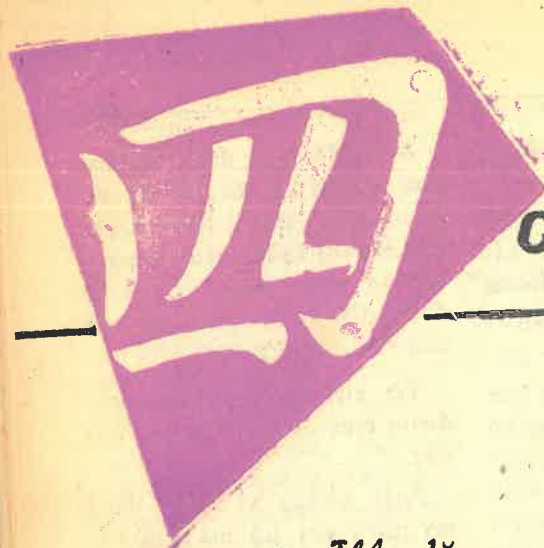
Từ xưa tới nay, Mèo vẫn được mọi người « cưng » hết sức.

Phải chăng vì hình dáng mỹ-miệu với bộ mã màu sắc đẹp đẽ, với đôi mắt sáng long lanh, với chiếc đuôi dài tha-thướt, hay những tiếng « rē, rē », ti-tê, êm-âm, một khi nằm sát cạnh người, hay là những cái uồn mình uyển-chuyển nhịp-nhàng theo bàn tay vuốt ve sờn-trón, hay những điều bí ẩn gì khác... mà « Mèo » dùng chỉ một con vật nuôi trong nhà để bắt chuột đã trở thành một « cục cưng » của Allah, một món đồ quý thách cưới trong ca-dao và một danh từ bắt hủ, khá phổ-thông trong câu hỏi động trời :

— Mèo anh đâu ?

Giữa thời đại nguyên-tử này ?

• Anh-Vũ  
TRẦN-VIỆT-QUANG



C H U

# TỨ

★ Thân-Vấn

**T**Ứ là bốn. Nhưng số bốn có tốt có xấu, có hư có nên.

Tốt mà thịnh-vượng cỏ cây, an vui nhân vật, thì nhờ tứ thời : xuân, hạ, thu, đông, nảy ra tứ quý : quý xuân, quý hạ, quý thu, quý đông.

Xuân thì oanh én hát-ca, mai lan đua nở. Hạ thấy lê khoe vẻ đẹp, sen nức mùi hương. Thu, nhìn nước biếc trong veo, ngắm trăng trong tỏ-rạng. Đông, tuyết diềm đầu non mà non bạc, giá trôi mặt nước mà nước đông.

Bốn mùa ấm-lạnh đồng đều, mưa hòa gió thuận. Xuân-hạ tượng dương, thu đông tượng âm, âm dương hòa hiệp mà sinh ra muôn vật, biến ra ngàn cảnh.

Đó là chuyện trời đất mà chữ Tứ được tốt.

Rồi trong cảnh yên-vui người ta nhàn-rỗi mà làm thi, xem sách, đọc tứ-thơ, tứ truyện : Đại-học, Trung-dụng, Luận-ngữ Mạnh-Tử, noi theo gương thánh hiền mà dọn mình cho trong sạch để xử thế, lập thân, không phải là vô ích vậy.

Vạn vật sanh ra bởi âm-dương phối-hợp và con người mở-mang nhờ truyền-sứ sách-kinh, rồi trai tâm-chí thì hồ thì tứ-phương, gái tiết-trình thì giới-trau tứ đức (công dung ngôn hạnh) cũng một chữ Tứ. Rồi trai vậy, gái cũng vậy, lấy lễ-nghi mà ở, chọn nghề-nghiệp mà làm, mới chia ra tứ dân là sĩ, nông, công, thương. Học để

## CHỮ TỬ

trị nước, cày có lúa ăn, dệt có áo mặc, buôn có tiền vô, làm cho nước giàu dân mạnh. Tứ như thế là tứ ích.

Lại có người chán danh cương lợi tỏa mà vui theo tứ-thú : ngư, tiều, canh, mục, quanh năm, suốt tháng, linh-đỉnh mặt biển chơn trời, qua lại đàng dê dậm thỏ, giữa đồng ruộng hát câu, trên lưng trâu thổi sáo, dầu không lợi nhân chớ cũng chẳng hại người.

Lấy đạo đức tu thân, lấy lễ-nghi xử thế, có chết đi, không vào cảnh Tiên-Phật cũng được dựa chơn thánh-thần mà vào hàng Tứ bất-tử.

Nói chữ Tứ nên tốt không khỏi bắt qua chữ Tứ xấu hư.

Nhớ lại đời Đường-Ngu bọn Tứ-hung là Cung-Kỳ, Hồn-Đôn, Thao-Thiết và Đào-Ngột, chỉ vì bỏ chánh-đạo mà mang tứ-chướng, cứ chuyên tâm làm dữ, quên hết điều lành. Tứ ấy là vô-nhân, vô-dụng, xấu-xa, hư nhà hại nước.

Rồi tới đời này, nước Việt ta lại nảy sanh bốn cái hư-nát cho xã-hội là Tứ đồ-tường : tửu, sắc, tài, khí. Ai lại không biết : rượu đốt gan tuấn-kiệt, sắc nghiêng nước nghiêng thành, tài tan-nát cửa nhà, khí hao-mòn thân-thể, thế nhưng người đời ngu-muội lấy đó làm vui-thích, chỉ thấy cái sướng gần mà mù-quáng cái

nguy xa, chỉ ham cái vui nhứt thời cho mình mà quên cái hại nghìn đời cho nước. Nếu tai-hại tứ-đồ-tường lan-tràn trong nước thì họa diệt-vong không tránh khỏi có ngày, cho nên cường-sĩ tôi lấy làm vui-sướng khi nghe đóng cửa sòng bạc, dẹp xóm Bình-khang, đập mâm đèn hút.

Hoan-nghinh ! Hoan-nghinh !! Hoan-nghinh hoai !!!

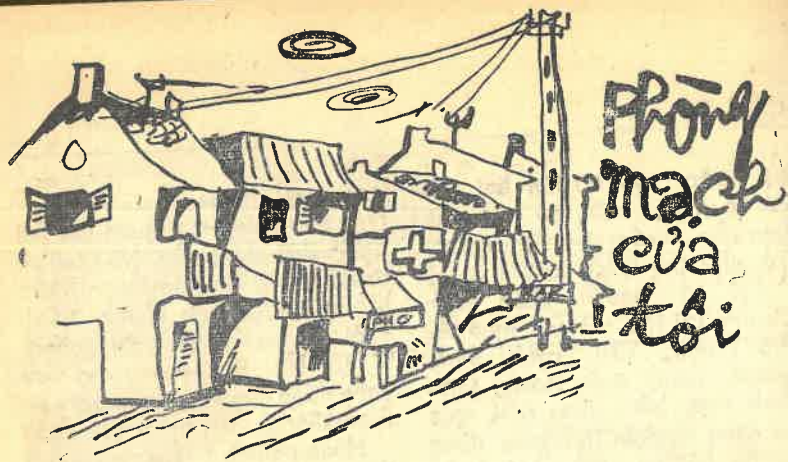
Song không khỏi nghĩ tới đời sống còn của hạng người sa-ngã mà lấy làm thương-hại. Rồi cái trí điên nảy lại nghĩ một phương-pháp để cứu-chữa họ : Bơm bạc thì đưa vào các ngân-hàng cho họ tha-thiết với bạc tiền, gái điếm thì cho vào các nhà bảo sanh tập cho họ biết sanh con đẻ cháu, bơm hiền thì bắt họ học vô-tuyến truyền-thanh để họ trau-giỏi nghệ-thuật truyền tin thất thiệt, và sau rốt bơm nhậu thì gửi họ vào sở nuôi heo để họ góm hèm mà bỏ rượu.

Cải-hóa được bốn hạng người ấy cho họ trở về với bản-căn thiện là nâng-cao trình-độ và tinh-thần dân-tộc Việt-nam, làm cho nước Việt mở mặt với tứ-cường, tứ phương, tứ hải, rồi tứ dân sẽ an-hưởng thái-bình mà vui tứ thú trong tứ thời.

Luận tốt luận xấu rồi nghĩ tới mình « tứ cố vô thân » không hiểu sẽ nên hư thế nào ?

★ THÂN-VẤN





**P**HÒNG mạch của tôi ở một nơi mà ai biết địa chỉ tìm được cũng còn mệt.. Một cây cao to tướng, cành lá um tùm che hết cả cái biển... Lá rụng suốt ngày. Có một miếng đất đằng trước thấp quá, khi trời mưa xuống thì là cảm tộ sự lụt lội, bệnh nhân lá trời vì phải tụt giầy đi dẫm... Một cái bar thò ra vỉa hè đằng ba thước che lấp bên phải và bên trái song song với cái bar, anh hàng phở lập cơ sở của anh ở đó, cũng ở vỉa hè, với gánh phở và bàn ghế, lại thêm cái giường con ở đằng sau để vợ con anh nằm. Dưới gốc cây đằng trước một quán bán sách nhỏ, một xe bán đồ giải khát, một anh chữa xe đạp và cyclo máy, và mấy hôm nay thêm một anh bán bánh mì... « Vỉa hè công cộng mà!

bác-sỹ này có bày hàng, bày họ gì đâu mà sợ, ta cứ ngồi đại đi, bao giờ đuối thì sẽ liệu sau ».. Tôi chắc lúc đầu họ nghĩ thế... Và chưa thấy tôi tỏ thái độ gì từ bao lâu nay nên họ cũng vững tâm và không nghĩ đến chuyện đi chuyển nữa. Họ có biết đâu rằng chỉ một tiếng gọi giầy nói phần nà ra quận là ngay ngày hôm sau đằng trước cửa phòng mạch tôi sẽ được phong quang sáng sủa và người đi qua lại nhìn rõ và sẽ chú ý nhiều hơn.

Họ không biết, hay biết nhưng cứ liều như không biết. Còn tôi, tôi biết lắm! Đã có lần tôi rất bực mình về sự họ không những bác vầy tôi bất hợp pháp lại còn bầy bừa rác bần ra nữa... Tôi đình rờ đến cái máy điện

## PHÒNG MẠCH CỦA TÔI

thoại, nhưng không hiểu sao tôi lại thôi. Và đã thôi một lần nên từ đó tôi cứ thôi mãi, thôi đến bây giờ...

★

Hôm nào mời bạn đến chơi phòng mạch tôi, hôm nào bạn rồi việc một buổi chiều nào được nghỉ càng hay. Tôi sẽ không mặc cái blouse để đóng vai bác-sĩ, tôi sẽ



★ *Bác-sĩ Anh-Tuấn*  
**NGUYỄN-TUẤN-PHÁT**

mặc áo sơ-mi cụt tay để đón bạn. Chúng mình ngồi cạnh nhau ở hai chiếc ghế ngồi đọi và chúng ta cùng nhìn ra đường nói chuyện cho vui.

Tôi sẽ chỉ cho bạn :

— Đây cái bar, cái bar che lấp phía bên phải phòng mạch tôi. Trong cái bar đó bạn sẽ thấy những cô con gái từ mười tám đến hai mươi lăm. Cô nào cũng ăn mặc sạch sẽ, mặt phấn sáp, môi hồng. Anh sẽ nhìn các cô ấy, các cô ấy sẽ nhìn lại anh nghiêm chỉnh. Nhưng nếu anh là một khách hàng tiền tới,

anh sẽ được tiếp đãi niềm nở bằng những đôi mắt l ng - lanh, bằng những nụ cười, bằng những tiếng nói sang sảng... Anh gọi gì sẽ có ngay, các đồ giải khát, một vài thứ để nhậu nhẹt, và một ít hoa quả tươi tốt. Và nếu anh đói muốn ăn phở, cô ta sẽ sang ngay anh bán phở bên trái mua cho anh một tô

nóng hồi đem về. Anh uống bia và mời cô ta uống... Cô ta sẽ uống với anh một cốc, hai cốc hay một chai, hai chai, nếu anh cứ mời mãi, anh không say mà cô ấy thì say... Anh không say vì anh quen uống rồi, và cô ấy vẫn cứ say dù hàng ngày đã quen uống. Biết là say nhưng vẫn cứ uống và phải cố uống như thế mới được một vài đồng bạc thêm vào cái tiền lương hàng ngày quá ít ỏi... Khách đi rồi... giọng cười tiếng nói đã tắt... Dọn dẹp xong, nét

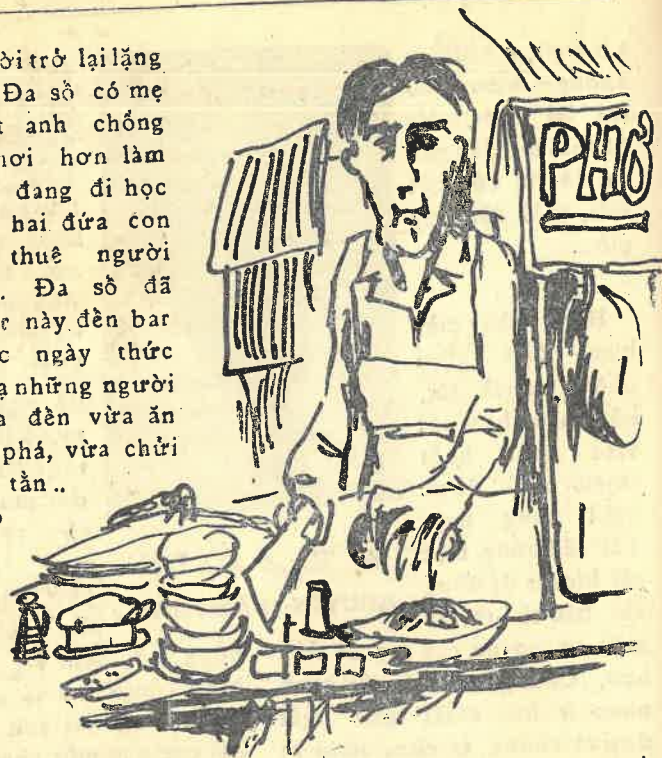


mặt tươi cười trở lại lặng lẽ u buồn... Đa số có mẹ già, có một anh chồng thích ăn chơi hơn làm việc, có em đang đi học và có một hai đứa con nhỏ phải thuê người trông nom. Đa số đã chạy từ bar này đến bar khác, thức ngày thức đêm, hầu hạ những người đôi khi vừa đèn vừa ăn uống, vừa phá, vừa chửi bới tục tằn..

Nhưng họ phải nhận nhục, và hầu hạ, và tươi cười..

Bị chửi nhưng có

miếng ăn, miếng ăn cho mẹ, cho con, cho chồng, cho em... Bị chửi có nghĩa lý gì trước sự đói khổ của cả một gia đình. Anh nhìn kỹ xem, anh nhìn kỹ với tôi... Đôi mắt này mờ vì thiếu ngủ... Đôi mắt kia có vẻ lo lắng vô cùng... Nét mặt kia xanh rờn và chân đi run lẩy bẩy vì mới để được nửa tháng Không ai nhìn ai, không ai cười nói với ai... Hiểu cảnh



của nhau quá rồi mà... Còn để dùng sức của mắt mà nhìn khách chứ, còn để sức của miệng mà cười và còn để cái bụng đói uống rượu, uống rượu thật nhiều và có tiền thật nhiều... Thật nhiều là bao nhiêu, là vài chục bạc trong túi để đi về trong đêm khuya chệnh choạng, chệnh choạng, để tìm to ra, để gan quắt lại... Một ngày họ làm việc anh ơi

chỉ bằng tôi làm trong 10 phút có khi 5 phút, khi tôi chỉ phải viết một cái giấy chứng nhận sức khỏe cho trẻ con đi học... Vào địa vị tôi, anh có can đảm bảo họ dẹp cửa hàng của họ không? Thú thật với anh, khi họ đồng khách tôi còn dám nhìn họ, nhưng khi họ ngồi thân thờ chán nản với thân phận thiếu não của họ, tôi cúi đầu không dám nhìn họ... và chỉ biết lặng lẽ lên xe đi thẳng, lòng ngao ngán vô cùng...

\*

Và đây anh hàng phở...

Anh hàng phở mà hơn một năm nay chưa bao giờ tôi thấy anh mặc một chiếc quần áo mới, chưa bao giờ tôi thấy nở một nụ cười của con người mà trong lòng được thư thái. Và cũng chưa bao giờ tôi thấy chân tay anh không vận động... Kia anh trông anh ày kia kia, con người mảnh khảnh, mặt sạm nắng, chân tay đen thui... Anh đang mở vung xem lại nồi nước dùng, anh cúi xuống rút bớt ít than... anh sắp mấy cái bát vào trong giỏ... anh thái thêm một ít ớt, một ít hành... anh liếc qua mấy mi-nh thật yên lặng lòng thông ở trước mặt anh... anh đi ra

phía sau vài bước, rút ở dưới gầm cái ghế bồ trên đó con anh đang ngủ, một chậu thau quần áo... Anh giặt xong chậu quần áo, anh phơi trên cái giầy căng ngay tại chỗ... Anh lại quay ra mở xem nồi nước dùng... Anh thấy chưa? Tôi chưa bao giờ thấy anh dừng chân dừng tay, tôi chưa bao giờ thấy anh ngồi nghỉ... Mặt anh không có một nét động... Giả sử anh ngồi một chút thôi... ngồi mà nhìn trời, nhìn đất, ngồi mà nhìn trước mặt anh thì nét mặt anh chắc thê thảm và buồn bã biết chừng nào. Nhưng anh không ngồi nghỉ, anh không để chân tay không... Anh lại ra cầm cái quạt phe phẩy mấy cái cho con anh... Tỉnh thoảng vắng khách và buồn, tôi cũng ra nói chuyện với anh năm ba câu cho quên thì giờ... Tôi được anh cho biết buổi sáng, buổi chiều và buổi tối khi trời tạnh ráo, anh cũng có khách ăn, dạo nào đồng khách thì anh đủ sống, vì gia đình anh rất nặng, nhưng dạo nào mưa nhiều thì chỉ hòa vốn là may, không thừa tiền để chi tiêu tiền chợ búa... Anh thường nói với tôi: « Phở muốn ngon, phải đồng khách... » Lẽ tất nhiên rồi... Và anh thừa biết phở của anh,



anh không thể làm ngon theo ý muốn của anh được. Anh khờ tâm lắm khi anh phải thái những miếng thịt đã bắt đầu ngả màu xám chung quanh vì thể anh không bao giờ quên, khi thái xong, dúng qua vào nổi nước dùng cho nó tươi lên một tí. Thật là vất vả, tội nghiệp và đáng thương! Đáng thương khi người ta cố gắng, khi người ta cố thiện chí, khi người ta lành nghề mà vẫn phải bó tay... Tôi chắc đã nhiều lần, anh đã phải kêu trời lên rồi... Nhưng trời xa quá, làm sao nhìn thấy gánh phở bên đường với đàn con mắt trời chiếu đất..

Vì thế cho nên, bao giờ tôi cũng nhìn anh ấy với cái nụ cười... Và đã có lần anh ấy đã nhoen miệng cười với tôi... Nụ cười của mẹ tôi, của vợ tôi, của con tôi, tôi quen quá rồi.. Và tôi cũng đã quen quá rồi những nụ cười của các ông « xếp » tôi khi bằng lòng tôi, hoặc nụ cười của những người giúp việc tôi khi tôi khen, ngợi khuyến khích... Nhưng quý sao bằng.. quý sao bằng nụ cười của anh bán phở chịu khó kia... Cười với tôi lần đó, tôi đoán anh nghĩ rằng trong những hạng người sung sướng hơn anh nhiều vẫn còn có người có thể « xài »

được. Tôi quên làm sao cái nụ cười bắt hủ kia, cái nụ cười « san bằng giai cấp » dù chỉ trong khoảnh khắc của một nụ cười.

★

Cách đây ít lâu, một anh bạn tôi khuyên tôi nên đi chuyên phòng mạch đèn phờ nào quang đặng, sáng sủa hơn, vì anh bảo chỗ tôi làm việc âm-u, thiếu vệ-sinh, anh lịch sự không muốn nói là dơ bẩn.

Thật tình anh có bụng tốt với tôi và muốn cho tôi làm ăn khá hơn, đường hoàng hơn.. Tôi thành thật cảm ơn anh và trả lời sẽ xin để ý những lời của anh khuyên bảo...

Nhưng bỏ nơi này, là bỏ biết bao nhiêu kỷ niệm buồn buồn, lạnh lạnh, thương thương... Tâm hồn tôi còn đang thích những cái buồn buồn, lạnh lạnh, thương thương ấy thì làm sao tôi có thể đi chỗ khác được? Chỗ khác sáng sủa hơn thì còn đâu được thầy nữa.. thầy nữa anh hàng phở suốt ngày làm việc hơn con bò và em bé bán bar mới chỉ có mười tám tuổi đầu mà trời ơi đã hàng ngày phải say.. say... say...

● Bác sỹ ANH-TUẤN

NGUYỄN TUẤN-PHÁT

**BÉ BANG**



**T**HÚY đẹp lắm! đẹp dịu-hiền lại ngoan, con nhà giàu, giàu nhất trong-tỉnh. Rất nhiều chàng trai anh-tuấn trong hoặc ngoài tỉnh say mê nhan sắc diễm-kieu của Thúy. Thúy được tiếng dật chồng từ thuở mười sáu. Thế mà oái-oăm thay! Đã ba chục lần xuân qua... Thúy vẫn còn lẻ bóng!

Người con gái xinh như mộng mười mấy năm về trước, giờ đây không khỏi ngậm-ngùi khi tự thấy sắc đẹp của mình tàn-tạ dần theo thời gian. Một mình một bóng, trước mảnh gương mờ đọng bụi, hai gấn lệ u-buồn từ từ rơi trên đôi gò má nhạt màu hồng.

★

Thúy còn nhớ rất rõ ràng. năm Thúy còn học lớp nhất trường nữ tiểu học, đã có nhiều người đem lễ vật tới nhà nàng xin cưới Thúy làm vợ. Lúc bấy giờ Thúy còn dại lắm! Nàng chẳng quan-tâm đến việc lưá đời.

Cho đến năm Thúy hai mươi hai tuổi, tuổi trưởng thành. Nàng đã bắt đầu lo đến tương-lai.

★ HOA - PHƯƠNG





Thúy lấy làm lạ! Tại sao đã nhiều lần có người tử-tế muốn gây dựng hạnh-phúc với nàng mà cha mẹ nàng đều từ chối, lại không bàn qua với Thúy một lời nào. Thúy đâu biết rằng cha mẹ nàng đã quá tin vào cái tài sản to lớn của các người, mà cứ cho là tất cả ai nấy cũng đều trông vào cái núi của kếch-sù của mình. Các người vẫn tự hào: Con của họ đẹp, nhà họ giàu, họ tha-hồ kén rề. Khỏi kè chiều lụy, lo gì ẽ mà gả vội, gả vàng cho người ta, hãy thông thả.

Cha mẹ Thúy đã vô tình giết mòn tuổi thanh xuân của nàng. Và, sở dĩ cha mẹ Thúy không muốn cho nàng gặp mặt những người đàn ông, đã muốn cưới Thúy làm vợ là vì các người sợ rủi ra con gái của mình nó gặp người ta, lỡ hạp nhãn nó, nó thương mà mình không gả thì khó lòng. Chi bằng mình không cho con nó hay biết gì cả là thương sách.

Ừ, khi Thúy còn non dại, Thúy chưa phân biệt phải trái, nàng cũng chẳng cần biết người đàn ông ấy thế nào? Sang hay hèn? Có đẹp trai không? Có tài giỏi không? Tất cả mọi vấn đề

về hôn-nhân đều vô nghĩa đối với tuổi thơ ngây.

Nhưng bây giờ, Thúy đã lớn, Thúy tò-mò muốn biết người đàn ông có nhà ý muốn cùng nàng trăm năm chung sống. Nàng chưa biết người ấy, mà chỉ nghe phong-phanh rằng người ta là một luật-sư Thúy nghĩ thầm: luật-sư-ắt phải học rộng, tài cao; thế tại sao cha mẹ mình lại từ chối. Cha mẹ đã muốn dẫu, chả lẽ mình là gái lại gọi ra vặn hỏi.

Tuy vậy, hình ảnh người đàn ông chưa một lần gặp gỡ, cứ ám ảnh nàng mãi. Tuổi hoa niên nhiều mơ mộng. Cho nên đã có lần Thúy tưởng-tượng người ấy chắc còn trẻ lắm! Có lẽ chàng có một vóc người tầm-thước, mặt mũi khôi ngô, đi đứng đường hoàng, và tiếng nói chắc là hùng-hồn lắm! Luật-sư mà lỵ... Có đêm, trong giấc ngủ Thúy đã mơ thấy một đám cưới tưng-bừng tiếng pháo nổ. Mà cô dâu chính là nàng, chàng rể chính là nhà luật-sư.

Mấy tháng qua... với bao mộng đẹp! Đã bao lần người con gái bẽn lèn khi tỉnh giấc mơ hoa!

Nhưng rồi người ấy không đến nữa! Người ta không đến

nhà Thúy nữa, song Thúy đã lỡ yêu rồi! Thúy thầm mong ước được một lần gặp gỡ người nàng yêu.

Một dịp may đã đến..

Tuấn, nhà luật-sư ấy đã trở lại tỉnh Bến-Tre. Chàng trở lại không phải để đi hỏi vợ mà là để lên diễn đàn thuyết-trình vấn-đề nhân-quyền.

Thúy mừng quá! Nàng sửa-s soạn trang điểm rất đẹp và lòng hân hoan đến dự-thính.

Trên diễn đàn Tuấn say sưa hùng-biên. Dưới hàng ghế thính giả Thúy nhìn chàng không chớp mắt. Nàng đề ý từng cử chỉ, từng lời nói của Tuấn. Chao ôi! sao mà Tuấn đáng yêu thế! Nhất là sau những tràng vỗ tay tán thưởng của thính giả, Tuấn đáp lại bằng một nụ cười mới dễ thương làm sao! Quả thật Tuấn rất xứng đáng là người chồng lý tưởng của Thúy: Thúy thấy lòng tràn ngập yêu đương. Nàng không khỏi phiến trách cha mẹ nàng đã quá khó khăn. Nhất định Thúy sẽ cố can-dảm nài nỉ van xin cha mẹ Thúy chấp thuận cho việc cầu hôn của Tuấn với nàng.

Rồi nàng sung-sướng nghĩ đến

một ngày nào gần đây, nàng sẽ cầm tay Tuấn mà giới thiệu với chị em bạn cùng lứa tuổi rằng: « đây anh Tuấn của em... »

Buổi diễn thuyết chấm dứt. Thính giả lần lượt ra về. Thúy như còn luyến tiếc! Nàng hy-vọng Tuấn sẽ nhìn thấy mình để cho hai người được dịp thò-lộ tâm tình. Giữa lúc đó, trong đám đông thính giả, một thiếu nữ duyên dáng trong bộ đồ lụa trắng, dịu dàng đến bên Tuấn mỉm cười nắm tay chàng.

Thúy trở mắt nhìn sững - sốt. Người bạn gái cùng đi với Thúy bấm nhẹ vào vai Thúy và khẽ nói:

— Vợ sắp cưới của Tuấn đấy, vừa mới ăn hỏi tuần trước. Đẹp đấy chứ Thúy nhỉ?

Thúy không trả lời nàng thấy tối-tăm mặt mũi, tay chân bủn-rũn rồi ngã quỵ bất tỉnh.

Tuấn lẻ làng chạy đến cấp cứu người ngộ bệnh. Thúy tử-tử mở mắt, nghe - ngào nhìn Tuấn. Đôi giòng lệ thảm tuôn trào thồn-thức! Trái tim nguyên vẹn của người trinh-nữ lần đầu tiên bị rạn nứt đã phải đập sai nhịp từ thuở ấy...

HOA - PHƯƠNG





★ VƯƠNG-HỒNG-SÊN thuật



**S**ự tích Ngọc-Diện-Miêu, tôi đọc từ thuở nhỏ, đọc trong bộ « Long-Dờ công án », cũng gọi truyện « Bao Công thâm án », bản dịch Sài-gòn. Nay xét lại, về cốt truyện có

phần dị-đoan, khó tin được. Tôi không xem đó là truyện có thật, như là chuyện xảy vào triều Đại Tông, đời vua Nhon-Tôn (1023-1063) như trong sách đã ghi, vì thuở ấy, những gì là phép-thuật, biến-hóa đã lui vào dĩ-vãng rồi. Đúng hơn đây là một chuyện thần thoại, chuyện bịa cốt để đề cao công-đức của một vị minh quân, liêm-khiết công-bằng đền rợ Khiết-Đôn cũng biết tiếng, tên gọi Khâu Chuẩn, vua phong Bao Thị-Chề, về sau khi mãn phần, dân-chúng kêu tặng ông Bao (Bao-Công) chớ không dám gọi đích danh.

Nay đúng vào năm Mèo, mượn tích Linh-Miêu ra kể, như buổi đầu xuân, trà dư tửu hậu, đĩa mút dẫu voi, đĩa hột dưa dẫu cạn, cũng không đèn nổi gì. Tích dẫn dưới triều vua Nhon-Tôn nhà Tống, nơi huyện Trung-Hà, gần giáp ranh Tây-Thiên-Trúc, thuở ấy có cặp vợ chồng rất là tương-đắc, chồng tên Thi Tuấn, vợ gọi Hà Liên, ăn ở với nhau như bát nước đầy. Hay tin kinh-kỳ có mở hội thi, ba năm một thuở, Thi Tuấn lật-đật từ-giã vợ hiền, sắm sanh nang-thóc, cùng một tề-tiểu-đồng trung tín, trảy kinh ứng-cử. Hai thầy trò đi đã mấy ngày đường mà vẫn chưa ra khỏi dãy núi ranh-giới. Truyện nói núi này ăn thông với nước Tây Thiên-Trúc, rừng già núi sâu cây đá chập-chồng rất là hiểm-ác, bấy lâu ít người dám qua lại. Không biết từ đời nào, có năm con chuột lớn từ Tây-Thiên-Trúc bò qua, đèn đây chiêm-cứ một động vắng làm sào-huyệt tu tâm luyện phép, lâu đời chấy kiệp, học được thuật thần-thông, biết biến-hóa theo ý muốn, tiêc thay

thú-tánh không chừa, quen nhiều-hại người hiền hơn là cứu-dân độ-thê. Năm con chuột yêu ấy thường hay giả làm người lão-mại để lừa-gạt hành-khách chiêm-đạo của tiền vật thực, hoặc biến làm phụ-nữ rù-quên bợn trai tơ hiệu-sắc. Nhắc lại thấy trò Thi Tuấn đi lỡ đường, xảy gặp trời tối, lòng đang bồi-rối lo sợ, bỗng thấy quán sạch-sẽ bên đường thì lật-đật vào xin tá-túc, nào ngờ đó là quán yêu-tinh. Đêm ấy, chủ quán vốn là con yêu chuột thứ năm trá hình, làm bộ niềm-nở hỏi-han tâm-sự của khách, Thi Tuấn đi xa gặp người hàn-mặc lăm





tướng đó là bạn tâm-đầu nên bao nhiêu chuyện thâm tình gia-đạo mỗi mỗi đều nói ra hết. Yêu chuột chíp hết đê bụng, đoạn hà hơi độc vào rượu hại thấy trò Thi Tuấn say mê-mê, còn tự mình biến ra hình Thi Tuấn giồng hết như khuôn, mặc tình về ngò-ngưê cùng Hà-thị, hoa-nguyệt rượu trà, mà Hà-thị vẫn đĩnh-ninh đó là chông thiết. Bồng đầu Thi Tuấn thiết trở về, đôi đàng kẻ cướp và người mất vợ không ai chịu nhin ai, bèn lôi nhau ra nha-môn nhờ quan phân-xử. Ông quan ấy là Vương thừa-tướng. Thừa-tướng thầy chuyện trở-trêu, phát hòa bài sai bắt nội bọn đến tra hỏi, rõ ràng thầy hai tú-tài giồng nhau không khác một mây, chừng mới kêu hỏi riêng Hà-thị, biết chông nàng có nút ruồi kín chỗ nào, nhờ vậy thừa-tướng bắt tú-tài giả truyền bỏ vào ngục tội; con yêu thầy rồi bèn hà hơi độc bay thâu lên núi quen báo tin chẳng lành cho bảy yêu chuột kia biết. Vì vậy chuột thứ tư được lệnh hạ-san giải cứu... Xuông đến nơi, chuột hóa hình Vương thừa-tướng, báo hại ông nào cũng dành phân xử, rớt lại bản án đĩnh-trệ,

xử không xong, đầu còn đó. Câu chuyện đến đây còn nghe được và cũng tạm nhận có thể tin được đôi chút. Nhưng tác-giả còn kéo dài thêm, tả sự tích chuột thứ ba xuống núi nữa giả làm vua Tống-Nhơn-Tôn, và luôn con chuột thứ nhì cũng hạ-san nốt biến làm Tống quốc-mẫu... Đến đây, ta thấy sự vụng-về của người viết truyện, khiến cho « mru đen lượt chỉ trắng » câu chuyện mất khéo vừa làm rỗi trí người đọc, vừa phạm tội khi-quân là sự không thể dung-chê vào thời-buổi ấy. Chưa hết, truyện viết tiếp con yêu cầm bẫy, con chuột Sô Một, cao tay ăn-hơn cả thầy, cũng xuống núi theo các em, giả làm Bao thị-chê để gây cho vụ án « yêu-thứ » không bẻ kết-liều. Sau rớt, Bao-công thiết phải làm phép xuất hồn lên thiên-đỉnh tâu tự-sự với đức Ngọc-Hoàng, và Ngọc-Hoàng phải cầu-cứu đến đức Phật Thê-Tôn... Truyện tả mặc dầu trên cảnh Phật-giới, chuột nhiều, kinh-kệ phải luôn luôn được giữ-gìn kỹ-lưỡng, nhưng đức Thê-Tôn cũng phải sai kim-đồng vào bửu-các thỉnh Ngọc-Điện-Miêu nhờ xuống trần trị bảy chuột

hồn, Linh miêu thu hình vào tay áo rộng của Bao Công. Nhưng ở nước Cam-lô, Bao Công thiệp đã năm ngày



không hấy-hần, sau khi tỉnh lại, bèn sai quân lập đàn tinh-khí, tuyền quân đồng-sĩ túc trực, rồi rước ra đó đủ mặt, có quan văn-võ châu-chực và dân chúng xem đông, vừa hai ông vua, hai bà quốc-mẫu, hai ông thừa tướng, hai viên tú-tài; Bao-Công « thiết » thì ngồi trên cao phán-đoán, Bao Công « giả » thì đứng dưới bệ phân-trần. Đứng giờ ngo, Bao Công thiết niệm câu kệ của Phật cho, tức thì Ngọc-Điện-Miêu trong tay áo nháy ra hiện nguyên hình, hét lên một tiếng lớn uy-nghi, mắt xẹt hào-quang, nháy căn-cổ Nhơn-Tôn giả chết tươi. không kịp trở tay. Quốc-Mẫu giả hoàn kinh chưa kịp lộ đuôi tâu-thoát đã bị thân-miêu chụp đầu cắn ngay yết-hầu chết tốt,

Đoạn linh-miêu bỏ đó chạy căn giả thừa-tướng và giả tú-tài. Còn một mình con chuột chúa « giả Bao Công » là con chuột thần-thông quảng-đại nhứt, vừa tàng hình bay lên mây định tròn thì Ngọc-Điện-Miêu biến làm một đạo kim-quang rượt theo bên gót, cắn chết chuột Sô Một tha về bỏ cho một đồng, mỡ tươm đầy đất, mùi hôi tanh xông nức mũi. Bao Công xuống đài thấy thầy năm con chuột lù-lù mập-béo, truyền quân-sĩ chia thịt cho dân, ai dám ăn thì đem về xơi cho đã nư giận. Ngọc-Điện-Miêu tạ từ bay về chôn cũ. Hà-thị xét oan-tình cho về phối-hợp như xưa cùng Thi Tuấn, nhưng yêu khi nhập cốt sau này phải nhờ linh-đơn của tiên cho mới thoát khỏi bệnh quỉ.

Chuyện Ngọc-Điện-Miêu đến đây là dứt, xét ra không đứng vững, thêm mở đầu một gương khi-quân phạm-thượng, không tốt đẹp gì. Cũng ngộ, đời trước không có kiểm-duyet hay là đời ấy xem trong truyện ân-oán báo đếu, chơn giả rồi cũng tỏ được thì nhận là chánh-lý mà thông-qua chứ gì? Ngày nay đã khác và những chuyện phép-tắc thần-thông đã mất rất nhiều sự hấp-dẫn.

VƯƠNG-HỒNG-SẴN





# NHẬT BẢN VỚI HOA ANH ĐÀO

Nhân diện bất tri hà xứ khứ  
Đào hoa y cựu tiếu đông phong  
THÔI-HỘ

**N**HỮNG ngày còn bé tôi thường làm ngơ trước những câu chuyện hoa của những người trong gia đình. Tôi cũng thường có vẻ lãnh đạm trước những màu sắc của những cánh hoa hồng, sen, huệ, mai, cúc... mà chị tôi đã chăm sóc từng tí và đã tỏ ra vui sướng khi đã cắm vào trong lọ thủy tinh của một người anh ở Pháp gửi về tặng. Và buồn cười hơn nữa khi thấy ông bác tôi đã lặn lội khắp nơi để tìm cho được những gốc hồng đất tiên. Điều ấy không làm cho tôi bực mình bằng việc tôi phải tưới nước những gốc hồng ấy mỗi ngày.

Nhưng thái độ lãnh đạm của tôi cũng như những điều bực mình ấy dần dần mất đi cùng với chiều cao của cơ thể tôi. Bây giờ tôi lại thấy thích thú được thay ông bác tôi chăm sóc những gốc hồng ấy vào những ngày không nắng trên sân thượng. Hương sắc ấy đã một lần len

## NHẬT BẢN VỚI HOA ANH ĐÀO

vào tâm hồn tôi làm bất quân bình hiện tượng tâm lý. Hiện tượng tâm lý ấy lại một lần nữa đến với tôi trong những ngày đầu bốn năm trước, bằng những cánh hoa nhỏ trắng xinh xinh vương tỏa khắp nẻo đường đất nước Nhật bản. Hoa Anh Đào đẹp vào những ngày đầu xuân.

Ở Nhật bản có hai loại hoa đẹp mà từ xa mới trông qua có thể làm cho người ta lầm lẫn. Hoa Anh Đào và hoa Đào. Người Nhật bản rất mê thích hoa Anh Đào và họ xem những cánh hoa đẹp ấy là « hoa đất nước ». Hoa Anh Đào ở Nhật-bản biểu hiệu cho mùa xuân và tình yêu tinh khiết chung thủy của người con gái. Cũng như hoa Mai ở trong Nam và hoa Đào ở ngoài Bắc biểu hiệu cho tiết xuân, ngày Tết Nguyên-đán.

*Mỗi năm hoa Đào nở,  
Lại thấy ông đồ già,  
Bày mực tàu giấy đỏ,  
Bên phố đông người qua.*

*Năm nay đào lại nở,  
Không thấy ông đồ xưa.  
Những người muôn năm cũ,  
Hồn ở đâu bây giờ ? (1)*

—(1) Thơ của Vũ Đình Liễn.

★ NÔNG-BẮNG-GIANG tại đền  
KINKAKUJI (Gold Pavilion) Tokyo →

Mà ngay trong thơ văn Trung-hoa, cũng như thơ văn Việt-nam, chúng ta nhận thấy nhiều thi-sĩ Trung-hoa, và Việt-nam đã nói đến hoa Đào rất nhiều trong những cảnh tả tình. Điều ấy có thể cho chúng ta một sự hoài nghi về sự phát sinh của giống hoa Đào. Thi sĩ Thôi-Hộ và cụ Tiên Điền Nguyễn - Du, trong những văn thơ đẹp vương sắc hoa Đào :





« *Tích niên kim nhật thử môn trung,  
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.  
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,  
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.* »

« *Trước sau nào thấy bóng người,  
Hoa đào năm ngoái còn cười  
gió đông.* »

Hoa Đào được người Việt chúng ta mê thích bao nhiêu thì ở Nhật-bản, hoa Đào lại nở trong sự hồ hững của tất cả mọi người. Người Nhật chỉ mê thích hoa Anh Đào. Cứ đến mùa xuân vào cuối tháng ba và đầu tháng tư dương-lịch, đi đâu cũng nghe người Nhật nói đến hoa Anh Đào. Báo chí thì đăng tin những ngày hoa Anh Đào nở để cho mọi người có thể đến đây xem hoa. Thậm chí sở bưu-điện cũng cho phát hành hai loại tem hoa Anh Đào, đặc-biệt trong tháng tư để kỷ niệm mùa hoa Anh Đào nở. Và bài hát « Hoa Anh Đào, Hoa Anh Đào » (SAKURA, SAKURA), có thể nói không một người Nhật nào không thuộc, và họ thường vui hát trong những ngày hoa Anh Đào nở. Trong khi đó thì hoa Đào lại chịu số phận hẩm hiu, mọi người đều thờ ở lãnh-đạm

đối với màu sắc hồng thắm của hoa Đào. Con người quả thật bất công !

Giữa hoa Anh Đào và hoa Đào tuy nó cùng thuộc về họ hoa Hồng (Rosaceae) với nhau, nhưng sở dĩ người Nhật chỉ mê thích hoa Anh Đào là vì tính chất tinh khiết chung thủy của nó trong câu chuyện tình giữa một hoàng-tử và một quận chúa diễm-kiều.

Theo truyền thuyết thì tổ-tiên của hoàng gia Nhật-bản, Nữ Thần Amaterasu, có một hoàng-tử tên là Ninigi-no-Mikoto. Hoàng tử rất khôi ngô tuấn tú, lại có tính hay ngao du đây đó, và rất mê say cái đẹp thiên nhiên của vũ-trụ. Một hôm trên đường dạo du ở chân núi Takachiho, tình cờ hoàng-tử gặp một trang tuyệt sắc giai nhân. Sau nghi-lễ sơ kiến, hoàng-tử được biết nàng là quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime, ái nữ của thái-tử Oyamatsumi. Trong buổi giao kiến ban sơ, hoàng-tử đã đem tình yêu đầu gọi trọn vẹn trong lòng mắt đẹp huyền hoặc của quận-chúa. Hoàng-tử mới ngỡ lời cưới quận chúa làm vợ, nhưng theo tinh thần đạo lý Nhật-bản, quận chúa phải đưa

hoàng-tử đến gặp bố mẹ. Thái-tử Oyamatsumi hết sức vui sướng khi biết được ý định của hoàng-tử, và mở tiệc tiếp đãi hoàng-tử rất nồng hậu. Chẳng những thế, Thái tử Oyamatsumi còn cho phép chị của quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime, là quận chúa Iwanaga ra hầu chuyện với hoàng-tử Ninigi-no-Mikoto, để tùy hoàng-tử lựa chọn. Mặc dầu quận chúa Iwanaga có phần xinh đẹp hơn em, nhưng hoàng-tử Ninigi-no-Mikoto chỉ xin hỏi quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime, người mà hoàng-tử đã đem lòng yêu mến lần đầu tiên gặp ở chân núi Takachiho. Nhưng chẳng được mấy chốc thì quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime có thai, sự kiện này đã làm cho hoàng-tử Ninigi-no-Mikoto dâm ra nghi ngờ, và hoàng-tử không nhìn nhận đứa con ấy là con của hoàng-tử. Quận chúa đau khổ vô cùng, để chứng minh tấm lòng chung thủy của quận chúa đối với hoàng-tử, quận chúa mới thề độc với hoàng-tử rằng : « Thiếp sẽ tự thiêu mình để tỏ lòng chung thủy của thiếp đối với chàng, nhưng nếu sau khi thiếp tự thiêu mình mà không việc gì xảy ra cho tính mạng của thiếp thì đứa con này

là của chàng ».

Sau khi thiêu mình trong lửa đỏ, lạ lùng thay, quận chúa vẫn an toàn tính mạng, và không việc gì xảy ra cho quận chúa cả, bây giờ hoàng-tử mới không còn nghi ngờ nữa, và tình yêu của quận chúa và hoàng-tử càng ngày càng đậm đà hơn.

Trong câu chuyện tình giữa hoàng-tử và quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime, có sách lại cho rằng quận chúa đã tự hủy mình bằng cách gieo mình từ trên ngọn cây hoa Anh Đào cao, để chứng minh lòng chung thủy của quận chúa đối với hoàng-tử. Nhưng dưới hình thức nào chẳng nữa thì danh-từ hoa Anh Đào, tiếng Nhật gọi là Sakura, vẫn được coi như xuất ngữ từ chữ Sakuya, tên của quận chúa Kono-hana-no-Sakuya-Hime.

### Cây Anh Đào và cây Đào trong khoa-học

CÂY ANH ĐÀO. — Theo khoa thực-vật-học thì cây Anh Đào thuộc về họ Hồng (Rosaceae). Cây Anh Đào chia ra làm hai loại : Anh Đào ngọt gọi là Prunus avium, và Anh Đào chua, gọi là Prunus cerasus Anh Đào ngọt được tìm thấy đầu tiên ở



phía tây Á-châu; Anh Đào chua được tìm thấy đầu tiên ở vùng biển Caspian.

Anh Đào ngọt có thể cao trên 25 thước và có thể sống đến 200 năm. Nhưng theo phương pháp chuyên môn trong ngành canh nông, có thể giới hạn chiều cao ấy trong khoảng từ 8 đến 10 thước. Trái Anh Đào nhỏ bằng ngón tay, từng chùm màu đỏ, vị ngọt.

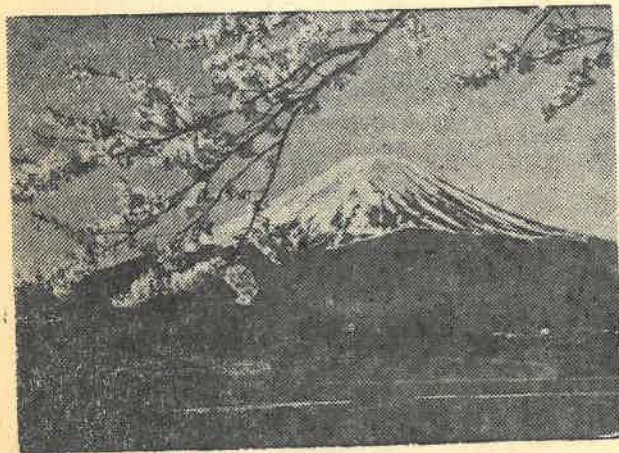
Anh Đào chua thường thấp hơn Anh Đào ngọt, và cũng không có tàn lớn như Anh Đào ngọt, nên trong những vườn Anh Đào này chúng ta nhận thấy khoảng cách giữa hai cây Anh Đào không xa lắm, thường

thường chỉ vào khoảng 6 thước; Trái cũng như Anh Đào ngọt nhưng vị hơi chua chua.

Hoa Anh Đào có năm cánh hoa nhỏ, sắc trắng điểm son, cuống hoa nhỏ dài nối liền với năm cánh đài hoa.

**CÂY ĐÀO.** — Giống cây này cũng có họ Hồng (Rosaceae) như cây Anh Đào, gốc ở Trung hoa nhưng không biết chính xác đã phát sinh ở vùng nào. Trong khoa thực vật học gọi là Prunus Persica. Cây Đào chỉ sống được ở vùng ôn đới, nhưng nhiệt độ không thể xuống dưới - 26°C, vì dưới nhiệt độ ấy cây Đào sẽ chết. Cây Đào có thể cao đến 10 thước nhưng thường thường

nó chỉ cao vào khoảng 8 thước, tuy nhiên những nhà chuyên môn về ngành canh nông, có thể giới hạn chiều cao của nó vào khoảng 3 thước thôi.



Núi Phú-sĩ với  
← hoa Anh-Đào

Trái Đào to bằng nắm tay, vỏ trái Đào có lông mịn màu trắng hay màu vàng nhạt, có điểm đỏ hoặc hơi hồng hồng. Khi trái còn sống ăn rất giòn, vị chua-chua, nhưng khi trái đã chín mềm thì ăn rất ngọt.

Hoa Đào xa trông cũng như hoa Anh Đào, nhưng sắc hoa Đào thắm đỏ hồng, chen lẫn với một vài điểm trắng. Hoa Đào có năm cánh hoa, không có cuống hoa, mà chỉ có mầm hoa nối liền năm đài hoa với cành cây. Hoa thường mọc đơn hoặc đôi, chứ không mọc thành chùm như hoa Anh Đào.

### Hanami và Hanamatsuri

Hanami và Hanamatsuri có nghĩa như là lễ xem hoa ở Nhật-Bản. Lễ xem hoa Anh-Đào ở Nhật-Bản đã thành như tập quán cổ truyền. Trước hết hoa Anh-Đào biểu hiệu cho tính chất tinh khiết của tình yêu, hoa Anh-Đào còn biểu hiệu cho tiết khí của một võ sĩ. Vì người Nhật nghĩ rằng người võ sĩ đã đem thân hy sinh cho tổ quốc để những kẻ khác sống tự do, nhưng võ sĩ lại là những người thường khinh thường cái chết, sự sống của họ thường ngắn ngủi. Hoa Anh-Đào trắng nhỏ xinh đẹp trong mùa xuân cũng ngăn ngừa như cuộc đời của những chiến sĩ trong thời loạn ở chiến trường, hoa Anh-Đào mỉm cười

trước gió xuân thường thường không quá ba ngày. Hoa Anh-Đào nở hôm nay, đề ngày mai rơi rụng trước những cơn gió xuân vô tình, người Nhật-bản lại thường tiếc nhiều hơn, họ trông cho mau đến ngày hoa nở để cùng đua nhau đi xem hoa.

Ở Nhật-bản hoa Anh-Đào thường nở trong khoảng từ ngày 1 tháng tư đến ngày 15 tháng tư dương lịch. Nhưng mùa hoa Anh-Đào nở không cùng một lúc, mà tùy theo địa thế và thời tiết mỗi vùng. Ngay như ở Tokyo, những khu nhiều hoa Anh-Đào như cũng không nở cùng ngày với nhau, giả như khu Hibiya, công viên Inogashira, công viên Ueno, công viên Shinjuku, công viên Đại học Tokyo...

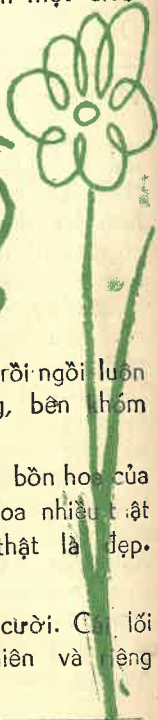
(còn nữa)



— Chật nguy! chật nguy! ba về ngay! má đang ỳnh lộn với chị hàng xóm ở nhà!

Mình ơi!  
Yêu Hoa  
những trứng  
ngủ Hoa

★ Điện Huệ



— Mình sửa gần xong chưa?

— Chưa.

— Hay là em đem tách cà-phê ra cho mình nhé?

— Thế thì em tử-tế quá!

Bà Tú bung tách cà-phê ra sân nơi ông Tú đang săn-sóc bồn hoa của ông,

Xong một hớp cà-phê, ông bảo:

— Nếu em cho anh một liều thuốc nữa thì tuyệt!

Bà Tú đã biết trước, nên đã cầm theo gói thuốc Menthol và quẹt máy. Bà châm một liều

đưa lên miệng ông rồi ngồi luôn xuống sân xi-măng, bên thóm hoa y-lang:

— Tết năm nay, bồn hoa của hai đứa mình nở hoa nhiều thật là nhiều và đẹp thật là đẹp. Mình nhỉ!

Ông Tú mỉm cười. Cả lời nói chuyện tự-nhiên và tiếng

MÌNH ƠI!

biệt của bà Tú, bất cứ việc gì, vật gì ở trong nhà, bà cũng gọi là « của hai đứa mình », ông đã từng nghe quen tai mà mỗi lần nghe ông vẫn cảm thấy thích-thú. Ông làm thình, nghe bà Tú líu-lo:

— Khóm hoa y-lang này thơm ngát lên, Mình ơi!

Ông Tú đứng trên chiếc ghế thấp, vói tay lên giàn hoa ang-ti-gôn để bắt mấy ngọn hoa qua giây kẽm, và tỉa bớt lá. Bà Tú lại nói:

— Sao lại gọi là Hoa Y-Lang, hả Mình? Chắc là hoa lấy giống ở ngoại quốc, phải không?

— Ở Philippines, nơi quê-hương chính gốc của nó, người ta gọi là *Hilan-Hilan*, hoặc là *alang-ilan*. Người Pháp lấy giống ở đây đem qua trồng bên Việt-nam, gọi trại là *Y-lang*, danh-từ mới này vẫn còn đến ngày nay.

— Nó thơm quá, Mình ơi! Em muốn ngủi mà em cứ sợ-sợ...

— Em sợ gì?

— Em sợ trong lòng hoa có con sâu róm.

— Không có đâu. Trong tim của những đóa hoa tươi đẹp, cũng như trong tim của cô mỹ-nữ diệu-hiền, không bao giờ có sâu.

— Mình chỉ nịnh các loài Hoa đẹp, nhưng có lần em ngủi hoa, thấy có con sâu róm từ trong tim hoa bò ra.

— Chắc em đã ngủi phải một cành hoa đã rữa nhị. Hoa tươi không có sâu nằm trong lòng hoa. Trừ ra hoa trồng chậu hay cắm lọ để ban đêm trong phòng, thì không nên ngủi.

— Sao thế, hả Mình?

— Vì ban đêm, hoa thở nhiều thán khí.

— À, có lẽ tại hoa thở ra thán-khí nên người ta bảo ban đêm không nên để hoa trong nhà phải không, Mình?

— Có nhiều loại hoa độc, ban ngày cũng như ban đêm thở ra một hơi độc có thể làm chết người nếu bị hít nhiều. Hoa Huệ trắng mà người Việt-Nam mình ưa cắm lọ để chưng trên bàn thờ những ngày giỗ và ngày Tết, cũng như hoa *Y-lang* này, và hoa *Sứ*, hoa *Sứ-ma*, v.v... có mùi thật thơm, nhưng rất tiếc hơi thơm ấy lại có chất độc. Cắm một lọ hoa



vài chục cành trong phòng rộng và thoáng khí thì không hại gì, nhưng để thật nhiều bó hoa huệ, hay Y-lang trong phòng ngủ ban đêm, sáng ngày người ngủ trong phòng chắc chắn sẽ bị nhức đầu, mặt uể-oải và ho. Người đau tim sẽ bị đau nặng hơn. Có thể bị chết nếu là người già yếu.

— Ô, thật không, Minh? Mùi thơm mà độc thế ư?

— Chính mùi thơm ngát ban đêm ấy có nhiều thán-khí của hoa. Càng thơm, chất độc càng nhiều, chứ em đừng tưởng tất cả các mùi thơm đều là trong sạch lành mạnh cả đâu.

Trong vở kịch *L'Africaine* của nhà Đại Kịch sĩ Đức Meyer-beer, thế kỷ XIX, rất nổi tiếng lúc bấy giờ ở Âu-Châu, có nói đến chuyện một người nằm ngủ ban ngày dưới bóng một bụi cây **Mancenillier** đây ngát hoa thơm, rồi chết luôn vì mùi thơm ấy.

— Cây Mancenillier là cây gì?

— Bên ta không có cây đó. Nó mọc rất nhiều ở vùng Nam Mỹ, và Nhiệt-Đới. Hoa của nó mọc ra thành một cái ngồng cao trơ-trọi với những nụ tròn và

trắng, dính hai bên và đầy một thứ nước nhớt, rất thơm nhưng rất độc.

— Minh kể cho em nghe những thứ hoa nào thơm mà độc, để em tránh, em đừng ngủ.

— Em nên nhớ rằng hầu hết những hoa có mùi thơm ngào-ngạt đều có chất độc trong thán khí của nó. Đêm nào em thử để một bình hoa hồng, loại **hồng-nhung** chẳng hạn, độ 50 cành trên bàn ngủ của em, sáng dậy em sẽ thấy mặt-mỏi cho mà xem! **Hoa hồng, hoa tím** (violetttes) **hoa xoan**, đều là những loại hoa độc nếu em ngủ nhiều, và nếu em cảm nhiều trong phòng ngủ, ban đêm. **Hoa bưởi, hoa cam**, cũng là loại hoa độc. Người đàn bà yếu tim, hoặc đang lúc ốm nghén, ngủ một chùm **hoa bưởi**, hay **hoa lài**, sẽ ngây-ngất chóng mặt và nôn ọe ngay, **Hoa dạ hương**, **hoa mimosa**, **hoa tím**, **hoa lài**, các cô nữ-ca-sĩ không nên dùng, vì mùi thơm của những loại hoa ấy làm cho khan giọng. Nếu trên bàn ngủ các cô đặt một bó hoa mimosa độ chừng vài chục cành sùm-sề, màu vàng ánh rất đẹp, nhưng ngủ một đêm, sáng dậy

các cô sẽ hát không ra tiếng.

Nhà Đại Triết-học Anh, là **Bacon** (1561-1626) cứ mỗi lần đi gần một bụi Hồng nở hoa, là té-xiu liền. Thần-kinh-hệ của ông không chịu được mùi hoa Hồng. Trường hợp ấy rất hiếm, nhưng cũng chứng tỏ rằng chất thơm của Hoa không phải thật là hiền lành dịu-ngọt đâu. Nói tóm lại, ta chỉ nên thưởng-thức hương vị ngào-ngạt của các loài Hoa trong lúc ban ngày thôi, lúc Hoa mọc tự-nhiên giữa ánh mặt trời và giữa gió. Hoa chỉ thật đẹp, thật đáng yêu, đáng say-mê trong lúc ban ngày. Ban đêm Hoa rất là nguy-hiêm... nguy-hiêm cũng như... đàn-bà trong lúc ban đêm vậy.

— Minh nói thế, không sợ em giận hả?

— Anh nói đùa đấy.

— Sao Minh biết em giận, Minh còn nói đùa?

— Thế sao em biết anh nói đùa mà em cũng giận? Ê! lêu-lêu... mắc cỡ!

— Em không đùa đâu đấy! Đang nói chuyện Hoa cho em nghe, lại đem chuyện đàn-bà ra so-sánh!

— Hoa là giai-nhân, là mỹ-nữ. Giai-nhân mỹ-nữ là Hoa. Anh yêu các nụ hoa này là vì anh yêu em. Cho nên hôm nào vắng em, anh có thèm chơi với Hoa đâu.

— Tại sao vậy?

— Tại vì không có em thì Hoa đâu còn hương vị ngào-ngạt đê-mê nữa.

— Minh yêu em nhiều như thế, thật không?

— Thật chứ lị!... Từ xưa đến nay, kể từ đời thượng cổ mù-mịt tăm tắp, Hoa với giai-nhân vẫn là một. Tâm hồn của giai-nhân vẫn thông cảm tha-thiết với linh-hồn của Hoa. Giai-nhân vẫn luôn luôn tự ví mình với Hoa, tự coi đời mình như đời hoa, kiếp mình như kiếp hoa, cho đến giấc mơ của mình cũng ví như giấc mơ Hoa. Cho nên hầu hết phụ-nữ đều say mê mùi thơm của Hoa, thích rưới nước hoa trên mái tóc diệu-huyền, tắm nước hoa trên tấm thân ngào-ngọt, xịt cả nước hoa trong nách... để cho hết mùi hôi nách..

— Minh nói câu đó hết nên thơ rồi.

Ông Tú tìm-tìm cười, nói tiếp :

— 353 năm trước Chúa Christ giáng-sinh, Hoàng hậu xứ Halicarnasse, là **Arthémise**, chỉ tắm nước hoa. Khi chồng bà là Vua **Mausole** băng-hà, bà sai thợ xây cho Vua một ngôi mộ, (ngày nay vẫn còn, tức là ngôi mộ *Mausolée*, một trong 7 kỳ-quan thế-giới), và ngày nào bà cũng đem nước hoa tưới trên mộ chồng.

— Chi vậy Minh ?

— Đề linh-hồn của chồng luôn luôn được thấm mùi nước hoa của bà, như lúc sinh thời ông vẫn say-sưa với mùi nước hoa tắm trên thân thể của bà vậy. Độc-ác như Hoàng-đế **Néron** của Roma (37-68 sau J. C.) mà khi Hoàng-hậu **Octavie** chết, ông cũng tưới hàng nghìn thùng nước hoa trên quan-tài của bà để nhớ lại lúc sinh-thời Octavie rất thích dùng nước hoa. Trong quyển Thơ *Le Roman de la Rose* (xuất bản năm 1235), tác-giả Guillaume de Larris đã khuyên các bà các cô lúc nào cũng nên tắm nước hoa, xức nước hoa, và thoa son đánh phấn cho giống như những đóa

hoa tươi. Không cần nhắc lại rằng phụ-nữ thời xưa của Egypte, Athènes, Cypres, chuyên-môn dùng nước hoa cam, hoa lài và hóa hồng để rưới trên tóc, xoa trên má, và súc miệng. Họ còn mua quế do các nhà buôn đem từ Ấn-độ, Ba-tư. qua bán với giá thật đắt, để ngậm trong miệng cho thơm, như ngày nay người ta ngậm chewing-gum vậy. Hoàng-hậu Pháp **Catherine de Medicis** (1519-1589) sáng nào cũng bảo các nữ-tỳ rưới nước hoa khắp các bức tường và bàn ghế trong phòng riêng của bà. Thích nước hoa đến nỗi dưới thời Cách-mạng Pháp, năm 1793, **Bà De Monaco** bị án tử-hình, trước khi lên máy chém, đòi cho được một lọ nước hoa để xức tóc cho thơm !

— Còn ở Á-Đông thì sao, hả Minh ?

Hồi chưa tiếp-xúc với Tây-phương, người phụ-nữ Á-Đông chưa dùng nước hoa và cũng không thích chơi hoa mấy. Thời trước các giống hoa ở xứ ta hãy còn ít, và chỉ để trồng cảnh làm thú vui cho các cụ già mà thôi. Ít khi họ hái cắm vào lọ

Hoặc giả họ hái những **hoa bưởi, hoa lài, hoa sen, hoa Thủy tiên, hoa cúc** để ướp vào trà uống cho thơm. **Hoa cúc**, theo các Cụ nhà Nho ta, bỏ vào bình trà để xông lên mắt, hơi nước hoa ấy còn có tính chất làm cho sáng tỏ cặp mắt yếu của các cụ. Phụ-nữ Việt-Nam trước kia cũng chưa dùng nước hoa. Các cô gái và các bà đời cô Hồ-xuân-Hương và bà Huyện-Thành-Quan xức tóc bằng **dầu dừa**, nấu bằng nước dừa cô đọng lại thành dầu với một mùi đặc-biệt..

— Thơm không hả Minh ?

— Có lẽ là thơm lắm cho nên đàn ông con trai thuở ấy vẫn thương nhớ các cô vì mùi thơm dầu dừa, một mùi tương-tư nồng nàn hấp-dẫn không thua gì nước hoa *Soir de Paris*... Năm 1924, 25, ở thôn quê Việt-Nam đa số phụ-nữ, kể cả các bà quan, đều còn dùng dầu-dừa để xức tóc.

Ở Nhật là nơi có nhiều hoa đẹp, thuở trước họ cũng chỉ trồng hoa để ngắm chơi mà thôi. Nhà Thơ **Teishitsu** (1610-1673), đứng trước những khóm hoa Anh-đào, đẹp có tiếng ở sườn núi Yoshino, đã có bài thơ

hay nhất của Nhật-bản, chỉ có hai chữ lặp lại hai lần : **Kore wa ! Kore wa !** (Đẹp quá ! Đẹp quá !)

Ông Tú sửa-sang bồn hoa đã có mỹ thuật lắm rồi. Đã lâu ông bận công-việc, để cho hoa mọc tùm-lum, nhờ gần Tết được nghỉ mấy hôm, ông để cả buổi sáng chủ-nhật, sắp-xếp lại giàn hoa ăng-ti-gôn, ràng-rịt trên *pergola*, sửa-sang lại bồn hoa Hồng, hoa Cầm-chướng, hoa Cúc, hoa Huệ, hoa Hoàng-anh, hoa Lài, gọn gàng sạch-sẽ hơn trước.

Xong, ông ngắt một cành hoa Hồng-nhung, loại « *Hồng Joséphine* » vừa nở một búp đỏ tươi rất đẹp và rất thơm, cài trên áo sơ-mi xanh của bà Tú.

Bà Tú nhí-nhảnh chạy vào phòng tắm, ngắm vào gương, thấy hoa hồng nổi bật trên ngực bà, đẹp quá. Bà thích chí reo lên hai câu thơ của Teishitsu : **Kore Wa ! Kore Wa !**... Ông Tú châm điếu thuốc hút, hành điện và sung sướng ngồi trên sân ngắm vợ, ngắm mùa Xuân vĩnh-viễn của đời ông..

*Diệu-Huyền*



Ngồi trông từng giọt, mưa rơi  
Âm âm tiếng vọng trăm trời cổ xưa.  
Nghe ra thấy tự bao giờ,  
Hỏi oan cớ mợ, ta chờ đợi ta.

Ngồi trông đất rộng, cây già  
Thình không mỗi một, đôi nhà tịnh yên.  
Mái rêu, cửa mộng, con tiên  
Lừa thừa kẻ rụng, tre đèn cội tre.

Ngồi trông dơi lướt chiều về  
Bay trong vũng lệ trời tẻ, máu hồng.  
Lướt cao, đáy nặng hoàng hôn  
Chân tay mỗi rủ tâm hồn mỗi theo.

Ngồi trông cò tích bay vèo  
Chim đi, thú lại, rừng treo mỗi sầu.  
Rụng dần em, rụng về đâu,  
Cây khô, lá đỏ, anh đầu tóc thưa.

Nghe ra thấy tự bao giờ  
Hỏi oan cớ mợ, ta chờ đợi ta.

Mãi mấy độ thắm vàng trang giấy mới,  
Đời bao phen chìm nổi vớt long đong?  
Nghe mùa về, xuân chết tự trong lòng  
Héo tâm sự chờ mong bao kiếp trước!  
Tóc gọn phong trần — chân in xuôi ngược  
Ngang ngang tình — sự nghiệp vẫn xiêu xiêu!  
Gần nửa đời, tay trắng vẫn đầu hiu!  
Tủi thẹn biết bao! quê hương, bè bạn...  
Run sợ nghe chừng tình cầu nứt rạn  
Ta đã hoài công đeo đẳng bấy lâu  
Lá chưa xanh, bông ử rủ phai màu  
Vì bởi vội vàng say mê trắng gió...  
Buồn đêm đêm nên cửa hồn bỏ ngổ  
Tình rủ nhau về rồi lại bỏ ta đi...  
Đếm trong đời biết mấy cuộc từ ly?  
Trót hẹn núi sông, nên đành phụ bạc  
Non biên sá chi — chờ đời đời chác  
Trắng đêm nay tâm sự rối trăm chiều  
Tiếng pháo xa rồi! gió gác đầu hiu  
Mây trước cửa, sao xa dần, phố lạnh  
Đời giam ta bốn bức tường hiu quạnh  
Nỗi cảm hồn u uất đợi bùng lên  
Chưa xót sự đời ta vẫn chưa quên  
Hoài bão cháy ngấm trong lòng năm tháng  
Phút tiễn biệt thoáng qua hồn choáng váng  
Kẻ dạ hành còn mãi đứng bờ vơ...  
.....  
Hỡi mùa xuân lý tưởng! ta mong chờ.



**A**I cũng thấy là Dũng và Thanh vẫn yêu nhau mê nhau, càng mê nhau say nhau, mặc dầu hai bên cha mẹ đã tìm cách ngăn cản. Má của Thanh đã bảo với Thanh, với cả các bạn gái của Thanh, rằng bà nhất định không bao giờ gả Thanh cho một cậu con trai nhà giàu nhưng tính tình kiêu - căng, phách - lòi. Đã hai ba lần Dũng gặp bà xách giỏ đi chợ, mặt hần cứ khinh - khinh, không thêm chào. Nghèo, nhưng biết tự-trọng, bà đã bảo Thanh : « Nó đeo đuổi con tại vì bây giờ con có sắc - đẹp, nhưng sau này chưa chắc gì nó sẽ thương con lâu bền. Chừng nó chán con rồi, nó sẽ khinh con ! » Nhưng

Thanh không nghe. Thanh cũng có những lý - do của Thanh, là những lý - do không có lý - do của Tình - yêu...

Bà già đâu có hiểu được quan-niệm ái-tình của tuổi trẻ ? Thanh yêu Dũng thật-sự, và Dũng yêu Thanh cũng tha-thiết không kém. Hai người đã thể-thốt với nhau rồi : cùng sống, cùng chết, nhất định không rời nhau ra.

Thanh hoàn toàn tin Dũng khi người yêu đã long-trọng cam-kết mỗi tình chung-thủy, tuy rằng cả hai đều lo-sợ ước-nguyện không thành, vì chính Ba Má của Dũng lại nặng về thành-kiên giai-cấp.

Thanh biết rõ rằng ông bà rất cưng con trai, Dũng muốn gì, ông bà cũng chiều theo ý con, chỉ

trừ ra một việc là không bằng lòng cho Dũng lấy Thanh về làm vợ.

Hai người mê nhau, cả xóm đều biết. Hiềm gì những nơi sang trọng cho người mới-lái đèn dọ ý Má của Thanh, muốn hỏi cưới Thanh, bà già cứ thúc-giục con gái nên nhận lời, nhưng Thanh cương-quyết từ chối tất cả. Ba Má của Dũng cũng hỏi vợ cho Dũng nhiều lần, Dũng lắc đầu, không chịu.

Dũng bảo Thanh :

— Nếu Ba Má anh không cho anh cưới em, anh nhất định tự-tử.

Thanh không do-dự, đáp :

— Em cũng thế.

Thanh ngồi mơ-màng một lúc, rồi mỉm cười nắm bàn tay người yêu :

— Anh ! Em sẵn-sàng, chết với anh.



★ N. V.

Hai người âu-yêm nhìn nhau.

Thanh khẽ hỏi :

— Còn anh, anh hoàn - toàn đồng ý với em không ?

— Chúng mình tâm đầu ý-hợp. Đã thể sống chết có nhau cơ mà !

— Thật chứ ?

— Thật !... anh chỉ sợ em không can-đảm.

— Em đã cương quyết. Nói là làm.

— Anh cũng

cương quyết.

— Ô ! anh ! Em sung-sướng quá ! Tại vì cha mẹ không cho hai đứa mình xây dựng hạnh phúc với nhau trên trần thế, thì chúng mình sẽ được yêu nhau vĩnh-viễn nơi chín-suối chứ nhỉ !

— Hai chúng mình sẽ uống thuốc ngủ để tình yêu thiêng liêng bắt diệt trong giấc ngủ nghìn thu.

Thanh ngã đầu vào ngực Dũng, đôi mắt sáng rực lên



như tìm được bí-quyết của Hạnh-phúc chân-chính, lâu bền.

★

Trên một bờ suối vắng-vẻ, chiều 23 tháng Chạp, Dũng và Thanh ngồi kể nhau, cùng châu đầu lại khế đọc hai bức thư tuyệt-mệnh mà Dũng vừa mới viết xong để lại cho hai bên cha mẹ. Thanh vui-vẻ hạ bút xuống ký tên, rồi trao bút cho Dũng. Dũng hăng-hái ký bên cạnh chữ ký của Thanh.

Một đôi trai gái, 19 và 18 tuổi, nhất định lia bỏ cuộc đời để trung-thành với tình yêu thơ mộng, Dũng và Thanh cảm riêng mỗi người trong tay một ly nước lạnh và một nắm thuốc ngủ.

Dũng cười ngó Thanh :

— Anh đêm, 1, 2, 3, thì uống thuốc nhé ! Uống xong, hai đứa mình nằm xuống ôm nhau, chờ giây phút quyết định để các vị Thần-Tiên đến đưa hai đứa mình du-lich về bên kia Thê-giới !

Thanh nhoeo một nụ cười rất duyên-dáng.

— Không cần 1, 2, 3. Chúng

minh hôn nhau thật say-mê, rồi buông nhau ra, nhắm mắt đổ thuốc vào miệng, uống hớp nước là xong !

Nhưng thầy Dũng hơi do-dự, Thanh hỏi :

— Anh nhé ? Chúng mình can đảm chứ ?

Mặt Dũng hơi tái ... Nhưng Thanh ôm choàng lấy Dũng, đôi uyên ương hôn nhau thật say mê lẫn cuôi cùng rồi Thanh cười bảo Dũng :

— Anh xem em đây nhé... Xong rồi đèn lượt anh nhé...

Thanh bỏ cả nắm thuốc ngủ vào mồm .. Dũng hoảng-hốt, vội-vàng gạt tay Thanh ra, nhưng Thanh cười, hắt tay Dũng, và bùng ly nước uống một hơi... Thanh mỉm cười ngó Dũng :

— Đèn lượt anh !...

Nhưng Dũng ôm lấy Thanh khóc òa sụt nước, gọi : « Em Thanh ơi ! Em Thanh !... » Thanh ngã nằm xuống bãi cỏ, chờ Dũng và mỉm cười, không đáp.

★

24 giờ sau.

Thanh chớp chớp mi mắt, dần dần khê mở mắt thức dậy, uê-oài, thầy mình nằm

trên một chiếc giường trong một bệnh-viện thành phố. Suốt đêm Thanh đã quần-quại mê - sảng, chỉ thấy toàn những ác-mộng. Lúc bừng mắt dậy, đã 8 giờ sáng ngày 25 tháng chạp. Thanh thấy má của Thanh ngồi bên cạnh khóc thút-thít, khê gọi : « Con ơi ! Con ! Má đây, con !... » Thanh nắm tay mẹ, và nhìn thầy Dũng đứng cạnh giường, với Ba Má của Dũng và một vài người thân thuộc. Má của Thanh bảo :

— Má với Ba-Má của Dũng đã bằng lòng cho hai đứa con thành hôn đó. Con khỏe mạnh rồi về làm đám cưới.

Ba của Dũng cũng bảo :

— Con đã khỏe chưa ? Thôi, con cứ yên tâm nằm nghỉ, con đã trung thành với thằng Dũng như thê, thì Má của con và Ba Má đây đều bằng lòng cho hai đứa con vậy duyên cảm-sắc. Dũng sẽ ở đây săn sóc cho con ít hôm cho con thật khỏe mạnh rồi Tết Ba Má sẽ tác thành việc gia-thật cho...

Dũng quỳ sụp cạnh giường, gục đầu vào cánh tay Thanh :

— Em !. Em tha... lỗi cho anh !

Nhưng Thanh gạt đầu Dũng ra, và nghiêm-khắc ngó Dũng :

— Anh là một người hèn ! Anh đã để tôi chết một mình, bây giờ anh đến van xin tạ lỗi ? Tôi rất tiếc, bây giờ tôi mới nhận thấy là tôi đã đặt tình yêu lầm chỗ. Cảm-tình tha-thiết của anh trước kia chỉ là cảm-tình giả-dối ! giả-dối ! giả-dối tất cả, anh nghe chưa ? Mỗi tình đầu của người con gái như tôi là mỗi tình trong trắng duy-nhất, mỗi tình cao đẹp duy-nhất, nay nó đã đổ vỡ rồi, thì tôi muốn để cho nó đổ vỡ luôn, chấp nôi lại làm chi ? Tôi đâu phải muốn lợi-dụng cái chết của tôi để làm sống lại một tình-yêu đã chết vĩnh-viễn trong tôi ? Dù tôi còn sống sót lại đây, không phải là để sống với anh. Anh đã không có can-đảm chết với tôi, anh làm sao có can-đảm để sống với tôi được nữa ? Thôi, anh đi ra ! Đi ra ngay ! Đi ra ! Tôi không muốn thấy mặt anh...

— Em Thanh ! Em...

— Anh không được gọi tôi là « em ». Từ giờ phút này, anh không còn là gì của tôi nữa cả. Đời tôi sẽ như thê nào, mặc kệ tôi, tôi không còn vương víu gì với anh nữa. 50 viên thuốc ngũ mà tôi đã uống một mình, đã chằm dứt hết cả giữa anh và

tôi rồi. Từ bây giờ, hãy để tôi yên! Anh đi ra!... Đi ra!... Đi ra!...

Thanh-la hét thật to và đưa tay ra làm dấu cương quyết xua đuổi người yêu đã phản bội lời thề...

N. V.



\* BỐN CHÀNG LÀM RẼ HỌA THƠ

Chiều ba mươi Tết, bốn chàng ăn mặc sang trọng đến nhà ông nhạc làm rẻ. Khi chuyện trò được một lúc, anh thứ nhất vì ngứa đầu quá nhưng sợ xấu hổ không dám gãi, bèn ứng khẩu đọc:

« Con hươu nó ở trên rừng,  
Nó ăn lá lộc mọc sừng lên đây »

đoạn anh ta đưa tay lên đầu gãi lia-lịa cho đỡ ngứa.

Anh thứ hai, vì lở có chứng bệnh hay thò lò mũi, nhưng không dám đưa tay chùi, sợ ông nhạc biết, liền đọc:

« Một đàn chim nhạn bay ngang  
Bay đi bay lại nó sang bên này »

đi anh ta lấy tay áo đưa lên mũi quẹt qua quẹt lại cho nước mũi khỏi chảy dài xuống miệng.

Anh thứ ba lại đau mắt, bị xốn-xan khó chịu quá, nước mắt muốn trào ra nhưng, nghĩ không lẽ đưa khăn lên chùi mắt, sợ ông nhạc cười, anh ta cũng ứng khẩu đọc:

« Nghĩ đời mà ngán cho đời,

Hai hàng lệ ngọc thương người xót xa! »  
thế rồi anh ta cũng điềm nhiên đưa khăn lên chùi mắt.

Rồi đến anh thứ tư lại bị ngứa ở hạ-bộ, ngứa quá không thể nào chịu nổi, anh ta đọc luôn:

« Thì tôi thua sắc kém tài,

Tôi xin lui xuống cho người khác lên, »

LÁ THƯ XUÂN

của người em gái quê nhà

Kính gửi

các anh NGUYỄN VĂN CỒN  
TRẦN ĐẠI HIỂU  
cậu NGUYỄN THÀNH MAI  
cô NGUYỄN THỊ TỐT  
(PARIS)

Cũng tất cả Anh Chị Em Sinh-viên  
Việt-Nam ở khắp nơi Hải ngoại

Việt-Nam, ngày 1-1-1963

Anh Chị kính mến,

Đã bao lâu rồi, Anh? Đã mấy năm rồi, Chị? Từ ngày Anh Chị vì tương-lai xứ-sở rời bỏ quê-hương yêu dấu để sang học-hành nơi đất khách. Hiện giờ Anh Chị ở đâu, nơi nào? PARIS, kinh thành ánh-sáng, Tokyo với đồi núi Phú-Sĩ-Sơn, Bruxelles, Manile... với thẳm cảnh mê-hồn, hay U. S. A. với tất cả là âm-thanh và máy-móc... Anh Chị đang làm gì? Anh Chị có nhớ gì không, có nghĩ gì không? Quê-hương chúng ta, Việt-Nam yêu dấu. Mùa xuân đang chuyển mình trên đất nước. Những cành hoa mai vàng lại sắp-sửa nở rực-rỡ trong nắng ấm. Hoa miên tự do cũng thắm-sắc như lòng người tự-do. Một đĩa bánh chưng. Một quả dưa đỏ. Những hàng dâu xanh-ngắt, những quả mãng cụt ngon-ngọt mận-mà. Tất cả là của chúng ta, của em, của Anh Chị và của toàn thể người Việt tự-do thân-mến. Xuân năm nay tuy không có pháo nổ, nhưng không phải vì vậy mà mất đi hương vị và ý-nghĩa của mùa xuân. Những đôi mắt ngời-sáng, những chàng chiến-sĩ hiên-ngang, những nụ cười tin tưởng, những tiếng súng đại bác vang rền. Đó là niềm tin của chúng ta. Một viễn-ảnh tốt đẹp ở tương-lai — « NGÀY THANH BÌNH ».



Anh Chị kính mến ! Xuân năm nay, Anh Chị có cảm thấy lạnh vì tiết đông sang ? Anh Chị có thấy cái nhớ-nhung nó đây vò, đây-nghiến ? Anh Chị có hình dung lại được những lời nói vui tươi, những câu chúc tụng, những đĩa bánh mứt ngọt-lịm, những tấm giấy bạc mới lì-xì trong mỗi đầu năm, và Anh Chị có nhớ không, tiếng Việt-Nam, nước Việt-Nam yêu dấu ? Nơi un-đúc những Anh-hùng Lê-Lợi, Quảng-Trung, những danh tài Nguyễn-Du, Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu... và đứa em gái nhỏ luôn luôn vọng-tưởng đến Anh Chị với tất cả niềm tin-tưởng Thành-công ? Em cầu-nguyện và hy-vọng rằng : Anh Chị sẽ không vì một giây phút yếu lòng nào, để ánh-sáng kinh-thành lồi cuống, và những ánh-mắt giai-nhân, những lời nói âu-yếm ngọt-ngào nào, làm anh chị sa-ngã vào hố sâu trụy-lạc. Ngày về của Anh Chị sẽ là ngày vui-vẻ nhất, là ngày Anh Chị đem những tài năng học-hỏi nơi xứ người về tỏ diễm cho Giang-sơn, gấm vóc. Có như thế, Anh Chị mới xứng-dáng là những đứa con yêu của gia-đình, của tổ-quốc và tổ-tiên chúng ta cũng sẽ hãnh-diện mà không khỏi ngậm cười nơi chín suối. Riêng em — Minh-Nguyệt — đứa em gái nhỏ hiền-hòa mộc-mạc sẽ nở nụ cười tươi, đón mừng ngày đoàn tụ vinh-quang.

Anh Chị ! Mùa xuân năm nay, quê hương chúng ta cũng có giá đũa lạnh-lạnh, có trời đẹp, có mây trong, có hương-trầm nghi-ngút, có những tiếng chuông ngân, có những nụ cười đùa. Ấy thế mà em thấy hình như mất đi phần nào nhộn-nhip vui tươi. Em nhớ đến Anh Chị với sự cô-đơn, u-buồn ở hải-ngoại. Em mong rằng lá thư này, giòng chữ này, cảm tình trọn vẹn này, sẽ bay qua lòng Đại-Dương đến với Anh Chị, an-ủi Anh Chị trong ba ngày xuân nơi đất khách.

Em Kính Chúc Anh Chị một năm  
nói nhiều thành công và hoan-lạc về  
về phụng-sự Quê-Hương.

**MINH - NGUYỆT**

(Nữ-sinh-viên Saigon)



QUA PHÚT

G I A O

T H Ữ A



★ Mỹ - Khanh

**L**ẦN cuối cùng. Tuyệt xoay người vào phía vách tường, cô nhắm mắt mà không sao ngủ được. Bên ngoài, chuông đồng hồ thông thả buông mười hai tiếng. Cảnh nàng, Sơn đương ngủ ngon lành. Chàng nằm giữa, duỗi thẳng chân tay có vẻ thoải

mái, hơi thở âm và nhịp nhàng nghe rõ trong đêm vắng. Tuyệt khẽ nhích người ra tý nữa, sợ sự thao thức của mình làm kinh động giấc ngủ bình thân của người chồng yêu kính.

Ngọn đèn dầu chong trên bàn rải ánh sáng mờ mờ trong gian phòng nhỏ bé làm Tuyệt hơi rờn rợn người khi liếc nhìn cảnh trời tối mịt bên ngoài. Đêm nay, đêm 29 tháng chạp rồi ! Chỉ còn một đêm nữa thôi là đã sang một năm mới khác, chỉ còn một đêm nữa thôi là một mùa xuân mới đã về với nhân gian. Tuyệt lắng nghe lòng nôn nao, cảm động khác thường, mong cho chóng hết đêm nay. Thời gian, trong những giờ phút trông đợi, như ngừng lại. Mọi năm trước, mỗi lần Tết đến, mỗi độ Xuân về, không bao giờ

Tuyết cảm nghe được niềm vui phấn khởi, nhẹ nhàng, hân hoan như năm nay. Nàng chỉ thấy toàn những nỗi cô đơn, buồn tủi, cả trong dịp Tết năm ngoái nàng cùng Sơn xây tổ uyên ương.

Nhưng năm nay, Tuyết không buồn nữa mà chỉ mong cho ngày giờ chóng hết, từ hôm nàng biết chắc tin chị Sương sắp được trả lại tự do và về với nàng trong một ngày cuối năm. Ngày nào, lòng nàng cũng bận rộn nhiều ý nghĩ về cuộc tái hiệp với người chị gái sau bao nhiêu năm xa cách. Nàng cố tưởng tượng nét mặt chị qua nhiều vẻ: hoặc tươi cười rồi rít chạy lại ôm chầm lấy nàng, hoặc cảm động nhìn nàng mà

rung rung nước mắt, hoặc điem điem lạnh lùng như người coi thường những cảnh đời ngang trái. Về nào đời với Tuyết cũng đáng yêu thương hết. Nàng âu yếm giữ kỹ những hình ảnh đó trong tâm khảm như sợ chúng mau xóa mờ, nếu nàng hồ hững lãng quên đi trong phút chốc.

Riêng đêm nay, đêm cuối cùng của đời chờ hồi hộp, của suy tưởng băng khuâng, một đêm gần cuối năm, Tuyết muốn ôn lại quãng đời hăm-một cái xuân của nàng, ôn lại những cảm nghĩ mà từ bao lâu, lộn xộn trong đầu óc, không để trí nàng được may thơ thới. Tuyết cảm thấy cuộc đời sẽ âm áp hơn khi có chị Sương về. Chị Sương



sẽ cùng sống với nàng, sẽ ban cho nàng tình thương yêu, sự che chở của gia đình mà bấy lâu, nàng mơ ước. Tình thương ấy, nàng đã mất từ ngày còn thơ ấu. Bây giờ mừng tượng lại, nàng chỉ còn nhớ mang máng một gian nhà xinh xắn, vài gương mặt thân yêu, thể thôi. Cha mẹ mất sớm, Tuyết chỉ còn ba chị em mà chị Sương là đầu lòng, và một người anh trai lớn hơn Tuyết ba tuổi. Trong thời tao loạn, ba chị em tản cư, sống nương náu với một người chú họ. Chị Sương đảm đang, thương em, cố gắng làm lụng để cho em được học hành và bao giờ cũng quên tuổi hoa niên. Tuyết hồi tưởng lại nhiều đêm đông lạnh, chị nàng phong phanh trong manh áo mỏng, gánh hàng ra chợ ngồi bán hàng mây tiêng đồng hồ, giữa lúc hai em vừa sưởi lửa, vừa học bài ở nhà. Lại còn những trận ốm của Tuyết và anh Vân! Thuở ấy Tuyết ốm luôn, một lần ốm có khi hàng tháng chưa dứt. Ở những vùng xa lạ, đương trong cảnh

tản cư túng thiếu, chị Sương hồi ấy làm sao một tay lo liệu thuốc men, Tuyết nào đã biết gì! Chỉ biết rằng đêm nào chị Sương cũng thức với Tuyết hồi han, săn sóc như một bậc mẹ hiền đối với con yêu. Lòng Tuyết từ đó in sâu hình ảnh người chị gái đáng kính cho đến năm hòa bình trở về trên đất nước, Tuyết vừa được mười lăm tuổi. Người chú họ đưa gia đình, cùng chị em nàng vào thủ đô, mong kiếm công ăn việc làm Can đảm, siêng năng, và nhanh nhẹn, dần dần Sương đi vào con đường tươi sáng hơn, trong cuộc sống nhộn nhịp chồn phố phường. Hai em nàng đương theo bậc Trung học. Tưởng chừng như tương lai nắm chắc sẽ huy hoàng, bỗng nhiên âm âm tai vạ đến, chiếc tổ ấm tả tơi theo cơn gió lốc. Trong khi buôn bán, Sương bị can tội mua và tàng trữ của gian. Ra tòa, nàng lãnh bốn năm tù rồi buồn rầu bước vào nhà giam sau khi nhìn hai em, ứa lệ.

Từ đó, Tuyết sống hẳn trong gia đình chú Tân để rồi



ngày ngày thấy rõ cảnh cô đơn của mình — Anh Vân, sau ngày chị Sương bị bắt, bỏ đi Lục tỉnh tìm sinh kế, gởi nàng lại cho chú.

Tuyết bắt đầu vào đời, đi làm cho một nhà in, và nơi đây nàng gặp Sơn, bằng lòng lập gia-đình với chàng. Sơn là một thanh niên đứng tuổi, nhã-nhặn và cẩn-thận trong công việc, được lòng tin yêu của chủ, duy trên gương mặt chàng lúc nào cũng lộ vẻ buồn xa xôi, man mác. Lúc đầu bạn bè cùng sở bàn bạc nhỏ to chê Sơn già, và trẻ, đẹp như Tuyết mà lấy chàng là một cuộc hôn nhân không xứng đáng. Tuyết đã định ngã theo họ, nhưng càng gần gũi Sơn, nàng càng thông cảm mọi tình sâu đậm, chân thành của người trai ấy. Đương sống trong hoàn cảnh cô đơn, Tuyết chỉ mong mỗi gặp kẻ hiểu mình, sưởi ấm lòng mình trong những cơn giá rét, hơn là những kẻ lợi dụng mình bằng những giả dối bên ngoài.

Và, lấy Sơn, Tuyết đã được toại nguyện. Nhưng, nỗi buồn bơ vơ, không gia-đình vẫn

đeo đuổi nàng, nhất là trong những ngày về sông chung với cha mẹ, anh chị em bên chồng. Sơn thương nàng, tìm cách đưa đi đây đi đó cho nàng khuấy khỏa, Tuyết cũng nguôi dần và càng yêu kính Sơn. Nhưng khi ôn cho nhau nghe quãng đời dĩ vãng. Tuyết biết chồng xưa kia có đính hôn với một người con



gái, mà cơn loạn ly đã làm ngăn cách với chàng. Sơn chỉ bảo : « Người ấy có gương mặt hao hao giống Tuyết » một lần rồi thôi, chàng không bao giờ nhắc đến nữa, mà Tuyết cũng chẳng tò mò muốn biết thêm.

Mấy hôm nay, tin vui đến với nàng trong những ngày rét buốt cuối năm, làm Tuyết quên tất cả mà chỉ nghĩ đến người chị từng chịu khổ đau vì nàng. Cầm mảnh thư trong tay, Tuyết nhìn mây giông chừ chị ẻo lã, run run, mà cảm động. Nàng đoán có lẽ chị gầy và xanh lăm. Nàng lo sắp đặt trong trí những thức ăn bồi bổ thể chất, cũng như những ngày vui sẽ đem lại cho tinh thần chị nhiều khoan khoái. Ý nghĩ sau cùng làm Tuyết mỉm cười thỏa mãn trong chăn, và thiếp đi một giấc đèn sáng.

★

Chuyến tàu tốc hành từ Nam chạy ra chậm dần, chậm dần và đi vào trong ga. Chuyến tàu cuối năm có khác, hành khách đông đảo vội vàng và hấp tấp lạ thường. Họ chen lấn nhau lên xuống. Dầu vệt đường xa, và

đêm thức trắng còn in lên những nét mặt phờ phạc, mệt mỏi. Một người con gái đứng tuổi phục sức giản dị, vẻ trang nghiêm, xách chiếc va ly nơi tay, chen đám hành lý chật chội, thông thả bước ra đường. Mấy người phu xích lô sán lại, cắt tiếng mời nhao nhao một lượt nhưng nàng sẽ lắc đầu, đưa mắt tìm trong đoàn người đông đảo đương cười nói ồn ào phía trước mặt :

— Chị ! chị Sương ! em đây !

Sương giật mình quay lại, và thốt lên :

— Kia, em Tuyết đây hả ?

Tuyết nhanh nhẹn chạy lại, xiết lấy tay chị. Hai chị em cùng cảm động, không nói nên lời, chỉ lặng nhìn nhau. Như sự nhớ ra, Tuyết khẽ nói :

— Anh Sơn em xin lỗi chị, anh còn bận họp tất niên ở sở, không lên đón chị được.

Bây giờ, Sương mới nhớ ra là Tuyết có viết thư cho nàng báo tin lấy chồng cách đây đã một năm. Sương nói lơ đãng :

— Thế à ?

Rồi hai chị em cùng lên xe. Đọc đường, nghĩ đến hoàn cảnh Tuyết hiện tại. Sương lại đem so sánh với hoàn cảnh mình. Nếu thời cuộc không biến chuyển, cách đây chín mươi năm nàng đã lấy Sinh rồi. Sương nhắm mắt...

Ồ, chóng quá, mình đã ba mươi, Sinh đã ba mươi hai. Nàng đã già đi nhiều, cả thể xác lẫn tâm hồn, chẳng biết bây giờ chàng ra sao, và ở tận đâu đâu.

Nàng chỉ cầu mong cho em gặp bạn đường, vui với hạnh phúc là nàng mãn nguyện, từ nay, về đây nàng sẽ sống bên em, đời nàng sẽ đỡ trông trải để quên rằng mình đã lỡ xuân thì, để hàn gắn vết thương đi vãng. Tuy đạo nọ, trong thư gởi cho chị, Tuyết đã có lần nói đến việc lập gia đình và đã theo chồng dọn về ngoài Trung, nhưng Sương cũng chưa biết rõ về chồng Tuyết lắm. Nàng chỉ biết đại khái đó là một người thanh niên đứng đắn, thành thật yêu vợ và Tuyết có thể nương dựa suốt đời. Thê là đủ, nàng không mong gì hơn nữa.

Sương chợt thần thờ, buông tiếng thở dài!

— Chị sao vậy, chị?

— Chị không sao, chỉ hơi mệt chút thôi. Gần đến nơi chưa em!

— Sắp về đến nhà rồi chị ạ.

— Xe đỗ trước cửa, Tuyết nhanh nhẹn bước xuống trả tiền, rồi xách va-li của chị cùng các thức lặt-vặt vào nhà. Sương theo sau, vừa đi vừa ngắm nghía nếp nhà xinh xắn, bày biện đơn sơ mà sạch sẽ. Nàng thầm khen khéo thẩm mỹ của hai vợ chồng em và đoán được cảnh thân mật yêu thương ấm ấm trong tiểu gia đình. Tuyết đưa chị đi thăm phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, lại cả gian phòng nàng dành riêng cho chị, chỗ nào cũng gọn gàng tươm tât và vui mắt. Sương cảm động đến rơi nước mắt khi nhìn quanh mình, nàng bắt gặp toàn sự chu đáo do niềm yêu thương của người em gái trẻ. Tuyết liền thoáng:

— Đêm nay, em sẽ ngủ với chị, như ngày xưa, em còn bé. Chị sẽ kể chuyện cho

em nghe. Đã lâu rồi, em thèm được nghe giọng chị kể chuyện lắm.

Sương tinh nghịch mỉm cười:

— Em định bỏ rơi Sơn của em sao, Sơn oán chết.

Tuyết nũng nịu:

— Chị chỉ nói! Chứ không nhờ có chị, ngày nay em đâu còn để làm vợ Sơn. Sơn biết điều lắm, không dám oán đâu.

Hai chị em cùng cười khanh khách.

Tuyết nói:

— Bây giờ, chị nằm nghỉ, để em sửa soạn nấu nướng cúng Tật niên.

Anh Sơn em cũng sắp về rồi.

Sương nhìn em đi lại lẳng xăng làm việc trong gian bếp, nét mặt nàng hân hoan của kẻ được mãn nguyện. Nàng mơ màng tưởng đến hình ảnh hai thân đã khuất ngày nào, mà nay hồn thiêng còn phảng phất đâu đây phò hộ chị em nàng.

Có tiếng máy nổ xịch ngoài cửa. Từ dưới bếp,

Tuyết chạy lên, reo âm như đưa trẻ:

— Anh ơi, chị em đã về đây!

Sơn thong thả dắt xe vào nhà. Chàng bình tĩnh, giọng chậm rãi:

— Thê hả? Chị đâu!

Tuyết lại chạy vào, lôi Sương ra nhà ngoài:

— Đây, em trai của chị đã về đây, chị ra em giới thiệu cho.

Sương tươi cười:

— Được mà, chỗ chị em, em cứ để tự nhiên, việc gì mà rồi rít lên thê!

Ngay khi ấy, một mùi khét khét từ dưới nhà bếp bay lên. Tuyết hít hải chạy vội đi:

— Chết rồi, cháy cái món chả rán của em!

Sương bước ra phòng khách, tự đứng, nghe lòng hồi hộp. Thoáng thấy bóng người thanh-niên đương lúi húi cắt chiếc xe vào chỗ góc nhà nàng giạt mình và mặt tái hẳn đi. Chân run run hầu không đứng vững nữa, Sương phải tỳ tay vào thành chiếc ghế dựa cho khỏi ngã. Sơn cũng vừa ngẩng lên, quay ra bắt



gặp người chị gái đương trong cơn bồi rồi xúc động. Chàng im lặng sững sờ đến nỗi không thốt ra được lời nào khi nhận ra người chị vợ đương đứng trước mặt là người yêu xưa cũ. Mãi lâu, nỗi kinh ngạc dần tan, chàng mới nhớ lại vị trí mình mà ấp úng :

— Kia... chị !

Sương nói lí nhí trong miệng :

— Chào chú.

Lúc ấy, nàng mới có cảm tưởng nhìn trộm Sơn. Chín năm qua chàng không già lắm mà lại còn trẻ hơn nàng nhiều, duy vẻ đứng ảng, trầm tĩnh thì không thay đổi. Nhưng tại sao chàng lại mang cái tên Sơn thì nàng không hiểu. Có lẽ trong những năm xa cách, thời thế biến chuyển, trong công việc sinh nhai xuôi ngược, chàng đã nếm bao nhiêu cuộc thăng trầm !

Sơn phá tan cái yên lặng khó chịu đang đè nặng hai người :

— Mấy lâu, chị vẫn được khoẻ ?

Sương đáp, giọng rất nhỏ :

— Cảm ơn chú, tôi vẫn thường.

Rồi nàng nói luôn một hơi, như sợ ngừng lại thì không bao giờ sẽ nói được nữa :

— Đạo trước, Tuyết có viết thư cho tôi báo tin lấy chồng, hôm nay mới biết rõ... chú.

Sơn thấy câu ấy ngụ một ý trách móc. Dù sao, chàng cũng phân trần cho Sương hiểu nỗi lòng :

— Dạ... cũng là sự ngẫu nhiên mà hai chúng em lấy nhau.

Tuyết vừa bước ra, nghe câu sau. Nàng cười ngật nghễo, chen vào :

— Anh Sơn anh ấy nói dối chị đó. Anh đeo đuổi, tán mãi em có cả năm trời chớ ngẫu nhiên gì đâu.

Sơn giả là :

— Thôi đi, em thì lúc nào cũng muốn lãnh phần thắng. Cơm nước đã xong chưa mà ra nói leo vào !

Tuyết vòng hai tay :

— Thưa ông, rồi ạ.

Hai chị em cùng ra nhà sau, để mặc Sơn cúng kiếng.

Tuyết chỉ cảnh tập nập bên ngoài, bảo chị :

— Chị có nhớ không, hồi tản cư, chiều ba mươi Tết mà cứ rúc mãi dưới hầm ! Chị em với anh Văn cứ nằm sát bên nhau, không dám ngược dậy !

Sương nghĩ thầm, cứ chưa nói vội : Thề mà còn vui hơn bây giờ, nhưng nàng kịp giữ lại câu ấy, sợ mèch lòng em.

Bữa cơm tất niên mà chỉ riêng Tuyết thầm mong là vui lắm, lại hóa ra nhạt nhẽo, vô vị, tuy rằng những món ăn đều cầu kỳ thịnh soạn, khiến nàng đâm khó chịu và hơi thất vọng. Nàng tưởng trong cuộc trùng phùng ít có như hôm nay, mọi người sẽ hân hoan cười nói, nhưng ngược lại, Sương giữ vẻ trang nghiêm dăm chiêu và buồn bã, Sơn thì gượng gạo, lúng túng. Chỉ có nàng là vui thật sự, luôn mồm pha trò mà không được hưởng ứng.

Nhưng, bản chất hồn nhiên, Tuyết chẳng thắc mắc lâu. Nàng cho rằng chị vì

đi đường xa nên nhọc mệt, còn chồng thì giữ phép xã giao.

Đêm đến, lúc hai chị em vào giường ngủ, Sương cố quên cảnh ngộ éo le của mình, lòng tự bảo lòng hãy bình thản. Nàng chiều em như ngày xưa kia, thuở em còn bé bỏng, kể cho em nghe những gì đã qua trong thời gian chị em ly cách, và cùng em ôn lại dĩ vãng chôn quế nhà. Tuyết ôm lấy chị :

— Từ nay, chị sẽ ở luôn bên em, nghe chị !

Sương quàng tay qua vai em :

—Ừ, rồi chị sẽ ở luôn. Bây giờ ta đi ngủ rồi còn dậy đón Giao thừa.

Mười phút sau, Tuyết ngủ yên bên cạnh người chị hiền, hơi thở đều và khỏe khoắn. Sương ngồi dậy, lặng ngắm em, chép miệng thở dài. Bồn bẻ vắng lặng. Đêm 30 Tết, giờ nầy vạn vật như cùng im hơi, nín tiếng để tiễn năm cũ đi và đợi chờ phút giao thừa tung bừng quan trọng. Hơi gió lạnh hiu hiu lọt vào song cửa làm Sương

rùng mình nghĩ đến bên ngoài rét mướt. Nàng chắc lưỡi, đứng dậy, lại ngồi vào chiếc bàn con, rút bút chì hí hoáy viết không u nghĩ, rồi quả quyết xách va-li ra khỏi phòng.

★

Tuyết áp má vào gò, thồn thức. Nàng có ngờ đâu sự việc xảy ra như thế. Cảnh ngộ trở trêu đã khiến nàng mắt người chị dịu hiền, người chị suốt đời hy sinh, tận tụy vì em, lại cũng vì em mà đau khổ. Nàng muốn gào lên, muốn chạy ra ngoài đường phở níu kéo chị Sương trở về, nhưng giờ đây trong đêm tối, nàng còn biết tìm chị phương nào nữa. Chị nàng đã ra đi lặng lẽ, để em yên hưởng trọn hạnh phúc tuyệt vời, nhưng chị đã quên rằng mắt chị, hạnh phúc ấy đâu có vẹn toàn.

Tuyết đọc một lần nữa những giòng chữ vội vàng của chị:

«Tuyết em. Chị ra đi chắc em sẽ khổ tâm, nhưng chị còn ở lại ngày nào, em sẽ khổ tâm nhiều hơn nữa. Vì sao? Rồi Sương sẽ kể cho em nghe. Thôi,

Trời bất vậy, chúng ta đành vậy, em hãy quên tất cả để yên vui, khỏi phụ lòng yêu thương của chồng em. Chúc em một năm mới tốt đẹp, một mùa xuân hạnh phúc. Em đừng lo về sự sống của chị.

Chị.

Sương»

Tiếng Sơn nói vọng cửa ngoài:

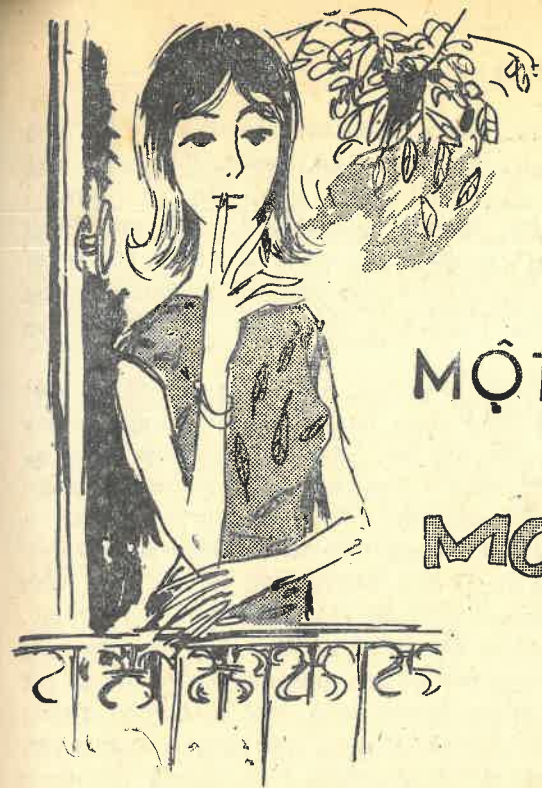
— Tuyết ơi, dậy đi em! Mình ngủ quên, đã qua phút giao thừa rồi, em ạ!

● MỸ KHANH  
(Xuân Quý Mão)



— Đi săn gì mà lại ăn mặc đàng hoàng vậy? Súng đâu?

— Đi săn «mèo» tất niên ấy mà bớ!



● Duyên Hồng

# MỘT GIÁC

# MƠ HOA

★ 30-1-1957. — Đêm 30 Tết. — 21 giờ.

Đêm nay Duyên-Hồng vui quá. Hồng muốn nói ra nỗi vui của mình, cho ai nghe, nhưng biết nói với ai? Đâu có ai là tri kỷ với Duyên Hồng trong giờ phút này để Hồng thổ-lộ tất cả nỗi niềm tâm-sự? Thôi, Hồng nói với Hồng vậy. Hồng muốn viết cho Hồng một bức thư, để Hồng kể chuyện cho Hồng nghe, chuyện vui lắm cơ, Hồng ạ. Bức thư của đêm giao-thừa gửi cho Duyên Hồng đây nhé.

Duyên-Hồng thân yêu ơi,

Duyên-Hồng đi chơi với Hải, vừa mới về đây. Hồng biết chứ? Vì quá yêu Hải nên Hồng đã nói dối với Mẹ một tý, một tý thôi, chắc không phải là một tội lỗi lớn lắm. Hồng đã đồng-



ý với Hải bảo Thanh lúc 5 giờ chiều nay đến xin phép Mẹ cho Hồng đi xi-nê với Thanh, một buổi xi-nê tất-niên. Nhưng sự thật tại này mượn Thanh để lừa-dối bà cụ, vì ra đến rạp Eden thì đã có Hải chờ nơi đấy, Thanh nhông-nheo đòi tiền anh để đi mua kẹo, rồi để Hồng vào xi-nê một mình với Hải. Thanh bắt tay từ già Hồng, lại còn nói : « chúc hai ông bà vui, thật vui nhé ! » Câu nói đùa của Thanh làm cho Hồng mắc-cở làm sao ấy, Hồng ơi !

Thế là lần đầu tiên Duyên-Hồng ngồi trong phòng tối một mình với Hải, suốt ba tiếng đồng hồ. Hồng hồi tưởng từ ngày này năm ngoái Hồng chưa biết Hải, cho đến ngày này năm nay Hồng ngồi âu-yếm bên cạnh « chàng », trong thời-gian một năm qua, Hồng đã hoàn-toàn thay đổi. Chiếc đĩa tiên của Tình-Yêu đã làm rung-động một quả tim ngày-thơ 16 tuổi thành những nhạc điệu mê-ly, nhịp-nhàng huyền-diệu, rạo-rực yêu đương. Ngồi cạnh người yêu, Hồng sung-sướng được chàng khế nằm lấy bàn tay, đưa lên môi chàng, và hôn thật lâu, hôn từng ngón tay, hôn lưng bàn tay, hôn lòng bàn tay, mỗi nụ hôn như truyền-cảm cho da thịt của Hồng một hơi nóng diệu-huyền êm-ả. Một phút trong phòng tối om, trong hai chiếc ghế kề sát nhau trên từng cao chót-vót, không bị những cặp mắt tò-mò nom thấy, Hải nghiêng đầu sang bên Hồng, má kề vào má Hồng, và ngay lúc Hồng không ngờ, Hải vội-vàng đặt lên môi Hồng một.. Ồ, Duyên-Hồng ơi ! Hồng run lên, nhưng Hồng sung-sướng, cảm-động nhận lãnh hương-vị nồng-nàn của đôi môi say-mê.. Nhưng ngăn ngủi làm sao ! Hải vội-vàng buông ra, ngồi lặng-lẽ, để cho Hồng có cảm-tưởng như Hải hối-hận vừa làm một việc điên-rồ, hay Hải sợ Hồng giận vì quá sỗ-sàng. đột-ngột... Không đâu, Hải ạ, em không giận anh đâu, em biết vì anh quá yêu em, trong bóng tối anh muốn tặng em một nụ hôn âu-yếm và cũng là nụ hôn đầu tiên, ngào-ngạt, trên môi em.

Em càng cảm-động khi Hải nghiêng đầu sang Hồng, khế bảo với giọng nói chân-thành âu-yếm : « Hồng tha lỗi cho anh nhé ». Hồng mỉm cười, sung sướng, đưa tay sang nắm chặt lấy bàn tay Hải, để tỏ tất cả lòng tha-thứ yêu-đương của Hồng.

Màn ảnh đang chớp đôi uyên-ương đuổi bắt nhau trên bãi bờ, ngập tràn bọt sóng, vang dậy tiếng cười. Nàng đuổi sức, ngã nằm xuống cát, chàng chạy đến kịp cũng ngã xuống bên cạnh nàng, ôm ghì lấy nàng, má kề má, môi kề môi... Nàng không chống cự. Một đợt sóng cao lớn từ ngoài lờ cuốn vào bãi cát, đổ ào-ạt xuống hai người, như phủ một tấm màn tuyền trắng-xóa trên hai thân-hình đang say đắm trong yêu đương.

Hồng chợt nghĩ : Một tình yêu trên màn ảnh, một tình yêu trên hai ghế khán-giả, mỗi tình nào tha-thiết say mê hơn ? Không ngờ, Hồng vừa nghĩ thầm như thế thì Hải cũng quay sang nói nhỏ bên tai Hồng : « Một tình yêu trên màn-ảnh, một tình yêu trên hai ghế khán giả, đố em biết mỗi tình nào tha-thiết say mê hơn ? » Hồng muốn cười lên một tiếng thật to, nhưng Hồng vội-vàng đưa tay lên bịt miệng, và ngả đầu lên vai Hải, lăm-bằm bên tai chàng : « Chúng mình yêu nhau say-mê hơn chứ ! » Hải nhoèn một nụ cười đầy ý-nghĩa. Rồi Hải bảo : « Chừng nào hai đứa mình thành-hôn, chúng mình sẽ đi du-lich ra Nha-Trang tắm biển, em nhé ? » Hồng nhìn Hải, mỉm cười, gật đầu. Thật là lạ nhỉ, Hồng nghĩ thế nào, thì Hải cũng nghĩ đúng như thế, như thế hai tâm-hồn là một vậy.

Duyên Hồng ơi, nghe Hải nói đến câu : « chừng nào hai đứa mình thành-hôn », sao Hồng băng-khuàng, hồi-hộp thế ! Ồ, Hồng tưởng-tượng... cái ngày mà « hai đứa mình thành-hôn », Hồng đã thấy tâm hồn tràn-ngập hạnh-phúc ! Chưa chi, bây giờ đây Hồng đã có vô số hạnh-phúc rồi, chừng ấy Hồng sẽ có biết bao nhiêu và bao nhiêu hạnh phúc nữa ! Hồng sẽ giàu hạnh-phúc nhất trên đời này ! Hồng sẽ là triệu phú hạnh-phúc !! Ồ ! Cái vé số nào trúng một triệu đồng bạc có nhiều bằng cái độc-đặc một triệu hạnh-phúc của Hồng không ? ?

Duyên Hồng ơi, đêm nay Duyên Hồng vui-mừng làm sao ! Duyên-Hồng đang nắm trong tay cái độc-đặc một triệu hạnh-phúc đây này ! Sứu ơi... Mai ơi... Ngọc ơi... Loan ơi... Hà ơi... các bồ làm gì được may-mắn như Duyên Hồng ! Các bồ đâu có trúng một Tình yêu độc-đặc !

Hải hôn Hồng say-mê. Môi Hải trên môi Hồng, như thu-hút lẫn nhau cả hai tâm hồn và hai thề xác. Từ đêm nay đây, Hồng hoàn-toàn là của riêng Hải, tất cả em là của riêng anh. Giữa hai đứa mình không có gì ngăn cách nữa, phải không anh ? Anh Hải yêu quý của em ! Có phải chiếc hôn anh tặng em lúc

này đã gắn chặt hai cuộc đời của chúng ta rồi không, anh ?  
Đúng thế, anh nhỉ, cho nên lúc ra khỏi phòng xi-nê, hai chúng  
mình đứng-đình, tay nắm tay, bước nhẹ-nhàng trên đường phố.  
Anh khẽ bảo em : « Tiếng pháo giao thừa chốc nữa đây vang  
dậy khắp thủ-đô Sài-gòn, sẽ là tiếng pháo giao-thừa trong tim em  
và tim anh ».

Hải dặn em : « Đêm nay, trong giờ giao thừa, anh sẽ để  
hết tam-tướng vào em, anh sẽ làm một bài thơ và sẽ đi qua nhà  
em, trao cho em, nếu được gặp em. » Em bảo : « Em sẽ đứng nơi  
cổng vui-mừng chờ đón anh cả đêm nay, giữa lúc Saigon tung bừng  
hoan-nghênh Xuân mới. »

Duyên-Hồng ơi, bây giờ đã 11 giờ 30 rồi... Ước gì hồn Thơ  
trong đêm nay nhập về Duyên-Hồng, cho ta chép được đôi vần  
tâm-tư tặng người yêu ta !...

● 24 giờ — Giao-thừa

Thật là một ngẫu-nhiên tốt đẹp phi-thường ! Tiếng pháo Giao-  
thừa nổ đầu-tiên ở Saigon, lại chính là pháo của nhà Hồng ! Nhà  
Hồng đêm nay thức sáng đêm. Thầy, Mẹ, hai vợ chồng Bác Phán  
và Chú Dương chơi tởm trên lầu. Chị Mai, chị Vân, U-già, nấu  
bánh chưng và làm sẵn các món cỗ bàn. Phần Duyên-Hồng, Mẹ đã  
giao-phó việc quét dọn và chưng bày nhà cửa thì Hồng đã làm  
xong tất từ chiều, trước khi Mẹ cho phép đi xi-nê với...

12 giờ, đồng-hồ trong nhà vừa điểm thì Thầy đốt ngay hai  
tràng pháo một lúc. Pháo nhà vừa dứt mới nghe pháo các nơi kể  
tiếp nổ vang lừng thành phố. Tim Hồng bỗng đập mạnh vì đã gần  
đến lúc gặp Hải... Hồng sửa soạn ra cổng đón chờ đây.

Ít nhất nửa giờ nữa Hải mới đến vì anh ở Đại-lộ Trần-hung-  
Đạo, gần Nancy, còn Hồng ở Đất-Hộ... Hồng đã chép sẵn bài thơ  
tặng Hải trên tấm giấy hồng ướp nước hoa, bỏ trong bao thư xong :

★ Anh với em

Pháo giao-thừa đã nổ  
Trong tim Anh, tim em,  
Xuân tung bừng rực-rỡ  
Trong hồn Anh, hồn em.

Khóm hồng bên cửa sổ  
Được duyên Anh, duyên em.  
Hoa điểm-tinh tươi nở  
Thắm môi Anh, môi em.

Đường Thiên-Thai đã mở  
Đón bóng Anh, bóng em.  
Nhạc Thanh-bình muôn thuở  
Vang tình Anh, tình em !

DUYÊN-HỒNG

Hồng ra sân giả-vờ để lượm những cái pháo tịt ngòi. Hồng nhặt  
được hai cái, reo mừng lên, rồi nghe tiếng chị Vân nói ở sau bếp với  
chị Mai : « Cái con Hồng thật là trẻ con ! Ngần ấy tuổi rồi mà còn... »

Bỗng có tiếng xe taxi dừng gần cổng, Hồng đoán là Hải. Hồng  
vội chạy ra cổng — Ô đúng là Hải ! Hải ! Hải ! Hồng mừng  
quỳnh chạy ra gần chàng, vội-vàng nhận lấy bao thư của chàng,  
và trao chàng bao thư của mình. Hai đứa lặng lẽ nhìn nhau,  
mím cười, rồi bắt tay. Trước khi từ-giã, người yêu của Hồng còn  
đưa bàn tay Hồng lên môi hôn... Ô, say sưa !... Hồng vụt chạy  
vào sân, reo lên như được pháo...

Hồng vào phòng, khóa cửa, mở thư ra xem :

Trao Hồng yêu-dấu,

Đêm Giao-thừa năm ngoái,	Xuân này, anh đã có em,
Anh đi lang-thang,	Tất cả là em,
Giữa những người qua lại,	Tất cả vì em,
Đường vẫn rộng thênh-thang !	Tất cả với em,
Rồi nằng Xuân về phơi-phới,	Hoa Xuân thơm ngát bên rèm,
Mây xuân tấp tểi,	Bóng em thấp thoáng bên
Gió Xuân phấp-phới,	thêm mơ hoa !
Tất cả trời đều mới,	Xuân của hai ta !
Tất cả đời đều hồng.	Trời của hai ta !
Anh say-sưa ngây-ngất	Đời của hai ta !
Men nồng.	
Anh say-sưa trong giấc	
Mơ Hồng.	

TUẤN-HẢI

(còn nữa)



## mừng xuân

★ T. N. HỖ-KHƯƠNG

*Xuân đến, mừng xuân biết viết gì?  
Nôm-na gọi có ít vần thi:  
Nương theo cánh nhạn 'đề thơ Tết,  
Thăm hỏi đôt lời bạn cố-tri...*

## mười thương

*Thương người viễn khách chốn tha-hương,  
Thương kẻ bơ-ơ lạc-lối đường.  
Thương trẻ đầu xanh pha cát bụi,  
Thương già tóc bạc nhuộm phong sương.  
Thương khi xuân hết, hoa tàn úa,  
Thương lúc thu sang, lá nhuộm vàng.  
Thương mát, thương hoài, thương chẳng xiết,  
Thương ai... còn vướng nợ từ-chương.*

## hạ

NGÀY XUÂN TỰ TRÀO  
(Gửi tặng hạ chưa vào khám)

★ NGUYỄN-ĐẠI-BỘT  
(Kiên-giang)

*Ngày Tết xo ro chốn Chí-hòa,  
Ngán ngao thay! cảnh sống nhà pha.  
Xuân trong khám tối, không hoa, rượu.  
Tết giữa Xà lim, thiếu mát, trà  
Hai bữa cơm đen, thân chó chết  
Năm canh đất đỏ kiếp trâu già.  
Vợ con bầu bạn, không thăm viếng  
Tết tiếc làm chi, chán lắm mà*

(Xuân Quý-Mão)

Xiao rao  
Tết

★ TÂN-PHONG

NĂM mới, chào quý Bạn...

Hôm nay, thưa quý bạn, trong lúc rảnh-rang quý bạn ngồi ăn chút uống trà, tôi muốn đem ra khoe với quý bạn một « collection » *Danh thiếp và Thiệp chúc Tết* mà tôi đã tìm-kiếm và đề dành từ ba chục năm nay. Thưa, xin nói trước, đây không phải là những tấm Thiệp rất lịch-sự mà chính quý bạn đã có thịnh tình gởi cho tôi, mà đây là những tấm thiệp lạ thường ít có, do tôi đã ngẫu-nhiên trông thấy hoặc đã sưu-tầm nơi nhà các người bà con, thân-thuộc và bạn-hữu đủ các giới. Xin thú thật rằng tại vì tôi muốn tự mình nghiên-cứu tường tận về tâm-lý của các hạng người

trong xã-hội trên mọi phương-diện, nên tôi mới đi tìm kiếm góp nhặt những tấm Danh-thiệp lạ thường, bởi vì tôi nhận thấy rằng tâm-lý của mỗi người thường biểu-lộ ra một phần nào trên lối trình bày Danh-thiệp của mình, hoặc cả trên cách lựa chọn những tấm thiệp chúc Tết đã in sẵn và bán đầy các nẻo đường.

Thưa đây tôi xin trình-bày một ít kiểu mẫu danh thiệp độc đáo nhất trong tập sưu-tầm của tôi :

1.—

NGUYỄN-VĂN-M...

*Con trai của cụ Đốc-phủ sứ  
Nguyễn-văn-B, Chevalier de la  
Légion d'Honneur.*

*Kim-khánh Bột-tinh*

Số nhà, đường ...

Tỉnh ...

2.—

TRẦN - X. - B.  
 Dân biểu Quốc-Hội.  
 Hội viên hội...  
 Cựu Thư Ký hội...  
 Cựu Cô g-Chức Sở...

Biệt thự Hoàng-Long  
 Số... đường... Tỉnh...

3.—

TRẦN - K. - X.  
 Thi-sĩ Kiêm Văn-sĩ  
 Kiêm cựu Giáo-sư Việt-ngữ.  
 Ứng cử-viên Dân-Biểu  
 Quốc-Hội Khóa I.  
 Giám-đốc tiệm tạp-hóa  
 X Y Z...

Số nhà 125/52/3D đường hẻm  
 13, Đại-lộ Cộng-Hòa Tỉnh...

4.—

LÊ - VĂN - K.  
 Père du peintre  
 Lê-văn-X. (1)  
 Số nhà... đường Tỉnh...

5.—

LÊ-THỊ-HỒNG-T...  
 Tỉnh-trưởng Phụ-nhân  
 Tỉnh...

6.—

hình VƯƠNG-VĂN-B...  
 Giám-đốc hiệu  
 Tương Phật-đà  
 Số nhà... đường... Tỉnh...

7.—

Nữ giáo-sư TRẦN-THỊ-L... hình  
 Chiêm-tinh-gia.  
 Bói bài, xem chỉ tay,  
 xem chữ ký.  
 Hội-viên Hội Phật-học...  
 Cô-động viên hăng  
 Xã-phò g Con-Nai.

Số nhà... đường Saigon

8.—

CÔNG-TẶNG-TÔN-NỮ  
 ĐIỂM-H... và LÊ-VĂN-T.  
 Giáo-sư Toán-Lý-Hóa  
 Cựu Giáo-sư trường Trung-học...  
 Số nhà... đường Tỉnh

9.—

PHẠM-XUÂN-M...  
 Tài-xế của Tòa Đại-sứ...  
 Chauffeur of the... Embassy  
 nhà riêng  
 số 26/34/5G  
 Đường... Saigon

10 —

Bà và Ông NGUYỄN-ĐÌNH-C.  
 hâu Khoán  
 Cựu Giáo-viên hưu-trí  
 Cựu cố-vấn hội Thể-thao...  
 Số nhà...  
 Đường... Tỉnh...

(1) Thân-phụ của họa-sĩ Lê-văn-X.  
 (Lê-văn-X. là một họa-sĩ có danh  
 tiếng vào khoảng 1936-40 ở tỉnh M.)

11.—

LÊ-HOÀNG-B...  
 Học-sinh Trung-học...  
 Giải-hưởng truyện ngắn  
 của Nhật-báo...

12.—

Cung Chúc Tân Xuân  
 TRẦN-ĐÌNH-H. và vợ  
 Thượng-Sỹ K.B.C...

13.—

Cung Chúc Tân Xuân  
 Ông HỒ-VĂN-TH...  
 và phu-nhân hình ông  
 Phó chủ-sự Ty... Tỉnh...

14.—

Ông và Bà LÊ-TR...  
 Chủ-nhơn hình hai ông bà chụp chung  
 tiệm hớt-tóc Đa-Lợi  
 Chủ nhơn  
 Sạp vải Chợ Mới  
 Số nhà... đường... Tỉnh...

Cung Chúc Tân Xuân  
 nhân loại hòa-bình hạnh-phúc

15.—

Miss HOÀI T...  
 Nữ Chiêm-Tinh Gia  
 Nữ Tướng-số  
 Cựu Nữ ca-sĩ  
 đài Phát-Thanh Q.G.  
 232, Ngõ số 9, đường... Tỉnh...  
 v.v... và v.v...

Tôi chỉ tạm trình bày 15 kiểu-mẫu « Danh-thiệp » độc-đáo nhất trong nhiều kiểu khác nữa.

Đĩ-nhiên tôi tin rằng quý bạn đọc của *Phở-Thông* không bao giờ dùng những kiểu danh-thiệp hoặc thiệp chúc Tết kỳ-dị như trên, hoàn-toàn trái với nguyên-tắc xã-giao, và kém hẳn lịch-sự, nhưng thiết tưởng chúng ta cũng nên biết đại-khái về cách-thức in và dùng danh-thiệp, đúng theo xã-giao của đời sống mới. Thưa quý bạn, tôi nói « đời sống mới », nghĩa là tôi muốn nói không phải quá cầu-nệ, chặt-chẽ, như lối xã-giao Âu-Mỹ ở thời Tiên-chiến, hoặc quá thủ-cựu như nề-nếp nho-phong của các Cụ nhà ta xưa, mà cũng không quá tự-do, hỗn-xược, bừa-bãi như một thiểu số thiếu-niên kém giáo-dục của thời Hậu-chiến.

Đời nay, ở các nước tân tiến, sự dùng danh-thiệp đã bắt đầu bỏ dần, nhưng vẫn không thể nào bỏ hẳn được. Nhưng sự in và dùng danh thiệp đã được giản-dị-hóa hơn thời Tiên-chiến.

Thí dụ như trước kia, người gọi là sang-trọng luôn luôn in danh-thiệp bằng chữ nổi (gravés), chứ danh-thiệp in thường tỏ ra con người ty-tiện. Ngày nay, người ta đã bỏ thông lệ ấy và cứ in thật đẹp là được, không cần phải chữ nổi, tốn kém vô ích. Nhưng nhất định phải in trên giấy Bristol (trắng). Những người



cầu kỳ in danh thiếp trên giấy màu xanh, hoặc màu hồng, mặc dầu là loại giấy thượng hảo-hạng rất đắt tiền, cũng chỉ làm một việc lỗ-lãng. Có một số người Việt-nam dùng danh thiếp *đánh máy* cho đỡ tốn tiền, nhưng in 100 tấm danh-thiếp chỉ tốn ba bốn chục đồng bạc, mà lịch-sự biết bao nhiêu! Nếu không thà dùng gửi danh thiếp còn hơn. Cũng như ngày Tết đi chúc mừng năm mới, thì nên mặc áo quần sạch-sẽ, thẳng thắn, bộ quần-áo đẹp nhất của mình. Nếu không thà năm nhà còn hơn là mặc chiếc áo rách vá vai đi thăm bà con cô bác. Người dùng danh-thiếp *đánh máy* trên tấm bìa, là người không biết *tự-trọng*.

Các cô thiếu nữ có danh giá không bao giờ để số nhà và số điện thoại trên danh thiếp. Chỉ nên để tên và họ đầy đủ, hoặc thêm tên thành phố cư-ngụ :

LÊ-THỊ-TUYẾT-MAI

hoặc

LÊ-THỊ-TUYẾT-MAI

Saigon

Thế là đủ. Những bạn thân của cô dĩ-nhiên đều biết địa-chỉ của cô rồi. Còn nếu cô muốn cho địa-chỉ, hoặc đổi địa-chỉ mới, v.v... thì nên để riêng ngoài phong-bì.

Chỉ những phụ nữ không đứng-đắn thì mới dùng danh thiếp có đủ chỗ ở, hoặc số điện thoại, thí dụ như :

Cô HỒNG-ÁNH  
120, đường xxx...

Đ.T.10.001

Cholon

Cả những nữ Bác-sĩ, nữ trạng-sư, hoặc những phụ nữ có nghề-nghiệp phải giao-thiệp rộng với khách hàng cũng không bao giờ để địa chỉ trên danh thiếp riêng. Đa có địa-chỉ và số điện thoại trên các giấy viết thư đề giao thiệp với thân-chủ của mình. Những phụ nữ đã có chồng, nên in danh thiếp, hoặc tên riêng, hoặc tên chồng, hoặc chung với chồng.

Thí dụ :

Bà LÊ-THỊ-ÁNH

Saigon

hoặc

Bà TRẦN-VĂN-SƠN

Saigon

hoặc

Ông và Bà TRẦN-VĂN-SƠN  
100, đường x...

Saigon

Bà LÊ-THỊ-ÁNH  
Giáo-sư Trung-học

Saigon

Nếu là cô, muốn đề chức-nghiệp, thì :

Công-Tôn-nữ LÊ-THU  
Nữ Y-tá

Huế

LÊ-THỊ-TUYẾT-MAI  
Giáo-sư Trung-học

Saigon

● **Xin lưu-ý.**— Trên danh thiếp, không bắt buộc đề chữ « Bà » đứng trước chữ « Ông ».

Muốn đề : Bà và Ông X. cũng được, hoặc Ông và Bà A, cũng được. Ở các nước tân tiến Âu-Mỹ cũng thế. Nhưng khi nói trước công-chúng, hoặc viết một bài gửi chung cho một số đồng người, luôn luôn phép xã-giao bắt buộc phải nói :

Thưa quý Bà, quý Cô, quý Ông.

Nam-Nữ học-sinh đều không nên dùng danh-thiếp.

\* Trên danh - thiếp, tuyệt nhiên không nên in ảnh của mình, không nên in cành hoa, hoặc dấu hiệu riêng, không nên in màu.

Danh-thiếp đứng-đắn chỉ in bằng mực đen. trên giấy Bristol (trắng).

● **TÂN-PHONG**

**KỶ SAU :**

- Khi nào nên ghi cả nghề-nghiệp
- Khi nào không nên ghi nghề-nghiệp
- Danh-thiếp nên gửi cho ai, không nên gửi cho ai, và gửi cách nào cho lịch-sự.

# HAI CÔ GÁI « ĐỢT SÓNG MỚI »



★ HOÀNG - THẮNG

TÔI quen Huệ và Phượng do một anh bạn ở chung nhà giới-thiệu. Thùy, bạn tôi, là sinh

viên đại-học Văn-khoa, bạn đồng lớp với Huệ và Phượng.

Hôm đó, khi ở nhà in về, tôi thấy Thùy đang ngồi uống la-de với một cô gái. Điều thuốc lá nàng cầm nơi tay đã tàn quá nửa, làn khói xanh đang tỏa nhẹ trên những ngón tay búp măng trắng nuột. Trên mặt bàn, 6 chai 33 đã cạn với hai chiếc ly, vui quá nửa.

Tôi tự thấy mình phải khâm phục người con gái đó. Không phải đây là lần đầu tiên tôi mới được nhìn thấy một người con gái ngồi uống la-de, hút thuốc lá.

Tôi thường từng uống chung ly với những cô chiêu đãi ở Snack Bar — với họ chỉ là vấn đề «nhục-vụ khách hàng» — nhưng chưa bao giờ ngồi uống với «giới đẹp» tại nhà riêng cả, nhất là họ lại thuộc loại «con nhà lành».

Thùy thấy, tôi về liền giới-thiệu :

— Đây là anh Hoàng mà tôi đã có nói cho Huệ nghe.

Chỉ tay về phía cô gái đang dịu dàng đứng đây. Thùy nói thêm :

— Cô Huệ, bạn học ở Văn-khoa.

Huệ đưa tay bắt tay tôi rồi mỉm cười nói :

— Tôi là độc giả trung-thành của tờ báo mà trong đó tôi rất thích đọc những truyện ngắn của anh viết, không ngờ hôm nay được gặp và biết anh ở đây.

Tôi chỉ mỉm cười không đáp, vì nói làm sao bây giờ khi «họ» «khen» mình! Nhưng trong bụng tôi lại nghĩ thầm : «Đúng là Huệ thuộc loại Đột Sóng Mới!»

Chúng tôi cùng ngồi xuống ghế. Thùy chạy sang nhà bên cạnh — là một dépôt la-de — để lấy thêm ly và la-de.

Huệ thân mật hỏi tôi :

— Sao lâu nay anh không viết gì cả?

— Tại tôi không có hứng, tôi đáp.

Huệ tròn xoe mắt hỏi tôi :

— Viết truyện ngắn mà cũng cần phải có hứng mới viết được ư?

— Phải cần có chứ! Truyện ngắn đâu có phải «bouche-trou» để trám trang giấy.

Không hiểu cô Huệ nghĩ thế nào, nhưng theo riêng ý tôi, khi

nào có hứng tôi mới viết và những lời đối-thoại của các nhân-vật trong truyện — dù nhiều dù ít — đều có một phần nào phản-ảnh lại sự thật ở ngoài đời. Tôi không bảo là thật hoàn toàn nhưng không phải hoàn toàn bịa đặt.

— Nếu vậy, khi không có nhân-vật thật thì anh không viết à?

— Đúng thế.

Khi đó Thùy mang la-de và ly về, nghe chúng tôi nói chuyện liền hỏi, theo lối thẳng Ngọng trọng truyện «Lợi Ngược» :

— Thế nà thế nào?

Chúng tôi đồng cười xòa.

Tôi cũng hỏi lại :

— Thế nà thế nào?

Sau đó, sau khi chúng tôi uống thêm mươi chai 33 nữa; Huệ xin phép về.

Tôi đã hơi chuếnh choáng say, nên khi nhìn thấy Huệ vẫn tỉnh như không, tôi đâm ra phục cô bạn mới.

Thùy nói với tôi :

— Cô Huệ ở chung với một cô bạn nữa tên là Phượng; Cô này uống cũng «một cây» nha!

Tôi hỏi Huệ :

— Sao hôm nay cô Phượng không cùng đến chơi vui?



— Tại Phượng bạn đi thăm một người bạn mới ở dưới xứ lên. Nhưng thế nào cũng có lần Phượng tới đây vì Phượng cũng muốn làm quen với anh.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Sao vậy?

— Vì Phượng thích văn nghệ, bập bẹ làm thơ và muốn viết văn.

— À, tôi thốt kêu lên.

Tối thứ bảy sau tôi về nhà hơi muộn vì còn đi «nhậu nhẹt» với mấy người bạn. Về tới nhà thì đã 9 giờ tối.

Móc túi trả tiền xe, tôi nghe có tiếng cười nói ồn ào từ trong nhà vọng ra, đèn điện không có, chỉ thấy những ánh lửa nhỏ của mấy cây đèn cầy. Nhìn các nhà bên thấy đều có điện, tôi cho rằng điện ở nhà bị hư. Phân vân chưa biết rõ có những ai ở nhà, tôi lững thững bước vào.

Ba người con trai và hai người con gái đang ngồi uống la-de!

Thấy tôi về, mọi người nhao nhao nói:

— A, Hoàng đã về!

Tiếng một cô gái hỏi:

— Thế nà thế nào?

Tôi nhận ra ngay Huệ đã nói câu đó. Tối nay cô gái chải tóc kiểu BB, mắt đeo kiếng trắng nom lạ hẳn đi nhưng cũng duyên-dáng thêm lên.

Tôi chào tất cả rồi trả lời Huệ:

— Tôi bị «kẹt» ở Nancy, uống «đá» mới về đây.

Huệ đứng lên giới thiệu:

— Đây là chị Phượng ở chung nhà với Huệ, một «mâm non văn-nghệ» đó! Đây là anh Đức, anh Chung, cũng bạn cùng lớp cả. Còn anh Thùy, thôi cho miễn giới thiệu.

Đức hét to:

— Thế nà thế nào?

Huệ trả lời:

— Vì anh Thùy ở chung với anh Hoàng. Thế nà thế nào?

Tất cả mọi người cùng cười rã ra.

Thùy nói:

— Nhà có điện nhưng bọn này tắt đi rồi mua đèn cầy về thắp cho nó khác đời một chút.

Phượng lên tiếng:

— Anh Hoàng ngồi đi. Anh uống la-de nhé!

— Tôi uống nhiều rồi nhưng uống nữa cũng không sao!

Đức ngâm

— Uống rất nhiều nhưng vẫn chẳng bao nhiêu!

Tôi mỉm cười nhìn quanh. Những vỏ chai nằm lán lóc ở dưới đất đêm không xuề. Trên mặt bàn ướt dẫm nước, những trái cóc nằm bừa bãi bên chiếc lọ đựng mắt ruốc và những bao thuốc lá Ruby. Ánh đèn cầy hắt một màu đỏ đỏ lên mặt mọi người đã đỏ sần vì men rượu.

Tôi chợt nói:

— Trái cóc mà ăn với mắt ruốc vắt chanh ớt thì tuyệt!

Phượng nói:

— Lẽ dĩ nhiên rồi, nhất là chai mắt ruốc kia lại do một người đẹp mang từ Cấp về tặng thì không ngon sao được.

Huệ phụ họa:

— Anh Thùy có cho chúng tôi biết lai lịch lọ mắt ruốc này rồi. Chúng tôi mang ra ăn trước có được không anh?

Tôi vui vẻ nói:

— Được chứ! Được chứ! Với lại người đẹp mà cô Phượng nói đó, chỉ là một người bạn mà thôi.

Đức cười lớn:

— Dieu seul la sait.

Huệ cũng cười:

— Thế nà thế nào?

— Thì... cô gái đó là người bạn gái chứ sao, tôi đáp.

Trong khi mọi người vui vẻ nói chuyện, Phượng tâm sự với tôi:

— Tôi thích những nhân vật trong truyện của anh lắm, nhiều lúc tôi muốn viết như thế nhưng đến khi cầm bút để viết thì lạ thay, chữ đi đâu hết cả. Vậy mà lúc đi ngủ, trong khi trần trọc thì ý vẫn lại rồn rập xuất hiện.

Huệ hỏi:

— Thế nà thế nào?

Tôi cũng pha trò:

— Thế nà thế nào?

Phượng như không để ý, ngã đầu tựa vào thành ghế, lơ đãng hít một hơi dài thuốc lá rồi từ từ nhả khói lên trần nhà. Đôi mắt người con gái trở nên mơ màng:

— Anh Hoàng thấy Phượng và Huệ hút thuốc lá, uống rượu như thế này, anh có cho là kỳ không?

Tôi thành thật nói:

— Không! Không bao giờ tôi nghĩ thế mà trái lại, tôi rất thích thú khi thấy Phượng và Huệ ngồi uống rượu với bọn tôi.

Tôi thường nói: « Nếu có một cô bạn gái nào biết uống rượu với bạn mình thì cũng hay đấy chứ! »

Thùy lên tiếng:

— Đấy, Phượng thấy không? Tôi đã nói mà

Phượng nói:

— Đã có lần Phượng uống cả ba-xi-đế nữa nhé!

— Chà! Dữ quá ta! Vậy đã có lần nào Phượng say chưa?

— Chưa. Chỉ có một lần Phượng uống hơi nhiều cũng thấy choáng váng, lúc đó Phượng muốn được đập phá hết lý để được nghe tiếng võ của Pha-lê.

Tôi cười nói:

— Nếu muốn thế thì tốn tiền lắm đó!

Đã có một lần tôi được đập phá bằng thích — toàn là lý pha lê cả — cầm từng chiếc một ném mạnh vào tường cho tới khi hết,

Huệ hỏi:

— Chắc lúc ấy anh say lắm nhì?

— Đâu có say, mà lúc đó tôi đâu có biết uống la-de.

— Thế tại sao anh lại đập phá?

— Đó là chuyện xảy ra từ năm 1946 lận.

Cả Phượng và Huệ đồng à

lên một tiếng tỏ ý hiểu.

Phượng nói:

— Lắm lúc bọn tôi tự hỏi tại sao mình không phải là đàn ông trong khi mình ngồi hút thuốc lá, uống rượu thế này như họ!

Như chợt nhớ ra, Phượng vội hỏi:

— À, anh Hoàng có biết bài thơ « Vì Sao » không?

Tôi lắc đầu.

— Đề Phượng đọc cho anh nghe. Tác giả là một người thuộc giới phụ-nữ, tự trách mình sao không phải là đàn ông. Phượng có chép ra đây nhưng không rõ tên tác-giả là ai!

Mở bốp ra lấy tờ giấy, Phượng nói:

— Phượng đọc nhé!

Mọi người cùng ngưng uống, hạ hết lý xuống và im lặng chờ.

*Ngột ngạt lắm vì sao tôi là gái?*

*Không là trai cho nhẹ bớt lo âu*

*Thấy gió sương đã nhuộm nửa mái đầu*

*Vẫn chưa rảnh để ngâm câu nhân nhả*

*Sao tôi chẳng là trai để dù muôn lần ngã*

*Vẫn vương lên đời rộn rã nhịp đi...*

*Đề chẳng bao giờ ngồi chép những vần thi*

*Mơ tưởng đến những gì ngoài tám hướng*

*Sống vợ vất như người không lý tưởng*

*Nuốt nghẹn ngào chờ âm hưởng cuộc đời.*

*Rồi vui buồn chỉ ghi nhận riêng tôi*

*Khi cùng sốt cho muôn người đây đó.*

*Không-gian rộng hơn tôi dù bỏ ngõ;*

*Vạn nẻo về đôi tay nhỏ biết làm sao?*

*Bờ vai tròn dù hăm hở nôn nao*

*Khó lách được qua bờ rào cỏ kính.*

*Có những chuyến đi mà không hề suy tính,*

*Bạn bè ngăn: « mà là gái nhớ nghe! »*

*Phải cố kè chờ che rồi mới bước*

*Dừng chân lại nhìn muôn người lẫn lướt,*

*Túi thân mình không được dẫm chông gai,*

*Vì sao tôi chẳng là trai???*

Khi Phượng đọc xong, Đức hỏi nhỏ:

— Thế nà thế nào?

Huệ nói:

— Bài thơ hay đấy chứ! Nhất là câu:

**Khó lách được qua bờ rào cỏ-kính**

hoặc:

**Bạn bè ngăn: « mà là gái nhớ nghe! »**

Phụng mỗi thuốc lá mời tôi hút, nhưng tôi chịu không dám hút nữa. Tôi đã say và trông những ngọn đèn cây như đang ngả nghiêng trước mắt. Riêng Huệ và Phượng vẫn như thường.

Đức hớp hết ly bia, nhìn đồng hồ rồi kêu lớn:

— Chết chưa! Gần mười hai giờ rồi! Thôi bye bye đi.

Mọi người cùng khen phải. Phượng và Huệ khoác vai nhau bước ra cửa, trên môi vẫn còn ngậm điếu thuốc lá. Khi tới cánh cửa sắt, hai người đồng vút điếu thuốc lá đi và Phượng nói:

— Tết này anh Hoàng nhớ phải chuẩn bị Whisky cho bọn này uống nhé!

— O K! Nhưng phải thật say đấy nhé! Tôi đáp.

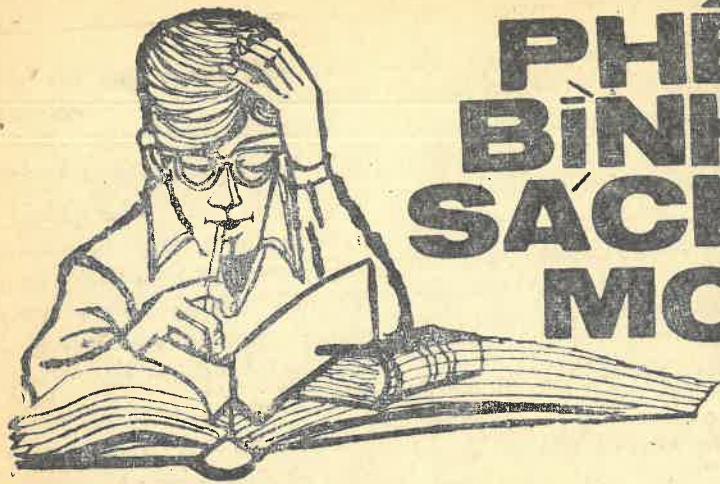
— O K! Cả Huệ lẫn Phượng cùng trả lời.

... Nhìn «bãi chiến trường»

tôi tự nhủ thầm: « Huệ và Phượng hỏi « Vì sao tôi chẳng là trai?? » cũng phải!!!

● **HOÀNG THẮNG**  
(Xuân 63)





# PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

## NHÊN CHỜ MỚI AI

TÁC-GIẢ : BÌNH-NGUYỄN-LỘC  
NHÀ XUẤT-BẢN : NAM-CƯỜNG  
1962

*Buồn trông con nhện giăng tơ,  
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện chờ  
mới ai?*

(CA-DAO)

**M**ƯỢN hai câu ca-dao trên làm tiêu-đề cho quyển truyện dài **NHÊN CHỜ MỚI AI**, Bình - Nguyễn - Lộc

khéo gợi cho ta một nỗi buồn man-mác, làm ta liên-tưởng đến một môi tình thơ-mộng và đắm lệ của trang tài-tử và khách giai-nhân.

Nhưng khi đi sâu vào tác-phẩm, ta không khỏi bật cười : thì ra đây là « nhện » trong giới buồn hương. Cốt truyện sôi-động, đầy tình-

## PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

tiết éo-le, đã lôi cuốn ta từ trang đầu đến trang chót :

« Từ một nữ-sinh trong-trắng ngây-thơ. Liên bị sa chân vào cạm-bẫy của người đời và trở thành một cô gái buồn hương bán phần. Nhờ giáo-sư Ngọc giải-thoát ra khỏi hồ truy-hoan, Liên muốn làm lại cuộc đời, nhưng ác thay ! nàng nhận thấy mình không còn yêu được nữa. Ngọc phải làm gã chồng hồ để chữa tâm-bệnh cho nàng và bắt nàng phải chịu đựng nhiều cuộc thử-thách để trở thành một cô gái hoàn-lương. Cuộc thử-thách thật là gay-go, khiến cho Liên nhiều lần toan bỏ cuộc. Khi nàng đã lành tâm-bệnh và cuộc thử-thách vừa chấm-dứt, Ngọc ngỡ nắm được hạnh-phúc trong tay, thì bất-ngờ Liên bỏ ra đi giữa lúc lòng nàng vừa sùng lại. Nàng yêu Ngọc nhưng lại chạy trốn chàng, chạy trốn tình yêu hiện-tại để xóa mờ di-vãng, vì nàng cảm thấy mình không còn xứng-đáng với chàng nữa.

Ngọc thoát vỏ một anh-hùng vô-danh, trở lại đời sống trăm-trăm của một ông giáo khuôn-mẫu. Nhưng với tinh-thần bất-khuất, chàng cương-quyết tìm lại cho được Liên... »

Đây là một quyển tiểu-

thuyết tâm-lý nên tác-giả cố ý phân-tích tâm-trạng nhân-vật thật tỉ-mỉ Truyện đôn-dập nhiều động-tác, nhưng tất cả động-tác đều do sự phản-ứng, sự mâu-thuẫn, sự hòa-hợp trong tâm-lý của nhiều nhân-vật câu-tạo ra. Đó là đường lối sáng-tác của Bình-Nguyễn-Lộc, ở **NHÊN CHỜ MỚI AI** cũng như ở hầu hết những tác-phẩm khác của tác-giả.

Với lối văn giản-dị, trong sáng, đôi khi đượm vài nét trào-lộng duyên-dáng, Bình-Nguyễn-Lộc thường đưa ra những nhận-xét ngộ-nghĩnh, thú-vị, trong khi diễn-tả một biên-chuyên tâm-lý đánh dấu một thay đổi lớn-lao trong đời người. Sau khi đánh mất sự trong trắng của mình, Liên cảm thấy bẽ-bàng khi gặp lại



★ **THẨM - THÊ - HÀ**

người yêu cũ. Tác-giả viết: «*Chiều hôm nay, tiếng chuông lễ thề-xác đã đánh lên chánh-thức rao đi bốn phương tám hướng sự chết thật-sự tình yêu đầu của Liên, sự chết của cả một đời nữ-sinh «áo trắng đơn-sơ mộng trắng trong».* Nàng đã dứt-khoát với cuộc đời cũ rồi, đã chặt gãy cây cầu, không muốn và cũng khó mong trở qua bờ cũ nữa. Không có biên-giới giữa tuổi này và tuổi khác, giữa đoạn này và đoạn khác trong đời người, nên con người qua khỏi mỗi khúc đường mà không hay, không cần nghĩ gì hết.» (tr. 78, 79).

Trong đoạn phân-tích tâm-lý này, ta thấy tác-giả đề phần chú-quan của mình dự vào nhiều quá. Cũng may, tác-giả không triết-lý rẻ tiền và rườm rà như một số nhà văn thuộc lớp xưa, mà chỉ nêu ra một vài cảm nghĩ mới lạ, độc-đáo, để điểm duyên cho tác-phẩm và để cho nghệ-thuật diễn-tả tâm lý thêm súc-tích và linh-động, thoát khỏi cái vỏ cứng quá khô-khan.

Bình - Nguyễn - Lộc muốn phân - ảnh trung - thực ngoại giới lẫn nội-tâm. Ông không

tán-thành lối diễn-tả tâm-trạng giả-tạo nhằm mục-đích tô đẹp cho nhân-vật. Tâm-lý giả-tạo tức-nhiên sự-kiện sẽ xa vời thực-tế, người đọc sẽ không thể thấy hình-ảnh mình trong tác-phẩm. Tác-giả phân tích tâm-trạng giáo-sư Ngọc, vẫn không đâu được phần chú-quan: «*Nhưng Ngọc đã trót yêu. Mỗi tình của chàng được nuôi dưỡng lâu ngày quá, nó đã mọc rễ và rễ ấy ăn rất sâu trong tâm-khảm chàng. Giờ thì lý-trí không góp lời vào vụ này được nữa mà chỉ có lòng chàng là ăn nói thôi.*»

Ngọc suy-luận: «*Liên đã sống hai đời sống, một đời thường sạch-sẽ, con nhà lành hiền-hậu nhu-mì và siêng-năng cần-mẫn; một đời như-nhớp trong bóng tối, xa người thân yêu, vui được với sa-đọa của nàng (Phải, nàng vui được thật tình, cũng như bao gái giang-hồ khác, sự vui gượng chỉ là lối nói thơ-mộng của Nguyễn Du để tô đẹp nàng Kiều thôi).*»

Thế nghĩa là nàng có hai bản-ngã, hay nàng chia hai bản-ngã của nàng.» (tr. 149)

Tác-giả vừa phân-tích, vừa

triết-lý vừa phê-bình. Người đọc có thể rất thích-ông (nếu họ cũng vui tính như tác-giả) và cũng có thể rất ghét ông (nếu họ không đồng cảm-quan với tác-giả) Điều mọi người đều phải chấp nhận là ông phân-tích đúng, ông đã nói lên những điều rất «*dĩ-nhiên*» mà không mảy ai nghĩ tới. Chẳng đọc đến, người ta dường như bắt gặp một cái gì rất quen thuộc nhưng cũng rất mới lạ chỉ vì nó vừa tượng-hình rõ-rệt trong trí óc mình.

Bình-Nguyên-Lộc biết đào sâu tâm-lý nhân-vật, diễn tả đúng mức những dày vò nội-tâm, những giằng-co, xâu-xé, phân-đầu của bản-ngã thiên-lương với những cảm-dễ sâu-sắc, mãnh-liệt. Tác-giả đưa ta đi sâu vào lòng người, len-lỏi vào mọi góc cạnh, bắt chộp từng nhịp rung cảm nhẹ-nhàng, tiếp-nhận từng sự chuyển-biên tế-nhị và mong-manh. Ông có lối so-sánh rất ngộ-nghĩnh và thâm-thúy vô cùng:

«*Cùng với tình thương, tình yêu len-lỏi vào hồn nàng như những giọt nước rỏ vào kẽ đá,*

*rồi từ kẽ đá rỏ xuống, những giọt nước âm-thầm chảy trong lòng những quả núi vôi, rỏ xuống, trôi đi, những chất vôi đọng lại mỗi ngày một ít và thòng xuống lần lần, mọc thành những thạch-nhũ lộng-lẫy, huy-hoàng.*»

Đó là thứ tình cặn, cặn của nước sơn-khê trong veo, nhưng sự kết-tinh chất cặn ấy đẹp vô cùng và cứ cùng với thời-gian mà được bồi-đắp thêm mãi, cho đến khi nào hai thứ thạch-nhũ, thạch-nhũ thòng và thạch-nhũ khô, giao-nh: «*ngàn đời bất-diệt.*» (tr. 180)

Nhân-vật **NHẬN CHỜ MỖI AI** hầu hết đều thuộc giai-cấp tiểu-tư-sản, cho nên họ thường có những băn-khoăn, thắc-mắc, tạo nên một đời sống nội-tâm thật là phong-phú mà cũng thật là phức-tạp. Họ hay nghĩ ngợi triền-miên trước sự-việc, trước khi quyết-định một hành-động và trầm-ngâm suy-tưởng cả trong khi hành-động. Sự tưởng-tượng của họ cũng thật đối-dào, họ có thể cụ-thể-hóa những cái gì rất trừu-tượng, rất mơ-hồ, để tâm-hồn họ hòa-hợp vào



những hình ảnh mơ-mộng, ảo-giác. Phản-ảnh đời sống hình-thức của họ thì dễ, nhưng diễn-tả trung-thực đời sống nội-tâm của họ thì thật là khó. Vậy mà Bình-Nguyên-Lộc ki-ô-ig bỏ sót một chi-tiết tâm-lý nào. Tâm-trạng của một cô gái từ khi vỡ lòng yêu cho đến khi sa-ngã vào hồ trụy-lạc, từ khi nhận thấy mình không thể yêu được nữa cho đến khi thấy lòng mình thắm lại với ngày xanh, tác-giả đã mô-xe rất tỉ-mi, đưa ta vào những khúc quanh của nội-tâm vô cùng bí-hiểm của con người, nhất là con người tiêu-tư-sản. Có lẽ chính tác-giả cũng thuộc tầng lớp giai-cấp ấy, nên ông đã: «suy ta ra người» và thành công trong việc mô-tả tâm-trạng của họ. Tác-giả còn nhiệt-thành biện-minh cho họ làm ta có cảm-tưởng như tác-giả biện-minh cho chính mình, cho giai-cấp mà mình đại-diện:

«Chỉ có cái bọn lừng-chừng của nàng, của Ngọc, của Thành, cái bọn mà người ta gọi là tiêu-tư-sản, là hay khờ về tư-tưởng,

về tình-cảm, về đủ thứ chuyện không đầu và vô-ích... cho cái bao-tử của loài người.

Nếu một xã-hội mà thiếu bọn tiêu-tư-sản rắc-rối của nàng thì chắc-chắn xã-hội ấy không còn văn, thơ, ca-nhạc, chiếu-bóng gì cả, vì những bộ óc quá no hay quá đói chắc-chắn không thể nghĩ ra được một chuyện phim, một bài thơ.» (tr, 102)

Không cần phải dùng đến lời văn đanh-thép, hùng-hồn của nhà biện-thuyết, tác-giả cũng biện-minh được cho họ một cách hợp-lý, ngoại trừ một vài trường-hợp ngoại-lệ, một vài trường-hợp có tính-cách đặc-biệt.

Ngoài chủ-đích diễn-tả tâm-lý, tác-giả còn cố ý xây-dựng một mẫu «người hùng vô danh». Nhân vật diễn-hình cho mẫu người hùng này là giáo-sư Ngọc. Người hùng của Bình-Nguyên-Lộc không cần phải lập được những kỳ công oanh-liệt theo quan-niệm các tiêu-thuyết-gia Tàu; không cần phải đọc ngang ngang dọc dọc làm nên những việc phi-thường theo quan-niệm của Nguyễn-Công-Trứ; không

cần phải «Tạo thời mới gọi anh hùng» theo quan-niệm của nhà chí-sĩ Phan-Bội-Châu. Quan-niệm của Bình-Nguyên-Lộc giản-dị hơn và thực-tê hơn: đó là hạng người luôn luôn tranh-đấu với bản thân mình và bản năng yêu-đuối của con người, và luôn luôn thắng trận. Tác-giả trình-bày lập-trường của mình qua sự nhận-xét của Liên về giáo-sư Ngọc: «Chính những con người như thế này mới tạo hạnh-phúc cho nhà, cho nước, và nhà. nước không bao giờ gặp cảnh đồ vỡ vì rui, may.

Nếu chàng chết đi trong cảnh không tên không tuổi thì chàng ta sẽ giúp cho bức thành do muôn triệu người không tên tuổi khác tạo nên, giúp cho bức thành ấy cao thêm đề dựng căn-bản, nền tảng cho một quốc gia hùng mạnh.» (tr. 169)

Bình-Nguyên-Lộc táo-bạo xây-dựng một mẫu người lý-tưởng không cần phải có thiên-tài mà chỉ cần có: trí và chí. Cần có trí để tiên-liệu mọi việc có thể xảy đến, cần có chí để tạo cho mình một sức mạnh tinh-thần. Mẫu người lý-tưởng này rất gần-

gũi với nhân-dân, vì tự họ không cho là mình phi-thường để tách rời ra khỏi nhân-dân hay có ý muốn chỉ đạo nhân-dân. Ta tạm gọi hạng người ấy là: Người hùng Bình-Nguyên-Lộc, như Tây-Phương đã từng gọi: Héros cornélien vậy.

\*

Truyện NHẬN CHỜ MỚI AI còn gieo cho ta một thích thú bất-ngờ khác ở đoạn kết. Câu truyện được tác-giả kết thúc một cách lửng-lơ, làm cho người đọc vừa bối-hối, vừa cảm-động.

Ai cũng đình-ninh sau thời-gian thử-thách, Liên và Ngọc sẽ sống đằm-âm, hạnh-phúc bên nhau. Nhất là độc-giả bình-dân, quen với loại truyện có hậu, họ muốn tâm-lòng tốt và hành-vi cao-thượng của Ngọc phải được đền đáp một cách xứng đáng. cuộc đời truân-chuyên của Liên phải được đền đáp bằng một cuộc sống êm-đềm; hành-vi lưu-manh đều-giả của Hồ phải bị trừng-trị một cách nghiêm-khắc.

Bình-Nguyên-Lộc không muốn đi theo con đường của Nguyễn-Du, cho nàng Kiều

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

ơn đền oán trả và rớt cuộc lại được tái-hợp với chàng Kim, rồi còn tỏ ra bộ cao-tượng « đem tình cảm-sắc đời ra cảm-kỳ ». Tác-giả chỉ muốn phản ánh trung-thực một vài khía-cạnh của xã-hội ngày nay, không tham-lam giành lấy trách-nhiệm thượng, phạt của công-lý siêu-hình hay công-lý nhân-loại. Nhân-vật của ông sống và thật, có tính tốt lẫn tính xấu, có sở-trường lẫn sở-đoàn, luôn luôn hành-động theo đà biến-chuyển tâm-lý của mình.

Lỗi kết-truyện bất-ngờ của tác-giả không làm cho độc-giả thỏa-mãn, nhưng lại có tác-dụng kéo dài sự cảm-xúc và gọi sự suy-tưởng của người xem. Sự ra đi của Liên làm

cho người ta càng mến Ngọc hơn, thương Liên hơn, vì hành-động của Liên chứng tỏ năng-quả xứng-đáng với tâm-lòng cao-thượng của Ngọc. Rồi tùy theo trí-tưởng-tượng của độc-giả, dẫu muốn cho Ngọc tìm lại được Liên hay muốn cho chàng xa nàng mãi mãi, sự tưởng-tượng này cũng tạo thêm cho họ một cảm-giác nhẹ-nhàng, thoải-mái.

Nều với những vấn-thơ trác-tuyệt, các thi-nhân thường tạo được cho người thưởng-thức những cảm-xúc trong thơ và ngoài thơ, thì với NHẬN CHỜ MỖI AI, Bình-Nguyên-Lộc cũng đã tạo được cho ta những cảm-xúc trong truyện và ngoài truyện.

• THẦM-THỀ-HÀ

100 món thuốc

**TRỊ 300 BỆNH**

Ghi rõ trong cuốn sách « Những điều cần biết khi dùng thuốc Đông-Y » có đề biểu tại nhà thuốc KIM-ĐIỀN, 361 Phan-đình-Phùng — Saigon. Ở xa gửi 3\$ có sẽ nhận được sách. Có thể xem sách đề tự trị lấy bệnh mình được.



Phúc triếp  
của ông Báo  
Hồ Thông  
tàu lên  
Ngọc Đế

**K**ÍNH tâu Ngọc-Đế,  
Tôi, là Táo công,  
Tap-chí Phò-Thông,  
Ở Việt-Nam-quốc.  
Tình hình thế cuộc  
Phúc-bẩm tất-niên,  
Việc dữ, việc hiền,  
Nghe sao nói vậy.  
Thấy sao nói vậy.

**N**ĂM Cọp thất bại,  
Kính khùng, ối chao!  
Lắm chuyện tào lao,  
Lắm trò bi-đòi!  
Lòng người thay đổi  
Chồng vợ lố-lãng.  
Trai gái lãng nhăng,  
Nói sao cho hết!  
Kề sao cho hết!

**M**ẤY tên thụt két  
Ngân-khố quốc-gia  
Làm chuyện-ngân ma  
Hàng mấy chục triệu!  
Miệng hô khẩu hiệu  
Phục-vụ chính quyền,  
Tay « phục-vụ » tiền  
Bỏ riêng đầy túi,  
Miễn sao đầy túi!

**T**HAM Than, hạm Cút,  
Hạm Gạo, hạm Heo,  
Hạm nhỏ, leo-teo,  
Hạm vừa, hạm bự,  
Hạm bầy biệt thự



Hạ chín xe hơi,  
Hạ đang vui chơi  
Mèo Tây, mèo Mỹ.  
Hạ nhỏ năm ngửi  
Trong khám Chí-Hòa  
Hạ lớn ha ha,  
Nào ai biết Hạ ?  
Nào ai bắt Hạ ?

**L**AI còn những đám  
Bịp-bợm lưu-manh  
Mạo trước, mạo danh,  
Ông này ông nọ,  
Bà này bà nọ !  
Oai hùm, oai hổ,  
Dựa thế quyền hành,  
Lừa-bịp dân lành.  
Phình người dai dột,  
Mưu mô bóc-lột  
Mánh lặt ba-que  
Hình tượng « lầy le »  
« Quen mặt ông lớn »  
« Chơi toàn ông lớn » !

**H**AI ba bà lớn  
Rủ nhau đánh ghen.  
Thuê lú mặt đen  
Hại nàng vũ-nữ.  
Mấy mẹ hung dữ  
Ý thế ra tay  
Ác-xít một chai,  
Tạt ngay vào mặt,  
Xối ngay vào mắt !  
Làm cho đui mắt  
Làm cho cháy da,  
Mặt phẫn môi hoa  
Làm cho ghê tởm !  
Thònh ra ghê tởm !

**M**ẤY chị động-cổn  
Mê trai, giết chồng !  
Mấy chú đàn ông

Mê mèo, đánh vợ !  
Mấy bà nội trợ  
Cuốn gói theo trai,  
Cô, cậu choai-choai  
Hạ « đời sống mới »  
Học đòi « Sóng mới » !

**P**HONG-trào « Sóng mới »  
Từ Mỹ « phát minh »,  
Món hàng « hiện sinh »  
Nhập-cảng của Pháp  
Gái trai tới-tấp  
Nhào dấm mè say  
Sáu bảy năm nay  
Lan-tràn khắp cả !  
Ngập tràn khắp cả !

**N**hiều cặp ẻo-lả  
Trơ-trên hồ-hên,  
Quần áo mong-manh  
Cốt cho khêu gọi.  
Thật là khêu gọi.  
Dọc đường Lê Lợi  
Mỗi ông mỗi chiều,  
Cậu Á, cô Chiêu,  
Đú-đa, đú đồn !  
Đú-đa, đú đồn !

**C**ON gái phè phỡn  
Tuổi mới mười ba,  
Đòi mẹ đòi cha  
Cưới chồng cho sớm !  
Học-hành hôm sớm  
Chẳng thiết-tha chi  
Bỏ nhà ra đi  
Theo trai quyến rũ  
Theo chàng quyến rũ

**U**YÊN-ương xây ò  
Lãng-mạn tự-do.  
Hạnh-phúc tròn vo.

Người yêu trốn mắt !  
Thế là nước mắt  
Nước mũi đầm dề,  
Thui-thủi trở về  
Í-ới với mẹ !  
Ni-non với mẹ !

**O**NG lão già tẻ  
Cũng bán chiếc hòm  
Chống gậy lom khòm  
Theo tình-nhân trẻ.  
Lại còn những kẻ  
Năm sáu mặt con  
Kiếm cậu chồng non  
Rời đi với nó,  
Đề bày con nhỏ  
Cho ông chồng già  
Chồng khóc hít-ha  
Thương không xiết kẻ !  
Tội không xiết kẻ !

**K**ÍNH tâu Ngọc-đế  
Còn ở học đường  
Nhiều chuyện phi-thường  
Nghe lên cả ruột !  
Nghe rầu cả ruột  
Giáo-sư trung-học  
Một số nhây dùa  
Chữ-nghĩa tịt mù  
Gậy lão gậy lếu.  
Lợi-dụng nghề giáo  
Ve-vãn nữ-sinh,  
Cô nào xinh xinh  
Là theo tán giốc !  
Chỉ theo tán giốc !

**V**A xin kẻ nổi  
Những trẻ cao-bồi  
Loạn đả, ói thối,  
Đầu đầu cũng có !  
Pho này, đàng nọ,

Phá phách lung tung  
Xung bá xung hùng  
Đâm dao đập búa !  
Toàn tay hốc-búa !

**N**ĂM Cọp đã « lùa » !  
Đến rằm con Mèo.  
Nhà cửa Chuột nhiều,  
Mong Mèo bắt hết !  
Cho loài chuột chết,  
Hết loạn trong nhà,  
Cho trẻ, cho già,  
Tinh thần bớt loạn !  
Diệt-trừ hết nạn  
Huynh-đệ đao-binh !  
Tiếng súng làm thình  
Reo mừng tiếng pháo !  
Vang lừng tiếng pháo !

Còn tôi, ông Táo  
Coi bếp Phở-Thông,  
Kính dâng Ngọc Hoàng  
Đôi lời xin-xỏ :  
Xin Ngài vạn cổ  
Mấy đứa tham tàn !  
Xin Ngài đánh tan  
Những phường cướp bóc !  
Xin Ngài đập bẻ óc  
Mấy gã bất lương  
Xin Ngài đánh tan xương  
Những ông đại-tội.  
Ngày Tết mở hội,  
Ngọc-Hoàng muôn năm !  
Thượng-đế muôn năm !

(Viết tại Nhà Bếp Phở-Thông tạp  
chí đêm 22 tháng chạp năm Cọp)

**TÁO CÔNG**

Sao lục nguyên văn :  
**DIỆU-HUYỀN**

# LỢI NGƯỚC

Truyện dài trào-phúng xã-hội \* NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 95)

**T**HÂN-phận ông Thừa như thế đã tạm yên. Không được lên làm Quận-trưởng, thì làm chủ-sự phòng Kế-t toán cũng có thể gọi là được thăng quan tiến chức rồi. Một ông Chủ-sự trong sở là một nhân vật quan trọng, có danh giá chán. Nhật là ở tỉnh nhỏ.

Những khách bàng quan có đôi chút kinh-nghiệm sáng suốt ở thời buổi nầy đều thán khen ông Thừa đã sắp đặt việc gia-đình rất khôn ngoan. Ông không hề tỏ ý muốn đi kiện bà vợ 40 tuổi về tội bỏ nhà theo tình nhân, tuy ông

với bà đã lấy nhau trên 20 năm, có giấy giá-thứ hẳn hoi. Ông còn cầu mong bà Thừa được hạnh-phúc bền lâu, vĩnh-viễn với ông chủ hăng nước mắt. « Chẳng qua là nụ cười lạc quan. Chị-ô mới có 28 tuổi, không phải là một cô gái còn trinh. Ông Thừa biết chị ấy đã có một đời chồng đi lính bị chết ngoài mặt trận. Chị còn trẻ hơn bà Thừa đến 12 tuổi và có duyên dáng hơn bà chủ cũ nhiều. Từ ngày sở đồ đã cho chị điếm-phúc bất-ngờ được lên nằm chung giường chung gối với ông Chủ, và nghiêm-nhiên đóng vai

LỢI NGƯỚC

bà Chủ mới, chị chiếu-chuộng ông Thừa còn quá hơn là một nàng cung-phi thuở xưa chiếu một vị hoàng-đê. Âu cũng là Trời đã ban cho chị một linh tính hiểu-biết sâu rộng về tâm-lý con người.

Trong tỉnh nhỏ, mà tôi đang trú-ngụ bây giờ đây, bất cứ những biên cô gì xảy ra đều do phụ-nữ gây ra cả Dĩ-nhiên, « làm lớn phải làm lạo », hai bà vợ của ông Lớn phải là nhiều chuyện hơn ai hết thầy! Không hiểu do người nào tọc mạch hỏi ở đâu ra, do cái nguồn tin bí-mật nào, mà cả tỉnh đều biết rõ lai-lịch của bà vợ chính-thức, — ở trong tỉnh người ta vẫn thường gọi là Bà Lớn — năm nay mới 26 tuổi. Trước kia, hồi ông Lớn hãy còn là một ông Phán tòa sứ thời Pháp-thuộc, cô Liễu mới có 14 tuổi, học trò lớp Nhật, tóc còn để chòm. Ông Phán đã 32 tuổi, vợ đã chết trước đó 4 năm và có để lại cho ông 2 đứa con trai. Khi ông cưới cô Liễu về làm kẻ thất thối ông giao 2 đứa con vợ trước cho ông nội bà nội nuôi. Ông ở nhà riêng với cô vợ mới, nhỏ hơn ông 18 tuổi, nhà

nghèo, thi tiểu-học rớt, nhưng rất đẹp. Ông cũng nói với bạn bè rằng ông cưới cô Liễu chính là ông cưới sắc đẹp ấy thôi. Bây giờ cô Liễu thừa hưởng lộc chồng đã thành ra Bà Lớn, vợ Quan Tỉnh trưởng, mới có 26 tuổi, sắc đẹp vẫn còn mặn-mà quyền rũ như xưa. Trong tỉnh, người ta cũng biết rõ lai lịch của Bà-lớn số 2, cô Raymonde mà chính tự cô đổi ra tên Việt là Lệ-Môn. Cô là đám lai, nhưng không cha, không mẹ. Có những mồm miệng độc-ác phao truyền rằng cha cô trước kia là một người lính Lê-dương Pháp và mẹ cô là một cô gái nhảy ở Hà-nội. Trong lúc mẹ cô có chứa gán sinh cô thì người lính Lê-dương quyết chắc rằng mẹ cô không phải có chứa với hẳn nên lúc sinh ra cô hẳn không nhìn nhận. Thầy mẹ cô khóc-lóc, kêu oan, một người lính Lê-dương khác, bạn của tình-nhân cô, vui lòng nhận giùm đứa con và đặt tên là Raymonde.

Nhưng sau đó mấy tháng mẹ cô đau nặng phải vào bệnh viện và chết trong ấy. Trong lúc hấp-hối, mẹ cô gửi cô cho một bà Xơ và từ đây có được viện mồ-côi của các bà Phước



Saint Vincent de Paul nuôi cho đến lớn. 19 tuổi cô bỏ viện mở cối, tròn theo một chàng nhạc-sĩ vào Saigon. xây tổ uyên-trong. Mười tám tháng sau cô bị người yêu bỏ rơi, để lại cho cô một cái bầu 3 tháng và một nghề-nghiệp mới để cô có phương-tiện tự sống nuôi thân, là nghề gái-nhảy.

Tại khiêu vũ trường, trong đám « anh hùng mã-thượng » thường gặp cô dưới ánh đèn màu, có một nhân vật quan trọng, là Ông Lớn trong truyện này. Ông Lớn muốn giữ cô làm quyền sở-hữu và đưa cô về tỉnh nhà, thuê cho cô ở một biệt-thự và từ đây cả thành-phố đều biết cô là « vợ hai » của ông Lớn. Nhiều người thường gọi cô là « Bà Lớn nhỏ ». Trái lại, thằng Ngọng lại gọi cô là « Bà Nhỏ Nón » vì nó dò biết rằng tuy là bà Nhỏ nhưng ông Lớn cưng cô nhiều hơn bà lớn. Nó thường thích nói với mọi người trong tỉnh một câu lý thú mà ai nghe cũng phải bật cười : « Bà Nón-nhỏ nạy nà Bà Nhỏ-Nón, thề nà thề nào ? »

Ai cũng ngán thằng Ngọng, trời sinh nó bị cụt lưỡi thề mà trí óc nó sáng suốt và tinh-ranh ít ai bằng.

Thưa các bạn, tôi có thể nói rằng tất cả những chuyện gì xảy ra trong tỉnh nầy, — mà hầu hết là những chuyện thú-h thú, do ông Lớn và hai bà lớn của ông vô-tình gây ra, — tôi biết được đích xác, là do thằng Ngọng. Nó có tài đi dò-la tin-tức mỗi khi có dư luận về một vụ gì mới lạ, rồi tự nó thân-hành điều-tra. Nhờ tính nhẫn nại hiem cò, với trí thông-minh phi-thường, với những xét đoán ít bị sai lầm, nó đã khám phá ra nhiều bí-mật không ngờ chung quanh đời công lẫn đời tư của ông Tỉnh-Trưởng và luôn luôn kể lại cho tôi nghe, với lòng tin-cậy triệt-để nơi tôi. Lắm lúc, vì cảm-phục tài-năng độc-đáo của nó, tôi ao-ước rằng nếu một ngày kia tôi được làm chủ bút một tờ báo thông-tin và nghị-luận, thì chắc chắn tôi sẽ cho thằng Ngọng làm chức Chủ-sự phòng Tin-tức trong xứ, làm « xếp » tất cả các phóng-viên và đặc-phái-viên của nhà Báo. Nhưng thưa các bạn, đây chỉ là một sự mơ-ước của tôi, — mơ-ước hão-huyền, — chứ biết bao giờ tôi mới được làm chủ

một tờ báo và thằng Ngọng làm Chủ-sự phòng Tin-tức !

Một hôm, thằng Ngọng đi chơi về trong lúc tôi đang chăm bài cho học trò. Nó thân mật lại đứng gần tôi, chổng hai cùi chỏ trên bàn, hỏi tôi :

— Cậu ơi, con nhớ cô Bích-Ngọc quá, thề nà thề nào ? Còn cậu ?

— Cậu cũng nhớ.

— Con không thấy cậu viết thư cho cô Bích-Ngọc, thề nà thề nào ?

— Con quên rồi, cậu mới viết thư trả lời cho cô Bích-Ngọc hôm Thứ Bảy. chính con đi lên nhà giấy thép mua tem gửi thư mà.

— Dạ, phải.. Nhưng nầu quá cậu mới viết một cái thư cho cô Ngọc, thề nà thề nào ?

— Cậu muốn để cô hoàn-toàn tự-do sắp đặt việc riêng của cô, cũng như công việc làm, việc học v.v... cậu không muốn xen vào nhiều trong đời sống cá-nhân của cô. Cậu chỉ giúp cô mỗi khi cô cần-dùng đèn mà thôi.

Nó hơi ngạc nhiên, hỏi :

— Thề nà thề nào ?

Tôi cười đáp :

— Thề nà thề.

— Cậu chưa có vợ, thề mà có cô Bích-Ngọc cậu cũng không chịu cưới, cậu để cho cô Ngọc đi Saigon, thề nà thề nào ? Còn ông Nón có những hai bà vợ, ông muốn đuổi bớt một bà đi mà bà ấy nạy không đi, thề nà thề nào ?

— Ai bảo với mày, là ông Tỉnh trưởng muốn đuổi bớt một bà vợ ? Bà Lớn hay bà Nhỏ ?

— Bà Nhỏ - Nón, ông cưng thấy mỏ, thề nà thề nào. Còn bà Nón, thì ông Nón với bà mới đánh đập nhau đêm hôm qua. Ông Nón toan rút súng sáu ra bắn bà Nón, nhưng súng không có nọc đạn, thề nà thề nào ?

— Tại sao ông Tỉnh-trưởng muốn bắn bà Tỉnh-trưởng ?

— Tại vì ông có mèo ở Saigon, Bà cũng có mèo ở Saigon, thề nà thề nào ?

— Thề thì huế, chờ !

— Nhưng khôn một cái nà Bà bắt gặp được ông nhày đâm với mèo trong tiệm khiêu vũ, mà ông thì chưa có nần nào bắt gặp bà đi với mèo của bà, thề nà thề nào ? Bà nón có bằng chứng mà ông nón không có bằng chứng, thề nà thề nào ?

Tôi cười hỏi nó :  
 — Sao mày biết rõ thế ?  
 Nó cũng cười, làm ra vẻ bí mật :  
 — Dạ, con biết thế, thế nà thế nào.  
 — Rồi sao nữa ?  
 — Con nói, cậu có tin con không ?  
 — Tin chứ. Lúc nào tao cũng tin mày. Mày không có nói láo với tao bao giờ cả.  
 — Thế thì con nói cho cậu nghe rằng nà... đêm hôm qua, ông Nón với bà Nón đánh đập nhau quá-xá-cỡ, thế nà thế nào ? Ông Nón đánh bà Nón

một tát tay, nẩy nửa, thế nà thế nào ? Bà Nón cầm guốc toan đập nại vào mặt ông Nón thì ông Nón chụp được chiếc guốc đập trở nại vào đầu bà Nón, thế nà thế nào. Bà Nón ôm đầu chạy vô trong buồng nằm xuống giường khóc nà inh-ôi, thế nà thế nào.

— Mày có thấy rõ hết như thế sao ?

— Thưa cậu, tại vì con trèo nên trên ngọn cây nhãn trước sân ngó ngay vô cửa sổ, con thấy rõ hết, y như trong tuồng xi-nê, thế nà thế nào ?

— Mấy giỏi.

(còn nữa)

Thuốc

## MỒ-HÔI-TRỘM

Hiệu Kim-Điền, trị con nit đồ mồ hôi nhiều **lúc-ngủ**.

## PHÌ-NHI BẢ-BỒ K. Đ.

Thuốc bổ trẻ em, lên cân, trừ sán lãi. Bán khắp nơi và 361, Phan-đình-Phùng, Saigon

K.N. số 97 ngày 24-7-62

# thơ Hoang-Vu

## ★ CHÁN THÀNH CẢM TẠ

Chúng tôi đã nhận được rất nhiều thư và thơ của các Bạn đọc *Phê-Thông* và các bạn *Thi-văn* tỏ cảm-tình nồng-nhiệt đối với tập *Thơ Hoang-Vu*. Chúng tôi rất hân-hạnh và cảm-động vô cùng. Chúng tôi xin có lời trân-trọng cảm-tạ thịnh-tình quý-báu của tất cả các Bạn.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn *Thi-sĩ Đinh-Hùng* và các bạn *Văn-ngệ* ban *Tao Đàn*, đài *Phát Thanh Quốc-gia*, đã có nhã-ý đặc biệt trình bày *Thơ Hoang-Vu* liên tiếp trong hai buổi truyền thanh đêm thứ Hai 7 và thứ Ba 8-1-1963, và các bạn *Văn-ngệ* khác trong các buổi phát thanh khác.

Chúng tôi cũng xin cảm-ơn các nhà *Phê-bình* trong các báo đã cho chúng tôi vinh-dự được nghe những khen tặng và những nhận xét xác-thực về *Thơ Hoang-Vu*. Đề bạn đọc yêu mến tạp-chí *Phê-Thông* từ bấy lâu nay được có đủ tài-liệu trong hồ-sơ văn-ngệ *Phê-Thông*, chúng tôi xin tiếp-tục trích một đôi đoạn trong các bài *phê-bình* *thơ Hoang-Vu*, và một vài bài *thơ*, và *thư*, của quý bạn *Thi-văn* đã *thông-cảm* với *Thơ Hoang-Vu*.

PHỔ-THÔNG TẠP-CHÍ

★

## ★ Cửa Ô. Hoa-Đường, báo « Sài-gòn-Mới »

... Hoang-Vu là một tập *Thơ* rất có giá-trị.

Ô Nguyễn-Vỹ là nhà văn có tên tuổi, nhà báo, có tiết-tháo, mà cũng là nhà *thơ* có biệt-tài. Trong áng *Thơ Hoang-Vu* có nhiều bài rất đặc-sắc, như sầu, như oán, nói lên tiếng nói những người đau khổ của thời đại, thật là một nhà *Thơ* có tâm-huyết khác hẳn với mấy nhà *Thơ* hiện nay...

... Nhiều người rất yêu nhiều bài *Thơ* trong Hoang-Vu, riêng phần chúng tôi thì chúng tôi rất thích bài « *Sài-gòn đêm khuya* » với những đoạn *Thơ* vô cùng thống-thiết, linh-động. Giá-trị của bài này không kém *Thơ* Đỗ-Phủ...

« Ai *thông-cảm*, *thương* nhà *Thơ* Nguyễn-Vỹ,  
 Đem bao nhiêu *huyết lệ* rưới cho đời !

HÒA-ĐƯỜNG

(Sài-gòn-Mới 5-12-1962)

## ★ Cửa Ô. Như-Trị, báo « Văn-Nghệ Tiền-Phong »

Với 2 trang kể tiếp trong hai số báo, Ô. Như-Trị đã mở-xé một phần nào cái tinh-t túy của *Thơ Hoang-Vu*.



Nhắc lại một đoạn đầu trong quyển « *Thi-nhân Việt-Nam* » của Hoài-Thanh công-kích Nguyễn-Vỹ thời Tiên-chiến, nhà phê-bình tài-hoa của *Văn-Nghệ Tiên-Phong* viết :

« Chúng ta không nên quên rằng vào lúc xuất bản « Tập Thơ đầu » năm 1934, Nguyễn-Vỹ chỉ mới có hai-mươi-bốn tuổi, cái tuổi dám làm tất cả những gì kỳ lạ, cái tuổi hăng-hái tranh-đấu cho một lý-tưởng, sẵn-sàng bênh-vực lẽ phải, *bất chấp cả mọi sự đổ-ky quanh mình*. Nguyễn-Vỹ đã kêu gào phải thôi vào Thơ một sinh-khí mới, nhưng rồi, những phút tâm hồn lắng đọng thì Nguyễn-Vỹ vẫn chỉ một nhà Thơ, một con người giàu tình-cảm, luôn luôn nhìn đời bằng đôi mắt bi-quan. Vì vậy trong hầu hết các tác-phẩm của Nguyễn-Vỹ hồi Tiên-chiến đều biểu-lộ vừa cái cá-lính đa-cảm ấy, vừa những kích-động của tuổi trẻ, của thời-đại. »

... Nhưng lúc nào mà Nguyễn-Vỹ thực sống với tâm-hồn ông thì Thơ ông quả là kỳ-diệu. Kể viết bài này còn nhớ hồi « Phụ nữ tuần báo » Hà-nội, đăng bài Thơ « Gửi Trương-Tửu », thì lòng Thơ quả nhiên đã trải qua một xúc-động lớn. Đó là tâm hồn của một tài thơ đã xóa bỏ được hết những gì giả-dối bề ngoài của cuộc đời, của con người...

... Tôi có cảm-tưởng rằng tập Thơ Hoang-Vu là tập nhật-ký của những biến-chuyển tâm-hồn của tác-giả. Từ những bài thơ cách đây gần 30 năm đến những bài thơ mới nhất, đều có mặt trong tập thơ này. Tiên-chiến và hậu-chiến gặp nhau. Tâm-tình, lãng-mạn, với luân lý, đạo-giáo, đều có đủ. Có những lúc người ta cảm thấy cần phải chối-bỏ những cái gì mình đã có để tìm đến những cái gì mới hơn. Nhưng khi mà « người anh-hùng thắm mệ », thì dĩ-vãng, hiện-tại, không còn phân-biệt nữa. Tất cả chỉ còn là sự « lắng đọng », và ở đó một nỗi buồn vui khi tranh đấu, một chút yêu-đương, một mầu truyện tình, đều có ý-nghĩa lớn lao. Bây giờ thơ của Nguyễn-Vỹ là một dáng sầu, lời khàn-nguyên, một phương cách thoát-ly với hiện-trạng thực-tế. Trong bài « gửi một người Bạn », Nguyễn-Vỹ đã xác-thực thái-độ đó...

Từ trước và cho đến bây giờ, nếu Nguyễn-Vỹ đã thành-công, thì không phải vì những bài thơ tình-cảm của ông mà chính là vì lối thơ có tính-cách « thời-thế », lối thơ « ngồ-ngáo » mà vô-cùng duyên-dáng của ông ; cái lối thơ « phúng-thế » như Tân-Đà. Đọc bài thơ « *Hết chơi* » của Nguyễn-Vỹ họa lại bài « *Còn chơi* » của Tân-Đà, mới thấy rằng Nguyễn-Vỹ là một thiên-tài về loại thơ đó. Giọng thơ ấy khiến tôi nhớ lại bài « *Ma Bohème* » của Rimbaud, của con người say sưa mà ngồ-ngáo, cũng một lối viết tự-nhiên mà độc-đáo như vậy... Tôi còn tìm thấy lối thơ độc-đáo của Nguyễn-Vỹ trong bài « *Hai con chó* » và « *Cô đơn* » Tuyệt

điệu thay khi những cảm-xúc thực-sự được viết nên thơ. Người ta tìm thấy trong ấy tất cả những gì gọi là nghệ-thuật, gọi là Thơ!... Tôi đã có hân-hạnh đọc rất nhiều tập Thơ mới xuất-bản gần đây, nhưng rất tiếc rằng ít có tập thơ nào ban cho tôi một chút suy-nghĩ về thực-trạng. Tôi đã tìm thấy điều đó trong thơ Hoang-Vu của Nguyễn-Vỹ...

... Đừng nói rằng Nguyễn-Vỹ đã có địa-vị trên thi-đàn nên tập thơ Hoang-Vu đáng đọc. Thật ra, những chứa đựng của tập thơ này quả là một tập thơ quý cho những người yêu thơ, vì ngoài những độc-đáo về bút-pháp riêng biệt, Nguyễn-Vỹ còn muốn, và đã nói được nhiều điều, qua Thơ ông.

**NHƯ-TRỊ**

(*Văn-Nghệ Tiên-Phong*,  
số 179 ngày 6-12-1962  
và 180 ngày 13-12-1962)

### \* Cửa bà TÙNG-Long

... Nguyễn-Vỹ là một nhà văn có tên tuổi, một nhà thơ có biệt tài, và cũng là một nhà báo có kinh-nghiệm, nên tập thơ *Hoang-Vu* của ông rất có giá-trị.

Thơ Hoang-Vu ra đời lúc này rất hợp-thời, và được hoan-ngênh nhiệt-liệt...

**Bà TÙNG-Long**

(Phụ nữ diễn đàn, 19-12-1962)

### \* Cửa Thi-sĩ VŨ-hoàng-Chương

... Được biết anh sắp cho in các bản dịch ngoại-ngữ của *Hoang-Vu*, tôi lấy làm mừng lắm. Thơ Việt-Nam sẽ được giới thiệu với ngoại-quốc một cách xứng đáng. Và hẳn rằng nối gót anh sẽ còn có nhiều nhà Thơ Việt-Nam, khiến cho một ngày kia Âu-Mỹ phải thừa nhận địa-vị quan-trọng của Thơ Việt-Nam, thừa-nhận một cách cảm-phục...

**VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG**

(15-12-1962)

### \* Cảm-đề của ông Dương-đình-Tỷ

*Đọc qua thi-tập Hoang-Vu,  
Vui ư, vui ít; buồn ư, buồn nhiều!  
Đường xa, khách vắng, chợ chiều,  
Trần ai thanh-nhân là điều băn-khoăn...  
Trót sinh ra kiếp con tằm,  
Vì đâu nên phải lăn-lăn nhả tơ!  
Nặng vì chút nghĩa văn-thơ,  
Bao năm đan-díu, bây giờ là đây!  
Tình thơ nặng, tập thơ dày,  
Sớm khuya ắp-ủ, tháng ngày ngâm-nga.*

Yêu thơ, lệ cảm chan-hòa  
Hoang-Vu man-mác thật là... hoang-vu!

**DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY**  
(Gia-định, 16-12-1962)

★ Sau khi xem tập thơ Hoang-Vu

Hoang-Vu hai tiếng đẹp làm sao!  
Hồn của thi-nhân quá rạt-rào.  
Thơ chảy tự trong nguồn suối vắng,  
Thơ bay trên khắp núi đồi cao.  
Đau thương nước-nở đời bi-hận,  
Tha-thiết ưu-tư kiếp thảm-sầu,  
Lao-lý còn ghi bao nét khổ,  
Lửa hờn bùng ánh giữa muôn sao!

Nữ sĩ **BÛU-THIÊN-HƯƠNG**  
(Phú-Vinh 5-1-1963)

Cung Chúc Tân Xuân

Nha - sĩ

**NGUYỄN-THỊ TỐ-VINH**

Giờ làm việc: Từ 15 giờ đến 18 giờ 30

Chủ nhật: Nghỉ

244B, Võ-di-Nguy — Phú-Nhuận SAIGON

Đã có bán ở các hiệu sách:

**MỘT VÀI CẢM NGHĨ  
CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC**

của Anh-Tuấn **NGUYỄN-TUẤN-PHÁT**

Bản thường giá... 401

Bản đặc biệt, hia màu, bọc nylon giá... 901

Riêng bản đặc biệt có thể liên lạc mua tại địa chỉ của tác giả:  
369, Lý-thái-Tô (Ngã bảy) — SAIGON



## ● CÂU CHUYỆN TRONG ĐÈN THỜ HỒI-GIÁO

Ở YUGOSLAVIA HỒI-QUỐC, trong đền thờ SARA-JEVO lớn nhất của tín-đồ HỒI-GIÁO có đặt ngay cửa ra vào một cái quan-tài lỏng lẫ của GAZI-HUSREV-BEG và bên trên quan-tài ấy lúc nào cũng có một cái khăn mặt lớn màu sắc rực rỡ mà đặt diêm là luôn luôn ướt, rất mát mẻ để cho các tín đồ du-khách lau mặt như đã nói trên. Cái khăn mặt ấy được lo-lắng hằng ngày từ năm 1541.

Ông GAZI là người đã sáng lập ra đền thờ này. Sau khi xây cất hoàn-thành, ông tuyên bố cho các tín đồ biết rằng ông đã bỏ vào quỹ quốc gia (lúc ấy tại Hôi-Quốc chưa có ngân hàng) 500 đồng tiền vàng để dành sửa sang cung-thánh, về sau này và số tiền lợi tức hằng năm thì dùng để trả công cho người lo

về khăn mặt ở đền thờ. Người này chỉ có một công việc độc nhất là lo cho khăn lúc nào cũng ướt, mát mẻ và sạch sẽ.

Vấn đề chiếc khăn mặt ấy đã bắt đầu năm 1541 và chưa bao giờ bị gián đoạn mặc dầu đã trải qua nhiều cuộc biến chuyển của thời đại, nội loạn, hay thế-giới chiến tranh tàn khốc.



★ Diên-Sơn



Khi thế chiến thứ I chấm dứt, một nhà sưu tầm Mỹ đã đến viếng ngôi đền này với mục đích là để xem lời người ta đồn đãi về khăn mặt ướt, mặt mẽ luôn luôn ấy có thật hay không, thì quả nhiên ông ta đã cảm thấy khoan-khoái khi dùng khăn mặt ướt mặt mẽ ấy lúc vào đền.

Sau đó, một ông lão ở trong đền đã đến lấy khăn mặt ấy đem xả, xong lại đem để vào vị trí cũ trên quan-tài GAZI. Màu sắc rực rỡ và đặc điểm của khăn mặt tại đền thờ SARAJEVO đã thu hút được nhiều du-khách bốn phương.

### ● CÁI CỒNG ĐÓNG VĨNH VIỄN

Cồng của lâu-dài TRAQUAIR được đóng kín từ năm 1745, và không bao giờ được mở ra nữa. Đây là một trong những lâu đài cổ-kính nhất ở TÔ-CÁCH-LAN, diện tích chiếm hơn nửa dặm về phía nam INNERLEITHEN, đã là nơi nghỉ của một cựu hoàng-đế TÔ-CÁCH-LAN trong giữa thế kỷ 12 và 13. Sau khi cựu hoàng-đế băng hà, một nhà quý phái đã mua lâu đài trên, và câu chuyện cái cồng đóng vĩnh viễn đã xảy

ra trong thời gian ấy. CHARLES EDWARD STUART, người ta thường gọi là BONNIE PRINCE CHARLIE chỉ huy đoàn quân TÔ-CÁCH-LAN, ông đã nghỉ một đêm tại lâu đài này năm 1745 trên bước đường đi chinh phục ANH-QUỐC. Và quá tin tưởng vào quân đội hùng mạnh của TÔ-CÁCH-LAN lúc bấy giờ nên sau khi CHARLIE lên đường đi chinh phục, nhà quý phái, chủ lâu đài này đã ra lệnh đóng kín cồng lại và ném chìa khóa xuống sông TWEED. Ông ta thề rằng cồng này sẽ mở ra khi CHARLIE chiến thắng quân ANH và lên ngôi hoàng-đế ANH-QUỐC, bèn không thì việc đóng cồng này cũng như một cái tang cho lâu đài này vậy.

Nhưng... niềm hy-vọng của nhà quý phái ấy bị tiêu tan theo trận CULLODEN năm 1746, CHARLIE trốn thoát sang PHÁP.

Thế là cồng lâu-dài TRAQUAIR không bao giờ được mở ra nữa. Hễ khách muốn thăm gia chủ cũng phải đi vòng ngả sau và vào một cái cồng nhỏ, tồi tàn. Nhà quý phái kia đã giữ vững lời hứa nhưng không biết đến nay cồng kia đã mở lại chưa vì có lẽ lâu đài ấy đã mấy lần thay đổi chủ

DIỄN-SƠN

# Chuyện Quốc Xuân

## Xuân

### MƯƠU

Vui xuân, vui được bao người,  
Sầu xuân lắm kẻ ngậm-ngùi vì xuân.  
Tê vui trong cõi hồng trần,  
Đời người mấy kẻ trăm lần xuân qua.

### NÓI

Xuân cứ mãi hết lui rồi lại tới,  
Mỗi xuân về đâu kẻ đợi người mong.  
Quả đất xoay, xoay tít một vòng,  
Qua ngày tháng hạ, thu, đông xuân vẫn đó.  
Trai, gái được mùa khoe tốt bộ,



Cỏ, cây gập hội đón chào xuân.  
Nực cười thay kìa lũ thi nhân,  
Thơ nước ốc vẫn ngậm ngậm cùng vịnh vịnh.  
Công chức tết lo tiền chữa lĩnh  
Đi già phẫn nhật má thêm nheo.  
Ngọn đông phong sao khéo cợt cười trên,  
Rước xuân tới còn đem theo chi cái tết.  
Thôi xuân hỏi! hỏi xuân, xuân có biết,  
Có thương nhau xin hãy xét lòng nhau,  
Hỏi xuân, xuân chẳng gặt đầu.

### ★ TÚ-BE

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

Ban Giám Đốc và  
toàn thể nhân viên  
**THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**

# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

- ★ **Bạn Tuyết-Minh, Tam-Tòa Đà-nẵng**  
Hoa-sĩ vẽ hình bà Noël theo lối tượng trưng, không chú trọng đến sự kiện lịch-sử và tôn-giáo.
- ★ **Cô Lê-thị-La-Ly, Huế.** — Cô cứ gửi vào.
- ★ **Cô Minh-Nguyệt An-giang.** — Hai bên cha mẹ đều cương quyết phản đối vì bất đồng tôn-giáo thì việc hôn-nhân không thể thành được.
- ★ **Ông Phạm-Quế KBC 4257**  
Báo Liên-Hoa ở 66 đường Chi-Lăng Huế.
- ★ **Ông Hoài-Vũ K.S. Đông-Hà**  
Hồi xưa trong các nhà Việt-Nam mọi thứ vật dụng và bàn ghế đều bằng gỗ, trừ ra một ít đồ bằng đồng (mâm, lư trầm, v.v.) Đến mùa lạnh, dĩ nhiên rờ vào đồ đồng lạnh hơn là đồ gỗ. Do đó có câu : lạnh như đồng.
- ★ **Cô Nguyễn-thị M.K. Phú-Lâm**  
— Hai người bà con bạn dì họ, hay cô cậu họ, có thể kết hôn nếu hai bên cha mẹ thỏa thuận.  
— Không có hại gì mấy về vấn-đề huyết thống.
- ★ **Ông Nguyễn-công-Phán Thành nội Huế.**  
Ngày 2 tháng 9 Đinh Mão : 27-9-1927.  
10-12 Tân Mão : 10-11-1951  
26-4 Giáp Ngọ : 28-5-1954  
12-5 Bính Thân : 20-6-1956  
5-5 Mậu Tuất : 21-6-1958  
3-5 : Canh-Tý : 27-5-1960
- ★ **Ông Nguyễn-chi-Thống Tam-Quan Qui-Nhon**  
Chúng tôi đã chuyển thư ông lên Bộ Giáo-Dục.
- ★ **Ông Nguyễn-v-Ích Long-Khánh.**  
Nên đi với một thừa-phát-lại đem vé số trúng đó đến nhờ Trạng-sư lo việc lãnh tiền. Trạng-sư phải trao ông một biên lai hợp thức, nhìn nhận những con số trúng.
- ★ **Ông Mạnh-Hùng Phước-Tuy**  
— Thành **Babylone**, cũng gọi là **Babel**, có nghĩa là « Cửa nhà Chúa », là một thành phố xưa của miền Cận-đông, ở xứ Mesopotamie, trên sông Euphrate, thủ đô một nước rộng lớn.

đóng một vai trò rất quan-trọng trong lịch-sử Gia-tô giáo. Nay tức là thành **Hille**, cách kinh-đô Bagdad 160km.

— Xứ Xích-đạo, là xứ **Équateur** ở Nam Mỹ. Tiếng bản-xứ gọi là **Ecuador**.

★ **Em Giao Duyên Đà-nẵng.**

Tin em bé bị đánh đập tàn nhẫn, em gửi cho báo hằng ngày thì hơn.

★ **Bạn Dương-Minh-Quang VTnh-Long**

Thành thật cảm ơn thư. Rất tiếc không có ảnh chụp sẵn.

★ **Ô. Ngô-ngọc-Nguyên K.B.C. 3124**

7-1 Canh Thìn 14-2-1940

★ **Ô. Võ-minh-Lạc, Đòi phát thanh Huế**

Đã nhận được bài ấy — Sẽ đăng

★ **Bạn L. Saigon**

— Hoa **Lan** đứng đôi với hoa **Huệ**, trong chữ Nho, là tượng-trưng đàn bà con gái : có câu ;

*Nhờn nhờn lan huệ nước cành  
Lễ-thi cứ phép, cửi canh giữ lễ  
Hoa tiên*

— Cành **Lan**, đứng đôi với cành **Quế**, tượng trưng con cháu :  
**Quế tử Lan tôn :**

Nên nhận cây đức rặng hàng **quế lan** (Truyện Phan Trần).

★ **Bạn Diệu Ánh, Văn Khoa.**

Theo truyền-thuyết, thì chữ **O.K** là do vị Thiếu-tướng Mỹ **Andrew Jackson**, sau làm Tổng-thống năm 1828, đặt ra. Thời chiến tranh Anh-Mỹ năm 1812, một quan hầu của vị tướng ấy trình lên ông một nhật lệnh đề ông ký tên. Trước khi ký theo thông lệ, phải đề hai chữ « *All correct* » nghĩa là « hoàn toàn đúng ». Nhưng vị Tướng này ít học, thường viết chính tả sai bét, cho nên thay vì đề *All correct*, lại đề *Oll Korrect*, hoặc gặp lúc vội, ông đề tắt hai chữ **O.K.**

Bọn binh lính bèn dùng hai chữ **O.K.** ấy để chế riễu Thiếu-tướng Jackson, không ngờ sau thành ra thông-dụng.

Có người lại bảo rằng : **O.K.**, nguyên là tên của một Vua da đỏ, **Old Keokuk**, ông này mỗi lần ký, thường ký tắt : **O.K.**

Lại có người cho rằng **O.K.** do **O Killed**, theo các tờ trình của quân đội Mỹ hỏi trước mỗi lần kê số người chết thì đề thí dụ : **20 Killed** (20 người bị giết chết) hoặc **100 Killed**. Hôm nào không có người chết, nghĩa là mọi việc đều tốt đẹp, đều khả quan, thì đề : **O Killed**, hoặc đề tắt. **O.K.**



N° SPÉCIAL  
du TÊT



TÊT'S SPECIAL  
ISSUE

SUPPLEMENT

- ★ en Français
- ★ in English
- ★ in Chinese

Phụ-trang ngoại-ngữ của Phổ-Thông tạp-chí được mở ra để đáp lại lời yêu-cầu của một số đông bạn đọc trung thành ở Hải-ngoại, người Anh, Pháp, Mỹ, Trung-Hoa, Nhật, v.v... và những độc giả thạo Anh hay Pháp ngữ ở các nước khác.

Phụ-trang ngoại-ngữ sẽ đăng những bài đặc biệt nói về Văn-ngệ, Lịch-sử, và Phong-tục Việt-Nam để độc-giả các nước bạn được dịp tìm hiểu rõ dân-tộc Việt-Nam hơn, và yêu mến nước Việt-Nam nhiều hơn. Chúng tôi sẽ cố gắng để Phụ-trang Ngoại-ngữ đạt được hai mục-phiêu ấy.

\* PHỔ-THÔNG tạp chí

普通雜誌  
考專號  
法文刊

Le Têt  
fête de la Paix

★ Diêu-Huyền

Chers Amis Lecteurs et Lectrices,

E ne parlerai certes pas de la paix des armes et des passions, qui est écœurante et douloureuse à nos sentiments purs.

Nous resterons dans la paix du cœur et de l'esprit, dans la piété, la spiritualité, vues affectueusement à travers la plus grande tradition du monde vietnamien.

Le Vendredi 25 Janvier 1963 donc, exactement un mois après Noël, sera le premier jour du Nouvel An Lunaire, Le TÊT, et s'ouvrira l'Année du Chat, du cycle duodécimal, Combien pour nous tous, Vietnamiens du Sud comme du

Nord, ce mot est chargé de souvenirs et d'émotions ! C'est bien moins divin que Noël, mais combien plus intense du point de vue humain : sept cents millions d'adhérents ou de pratiquants, près du tiers de l'humanité !